

Bài Tập Kiểm Toán

NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG XÃ HỘI

MỤC LỤC

Lời nói đầu

Chương I: Tổng quan về kiểm toán và kiểm toán độc lập.....	1
Câu hỏi trắc nghiệm.....	1
Câu hỏi ôn tập	2
Bài tập	3
Chương II: Môi trường kiểm toán.....	7
Câu hỏi trắc nghiệm.....	7
Câu hỏi ôn tập	9
Bài tập	9
Chương III: Hệ thống kiểm soát nội bộ	13
Câu hỏi trắc nghiệm.....	13
Câu hỏi ôn tập	14
Bài tập	15
Chương IV: Chuẩn bị kiểm toán	23
Câu hỏi trắc nghiệm.....	23
Câu hỏi ôn tập	24
Bài tập	25
Chương V: Bằng chứng kiểm toán	35
Câu hỏi trắc nghiệm.....	35
Câu hỏi ôn tập	37
Bài tập	38
Chương VI: Kiểm toán trong môi trường tin học.....	43
Câu hỏi trắc nghiệm.....	43
Câu hỏi ôn tập	44
Bài tập	44

Chương VII: Hoàn thành kiểm toán.....	47
Câu hỏi trắc nghiệm.....	47
Câu hỏi ôn tập	48
Bài tập	49
Chương VIII: Kiểm toán tiền.....	57
Câu hỏi trắc nghiệm.....	57
Câu hỏi ôn tập	58
Bài tập	58
Chương IX: Kiểm toán nợ phải thu khách hàng.....	63
Câu hỏi trắc nghiệm.....	63
Câu hỏi ôn tập	64
Bài tập	65
Chương X: Kiểm toán hàng tồn kho và giá vốn hàng bán	71
Câu hỏi trắc nghiệm.....	71
Câu hỏi ôn tập	72
Bài tập	73
Chương XI: Kiểm toán tài sản cố định và chi phí khấu hao.....	81
Câu hỏi trắc nghiệm.....	81
Câu hỏi ôn tập	82
Bài tập	83
Chương XII: Kiểm toán nợ phải trả và nguồn vốn chủ sở hữu.....	91
Câu hỏi trắc nghiệm.....	91
Câu hỏi ôn tập	92
Bài tập	93
Chương XIII: Kiểm toán thu nhập và chi phí.....	101
Câu hỏi trắc nghiệm.....	101
Câu hỏi ôn tập	102
Bài tập	103

Chương XIV: Các dịch vụ của doanh nghiệp kiểm toán	111
Câu hỏi trắc nghiệm.....	111
Câu hỏi.....	113
Bài tập	114
Chương XV: Kiểm toán nội bộ và kiểm toán của Nhà nước	117
Câu hỏi trắc nghiệm.....	117
Câu hỏi ôn tập	118
Bài tập	119
Bài tập tổng hợp.....	121
Phần A: Giới thiệu và yêu cầu	123
I. Giới thiệu	123
Ii. Mục tiêu của bài tập	123
Iii. Yêu cầu.....	124
Phần B: Thông tin về công ty TNHH BTL Việt Nam.....	124
I. Giới thiệu về công ty TNHH BTL Việt Nam.....	124
II. Tình hình thị trường hàng kim khí điện máy	136
III. Một số thủ tục kiểm soát nội bộ quan trọng.....	136
Phần C: Thông tin bổ sung.....	149
I. Chính sách xác lập mức trọng yếu.....	149
II. Chứng kiến kiểm kê vào ngày 31/12/2004	150
Đề thi mẫu 1.....	155
Đề thi mẫu 2.....	158
Đề thi mẫu 3.....	161
Đề thi mẫu 4.....	164
Đề thi mẫu 5.....	168
Đề thi mẫu 6.....	171
Đề thi kiểm toán viên năm 2001.....	175
Đề thi kiểm toán viên năm 2002.....	183
Đề thi kiểm toán viên năm 2003.....	186

Bài giải chương I	191
Bài giải chương II.....	197
Bài giải chương III	199
Bài giải chương IV.....	203
Bài giải chương V	211
Bài giải chương VI.....	215
Bài giải chương VII	219
Bài giải chương VIII.....	229
Bài giải chương IX.....	231
Bài giải chương X	235
Bài giải chương XI.....	243
Bài giải chương XII	249
Bài giải chương XIII.....	253
Bài giải chương XIV	257
Bài giải chương XV.....	263
Tài liệu tham khảo	268

BÀI TẬP

CHƯƠNG I

TỔNG QUAN VỀ KIỂM TOÁN VÀ KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM.

1.1. Điều nào sau đây không phải là lý do chính của việc kiểm toán báo cáo tài chính:

- a) Do mâu thuẫn quyền lợi giữa nhà quản lý của đơn vị được kiểm toán với kiểm toán viên độc lập.
- b) Sự phức tạp của các vấn đề liên quan đến kế toán và trình bày báo cáo tài chính.
- c) Người sử dụng báo cáo tài chính khó khăn trong việc tiếp cận các thông tin tại đơn vị được kiểm toán.
- d) Tác động của báo cáo tài chính đến quá trình ra quyết định của người sử dụng.

1.2. Lý do chính của kiểm toán báo cáo tài chính là:

- a) Nhằm đáp ứng yêu cầu của luật pháp.
- b) Để đảm bảo rằng không có những sai lệch trong báo cáo tài chính.
- c) Cung cấp cho người sử dụng một sự đảm bảo hợp lý về tính trung thực và hợp lý của báo cáo tài chính.
- d) Làm giảm trách nhiệm của nhà quản lý đối với báo cáo tài chính.

1.3. Kiểm toán hoạt động thường được tiến hành bởi kiểm toán viên nội bộ, hay kiểm toán viên của nhà nước và đôi khi bởi kiểm toán viên độc lập. Mục đích chính của kiểm toán hoạt động là:

- a) Cung cấp sự đảm bảo rằng hệ thống kiểm soát nội bộ hoạt động đúng như thiết kế.

- b) Nhằm giúp đỡ kiểm toán viên độc lập trong việc kiểm toán báo cáo tài chính.
- c) Nhằm cung cấp kết quả kiểm tra nội bộ về các vấn đề kế toán và tài chính cho các nhà quản lý cấp cao của công ty.
- d) Cung cấp sự đánh giá về hoạt động của một tổ chức trong việc đáp ứng mục tiêu của tổ chức đó.

1.4. Thí dụ nào sau đây không phải là kiểm toán tuân thủ:

- a) Kiểm toán các đơn vị phụ thuộc về việc thực hiện các quy chế của Tổng công ty.
- b) Kiểm toán của cơ quan thuế đối với các doanh nghiệp.
- c) Kiểm toán một doanh nghiệp theo yêu cầu của ngân hàng về việc chấp hành các điều khoản của một hợp đồng tín dụng.
- d) Kiểm toán một phân xưởng mới thành lập để đánh giá hoạt động và đề xuất các biện pháp cải tiến.

1.5. Câu nào mô tả đúng nhất về kiểm toán hoạt động:

- a) Kiểm toán hoạt động tập trung kiểm tra kế toán và tài chính đối với một công ty mới được thành lập.
- b) Kiểm toán hoạt động tập trung vào việc kiểm tra sự trình bày trung thực và hợp lý tình hình tài chính của doanh nghiệp.
- c) Xem xét và đánh giá về tính hữu hiệu và hiệu quả của một hoạt động hay một bộ phận trong đơn vị.
- d) Cả 3 câu trên đều đúng.

CÂU HỎI ÔN TẬP

- 1.6. Ngoài việc phân loại kiểm toán theo hai tiêu chí quen thuộc là theo mục đích kiểm toán và theo chủ thể kiểm toán, theo bạn còn có thể phân loại kiểm toán theo tiêu chí nào khác hay không?
- 1.7. Nêu tóm tắt lợi ích của kiểm toán báo cáo tài chính đối với công ty không phải là công ty cổ phần có niêm yết trên thị trường chứng khoán.
- 1.8. (*) Hãy cho biết các dịch vụ khác mà doanh nghiệp kiểm toán có thể cung cấp bên cạnh dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính.

- 1.9. (*) Hãy nêu những nguyên nhân làm tăng rủi ro về thông tin tài chính cũng như các giải pháp chính để làm giảm rủi ro. Nêu ưu và nhược điểm của từng loại?
- 1.10. (*) Hãy trình bày những điểm giống và khác nhau căn bản giữa kiểm toán hoạt động, kiểm toán tuân thủ và kiểm toán báo cáo tài chính.
- 1.11. Có một số ý kiến cho rằng: “Hoạt động kiểm toán độc lập không đóng góp gì cho sự tăng trưởng tổng sản phẩm quốc dân, cũng như sự thịnh vượng nói chung của xã hội bởi vì các kiểm toán viên không sáng tạo ra cái mới mà chỉ đơn thuần là kiểm tra những gì người khác đã làm”. Bạn có đồng ý với ý kiến trên hay không? Tại sao?
- 1.12. (*) Để ngăn ngừa các gian lận thương mại, Nhà nước có cần phải bắt buộc mọi doanh nghiệp thương mại đều phải mời kiểm toán viên độc lập đến để kiểm toán báo cáo tài chính hay không? Tại sao?

BÀI TẬP

- 1.13. Sau khi thực hiện kiểm toán, kiểm toán viên đi đến kết luận rằng:
1. Báo cáo tài chính của công ty được trình bày một cách trung thực và hợp lý.
 2. Bộ phận nhận hàng của công ty hoạt động không hữu hiệu.
 3. Hồ sơ hoàn thuế của công ty không phù hợp với những quy định về thuế.
 4. Quản đốc của phân xưởng đã không thực hiện nhiệm vụ được giao.
 5. Công ty đã tuân thủ những điều khoản trong hợp đồng với chính phủ.
 6. Báo cáo tài chính của một tổ chức hành chính cấp thành phố đã trình bày đúng đắn các khoản thu chi tiền thực tế.
 7. Dịch vụ bưu chính ở vùng ngoại thành hoạt động không hữu hiệu.

Yêu cầu:

Trong từng trường hợp trên, bạn hãy:

- a) Xác định mục đích kiểm toán và chủ thể kiểm toán.
- b) Xác định người sử dụng chủ yếu báo cáo kiểm toán.

1.14. Sau đây là các công việc liên quan đến việc lập báo cáo tài chính, kiểm toán báo cáo tài chính và phát hành báo cáo năm:

1. Phân tích các sự kiện và nghiệp vụ kinh tế.
2. Phân loại và tổng hợp các dữ liệu đã ghi nhận.
3. Gửi báo cáo kiểm toán đến đơn vị được kiểm toán.
4. Phát hành báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán.
5. Đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính.
6. Đánh giá và ghi chép các nghiệp vụ kinh tế.
7. Thu thập và đánh giá bằng chứng kiểm toán liên quan đến báo cáo tài chính.
8. Lập báo cáo tài chính theo yêu cầu của chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành.
9. Kiểm tra xem các thông tin tài chính có được trình bày trung thực và hợp lý, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành hay không?

Yêu cầu:

Sắp xếp các công việc nêu trên theo trật tự nhằm mô tả quy trình lập báo cáo tài chính, quy trình kiểm toán và cho biết mối liên hệ giữa chúng với nhau (Có thể trình bày dưới dạng sơ đồ).

1.15. (*) Giả sử có năm loại kiểm toán viên: kiểm toán viên độc lập, kiểm toán viên thuế, thanh tra viên ngân hàng, kiểm toán viên nhà nước và kiểm toán viên nội bộ ; và giả sử có năm loại hoạt động: kiểm toán báo cáo tài chính, kiểm toán hoạt động, kiểm toán tuân thủ, dịch vụ kế toán và dịch vụ tư vấn quản lý. Hãy cho biết mỗi trường hợp sau sẽ do loại kiểm toán viên nào tiến hành và thuộc hoạt động nào trong những loại kể trên:

1. Kiểm toán báo cáo tài chính của doanh nghiệp nhỏ để nộp vào ngân hàng xin vay tiền.

2. Kiểm toán báo cáo tài chính của một ngân hàng lớn có niềm yết để phân phát cho cổ đông.
 3. Kiểm tra các chỉ thị của lãnh đạo công ty quy định về mục đích và trách nhiệm của bộ phận marketing.
 4. Kiểm tra đột xuất một ngân hàng thương mại. Trọng tâm là kiểm tra tiền và các khoản cho vay theo quy định của Luật Ngân hàng.
 5. Phân tích hệ thống kế toán của doanh nghiệp nhỏ nhằm mục đích đưa ra các đề xuất liên quan đến việc thay thế bằng một hệ thống xử lý bằng tin học.
 6. Kiểm tra tính trung thực và hợp lý của báo cáo tài chính của một công ty cổ phần niêm yết ở thị trường chứng khoán. Công ty này có một bộ phận kiểm toán nội bộ chuyên nghiệp
 7. Kiểm tra bộ phận nhận hàng của một công ty sản xuất lớn, đặc biệt chú trọng đến hiệu quả của việc kiểm tra vật liệu trước khi nhập và tính kịp thời của việc lập phiếu nhập.
 8. Kiểm tra việc khai thuế của chủ tịch công ty để xác định khoản đóng góp từ thiện có được chứng minh đầy đủ hay không (các khoản này được trừ khỏi lợi nhuận chịu thuế).
 9. Kiểm tra sĩ số học sinh để xác minh xem các khoản thanh toán được nhận từ nhà nước cho học sinh có cơ sở hợp lý không? Đồng thời xem các khoản chi quỹ của nhà trường có được xét duyệt trong phạm vi quyền hạn cho phép không?
 10. Lập báo cáo tài chính cho một doanh nghiệp nhỏ vì họ không có bộ phận kế toán đủ năng lực.
- 1.16.** Ông Quang là một thành viên trong Ban giám đốc của công ty Mai Hạ. Trong một cuộc họp của Ban giám đốc về việc phê chuẩn kế hoạch tài chính cho năm 2004, có hai khoản chi phí dự kiến cho công việc kiểm toán nội bộ và kiểm toán báo cáo tài chính làm ông Quang chú ý. Ông Quang không hiểu rõ vì sao cần tốn kém chi phí cho cả hai loại kiểm toán nêu trên. Do chi phí dự kiến cho việc thuê kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính thấp hơn chi phí dự kiến nhằm thiết lập bộ phận kiểm toán nội bộ, nên ông Quang đề nghị chỉ cần thuê kiểm toán độc lập.

Yêu cầu:

Theo bạn, đề nghị của ông Quang có hợp lý không? Nếu không, bạn hãy trình bày ý kiến của bạn và giải thích về mục đích của từng loại kiểm toán nói trên.

- 1.17. (*) Kiểm toán thường được định nghĩa là một quá trình thu thập và đánh giá bằng chứng về những thông tin được kiểm tra nhằm xác định và báo cáo về mức độ phù hợp giữa các thông tin đó với các tiêu chuẩn đã được thiết lập. Quá trình kiểm toán phải được thực hiện bởi các kiểm toán viên đủ năng lực và độc lập.

Yêu cầu: Hãy vận dụng các khái niệm được gạch dưới trong định nghĩa nêu trên vào hai trường hợp:

- Kiểm toán thuế do cơ quan thuế thực hiện.
- Kiểm toán báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập thực hiện.

Ghi chú:

Có thể trình bày kết quả dưới dạng bảng như sau:

	Kiểm toán thuế	Kiểm toán báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập thực hiện
Thu thập và đánh giá bằng chứng		
Các tiêu chuẩn được thiết lập		
Kiểm toán viên đủ năng lực và độc lập		

CHƯƠNG II

MÔI TRƯỜNG KIỂM TOÁN

CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

2.1. Câu nào sau đây mô tả đúng nhất về trách nhiệm của nhà quản lý và trách nhiệm của kiểm toán viên độc lập đối với báo cáo tài chính đã kiểm toán:

- a) Nhà quản lý chịu trách nhiệm tổ chức công tác kế toán, kiểm toán viên có trách nhiệm thiết kế và vận hành hệ thống kiểm soát nội bộ.
- b) Nhà quản lý chịu trách nhiệm về việc thiết lập hệ thống sổ sách kế toán, còn kiểm toán viên có trách nhiệm lập báo cáo tài chính.
- c) Lập báo cáo tài chính thuộc về trách nhiệm của nhà quản lý, riêng kiểm toán viên chịu trách nhiệm về ý kiến đối với báo cáo tài chính được kiểm toán.
- d) kiểm toán viên chịu trách nhiệm đối với những nội dung đã được kiểm toán trên báo cáo tài chính, trong khi nhà quản lý chịu trách nhiệm về những phần không được kiểm toán.

2.2. Tình huống nào sau đây chứng tỏ kiểm toán viên đã thận trọng đúng mức trong việc kiểm tra để phát hiện sai lệch trọng yếu đối với hàng tồn kho:

- a) Kiểm toán viên dựa vào giấy chứng nhận về đánh giá hàng tồn kho do một chuyên gia độc lập cung cấp và chấp nhận kết quả này mà không thẩm tra thêm.
- b) Kiểm toán viên có kinh nghiệm thiết kế chương trình kiểm toán hàng tồn kho, còn việc thực hiện chương trình này được giao cho một kiểm toán viên ít kinh nghiệm và không cần kiểm tra lại.
- c) Chủ tịch Hội đồng quản trị của đơn vị đảm bảo rằng hàng tồn kho cuối kỳ đã được đánh giá đúng, nhưng kiểm toán viên vẫn điều tra thêm về sự khác biệt giữa số liệu ước tính của mình và số liệu sổ sách của đơn vị.

- d) Tương tự như những năm trước, kiểm toán viên độc lập đã dựa vào những phát hiện của kiểm toán viên nội bộ nhiều hơn là tự kiểm tra độc lập.

2.3. Để nhấn mạnh đến tính độc lập của kiểm toán viên độc lập đối với Ban giám đốc, nhiều công ty thường:

- a) Tuyển lựa một số nhân viên từ các công ty kiểm toán độc lập để làm thành viên Ban Kiểm soát của công ty chịu trách nhiệm về việc kiểm toán.
- b) Thiết lập một chính sách để cản trở sự tiếp xúc giữa các nhân viên của công ty với kiểm toán viên độc lập.
- c) Giao cho Ban Kiểm soát của công ty nhiệm vụ đề cử kiểm toán viên độc lập cho công ty.
- d) Yêu cầu kiểm toán viên độc lập không được tiếp xúc với Ban kiểm soát của công ty.

2.4. Hãy chọn câu đúng nhất trong các câu sau đây:

- a) Sự tuân thủ các chuẩn mực kế toán sẽ giúp cho báo cáo tài chính luôn luôn được trình bày trung thực và hợp lý.
- b) Kiểm toán viên không bị xem là bất cẩn nếu tự chứng minh được rằng trong quá trình kiểm toán đã luôn tuân thủ các chuẩn mực kiểm toán hiện hành.
- c) Kiểm toán viên có thể không bị xem là bất cẩn nếu tin tưởng vào những giải thích của nhà quản lý.
- d) Kiểm toán viên bị xem là bất cẩn nếu người sử dụng đã phải gánh chịu một khoản lỗ do việc dựa vào báo cáo tài chính đã được kiểm toán để ra quyết định.

2.5. Một kiểm toán viên cần tỏ ra độc lập để:

- a) Duy trì sự tin cậy của công chúng.
- b) Trở nên thật sự độc lập.
- c) Tuân thủ chuẩn mực kiểm toán.
- d) Duy trì một thái độ không thiên vị.

CÂU HỎI ÔN TẬP

- 2.6. (*) Bạn có ý kiến gì về nhận xét sau đây: “Trách nhiệm của kiểm toán viên không chỉ là thực hiện các thủ tục kiểm toán cần thiết, mà còn phải hoàn tất một số công việc kế toán của khách hàng và giải quyết các vấn đề về thuế cho họ”.
- 2.7. (*) Tại Việt Nam, khi tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính, kiểm toán viên phải tuân thủ những nguyên tắc cơ bản nào?
- 2.8. (*) vì sao nghề kiểm toán cần có điều lệ đạo đức nghề nghiệp?
- 2.9. (*) kiểm toán viên An không hiểu tại sao công ty kiểm toán không đồng ý để anh tham gia vào cuộc kiểm toán tại một công ty do chú của anh làm giám đốc. kiểm toán viên An cho rằng mối quan hệ này không phương hại đến tính độc lập mà còn tạo thuận lợi cho cuộc kiểm toán. Theo bạn, điều đó đúng hay không? Tại sao?
- 2.10. (*) Một chủ nhiệm trong công ty kiểm toán cho rằng kiểm toán viên không nên duy trì thái độ thân thiện với nhân viên của khách hàng vì có thể gây ảnh hưởng đến tính độc lập. Thế nhưng, một chủ nhiệm khác không đồng ý và cho rằng mối liên hệ thân thiết sẽ làm cho cuộc kiểm toán dễ dàng hơn. Theo bạn, quan điểm nào là đúng? Tại sao?

BÀI TẬP

- 2.11. (*) Hãy cho biết trong từng trường hợp dưới đây, trường hợp nào có thể là sai sót, trường hợp nào có thể là gian lận và trường hợp nào có thể là hành vi không tuân thủ pháp luật và các quy định.
1. Công ty thay đổi phương pháp khấu hao tài sản cố định từ phương pháp đường thẳng sang phương pháp khấu hao tăng dần làm giảm chi phí 20 triệu đồng. Công ty không giải trình trên thuyết minh báo cáo tài chính.
 2. Khoản hồi lộ để giành được hợp đồng được ghi vào tài khoản “Chi phí quản lý doanh nghiệp” là 10 triệu đồng.
 3. Kết quả kiểm tra tính toán cho thấy số liệu doanh thu bán chịu đúng thấp hơn so với số liệu được trình bày trên báo cáo tài chính là 50 triệu đồng.

4. Hóa đơn tiền điện thoại chung của Công ty tháng 12/200X được phản ánh vào tài khoản “Thuế phải nộp” trị giá 10 triệu đồng.

2.12. (*) Lân, kiểm toán viên của công ty kiểm toán X&T, thực hiện kiểm toán cho công ty Bình Minh từ nhiều năm nay. Bình Minh là công ty thương mại chuyên bán sỉ các mặt hàng điện tử và số dư hàng tồn kho trên báo cáo tài chính luôn là một khoản mục trọng yếu.

Trong năm hiện hành (niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31.12.200X), kiểm toán viên Lân tiếp tục thực hiện hợp đồng kiểm toán cho công ty này. Kiểm toán viên Lân không chứng kiến kiểm kê trong vòng 3 năm gần đây với lý do việc kiểm kê của công ty luôn được tiến hành rất tốt và qua chứng kiến kiểm kê các năm trước, kiểm toán viên Lân đã không phát hiện được sai sót nào về hàng tồn kho.

Yêu cầu:

- a) Nhận xét về cách làm việc của kiểm toán viên Lân.
 - b) Ngân hàng ABC dựa vào báo cáo tài chính đã kiểm toán của Bình Minh để cho vay. Sau này, ABC không đòi được nợ và phát hiện rằng báo cáo tài chính của Bình Minh đã khai khống hàng tồn kho hàng trăm triệu đồng mà kiểm toán viên Lân không phát hiện được vì không chứng kiến kiểm kê hàng tồn kho. ABC đã kiện Công ty kiểm toán X&T ra tòa. Hãy phân tích tất cả các trường hợp có thể xảy ra về trách nhiệm pháp lý của Công ty kiểm toán X&T đối với ABC.
- 2.13.** Khi tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính cho công ty Tự Lực, kiểm toán viên Kiệt đã gặp các tình huống độc lập sau đây:
1. Hai tháng trước ngày kết thúc niên độ, nhân viên kế toán tổng hợp của Công ty Tự Lực đã nghỉ việc và cho đến ngày lập báo cáo tài chính, công ty vẫn chưa tìm được người thay thế. Do đó, những nghiệp vụ phát sinh của công ty Tự Lực trong hai tháng cuối niên độ chưa được ghi vào sổ sách. Vì Kiệt đã kiểm toán báo cáo tài chính năm trước cho công ty, nên Tự Lực đã nhờ kiểm toán viên Kiệt lập báo cáo tài chính và sau đó tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính cho năm hiện hành.

2. Khi được biết Kiệt phụ trách hợp đồng kiểm toán cho công ty Tự Lực, Ngọc - một chuyên viên kinh tế đang thực hiện một công trình nghiên cứu với đề tài "Các nghiệp vụ tài chính của các công ty cổ phần" đã đề nghị Kiệt cung cấp thông tin hoặc cho nhận xét về những hoạt động tài chính của công ty Tự Lực. Ngọc hứa sẽ bảo mật các thông tin mà Kiệt cung cấp.
3. Sau khi kiểm kê hàng tồn kho cuối năm của công ty Tự Lực, người quản lý phân xưởng đã tặng một cần câu cá do Tự Lực sản xuất cho kiểm toán viên Kiệt.

Yêu cầu:

Trong từng tình huống trên, bạn hãy cho biết nếu nhận lời thì kiểm toán viên Kiệt có vi phạm đạo đức nghề nghiệp không?

- 2.14.** Kiểm toán viên Anh và các cộng sự kiểm toán báo cáo tài chính năm đầu tiên cho công ty Phát Đạt, một công ty kinh doanh trong lĩnh vực nông sản.

Khi ký hợp đồng kiểm toán, Giám đốc đơn vị đã cho biết mục đích kiểm toán là để xin vay ngân hàng Hòa Bình. Vì công việc cấp bách, Giám đốc công ty Phát Đạt đề nghị kiểm toán viên Anh sớm kết thúc việc kiểm toán.

Kiểm toán viên tập sự Bảo được giao kiểm tra hai khoản mục trọng yếu nhất là hàng tồn kho và nợ phải thu, kiểm toán viên Anh phụ trách các khoản mục còn lại. Cuộc kiểm toán kết thúc nhanh chóng và sau khi được kiểm tra sơ lược bởi chủ nhiệm Châu, công ty kiểm toán đã phát hành báo cáo chấp nhận toàn phần.

Do nhận thấy kết quả kinh doanh rất khả quan, ngân hàng Hòa Bình đã chuẩn y khoản cho vay. Sau đó sáu tháng, công ty Phát Đạt bị phá sản. Qua điều tra, người ta mới phát hiện rằng rất nhiều khoản mục đã công bố sai vào thời điểm lập báo cáo. Một trong các sai phạm đó là trong hàng tồn kho có rất nhiều khoản bị hư hỏng và số lượng cũng đã bị khai khống đáng kể, nhưng kiểm toán viên tập sự Bảo không phát hiện được.

Sau đó một thời gian ngắn, ngân hàng Hòa Bình đã khởi kiện công ty kiểm toán về tội bất cẩn. Công ty kiểm toán cho rằng vì họ không ký hợp đồng với ngân hàng nên họ không chịu trách nhiệm với ngân hàng và họ không bất cẩn mà do công ty Phát Đạt gian lận.

Yêu cầu:

Hãy cho biết, theo bạn, kiểm toán viên Anh và Bảo có bất cần hay không? Việc không ký kết hợp đồng với ngân hàng Hòa Bình có thể là một phương tiện để bảo vệ cho kiểm toán viên và công ty kiểm toán hay không?

- 2.15. (*)** Kiểm toán viên Lân phụ trách kiểm toán báo cáo tài chính cho công ty Sao Mai, một công ty trách nhiệm hữu hạn. Đồng thời, Lân cũng phụ trách kiểm toán báo cáo tài chính cho công ty Bình Minh. Bình Minh là một công ty nhỏ, chứng từ và sổ sách kế toán chỉ bao gồm nhật ký quỹ, nhật ký mua hàng và bán hàng. Trong niên độ, công ty Bình Minh có thanh toán một khoản nợ bằng tiền mặt cho công ty Sao Mai, thế nhưng toàn bộ các chứng từ có liên quan đều bị thất lạc.

Khi được biết kiểm toán viên Lân cũng đồng thời kiểm toán cho công ty Sao Mai, Giám đốc công ty Bình Minh đề nghị Lân điều tra giúp về khoản công nợ nêu trên. Khoản công nợ này dù công ty Bình Minh đã chi trả nhưng giám đốc công ty Sao Mai cho rằng vẫn chưa nhận được.

Ngoài ra, Giám đốc công ty Bình Minh còn nhờ Lân đại diện cho công ty Bình Minh để thảo luận vấn đề này với giám đốc công ty Sao Mai.

Yêu cầu:

Nếu bạn là kiểm toán viên Lân, khi bạn được yêu cầu nghiên cứu sổ sách của Sao Mai về vấn đề này, liệu bạn có nên điều tra giúp và đại diện cho công ty Bình minh theo yêu cầu trên hay không?

CHƯƠNG III

HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ

CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

- 3.1.** Câu nào dưới đây không phải là bộ phận hợp thành của hệ thống kiểm soát nội bộ:
- a) Rủi ro kiểm toán.
 - b) Hoạt động kiểm soát.
 - c) Thông tin và truyền thông.
 - d) Môi trường kiểm soát.
- 3.2.** Chính sách phát triển và huấn luyện đội ngũ nhân viên liên quan đến bộ phận nào sau đây của hệ thống kiểm soát nội bộ:
- a) Hoạt động kiểm soát.
 - b) Môi trường kiểm soát.
 - c) Thông tin và truyền thông.
 - d) Hệ thống kiểm soát chất lượng.
- 3.3.** Khi nghiên cứu và đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán viên không bắt buộc phải:
- a) Điều tra mọi khiếm khuyết của hệ thống kiểm soát nội bộ.
 - b) Tìm hiểu môi trường kiểm soát và hệ thống kế toán.
 - c) Xác định liệu các thủ tục kiểm soát được thiết kế có được thực hiện trên thực tế.
 - d) Thực hiện các thủ tục kiểm toán để xem hệ thống kế toán có hoạt động hữu hiệu trong suốt thời kỳ xem xét không?
- 3.4.** Lưu đồ về hệ thống kế toán của một đơn vị là sự mô tả về:
- a) Chương trình các thử nghiệm kiểm soát của kiểm toán viên.
 - b) Hiểu biết của kiểm toán viên đối với hệ thống kế toán của đơn vị.

- c) Sự hiểu biết về những gian lận có thể xảy ra trong hệ thống kế toán.
 - d) Cả 3 câu trên đều sai.
- 3.5.** Thủ tục nào dưới đây kiểm toán viên không áp dụng khi thực hiện các thử nghiệm kiểm soát:
- a) Quan sát.
 - b) Kiểm tra tài liệu.
 - c) Xác nhận.
 - d) Phỏng vấn.

CÂU HỎI ÔN TẬP

- 3.6.** (*) Kiểm toán viên phải hiểu biết đầy đủ về từng bộ phận hợp thành của hệ thống kiểm soát nội bộ để đánh giá rủi ro kiểm soát, và phục vụ cho việc lập kế hoạch kiểm toán báo cáo tài chính.

Yêu cầu:

- a) Cho biết các trường hợp kiểm toán viên đánh giá rủi ro kiểm soát ở mức tối đa cho mỗi cơ sở dẫn liệu của báo cáo tài chính.
 - b) Cho biết kiểm toán viên cần làm gì khi không đánh giá rủi ro kiểm soát ở mức tối đa?
- 3.7.** (*) Cho biết ảnh hưởng của mỗi nhân tố dưới đây đến tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ
- a) Tính chính trực và giá trị đạo đức.
 - b) Đảm bảo về năng lực.
 - c) Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.
- 3.8.** Kiểm toán viên Hà được giao phụ trách lập kế hoạch kiểm toán cho một cửa hàng tạp phẩm. Vì cửa hàng có quy mô nhỏ và toàn bộ nhân viên làm việc theo chế độ bán thời gian nên Hà cho rằng hệ thống kiểm soát nội bộ là yếu kém. Do vậy, Hà quyết định đánh giá rủi ro kiểm soát ở mức tối đa cho toàn bộ các cơ sở dẫn liệu của báo cáo tài chính và không giới hạn phạm vi kiểm toán cho bất kỳ khoản mục nào.

Yêu cầu:

Bạn hãy nhận xét về phương pháp làm việc của kiểm toán viên Hà?

- 3.9. (*) Kiểm toán viên Hằng được giao phụ trách kiểm toán khoản mục tiền mặt. Khi tìm hiểu hệ thống kiểm soát nội bộ, Hằng được biết thủ quỹ công ty kiêm nhiệm kế toán quỹ, vì vậy Hằng quyết định tăng cường thử nghiệm kiểm soát. Bạn hãy nhận xét về phương pháp làm việc của kiểm toán viên Hằng?
- 3.10. (*) Công cụ để chứng minh cho sự hiểu biết của kiểm toán viên về hệ thống kiểm soát nội bộ là bảng tường thuật, bảng câu hỏi, lưu đồ, hoặc phối hợp áp dụng những cách trên.

Yêu cầu:

Hãy cho biết những ưu, nhược điểm khi lập hồ sơ kiểm toán về kiểm soát nội bộ của từng loại công cụ trên.

BÀI TẬP

- 3.11. Trong thư quản lý gửi cho Ban giám đốc công ty Hồng Quang, kiểm toán viên đã có một số góp ý như sau:
1. Các hóa đơn của người bán khi nhận được cần phải được một người có thẩm quyền ký duyệt cho thanh toán trên cơ sở đối chiếu với số lượng thực nhập trên Phiếu nhập kho và đơn giá trên đơn đặt hàng của đơn vị, cũng như kiểm tra lại việc tính toán trên hóa đơn.
 2. Công ty nên ban hành một quy định về cách thức ứng xử của nhân viên mua hàng khi giao tiếp với nhà cung cấp, thí dụ khi được tặng quà (hiện vật, tiền), mời đi ăn uống ...
 3. Bộ phận kiểm toán nội bộ nên tổ chức trực thuộc giám đốc, không nên trực thuộc Phó giám đốc tài chính như hiện nay.
 4. Tất cả Phiếu nhập kho đều phải được đánh số thứ tự liên tục trước khi sử dụng.
 5. Định kỳ tiến hành kiểm kê hàng tồn kho và điều chỉnh lại số liệu trên sổ sách theo số thực tế kiểm kê.

6. Hàng tháng nhà quản lý xem xét lại các báo cáo biến động về tình hình doanh thu và chi phí so với kế hoạch và phân tích nguyên nhân dẫn đến sự biến động.
7. Tất cả chứng từ thanh toán phải được đóng dấu “Đã thanh toán” khi chi trả.

Yêu cầu:

- a) Cho biết mỗi đề xuất trên liên quan đến bộ phận nào của kiểm soát nội bộ (trong năm bộ phận: môi trường kiểm soát, đánh giá rủi ro, các hoạt động kiểm soát, thông tin và truyền thông, giám sát) và thuộc về nội dung nào trong bộ phận đó.
 - b) Cho biết đối với mỗi điểm yếu kém trong kiểm soát nội bộ của đơn vị mà kiểm toán viên đã kiến nghị điều chỉnh như trên nếu không được đơn vị thực hiện thì có thể sẽ ảnh hưởng đến những khoản mục nào của báo cáo tài chính
- 3.12.** Dưới đây là những thủ tục kiểm soát được thiết kế và thực hiện tại công ty Tân Tiến:
1. Đề xuất vật tư, bộ phận sử dụng cần lập Phiếu xin lĩnh vật tư.
 2. Sử dụng sổ Nhật ký thu tiền để ghi chép số tiền bán hàng thu bằng tiền mặt.
 3. Cuối ngày, một nhân viên độc lập phải kiểm tra lại số tổng cộng trong Nhật ký thu tiền.
 4. Tất cả séc đều phải được đánh số thứ tự liên tục trước khi sử dụng.
 5. Bộ phận tín dụng phải xét duyệt việc bán chịu trước khi bán hàng trả chậm.
 6. Kho phải được khóa cẩn thận để bảo vệ hàng hóa chứa trong kho.
 7. Nhân viên phụ trách gửi hàng phải đối chiếu số lượng, quy cách ... của hàng hóa nhận từ kho với bản sao của đơn đặt hàng trước khi thực hiện việc gửi hàng.
 8. Những tập tin dữ liệu sao lưu dự phòng từ máy vi tính phải được sắp xếp và lưu giữ ở nơi an toàn để đề phòng mọi trường hợp bất trắc có thể xảy ra cho máy vi tính.

Yêu cầu:

- a) Hãy cho biết mỗi thủ tục kiểm soát trên thuộc nhân tố nào của hoạt động kiểm soát
- b) Cho biết ảnh hưởng của việc đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ của kiểm toán viên đến chiến lược kiểm toán?

3.13. Công ty Thiên Tân, một khách hàng của công ty kiểm toán D&L, nhờ D&L tư vấn về việc phân công phân nhiệm để kiểm soát nội bộ hữu hiệu. Phòng kế toán công ty Thiên Tân gồm có ba nhân viên kế toán có năng lực và họ không thực hiện những nhiệm vụ nào khác ngoài các công việc dưới đây:

1. Theo dõi và ghi chép vào sổ cái.
2. Theo dõi và ghi chép vào sổ chi tiết nợ phải trả.
3. Theo dõi và ghi chép vào sổ chi tiết nợ phải thu.
4. Theo dõi và ghi chép vào sổ nhật ký chi tiền và lập séc để trình ký.
5. Lập bảng theo dõi cho các nghiệp vụ về hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán.
6. Lập bảng chỉnh hợp tiền gửi ngân hàng.
7. Giữ và gửi số tiền thu được vào ngân hàng.

Yêu cầu:

- a) Hãy liệt kê bốn trường hợp nếu bố trí nhân viên kiêm nhiệm sẽ có thể dẫn đến các sai phạm
- b) Giả sử lượng công việc lập bảng chỉnh hợp tiền gửi ngân hàng và theo dõi nghiệp vụ về hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán là không đáng kể, bạn hãy đề nghị cách thức phân công cho ba nhân viên kế toán sao cho khối lượng công việc của họ tương đối ngang nhau?

3.14. Dưới đây là các thủ tục kiểm soát được thiết lập trong một công ty:

1. Các bảng chỉnh hợp tiền gửi ngân hàng do một nhân viên không thuộc phòng kế toán lập và người này không được tiếp xúc với số tiền thu được.

2. Giám sát viên quan sát xem các nhân viên khi vào công ty có thực hiện đúng quy định về bấm giờ trên thẻ không?
3. Để xét duyệt thanh toán, hóa đơn phải kèm theo đơn đặt hàng và báo cáo nhận hàng.
4. Thủ quỹ (không được tiếp xúc với sổ sách kế toán) lập bảng kê nộp séc và hàng ngày gửi bảng kê này cùng số séc nhận được trực tiếp cho ngân hàng.
5. Trước khi giao hóa đơn cho khách hàng, một nhân viên kế toán kiểm tra đơn giá, số lượng hàng và cộng lại tất cả các hóa đơn bán hàng trên 5 triệu đồng, sau đó ký nháy vào liên hóa đơn bán hàng lưu giữ tại công ty.

Yêu cầu:

Hãy trình bày những thử nghiệm kiểm soát mà kiểm toán viên có thể thực hiện đối với mỗi thủ tục kiểm soát nêu trên.

- 3.15. (*) Công ty TNHH Du lịch An Bình đã đầu tư tôn tạo khu di tích Rừng Thiêng. Do chủ trương khuyến khích đầu tư cho ngành du lịch địa phương nên Công ty An Bình được miễn tất cả các khoản thuế và vì thế nên không bị bắt buộc phải sử dụng vé vào cửa do cơ quan thuế phát hành. Trong giờ khu di tích mở cửa, hai nhân viên sẽ trực ở cửa để thu trực tiếp tiền vào cửa là 5.000 đồng/người. Theo quy định của công ty, các hướng dẫn viên du lịch có thể hành nghề của Sở Du lịch được miễn tiền vào cửa.

Vào cuối ngày, một trong hai nhân viên thu tiền sẽ mang tiền nộp cho ông Ngà, cán bộ quản lý khu di tích. Ông Ngà kiểm tra số tiền và cất vào két sắt. Thứ sáu hàng tuần, ông Ngà và một nhân viên mang tiền đi nộp Ngân hàng và gửi Bảng kê nộp tiền về Công ty.

Sau một năm hoạt động, Giám đốc Công ty An Bình nhận thấy khu di tích không mang lại hiệu quả kinh tế như mong đợi do thu nhập thấp hơn so với chi phí. Một trong những vấn đề được Giám đốc đặt ra là phải cải tiến kiểm soát nội bộ đối với khâu thu tiền. Bạn được giao nhiệm vụ đề xuất các biện pháp cải tiến trên cơ sở nhận dạng các yếu kém của kiểm soát nội bộ.

Yêu cầu:

Hãy lập bảng theo biểu mẫu sau để mô tả các yếu kém của kiểm soát nội bộ và tương ứng với mỗi yếu kém đó bạn hãy đề xuất một kiến nghị để khắc phục.

Yếu kém	Kiến nghị
1. Không sử dụng vé vào cửa -Thu tiền trực tiếp tại cửa	1. Nên sử dụng vé vào cửa. Người bán vé phải khác với người kiểm soát vé.
2.	...
...	...

3.16. (*) Anh (chị) hãy đánh giá rủi ro kiểm soát căn cứ vào các thông tin dưới đây do kiểm toán viên thu thập được khi tìm hiểu về chu trình mua hàng:

a) Đặc điểm nghiệp vụ mua hàng:

- Số lượng nghiệp vụ mua hàng rất lớn.
- Số lượng nhà cung cấp nhiều.
- Nhiều loại hàng có giá trị cao.

b) Các sai phạm có thể xảy ra (sai sót tiềm tàng):

- Hàng mua không đúng mục đích hay nhận hàng không đặt mua.
- Không kiểm tra số lượng và chất lượng hàng nhập.
- Hóa đơn không đúng với số lượng hàng thực nhận.
- Ghi nhận nợ phải trả dù không nhận hàng.
- Nhà cung cấp ghi trùng Hóa đơn v.v...

c) Các thủ tục kiểm soát đơn vị đang áp dụng:

- Phân chia trách nhiệm giữa kho, mua hàng, nhận hàng và kế toán.
- Mọi nghiệp vụ mua hàng đều phải lập Đơn đặt hàng.
- Đơn đặt hàng phải được lập căn cứ trên Phiếu đề nghị mua hàng.

- Lưu hồ sơ riêng về các Đơn đặt hàng chưa được thực hiện.
- Mọi nghiệp vụ nhận hàng đều phải được kiểm tra và lập Biên bản kiểm tra chất lượng sản phẩm.
- Đơn đặt hàng, Biên bản kiểm tra chất lượng sản phẩm, phiếu nhập kho đều được đánh số liên tục.
- Bộ phận mua hàng phải đối chiếu Phiếu đề nghị mua hàng, Đơn đặt hàng, Biên bản kiểm tra chất lượng sản phẩm và Hóa đơn trước khi chuyển cho kế toán thanh toán v.v...

d) Các thủ tục kiểm soát cần thiết nhưng đơn vị không áp dụng:

- Phiếu đề nghị mua hàng và Đơn đặt hàng không được xét duyệt.
- Không có thủ tục điều tra về các phiếu nhập nhưng không có Hóa đơn, hay có Hóa đơn nhưng không có phiếu nhập.
- Không đối chiếu công nợ với nhà cung cấp.
- Không đối chiếu định kỳ giữa Nợ phải trả, Hàng nhập kho và Đơn đặt hàng.
- Không kiểm tra nội bộ định kỳ về công tác đặt hàng, nhận hàng và trả tiền v.v...

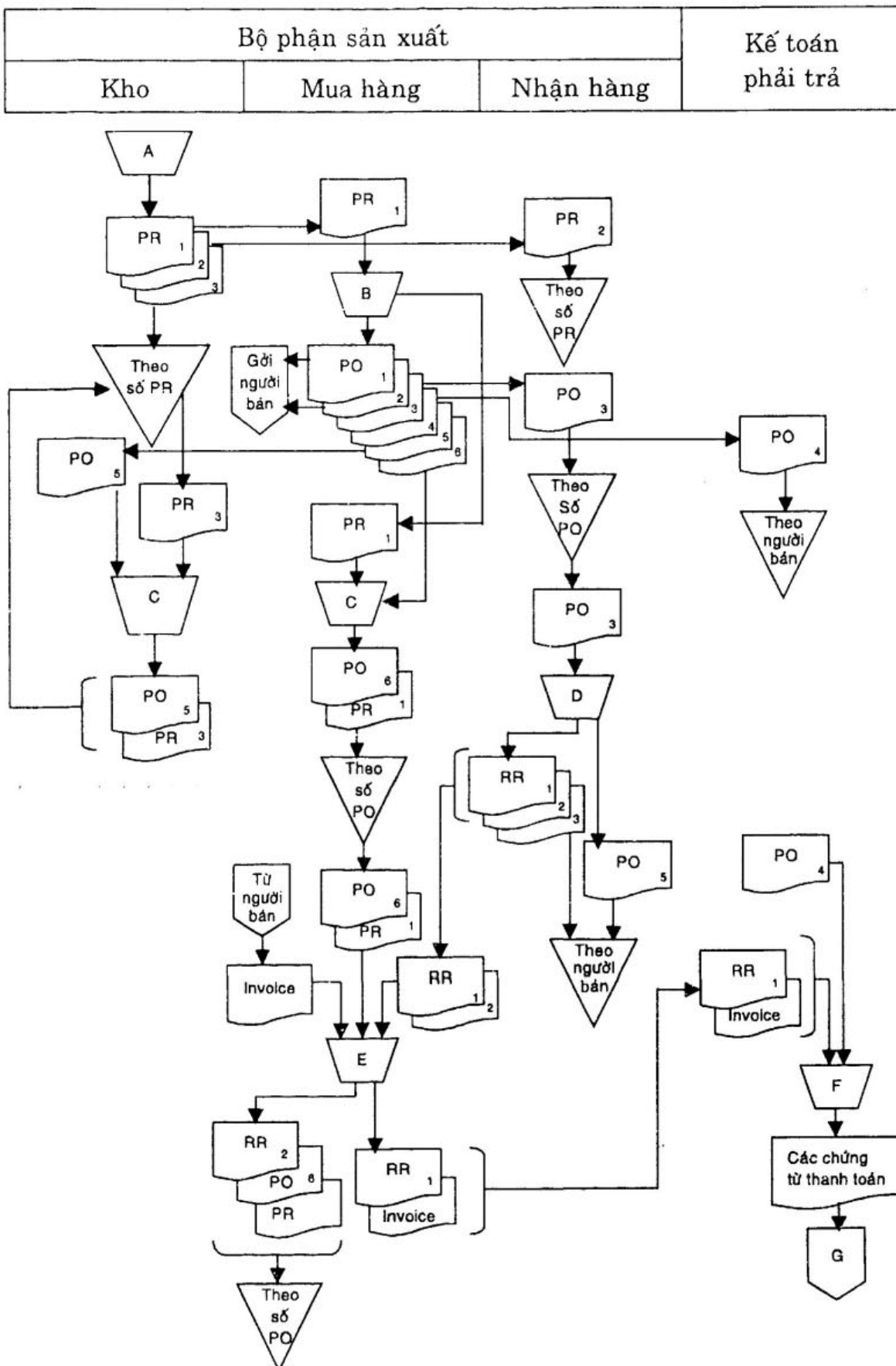
e) Môi trường kiểm soát:

- Ban giám đốc không có xu hướng thổi phồng hay che giấu lợi nhuận.
- Năng lực của nhân viên khá nhưng không có bằng chứng về việc tôn trọng các giá trị đạo đức.
- Phân chia nhiệm vụ và quyền hạn rõ ràng giữa các bộ phận.

3.17. (*) Dưới đây là lưu đồ mô tả hệ thống kiểm soát nội bộ đối với hoạt động mua nguyên vật liệu của một doanh nghiệp sản xuất có quy mô trung bình.

Yêu cầu:

- a) Viết một bảng tường thuật theo lưu đồ trên.
- b) Nêu những ưu điểm và nhược điểm của hệ thống kiểm soát nội bộ nêu trên và đề xuất các biện pháp cải thiện.



<u>Chú thích:</u>	
PR: Phiếu đề nghị mua hàng (Purchase Requisition).	C: Đính kèm PR với PO.
PO: Đơn đặt hàng (Purchase Order).	D: Nhận hàng, đếm và lập RR (3 liên) trên cơ sở PO và đếm thực tế.
RR: Báo cáo nhận hàng (Receiving Report).	E: Đối chiếu PO, PR, RR và Invoice
Invoice: Hóa đơn.	F: Lập chứng từ thanh toán sau khi đối chiếu PO, Invoice và RR.
A: Lập PR (3 liên).	G: Thanh toán.
B: Lập PO (6 liên).	

CHƯƠNG IV

CHUẨN BỊ KIỂM TOÁN

CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

- 4.1.** Trong giai đoạn tiền kế hoạch, việc phỏng vấn kiểm toán viên tiền nhiệm là một thủ tục rất cần thiết nhằm:
- a) Xem xét liệu có nên sử dụng kết quả công việc của kiểm toán viên tiền nhiệm hay không?
 - b) Xác định khách hàng có thường xuyên thay đổi kiểm toán viên hay không?
 - c) Thu thập ý kiến của kiểm toán viên tiền nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ của khách hàng.
 - d) Đánh giá về khả năng nhận lời mời kiểm toán.
- 4.2.** Điểm khác biệt căn bản giữa rủi ro tiềm tàng và rủi ro kiểm soát với rủi ro phát hiện là:
- a) Rủi ro tiềm tàng và rủi ro kiểm soát phát sinh do đơn vị được kiểm toán áp dụng sai các chính sách kinh doanh, còn rủi ro phát hiện do kiểm toán viên áp dụng sai thủ tục kiểm toán.
 - b) Rủi ro tiềm tàng và rủi ro kiểm soát có thể định lượng được, riêng rủi ro phát hiện không định lượng được.
 - c) Rủi ro tiềm tàng và rủi ro kiểm soát mang tính khách quan, còn rủi ro phát hiện chịu ảnh hưởng bởi kiểm toán viên.
 - d) Rủi ro tiềm tàng và rủi ro kiểm soát có thể thay đổi theo ý muốn của kiểm toán viên, trong khi rủi ro phát hiện thì không.
- 4.3.** Kiểm toán viên có thể gặp phải rủi ro do không phát hiện được các sai phạm trọng yếu trên báo cáo tài chính của đơn vị. Để giảm thiểu rủi ro này, kiểm toán viên chủ yếu dựa vào:
- a) Thử nghiệm cơ bản.
 - b) Thử nghiệm kiểm soát.

- c) Hệ thống kiểm soát nội bộ.
 - d) Phân tích dựa trên số liệu thống kê.
- 4.4.** Khi mức rủi ro phát hiện chấp nhận được giảm đi thì kiểm toán viên phải:
- a) Tăng thử nghiệm cơ bản.
 - b) Giảm thử nghiệm cơ bản.
 - c) Tăng thử nghiệm kiểm soát.
 - d) Giảm thử nghiệm kiểm soát.
- 4.5.** Mục tiêu của việc thực hiện phân tích sơ bộ trong giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán là nhận diện sự tồn tại của:
- a) Các nghiệp vụ và sự kiện bất thường.
 - b) Các hành vi không tuân thủ không được phát hiện do kiểm soát nội bộ yếu kém.
 - c) Các nghiệp vụ với những bên liên quan.
 - d) Các nghiệp vụ được ghi chép nhưng không được xét duyệt.

CÂU HỎI ÔN TẬP

- 4.6.** (*) Vì sao kiểm toán viên cần phải tìm hiểu tình hình kinh doanh của khách hàng?
- 4.7.** (*) Cho biết sự khác biệt giữa kế hoạch kiểm toán và chương trình kiểm toán.
- 4.8.** (*) Cho biết các lợi ích của việc lập kế hoạch kiểm toán?
- 4.9.** (*) Khi lập kế hoạch kiểm toán cho một khách hàng mới, đặc biệt là các khách hàng kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất, kiểm toán viên thường tham quan văn phòng, nhà xưởng của đơn vị. Hãy cho biết lợi ích của công việc này đối với việc lập kế hoạch kiểm toán?
- 4.10.** (*) Giải thích vì sao trọng yếu tuy là khái niệm căn bản được sử dụng trong kiểm toán nhưng lại khó áp dụng trong thực tế?

BÀI TẬP

4.11. (*) Dưới đây là một bảng liệt kê mối liên hệ giữa mục tiêu kiểm toán và thủ tục kiểm toán. Hãy xác định các giá trị X còn thiếu trên bảng.

Mục tiêu kiểm toán	Thủ tục kiểm toán
Nợ phải thu hiện hữu trong thực tế.	X1
X2	Kiểm tra việc thanh toán tiền sau ngày khóa sổ của các khoản phải trả.
Hàng tồn kho được phản ánh không cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.	X3
X4	Xem xét tình hình biến động chi phí bán hàng qua các tháng để phát hiện những tháng có chi phí tăng cao bất thường. Tìm hiểu nguyên nhân.
Tài sản cố định trình bày trên báo cáo tài chính hiện hữu trong thực tế	X5
X6	Nhân tỷ lệ hoa hồng với doanh thu và đem so sánh kết quả với chi phí hoa hồng trong kỳ.
X7	Kiểm tra lại việc tính toán của chi phí lãi vay phải trả.
X8	Xem xét các hợp đồng thuê hoạt động tài sản cố định, kiểm tra chi phí đi thuê phân bổ trong kỳ.
Tài khoản có gốc ngoại tệ được đánh giá đúng vào cuối kỳ	X9
X10	Gửi thư xác nhận đến các khoản phải trả có số phát sinh lớn trong kỳ và số dư cuối kỳ rất thấp hay bằng không.

- 4.12. Mô hình $AR = IR \times CR \times DR$ thường được sử dụng trong khi đánh giá rủi ro kiểm toán để xác định nội dung, thời gian và phạm vi của các thủ tục kiểm toán. Anh (chị) hãy nhận xét cách thức kiểm toán viên vận dụng mô hình trên trong tình huống dưới đây:

Kiểm toán viên Hùng đánh giá cơ sở dẫn liệu X của khoản mục Y có rủi ro tiềm tàng (IR) là 10%, rủi ro kiểm soát (CR) là 50%. Với mức rủi ro kiểm toán (AR) chấp nhận được là 5%, mức rủi ro phát hiện (DR) là 100%. Căn cứ kết quả này, kiểm toán viên Hùng quyết định không cần áp dụng bất cứ thử nghiệm cơ bản nào với cơ sở dẫn liệu X của khoản mục Y nữa.

- 4.13. (*) Dưới đây là một số thủ tục kiểm toán được kiểm toán viên sử dụng:

- a) Chọn mẫu chứng từ vận chuyển để đối chiếu với hóa đơn bán hàng liên quan.
- b) Lấy mẫu đơn đặt hàng để kiểm tra việc xét duyệt và phê chuẩn mua hàng.
- c) Kiểm tra việc khóa sổ đối với nghiệp vụ chi tiền.
- d) Kiểm tra tổng cộng chi tiết các khoản nợ phải trả và đối chiếu tổng số với sổ cái.
- e) So sánh chi phí khấu hao năm nay với chi phí khấu hao năm trước, qua đó phát hiện tỷ lệ khấu hao năm nay tăng lên so với năm trước.
- f) Thảo luận với nhân viên giữ sổ sách về chi quỹ về trách nhiệm của anh ta. Quan sát xem trong thực tế nhân viên này có đảm nhận công việc giữ quỹ hay chuẩn bị các biểu chỉnh hợp tiền gửi ngân hàng hay không.
- g) Gửi thư yêu cầu các nhà cung cấp xác nhận những khoản phải trả cuối kỳ.
- h) Kiểm tra sự liên tục của các séc trên nhật ký chi quỹ để xem chúng có bị bỏ sót không.
- i) Kiểm tra chữ ký của kiểm toán viên nội bộ trên các biểu chỉnh hợp số dư tiền gửi ngân hàng mỗi tháng như một bằng chứng là các biểu này đã được họ kiểm tra.

- j) Kiểm tra hóa đơn của người bán và các tài liệu khác làm cơ sở cho các nghiệp vụ được ghi chép trên nhật ký mua hàng.

Yêu cầu:

Bạn hãy cho biết mỗi thủ tục kiểm toán trên là loại thử nghiệm gì (thử nghiệm kiểm soát, thử nghiệm cơ bản). Nếu là thử nghiệm cơ bản, thử nghiệm này là thủ tục phân tích hay thử nghiệm chi tiết? Nếu là thử nghiệm chi tiết, chúng liên quan đến mục tiêu kiểm toán nào (hiện hữu, phát sinh, quyền, nghĩa vụ, ghi chép chính xác, đánh giá, trình bày, công bố)?

- 4.14. Kiểm toán viên Lâm được giao phụ trách lập kế hoạch kiểm toán báo cáo tài chính cho công ty thương mại Hoàng Linh, một công ty chuyên kinh doanh đồ chơi trẻ em, cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31/12/200X. Để thực hiện thủ tục phân tích, kiểm toán viên Lâm thu thập được một số dữ kiện như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Số liệu	
	200X-1	200X
1. Tài sản ngắn hạn	1.000	1.100
- Tiền	300	220
- Hàng tồn kho	400	480
- Nợ phải thu	300	400
2. Tài sản dài hạn	1.100	1.200
Tổng cộng	2.100	2.300
3. Nợ ngắn hạn	400	500
4. Nợ dài hạn	600	700
5. Vốn chủ sở hữu	1.100	1.100
Tổng cộng	2.100	2.300
6. Doanh thu	4.000	4.500
7. Giá vốn hàng bán	3.200	3.500

Các chỉ tiêu bình quân của ngành:

	200X-1	200X
- Tỷ số thanh toán hiện hành	3,1	3,7
- Vòng quay hàng tồn kho	5,0	4,5
- Vòng quay nợ phải thu	14,1	13,5
- Tỷ suất lãi gộp	25 %	21 %

Yêu cầu:

Theo bạn, với những dữ kiện được thu thập nêu trên, kết hợp so sánh với các chỉ tiêu bình quân ngành, kiểm toán viên Lâm cần chú ý các vấn đề gì trong quá trình thực hiện kiểm toán?

- 4.15. (*) Kiểm toán viên Thanh được giao phụ trách kiểm toán khoản mục hàng tồn kho cho báo cáo tài chính kết thúc vào ngày 31/12/200X của hai công ty khác nhau. Công ty thứ nhất kinh doanh xe và phụ tùng chuyên dùng trong xây dựng, có hàng tồn kho bao gồm xe tải, phụ tùng của xe tải và của máy xúc đất. Công ty thứ hai chuyên bán lẻ hàng trang sức, và có một số phòng trưng bày, giới thiệu sản phẩm ở các khách sạn lớn trong thành phố.

Yêu cầu:

Hãy cho biết rủi ro tiềm tàng ở công ty nào cao hơn? Vì sao?

- 4.16. Kiểm toán viên Hùng được giao lập kế hoạch kiểm toán báo cáo tài chính của công ty Hoàng Bảo cho niên độ kế toán kết thúc vào 31/12/200X. Công ty này chuyên sản xuất và bán sỉ các mặt hàng thực phẩm dinh dưỡng. Vào tháng 10/200X, kiểm toán viên Hùng tiến hành tìm hiểu khách hàng để lập kế hoạch kiểm toán và đã thu thập được một số thông tin về hàng tồn kho như sau:

1. Số dư hàng tồn kho cuối kỳ dự kiến vào ngày 31/12/200X như sau:

Nguyên vật liệu	1.700 triệu đồng
Sản phẩm dở dang	1.050 triệu đồng
Thành phẩm	2.040 triệu đồng
Tổng cộng	4.790 triệu đồng

Giá trị hàng tồn kho chiếm 20% tổng tài sản.

2. Công ty sử dụng giá thành kế hoạch để hạch toán thành phẩm nhập kho.
3. Thành phẩm được sản xuất tập trung ở một nhà máy và sau đó chuyển đến một trong 20 kho hàng do công ty thuê rải rác trên cả nước. Công ty cũng có chính sách cho thuê lại (ngắn hạn) đối với các diện tích kho chưa sử dụng.
4. Nguyên vật liệu chủ yếu bao gồm: bột mì, gạo, hoa quả sấy khô và các loại đậu... được dự trữ ở nhà máy.
5. Thành phẩm được sản xuất thông qua hai công đoạn. Phần lớn sản phẩm dở dang đã hoàn tất công đoạn thứ nhất.
6. Vào ngày khóa sổ, tất cả kho hàng và nhà máy đều ngưng hoạt động để kiểm kê. Hoàng Bảo sử dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.
7. Trong năm 200X, do nhu cầu về sản phẩm của công ty trên thị trường giảm sút nên công ty đã ngưng sản xuất một số loại sản phẩm.

Yêu cầu:

Xác định các cơ sở dẫn liệu chủ yếu đối với hàng tồn kho của công ty Hoàng Bảo? Theo bạn, trong các cơ sở dẫn liệu do bạn nêu ra thì việc xác minh cơ sở nào là phức tạp nhất? Vì sao?

- 4.17.** Kiểm toán viên Tài được giao lập kế hoạch kiểm toán cho một khách hàng kinh doanh trong ngành dược phẩm. Ngoài mặt hàng chính là dược phẩm, công ty còn kinh doanh một số mặt hàng khác như: sữa, mỹ phẩm... Công ty áp dụng hệ thống kiểm kê định kỳ trong hạch toán hàng tồn kho. Dựa trên báo cáo tài chính, kiểm toán viên Tài lập bảng tính tỷ suất lãi gộp qua các năm (từ 200X-3 đến 200X) như sau:

Chỉ tiêu	200X	200X-1	200X-2	200X-3
Doanh thu (triệu đồng)	14.211	12.916	11.462	10.351
Giá vốn hàng bán (triệu đồng)	9.223	8.266	7.313	6.573
Lãi gộp (triệu đồng)	4.988	4.650	4.149	3.778
Tỷ suất lãi gộp (%)	35,1	36	36,2	36,5

Bảng trên cho thấy có sự sụt giảm đáng kể về doanh thu qua các năm. Khi kiểm toán viên Tài trao đổi về vấn đề này, kế toán trưởng cho rằng đó là do hai nguyên nhân sau:

- Tỷ suất lãi gộp của toàn ngành bán lẻ giảm đều đặn trong 3 năm gần đây.
- Số lượng các công ty tham gia thị trường được phẩm gia tăng nên số lượng hàng bán ra của từng công ty cũng sụt giảm đáng kể.

Nhằm kiểm tra lại những giải thích của kế toán trưởng, kiểm toán viên Tài đã thu thập được các thông tin bổ sung như sau:

Năm	Doanh thu được phẩm (triệu đồng)	Doanh thu mặt hàng khác (triệu đồng)	Giá vốn hàng bán của hàng được phẩm (triệu đồng)	Giá vốn hàng bán của các loại hàng khác (triệu đồng)	Tỷ lệ lãi gộp của khu vực bán lẻ về được phẩm và các mặt hàng khác (%)
200X	5.126	9.085	3.045	6.178	32,7
200X-1	5.051	7.865	2.919	5.347	32,9
200X-2	4.821	6.641	2.791	4.522	33,0
200X-3	4.619	5.732	2.665	3.908	33,2

Yêu cầu:

- Bạn hãy nhận xét lời giải thích của kế toán trưởng và trình bày các căn cứ để chứng minh cho nhận xét của mình.
- Qua các số liệu trên, theo bạn, những vấn đề nào là trọng tâm trong kế hoạch kiểm toán?

4.18. (*) Dưới đây là sáu tình huống về mức rủi ro:

	Tình huống					
	1	2	3	4	5	6
Rủi ro kiểm toán	5%	5%	5%	5%	1%	1%
Rủi ro tiềm tàng	100%	80%	40%	40%	80%	40%
Rủi ro kiểm soát	100%	40%	80%	50%	50%	50%
Rủi ro phát hiện	?	?	?	?	?	?

Yêu cầu:

- Hãy tính rủi ro phát hiện cho mỗi tình huống trên.
 - Từ sự hiểu biết về mối liên hệ giữa các yếu tố trên, với giả thiết hai yếu tố còn lại không thay đổi, hãy cho biết rủi ro phát hiện sẽ tăng hay giảm nếu:
 - Giảm rủi ro kiểm toán.
 - Giảm rủi ro kiểm soát.
 - Giảm rủi ro tiềm tàng.
 - Tăng rủi ro kiểm soát và giảm rủi ro tiềm tàng với mức tương ứng.
 - Sự thay đổi của rủi ro phát hiện có thể có ảnh hưởng gì đến số lượng bằng chứng kiểm toán cần phải thu thập?
- 4.19. (*)** Trong các tình huống độc lập dưới đây, bạn hãy xác định ảnh hưởng của chúng đối với từng loại rủi ro là rủi ro tiềm tàng, rủi ro kiểm soát, đồng thời cho biết ảnh hưởng đến số lượng bằng chứng cần thu thập:
- Kiểm toán viên đánh giá rủi ro kiểm soát ở mức tối thiểu.
 - Số dư một tài khoản gia tăng đáng kể so với niên độ trước mà không có lý do rõ ràng.
 - Đây là năm kiểm toán thứ hai và kiểm toán viên tìm thấy ít sai phạm hơn niên độ trước, vì thế kiểm toán viên quyết định dựa nhiều hơn vào hệ thống kiểm soát nội bộ.
 - Trong quá trình kiểm toán, kiểm toán viên phát hiện khách hàng có xây dựng một cửa hàng và đã sử dụng công nhân ở phân xưởng sản xuất để đào đất và làm móng.

- e) Khi thảo luận với Ban giám đốc, kiểm toán viên phát hiện rằng Ban giám đốc có ý định nhượng bán công ty trong tháng tới. Vì ý định này, một số cán bộ chủ chốt của phòng kế toán đã chuyển công tác.
- f) Trong năm hiện hành, có một số thay đổi quan trọng trong ban lãnh đạo chủ chốt của công ty. Kiểm toán viên có cảm giác rằng ban lãnh đạo đương nhiệm không liêm chính. Tuy nhiên, kiểm toán viên cho rằng có thể ký hợp đồng kiểm toán.
- g) Khi tiến hành kiểm toán hàng tồn kho, kiểm toán viên nhận thấy hệ thống kiểm soát nội bộ được cải thiện đáng kể so với năm trước. Tuy nhiên, do những thay đổi về kỹ thuật, một số lượng lớn hàng tồn kho đã bị lỗi thời

Ghi chú:

Bạn có thể sử dụng các ký hiệu để mô tả ảnh hưởng (T: tăng, G: giảm, K: không ảnh hưởng và N: không thể xác định được) và trả lời thông qua bảng sau:

	Rủi ro tiềm tàng	Rủi ro kiểm soát	Số lượng bằng chứng
a			
b			
...			

- 4.20.** Đây là năm đầu tiên Công ty Ánh Sao ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính cho công ty TNHH Hoàng tử, một doanh nghiệp thương mại hiện đang là nhà phân phối của bốn công ty sản xuất hàng tiêu dùng có tên tuổi. Kiểm toán viên Tài đang lập kế hoạch kiểm toán báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31/12/200X của Công ty TNHH Hoàng Tử và đã thập một số thông tin chủ yếu như sau:

Hàng ngày, căn cứ vào đặt hàng của Hoàng Tử, các nhà phân phối chở hàng giao cho Hoàng Tử. Tuy nhiên, do nhu cầu khách hàng thường thay đổi nên có nhiều ngày họ phải giao hàng đến hai hoặc ba lần.

Các nhà phân phối này bán chịu cho Hoàng Tử với thời hạn thanh toán từ 30 đến 45 ngày, và họ đã cung cấp các khoản nợ ngắn hạn thường xuyên cao gấp đôi vốn chủ sở hữu của Hoàng Tử. Do đó,

Hoàng Tử không có nợ dài hạn. Tuy nhiên, họ luôn kiểm soát khá chặt chẽ tình hình công nợ đối với Hoàng Tử thông qua việc gửi thư thông báo nợ hàng tháng, và thực hiện đối chiếu công nợ sáu tháng một lần.

Theo những thông tin đáng tin cậy mà kiểm toán viên Tài đã thu thập được, tình hình kinh doanh của Hoàng tử khá tốt. Trong năm 200X, số vòng quay của tài sản khoảng 12 vòng/năm. Hàng tồn kho quay khá nhanh với tốc độ 24 vòng/năm. Để đạt được kết quả trên, Hoàng Tử phải chấp nhận mức tỷ lệ lãi gộp khá thấp là 15% (các đơn vị cùng ngành là 20%).

Tình hình nợ phải thu của Hoàng Tử khá tốt vì chủ yếu công ty bán hàng thu tiền mặt tại các cửa hàng, ngoại trừ việc bán chịu cho một vài siêu thị lớn. Số dư tiền của Hoàng Tử thường chiếm khoảng 25% tổng tài sản, trong khi nợ phải thu chỉ chiếm khoảng 5% tài sản ngắn hạn.

Tài sản dài hạn của Hoàng Tử chủ yếu là các cửa hàng và xe tải, chiếm khoảng 25% tổng tài sản. Để thực hiện mọi hoạt động kinh doanh của mình, Hoàng Tử chỉ sử dụng 15 nhân viên, trong đó có 2 tài xế xe tải và 5 bảo vệ chỉ làm việc ban đêm. Ngoài ra, để giảm nhẹ công việc, Hoàng Tử đang sử dụng phương pháp kiểm kê định kỳ đối với hàng tồn kho và áp dụng một chương trình kế toán trên máy.

Yêu cầu:

- a) Hãy cho biết các vấn đề quan trọng mà kiểm toán viên Tài cần chú ý khi kiểm toán báo cáo tài chính cho niên độ kết thúc vào ngày 31/12/200X của Công ty Hoàng Tử Giải thích vấn đề.
- b) Nêu những thủ tục kiểm toán quan trọng kiểm toán viên Tài cần áp dụng.
- c) Những thông tin nào kiểm toán viên Tài cần tìm hiểu thêm để có thể thu hẹp phạm vi kiểm tra của mình. Giải thích vấn đề.

CHƯƠNG V

BẢNG CHỨNG KIỂM TOÁN

CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

5.1. Khi xem xét về sự thích hợp của bằng chứng kiểm toán, ý kiến nào sau đây là luôn luôn đúng:

- a) Bằng chứng thu thập từ bên ngoài đơn vị thì rất đáng tin cậy.
- b) Số liệu kế toán được cung cấp từ đơn vị có hệ thống kiểm soát nội bộ hữu hiệu thì thích hợp hơn số liệu được cung cấp ở đơn vị có hệ thống kiểm soát nội bộ yếu kém.
- c) Trả lời phỏng vấn của nhà quản lý là bằng chứng không có giá trị.
- d) Bằng chứng thu thập phải đáng tin cậy và phù hợp với mục tiêu kiểm toán mới được xem là thích hợp.

5.2. Kiểm toán viên phải thu thập thư giải trình của nhà quản lý và lưu vào hồ sơ kiểm toán. Câu nào sau đây không phải là mục đích của thủ tục này:

- a) Nhằm tăng hiệu quả của cuộc kiểm toán bằng cách bỏ bớt một số thủ tục như quan sát, kiểm tra và gửi thư xác nhận.
- b) Nhằm nhắc nhở nhà quản lý về trách nhiệm cá nhân của họ đối với báo cáo tài chính của đơn vị.
- c) Nhằm lưu vào hồ sơ kiểm toán về các câu trả lời của khách hàng đối với những câu hỏi của kiểm toán viên trong thời gian kiểm toán.
- d) Nhằm cung cấp bằng chứng về những dự định trong tương lai của nhà quản lý.

- 5.3. Khi bằng chứng kiểm toán từ hai nguồn khác nhau cho kết quả khác biệt trọng yếu, kiểm toán viên nên:
- a) Thu thập thêm bằng chứng thứ ba và kết luận theo nguyên tắc đa số thắng thiểu số.
 - b) Dựa vào bằng chứng có độ tin cậy cao hơn.
 - c) Thu thập bổ sung bằng chứng và đánh giá để kết luận xem là nên dựa vào bằng chứng nào.
 - d) Các câu trên đều sai.
- 5.4. Trong các thứ tự sau đây về độ tin cậy của bằng chứng kiểm toán, thứ tự nào đúng:
- a) Thư giải trình của giám đốc > Bằng chứng xác nhận > Bằng chứng nội bộ do đơn vị cung cấp.
 - b) Bằng chứng xác nhận > Bằng chứng vật chất > Bằng chứng phỏng vấn.
 - c) Bằng chứng vật chất > Bằng chứng xác nhận > Bằng chứng nội bộ do đơn vị cung cấp.
 - d) Cả ba câu trên đều sai.
- 5.5. Thí dụ nào sau đây là thủ tục phân tích:
- a) Phân tích số dư nợ phải thu theo từng khách hàng, đối chiếu với sổ chi tiết.
 - b) Phân chia các khoản nợ phải thu thành các nhóm theo thời gian quá hạn để kiểm tra việc lập dự phòng nợ khó đòi.
 - c) Tính tốc độ luân chuyển hàng tồn kho và đối chiếu với tỷ số này của năm trước.
 - d) Phân tích tài khoản thành số dư đầu kỳ, các nghiệp vụ tăng giảm trong kỳ để kiểm tra chứng từ gốc.

CÂU HỎI ÔN TẬP

- 5.6. Trong các thử nghiệm cơ bản dưới đây, hãy cho biết độ tin cậy của từng bằng chứng thu thập được vào cuối niên độ đối với những mục tiêu kiểm toán đầy đủ, hiện hữu, ghi chép chính xác, đánh giá, quyền và nghĩa vụ:
- a) Chứng kiến kiểm kê hàng tồn kho nhằm xác định số lượng hàng tồn thực tế và phát hiện hàng tồn kho hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển (nếu có).
 - b) Chọn một số tài sản cố định tăng trong kỳ từ sổ chi tiết tài sản cố định và kiểm tra các chứng từ có liên quan.
 - c) Kiểm tra số dư tiền gửi ngân hàng bằng cách yêu cầu ngân hàng xác nhận.
- 5.7. Vì sao bằng chứng kiểm toán cần được thu thập và lưu trữ đầy đủ trong hồ sơ kiểm toán. Hãy liệt kê những nội dung chính về các thử nghiệm kiểm toán cần được ghi nhận trong hồ sơ kiểm toán.
- 5.8. “Xác định các bên liên quan và thu thập thư giải trình của giám đốc là hai thủ tục kiểm toán được thực hiện cuối cùng trong giai đoạn chuẩn bị hoàn thành kiểm toán”. Theo anh (chị) câu phát biểu trên là đúng hay sai? Tại sao?
- 5.9. (*) “Thủ tục hữu hiệu nhất để kiểm tra tiền mặt, hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình và một số tài sản khác là chứng kiến kiểm kê. Chỉ có chứng kiến kiểm kê mới cung cấp cho kiểm toán viên sự đảm bảo về độ chính xác của số tiền trên bảng cân đối kế toán”.

Yêu cầu:

Hãy cho nhận xét của bạn về câu phát biểu này.

- 5.10. (*) Để kiểm toán khoản mục nợ phải thu, kiểm toán viên có thể kiểm tra các hóa đơn bán hàng. Tương tự, để kiểm toán khoản mục nợ phải trả, kiểm toán viên có thể kiểm tra hóa đơn mua hàng. Theo bạn, trong hai loại bằng chứng trên, bằng chứng nào có độ tin cậy cao hơn? Vì sao?

BÀI TẬP

- 5.11. (*) Bạn được phân công kiểm toán báo cáo tài chính cho công ty Hồng Phúc, một đơn vị chuyên sản xuất kinh doanh rượu. Thông qua thực hiện các thử nghiệm kiểm soát, bạn phát hiện nhiều khiếm khuyết của hệ thống kiểm soát nội bộ. Trong trường hợp này, hãy cho biết độ tin cậy của các bằng chứng dưới đây và giải thích lý do:

1. Những tài liệu được lập và chỉ sử dụng trong nội bộ.
2. Bằng chứng thu thập từ việc chứng kiến kiểm kê của bạn.
3. Bằng chứng được cung cấp bởi các chuyên gia.
4. Bằng chứng từ thủ tục phân tích.
5. Sổ sách kế toán của đơn vị.

- 5.12. Đây là năm đầu tiên công ty kiểm toán MK thực hiện hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính cho công ty Hy Vọng. Kiểm toán viên Lân được giao phụ trách kiểm toán khoản mục Nợ phải thu. Qua nghiên cứu sổ sách của công ty, kiểm toán viên Lân nhận thấy trong các khách hàng còn nợ vào cuối niên độ, có một khách hàng có số dư lớn hơn tổng số dư của các khách hàng còn lại. Vì vậy Lân quyết định thu thập những bằng chứng có liên quan khoản phải thu của khách hàng này. Hãy nêu ý kiến của bạn về tính thích hợp của các loại bằng chứng mà kiểm toán viên Lân đã thu thập dưới đây:

1. Sổ chi tiết khoản phải thu được in ra từ máy tính.
2. Hóa đơn bán hàng về các khoản phải thu chưa thu được tiền (liên lưu tại đơn vị).

3. Đơn đặt hàng của khách hàng.
4. Chứng từ vận chuyển của một công ty vận tải độc lập có ghi rõ những mặt hàng chuyên chở để bán.
5. Biên bản đối chiếu công nợ với khách hàng.
6. Thư xác nhận của khách hàng gửi trực tiếp cho kiểm toán viên, trong đó xác nhận rằng số liệu trên sổ sách của họ phù hợp số liệu trên thư xác nhận.

5.13. (*) Dưới đây là một số bằng chứng do kiểm toán viên đã thu thập được trong quá trình kiểm toán:

1. Sổ phụ ngân hàng được ngân hàng gửi trực tiếp cho kiểm toán viên.
2. Báo cáo hàng tháng về tình hình trả nợ cho người bán trong hồ sơ của đơn vị.
3. Những hóa đơn chưa thanh toán trong hồ sơ lưu của đơn vị.
4. Ủy nhiệm chi do đơn vị phát hành.
5. Phiếu yêu cầu mua vật tư lưu ở kho.
6. Sổ phụ ngân hàng lưu trong hồ sơ của đơn vị.
7. Những tài liệu được nhà quản lý đơn vị sử dụng để lập các ước tính kế toán (dự phòng giảm giá hàng tồn kho, dự phòng nợ khó đòi ...).

Yêu cầu:

- a. Căn cứ nguồn gốc, hãy sắp xếp các bằng chứng trên vào một trong bốn nhóm sau đây:

- i. Bảng chứng do kiểm toán viên thu thập trực tiếp từ bên ngoài đơn vị.
 - ii. Bảng chứng do bên ngoài lập nhưng được lưu trữ tại đơn vị.
 - iii. Bảng chứng do đơn vị phát hành và có luân chuyển ra bên ngoài đơn vị.
 - iv. Bảng chứng do đơn vị phát hành và chỉ luân chuyển trong nội bộ đơn vị.
- b. Hãy nhận xét về mức độ tin cậy của các bằng chứng từ các nguồn nói trên.

5.14 (*) Khi thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho công ty trách nhiệm hữu hạn Ngọc Trà, kiểm toán viên Lâm đã thu thập một số bằng chứng từ bên thứ ba để xác minh số liệu trên bảng cân đối kế toán. Sau đây là một số bằng chứng của các bên thứ ba mà kiểm toán viên đã thu thập:

1. Tư liệu của chuyên gia định giá đất và nhà xưởng.
2. Thư xác nhận của khách hàng gửi trực tiếp cho kiểm toán viên.
3. Thư xác nhận của ngân hàng gửi trực tiếp cho kiểm toán viên.

Yêu cầu:

- a) Bạn hãy giải thích vì sao kiểm toán viên cần sử dụng bằng chứng của bên thứ ba và cần kết hợp bằng chứng này với các bằng chứng do đơn vị phát hành.
- b) Hãy cho biết mức độ tin cậy của các loại bằng chứng của bên thứ ba nêu trên và những công việc mà kiểm toán viên cần thực hiện thêm (nếu có) nhằm kiểm tra số dư các khoản mục liên quan trên báo cáo tài chính.

5.15 (*) Đối với mỗi nghiệp vụ dưới đây, hãy cho biết:

- a) Nội dung kinh tế của nghiệp vụ?
- b) Những cơ sở dẫn liệu có liên quan mà kiểm toán viên cần quan tâm?
- c) Bằng chứng kiểm toán viên cần thu thập để hỗ trợ cho các cơ sở dẫn liệu trên?

Nghiệp vụ 1:

a) Nợ Khấu hao lũy kế	900.000	
Nợ Chi phí khác	18.700.000	
Có Tài sản cố định hữu hình (Nhà xưởng)		19.600.000
b) Nợ Phải thu khác	16.900.000	
Có Thu nhập khác		16.900.000

Nghiệp vụ 2:

a) Nợ Hàng bán bị trả lại	2.000.000	
Có Phải thu khách hàng		2.000.000
b) Nợ Hàng hóa	1.000.000	
Có Giá vốn hàng bán		1.000.000

5.16. (*) Dưới đây là một hồ sơ kiểm toán các khoản vay dài hạn (được đánh số K-1), được lập bởi nhân viên của khách hàng và kiểm tra bởi một trợ lý kiểm toán viên. Hãy cho biết những sai sót trong việc lập và trình bày hồ sơ kiểm toán này.

CÔNG TY ABC

K-1

BỘ SƠ KIỂM TOÁN CÁC KHOẢN VAY DÀI HẠN
31.12.200X

(Đơn vị ngàn đồng)

Chủ nợ	Lãi suất	Thời hạn thanh toán	Thế chấp	Số dư 31.12.200X-1	Vay trong năm 200X	Tỷ lệ nợ trong năm 200X	Số dư 31.12.200X	Đã trả lãi đến ngày	Lãi vay phải trả đến 31.12.200X	Ghi chú
Ngân hàng DSB	12%	Thanh toán lãi ngày 25 mỗi tháng. Nợ gốc trả ngày 1.1.200X+4	Hàng tồn kho	600.000 ✓	3.000.000 A	1.000.000 ②	2.500.000 CX	25.12.200X	25.000 NR	Phân phối cổ tức 8 triệu đồng ngày 2.9.200X là vì phạm hợp đồng, điều này cho phép chủ nợ yêu cầu thanh toán ngay. Chủ nợ không đồng ý bỏ qua vì phạm này
Công ty đầu tư MM	9%	Thanh toán lãi mỗi cuối tháng	Nhà 31, Bạch Đằng	1.000.000 ✓	600.000 A		2.000.000 C	31.12.200X		
Ông Lê Hoà, cổ đông chính của công ty	0%	Đáo hạn ngày 31.12.200X +6	Không có	3.000.000 ✓		1.000.000 N	2.000.000 C			Mượn thêm ông Tuấn 1 triệu đồng vào ngày 7.1.200X+1
Công ty tài chính KZ	12%	Thanh toán 5% nợ gốc và lãi ngày 5 mỗi tháng. Hạn thanh toán là 31.12.200X+11	Nhà 122, Nguyễn Thái Học	7.200.000 ✓		600.000 ③	0.000.000	0.12.200X	00.400 R	Nghiệp vụ sắp xếp lại khoản mục (chuyển một phần vào dự ngân hàng) đã đề nghị trong hồ sơ RUTG-
Cộng				11.700.000 ✓	3.500.000	2.600.000	13.100.000 TB		81.420 TB	

Chú thích

- F Đã kiểm tra tổng cộng chính xác
C Đã xác nhận, không có sai lệch (WP K-2)
CX Đã xác nhận, có sai lệch (WP K-3)
NR Công tài cho thấy không chính xác
A Thống nhất với chứng từ và số phụ.
N Thống nhất với Nhật ký chi quỹ và chứng từ.
TB Đối chiếu với số liệu trên bảng cân đối tài khoản.
7 Thống nhất với hồ sơ kiểm toán 31.12.200X-1
5 Thống nhất về lãi suất, thời hạn và thế chấp của hợp đồng.
② Thống nhất với chứng từ và phê duyệt của Hội đồng quản trị (WP W-7)
③ Cộng

Chỉ phí lãi vay của các khoản vay dài hạn
Chi phí lãi vay trong năm
Số dư bình quân nợ vay

Thời hạn thanh toán nợ dài hạn (tính toán)

600.000.000
2.800.000.000
2.600.000.000
3.100.000.000
600.000.000
3.600.000.000
13.100.000.000

Kết luận Nợ dài hạn, lãi vay phải trả và chi phí lãi vay là chính xác và đầy đủ vào ngày 31.12.200X

CHƯƠNG VI

KIỂM TOÁN TRONG MÔI TRƯỜNG TIN HỌC

CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

6.1. Xử lý theo lô được thiết kế nhằm đảm bảo:

- a) Chỉ có các nghiệp vụ được phê chuẩn mới được xử lý.
- b) Kiểm soát việc sửa chữa dữ liệu.
- c) Tất cả các nghiệp vụ cùng loại được xử lý như nhau.
- d) Cả 3 câu trên.

6.2. Để thu thập được bằng chứng về tính hữu hiệu đối với việc kiểm soát truy cập thông tin của khách hàng, kiểm toán viên thường:

- a) Tìm cách truy cập chương trình bằng tên đăng ký (username) và mật khẩu (password) không đăng ký.
- b) Chọn mẫu một số nghiệp vụ đã xử lý, kiểm tra sự phê chuẩn xử lý nghiệp vụ.
- c) Kiểm tra các bản cam kết của nhân viên về việc không tiết lộ tên đăng ký và mật khẩu cho người khác.
- d) Câu a và c đúng.

6.3. Mục đích chủ yếu của việc sử dụng hệ thống phụ trong thử nghiệm kiểm soát đối với hoạt động kiểm soát ứng dụng là:

- a) Tìm hiểu các thủ tục kiểm soát được thiết kế.
- b) Kiểm tra tiến trình xử lý của loại nghiệp vụ.
- c) Xem xét tính chính xác của số liệu trong các nghiệp vụ đã xử lý.
- d) Tất cả các câu trên.

6.4 Thủ tục kiểm toán nào sau đây sẽ không phù hợp khi sử dụng phần mềm kiểm toán tổng quát:

- a) Phân tích tuổi nợ các khoản phải thu.
 - b) Xác định tổng số khách hàng.
 - c) Chọn các nghiệp vụ phải thu của khách hàng trên 50 triệu đồng.
 - d) Tìm các nghiệp vụ phải thu khách hàng đã bị sửa chữa số liệu.
- 6.5.** Kiểm toán viên thường sử dụng phần mềm kiểm toán chuyên dụng hơn là sử dụng phần mềm kiểm toán tổng quát trong trường hợp:
- a) Tập tin chủ của hệ thống máy tính của khách hàng tương đối nhỏ.
 - b) Hệ thống ghi nhận và xử lý nghiệp vụ phức tạp với nhiều tập tin xử lý trung gian.
 - c) Hệ thống có cài đặt một hệ thống phụ, và kiểm toán viên muốn đánh giá tiến trình xử lý nghiệp vụ của hệ thống phụ.
 - d) Câu b và c đúng.

CÂU HỎI ÔN TẬP

- 6.6** (*) Cho biết ảnh hưởng của môi trường tin học đến việc thiết kế kiểm soát nội bộ tại một đơn vị có sử dụng phần mềm kế toán.
- 6.7.** (*) Hãy cho biết các yếu tố cơ bản của chính sách bảo mật thông tin trong môi trường tin học.
- 6.8.** (*) Nhằm ngăn ngừa việc truy cập và sửa chữa trái phép thông tin, các hoạt động kiểm soát nào thường được áp dụng khi dữ liệu được chuyển tải qua các thiết bị truyền thông?
- 6.9.** (*) Hãy cho biết các thử nghiệm cơ bản chủ yếu trong chiến lược tiếp cận hệ thống ở môi trường tin học
- 6.10** (*) Phần mềm kiểm toán tổng quát thường hỗ trợ kiểm toán viên khi thực hiện những thủ tục kiểm toán nào?

BÀI TẬP

- 6.11.** Một nhân viên Phòng Quan hệ khách hàng của công ty thương mại kinh doanh được phẩm ABC đã truy cập vào tập tin chủ “Hàng hóa”, điều chỉnh giá bán của sản phẩm Anadolna cho một khách

hàng quen biết. Kết quả là đã làm thay đổi giá bán của sản phẩm Anadolu cho mọi khách hàng.

Yêu cầu:

Cho biết các thủ tục kiểm soát đơn vị cần áp dụng nhằm ngăn ngừa và phát hiện sai phạm trên.

- 6.12.** Tập tin chủ “Bảng giá” chỉ được truy cập bởi Trưởng phòng Kinh doanh và tiến trình truy cập được kiểm soát bởi mật khẩu. Khi có sự thay đổi giá bán, Trưởng phòng Kinh doanh sẽ nhận chi tiết bảng giá thay đổi được duyệt từ Ban Giám đốc, sau đó truy cập tập tin “Bảng giá” bằng mật khẩu và thay đổi dữ liệu.

Yêu cầu:

Thiết kế các thử nghiệm kiểm soát nhằm thu thập bằng chứng về tính hữu hiệu của thủ tục kiểm soát nêu trên.

- 6.13.** Reto là một khách hàng của công ty kiểm toán T&L có sử dụng phần mềm kế toán. Năm 200X vừa qua, Reto có yêu cầu chuyên viên phần mềm điều chỉnh phần “kiểm soát việc sửa chữa số liệu” trong phần mềm kế toán và Reto cho rằng việc điều chỉnh này sẽ nâng cao tính kiểm soát của phần mềm đang sử dụng. Bạn tham gia cuộc kiểm toán báo cáo tài chính năm 200X và được phân công thu thập thông tin về các chỉnh sửa trong phần mềm, đánh giá rủi ro kiểm soát và thực hiện thử nghiệm cần thiết liên quan đến việc chỉnh sửa này. Trong hồ sơ kiểm toán năm 200X-1, kiểm toán viên của T&L đã đánh giá hoạt động kiểm soát chung là hữu hiệu và rủi ro kiểm soát thấp.

Yêu cầu:

Xác định các thủ tục kiểm toán có thể sử dụng để thu thập bằng chứng về tính hữu hiệu của hoạt động kiểm soát ứng dụng liên quan đến những thay đổi trong hoạt động “kiểm soát việc sửa chữa số liệu”.

- 6.14.** Nhân viên Lân mới được tuyển dụng và được phân công viết chương trình phần mềm kế toán. Lân đã viết thêm một “module” trong chương trình tính lương với hàm “IF” xác định mã nhân viên. Khi bộ phận nhập liệu nhập dữ liệu giờ công của Lân với mã nhân viên xác định, chương trình sẽ tự động tính đơn giá tiền

lương của nhân viên Lân cao hơn 50% so với mức lương đã được duyệt.

Yêu cầu:

Hãy cho biết các thủ tục kiểm toán cần áp dụng để có thể phát hiện gian lận nêu trên.

- 6.15.** Sau kiểm tra hệ thống phần mềm của đơn vị, kiểm toán viên Anh nhận thấy khách hàng đã lưu trữ toàn bộ dữ liệu đã xử lý trong một ổ cứng của máy tính và không có bất kỳ kế hoạch hay thủ tục nào để phục hồi dữ liệu nào khi ổ cứng gặp sự cố. Kiểm toán viên cũng đánh giá mức độ đảm bảo của thủ tục kiểm soát vật chất trong hoạt động kiểm soát chung là trung bình.

Yêu cầu:

Hãy cho biết việc đơn vị không có bất kỳ thủ tục phục hồi dữ liệu thích hợp sẽ có ảnh hưởng như thế nào đến ý kiến của kiểm toán viên trên báo cáo kiểm toán. Giả sử ngoài vấn đề nêu trên, kiểm toán viên đã có thể đưa ra báo cáo kiểm toán chấp nhận toàn phần.

CHƯƠNG VII

HOÀN THÀNH KIỂM TOÁN

CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

- 7.1.** Theo VSA 560, sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính được định nghĩa là những sự kiện có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính phát sinh trong khoảng thời gian từ sau:
- a) Ngày phát hành báo cáo kiểm toán.
 - b) Ngày ghi trên bảng cân đối kế toán.
 - c) Ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính để kiểm toán đến ngày ký báo cáo kiểm toán và những sự kiện được phát hiện sau ngày ký báo cáo kiểm toán.
 - d) Ngày xuất hiện những khoản nợ tiềm tàng không được phản ánh trên báo cáo tài chính.
- 7.2.** Khi kiểm toán các khoản nợ tiềm tàng, thủ tục nào sau đây được xem là kém hiệu quả nhất:
- a) Phỏng vấn ban giám đốc của khách hàng.
 - b) Đọc các biên bản họp của hội đồng quản trị.
 - c) Xem xét thư xác nhận của luật sư.
 - d) Xem xét thư xác nhận từ khách hàng.
- 7.3.** Kiểm toán viên sẽ phát hành báo cáo không chấp nhận khi:
- a) Có các giới hạn nghiêm trọng về phạm vi kiểm toán.
 - b) Có những vi phạm đáng kể về sự trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính đến nỗi kiểm toán viên không thể đưa ra ý kiến chấp nhận có loại trừ.
 - c) Các thủ tục kiểm toán được sử dụng không đầy đủ để cho ý kiến về sự trình bày trung thực và hợp lý của báo cáo tài chính về mặt tổng thể.
 - d) Giả định hoạt động liên tục bị vi phạm nghiêm trọng.

- 7.4.** Khi thu thập những bằng chứng liên quan đến những tranh chấp tại tòa án, kiểm toán viên sẽ ít quan tâm đến việc xác định:
- a) Thời gian và nguyên nhân của vụ kiện.
 - b) Thời điểm kết thúc vụ kiện.
 - c) Ước tính những khoản thiệt hại có thể phát sinh.
 - d) Khả năng xuất hiện những kết quả bất lợi cho khách hàng.
- 7.5.** Thư giải trình của giám đốc:
- a) Là một bằng chứng thay thế cho việc kiểm tra của kiểm toán viên.
 - b) Là yếu tố quan trọng trong việc chuẩn bị chương trình kiểm toán.
 - c) Làm giảm trách nhiệm của kiểm toán viên.
 - d) Không làm giảm trách nhiệm của kiểm toán viên.
- 7.6.** Kiểm toán viên Lân thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của công ty EFG cho niên độ kết thúc vào ngày 31/12/200X và bắt đầu thực hiện kiểm toán từ ngày 30/9/200X. Ngày 17/01/200X+1, kiểm toán viên nhận được báo cáo tài chính từ EFG. Kiểm toán viên phát hành báo cáo kiểm toán vào ngày 16/02/200X+1. Như vậy, thông thường thư giải trình của giám đốc sẽ được ghi vào ngày:
- a) 31/12/X.
 - b) 17/01/X+1.
 - c) 16/02/X+1
 - d) Bất cứ ngày nào.

CÂU HỎI ÔN TẬP

- 7.7.** Khi soạn thảo báo cáo kiểm toán, kiểm toán viên phải dựa vào mẫu báo cáo chuẩn đã được quy định trong các chuẩn mực kiểm toán. Hãy cho biết ưu và nhược điểm của việc tuân thủ mẫu báo cáo kiểm toán chuẩn.

- 7.8. Khi kiểm toán báo cáo tài chính cho công ty Quang Minh, kiểm toán viên Lân được biết trong niên độ hiện hành, công ty đã thay đổi phương pháp tính giá hàng tồn kho từ phương pháp bình quân gia quyền sang phương pháp LIFO. Theo Lân, sự thay đổi này là hợp lý. Còn đối với bạn, quan điểm của kiểm toán viên Lân có đúng hay không và sự thay đổi trên có ảnh hưởng gì đến ý kiến của kiểm toán viên Lân hay không?
- 7.9. Cho biết sự khác biệt giữa trường hợp phạm vi kiểm toán bị giới hạn do khách hàng áp đặt và do lý do khách quan. Theo bạn, từng trường hợp trên ảnh hưởng như thế nào đến ý kiến của kiểm toán viên?
- 7.10. Khách hàng thường yêu cầu kiểm toán viên phát hành báo cáo kiểm toán một thời gian ngắn sau ngày kết thúc niên độ để họ có thể công bố báo cáo tài chính theo đúng kỳ hạn hàng năm. Theo bạn, yêu cầu này có thể làm tăng rủi ro kiểm toán không? Nếu có, những biện pháp nào kiểm toán viên có thể áp dụng để hạn chế các rủi ro?
- 7.11. (*) Hãy cho biết các thành phần của báo cáo chấp nhận toàn phần và giải thích ý nghĩa của chúng. Cho biết sự khác biệt giữa báo cáo chấp nhận toàn phần với các loại báo cáo khác.

BÀI TẬP

- 7.12. Dưới đây là các sự kiện xảy ra trong thời gian từ ngày kết thúc niên độ đến ngày phát hành báo cáo kiểm toán (ngày 28/02/200X+1) tại công ty Khánh Băng. Là kiểm toán viên phụ trách kiểm toán báo cáo tài chính cho niên độ kết thúc vào 31/12/200X của công ty Khánh Băng, bạn hãy xác định ảnh hưởng của từng sự kiện trên đến báo cáo tài chính và phương pháp xử lý trong từng trường hợp:
- Ngày 03/01/200X+1, Khánh Băng nhận một lô nguyên vật liệu từ Canada. Công ty đã đặt hàng số nguyên vật liệu này vào tháng 10/200X và hàng đã được bốc lên tàu vào tháng 11/200X (hàng mua theo phương thức FOB cảng đi).
 - Ngày 15/01/200X+1, công ty chi trả khoản tiền bồi thường cho một nhân viên bị thương trong vụ tai nạn lao động xảy ra vào

tháng 3/200X. Công ty chưa ghi nhận khoản tiền bồi thường trên vào chi phí của năm 200X.

- c) Ngày 25/01/200X+1, Khánh Băng đồng ý mua lại một lượng lớn hàng tồn kho của công ty Nhật Quang bằng tiền mặt. Theo dự báo, việc mua hàng này có thể làm doanh thu tháng 02/200X+1 tăng gấp đôi so với doanh thu tháng 01/200X+1.
- d) Ngày 01/02/200X+1, một cơn lũ lớn làm cho toàn bộ hàng tồn kho tại một nhà máy của Khánh Băng bị hư hỏng nặng. Công ty đã không mua bảo hiểm cho số hàng này.
- e) Ngày 05/02/200X+1, công ty phát hành trái phiếu có thể chuyển đổi trị giá là 200 triệu đồng.

7.13. Anh Quang là kiểm toán viên phụ trách kiểm toán báo cáo tài chính cho công ty sản xuất và bán lẻ máy vi tính Tấn Phong. Trong kế hoạch kiểm toán, Quang có lưu ý cấp dưới về khả năng hàng tồn kho bị lỗi thời. Kết quả thực hiện các thủ tục kiểm toán do các trợ lý kiểm toán tiến hành cho thấy hàng tồn kho được kiểm soát tốt và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời được lập đầy đủ.

Quang soát xét lại hồ sơ kiểm toán về hàng tồn kho bằng cách sử dụng các thủ tục phân tích. Kết quả của thủ tục phân tích cho thấy:

	Năm hiện hành	Năm trước
Số ngày lưu kho	100	50

Như vậy, kết quả trên cho thấy khả năng lỗi thời của hàng tồn kho là khá nghiêm trọng. Khi trao đổi với giám đốc tài chính của Tấn Phong, Quang còn biết rằng cứ định kỳ ba tháng công ty lại đưa ra thị trường một loại máy mới.

Yêu cầu:

Những thông tin trên dường như có mâu thuẫn với nhau. Nếu là kiểm toán viên Quang, bạn sẽ làm gì trong trường hợp này?

7.14. Hãy cho biết trong từng tình huống độc lập dưới đây kiểm toán viên nên phát hành loại báo cáo kiểm toán nào? Biết rằng ở các tình huống này kiểm toán viên đã phát hiện có sai sót trọng yếu,

nhưng vì nhiều lý do khác nhau, đơn vị không đồng ý điều chỉnh theo yêu cầu của kiểm toán viên.

1. Công ty Hồng Loan luôn sử dụng phương pháp FIFO để tính giá hàng tồn kho. Trong niên độ hiện hành, công ty đã sử dụng phương pháp LIFO nhưng không công bố thông tin có liên quan theo yêu cầu của VAS 02 - Hàng tồn kho và VAS 29 - Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót.
2. Trong niên độ hiện hành, công ty không tiến hành lập Dự phòng nợ khó đòi. Trong khi đó, kiểm toán viên cho rằng mức dự phòng cần lập là 500 triệu đồng
3. Khi thực hiện các thủ tục kiểm toán đối với tài khoản Nợ phải thu, Giám đốc công ty không đồng ý cho kiểm toán viên gửi thư xác nhận cho khách hàng. Kiểm toán viên cũng không thể thực hiện các thử nghiệm thay thế để xác định tính trung thực và hợp lý của số liệu này.
4. Ở năm hiện hành, công ty không trích khấu hao tài sản cố định vì cho rằng công ty đang gặp khó khăn về mặt tài chính.
5. Do ký hợp đồng sau ngày kết thúc niên độ nên kiểm toán viên không chứng kiến kiểm kê hàng tồn kho của đơn vị. Khoản mục này được xác định là rất trọng yếu. Khi kết thúc cuộc kiểm toán, kiểm toán viên cho rằng báo cáo tài chính của công ty đã trình bày trung thực và hợp lý, kể cả khoản mục hàng tồn kho, vì đã sử dụng các thủ tục kiểm toán khác để thay thế.
6. Bốn tuần sau ngày kết thúc niên độ, một khách hàng chủ yếu của công ty Bình Minh đã tuyên bố phá sản, khoản nợ của khách hàng này đã tồn đọng rất lâu. Kiểm toán viên yêu cầu nhưng đơn vị không đồng ý xóa sổ hay lập dự phòng và từ chối công bố thông tin liên quan đến khoản nợ này. Khoản nợ của công ty này chiếm tỷ trọng khoảng 10% Nợ phải thu và khoảng 20% so với lợi nhuận trước thuế của công ty.
7. Khi thực hiện các thủ tục kiểm toán để xem xét các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ, kiểm toán viên phát hiện rằng một trong những nhà xưởng của công ty đã bị hỏa hoạn thiêu rụi, công ty đã chịu thiệt hại đáng kể từ cơn hỏa hoạn

này. Khoản đền bù của bảo hiểm là không đáng kể. Báo chí đã đăng tải chi tiết thông tin về trận hỏa hoạn, thế nhưng công ty không công bố thông tin trên báo cáo tài chính.

8. Trong năm, đơn vị đã chi cho công trình nghiên cứu chế tạo sản phẩm mới là 250 triệu đồng, chi phí triển khai công trình này là 50 triệu đồng. Đơn vị đã ghi nhận tổng chi phí nghiên cứu và triển khai vào tài sản cố định vô hình 300 triệu đồng, thời điểm ghi nhận là tháng 9/200X. Đơn vị đã tính khấu hao từ tháng 9/200X với tỷ lệ 20% một năm.

- 7.15.** Bạn đang thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của công ty Gamma cho niên độ kết thúc vào 31/12/200X. Tổng tài sản của công ty Gamma là 2,5 tỷ đồng, tổng nợ phải trả 2,2 tỷ đồng. Trong 3 năm gần đây, công ty đã bị lỗ liên tục, khoản lỗ tích lũy lên đến 700 triệu đồng.

Ngoài ra, Ban Giám đốc còn cho biết các chủ nợ không đồng ý gia hạn cho vay đối với số trái phiếu có giá trị 500 triệu đồng đáo hạn vào ngày 30/02/200X+1. Ban Giám đốc công ty Gamma đã thảo luận với nhiều ngân hàng nhưng họ vẫn chưa tìm được nguồn tài trợ. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đã đưa ra phương án kinh doanh mới và hy vọng giảm khoản lỗ nhờ phương án này. Ban Giám đốc cũng có kế hoạch bán bớt một số nhà xưởng không sử dụng để thanh toán các khoản nợ đến hạn.

Khi kết thúc việc kiểm toán, bạn tin rằng báo cáo tài chính đã trình bày một cách trung thực và hợp lý nếu giả định hoạt động liên tục được thỏa mãn.

Yêu cầu:

Theo bạn, kiểm toán viên có thể đưa ra loại ý kiến nào? Những thông tin tối thiểu cần cung cấp trong thuyết minh và các thông tin nào kiểm toán viên cần thu thập thêm?

- 7.16.** Dưới đây là báo cáo kiểm toán do một kiểm toán viên soạn thảo và gửi cho cấp trên của mình. Giả sử bạn là cấp trên, hãy nhận xét về các khiếm khuyết của báo cáo kiểm toán này.

CÔNG TY KIỂM TOÁN M&T

Địa chỉ, điện thoại, fax...

Số:.....

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 200X CỦA CÔNG TY BÌNH MINH**Kính gửi: Ban Kiểm soát Công ty Bình Minh.

Chúng tôi đã kiểm tra báo cáo tài chính hợp nhất, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/200X, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/200X. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các kiểm toán viên khác đã kiểm tra báo cáo ở các chi nhánh và họ đã gửi cho chúng tôi báo cáo kiểm toán với ý kiến chấp nhận toàn phần. Chúng tôi muốn lưu ý rằng, vì báo cáo hợp nhất là tổng thể các báo cáo riêng lẻ, nên chúng tôi phải dựa vào báo cáo của các kiểm toán viên khác.

Như đã ghi chú trong thuyết minh báo cáo tài chính, vào ngày 8/4/200X, công ty đã ngừng sản xuất một số sản phẩm vì có một cuộc điều tra do Hiệp hội Y khoa đang tiến hành liên quan đến chất lượng dụng cụ tiệt trùng do công ty sản xuất. Ban giám đốc đã không đánh giá ảnh hưởng việc ngừng sản xuất này và các sự kiện có thể xảy ra tiếp theo đến tình hình tài chính của công ty.

Trong thuyết minh cũng đề cập đến việc năm trước công ty đã sử dụng phương pháp bình quân gia quyền để tính giá hàng tồn kho. Để kiểm tra hàng tồn kho, chúng tôi đã nhờ đến Ông Quang - một chuyên gia có tiếng trong ngành Y - kiểm tra chất lượng, quy cách kỹ thuật của một số sản phẩm tồn kho do công ty chế tạo.

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các sự kiện trên, báo cáo tài chính được hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của công ty ABC tại ngày 31/12/200X, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/200X, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan./.

CÔNG TY KIỂM TOÁN XYZ**Giám đốc**

(Họ và tên, chữ ký, đóng dấu)

Số đăng ký hành nghề...

Kiểm toán viên

(Họ và tên, chữ ký)

Số đăng ký hành nghề...

- 7.17. (*)** Sau khi hoàn thành các thủ tục riêng lẻ, vào ngày 15/3/200X+1, khi đang chuẩn bị lập báo cáo kiểm toán cho báo cáo tài chính cho công ty cổ phần Thịnh Phát có niên độ kết thúc vào ngày 31/12/200X, kiểm toán viên Hùng đã phát hiện được một sự kiện đáng chú ý như sau:

Do ông Phú, giám đốc điều hành cũ của công ty, có biểu hiện không tích cực trong công việc nên công ty đã quyết định hủy ngang hợp đồng lao động đối với ông. Ông Phú đòi bồi thường theo như đã thỏa thuận trước đây trong hợp đồng. Công ty đồng ý và đã bồi thường cho ông 100 triệu đồng vào ngày 2/12/200X.

Sau đó, công ty đã điều tra và phát hiện là 2 tháng trước khi quyết định sa thải, ông Phú đã lén lút gia nhập vào Hội đồng quản trị của công ty đối thủ cạnh tranh với Thịnh Phát. Luật sư của Thịnh Phát cho biết là những hành vi của ông Phú đã vi phạm hợp đồng với công ty và công ty sẽ làm thủ tục để khởi kiện ông Phú vào khoảng tháng 4/200X+1 không những để đòi lại số tiền đã trả cho ông, mà còn yêu cầu ông phải bồi thường thiệt hại cho công ty do ông đã gia nhập vào công ty đối thủ cạnh tranh.

Yêu cầu:

- Cho biết tình huống trên thuộc về “khoản nợ tiềm tàng” hay là “sự kiện sau ngày kết thúc niên độ”. Hãy giải thích?
 - Trong trường hợp này, Thịnh Phát có phải điều chỉnh lại báo cáo tài chính hay không? Nếu phải điều chỉnh thì sẽ điều chỉnh như thế nào? Tại sao?
- 7.18.** Trong quá trình kiểm toán báo cáo tài chính công ty STC cho năm tài chính kết thúc ngày 31.12.200X, kiểm toán viên Hùng ghi nhận những sai sót sau:
- Một số tài sản cố định dùng vào công tác quản lý đã khấu hao hết nhưng đơn vị vẫn tiếp tục tính khấu hao. Số tiền đã khấu hao vượt là 12 triệu đồng.
 - Một nghiệp vụ xuất hàng gửi đi bán, giá vốn 400 triệu đồng, giá bán 600 triệu đồng (chưa thuế Giá trị gia tăng, thuế suất 10%), nhưng đơn vị lại ghi nhận là đã tiêu thụ.

Yêu cầu:

- a) Xác định ảnh hưởng của từng sai sót trên đến các chỉ tiêu sau đây của báo cáo tài chính ngày 31.12.200X của công ty STC:
- Bảng cân đối kế toán: Tổng tài sản, Nợ phải trả, Nguồn vốn chủ sở hữu.
 - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh: Doanh thu, Lợi nhuận sau thuế.

Giả sử thuế thu nhập doanh nghiệp có thuế suất là 28%.

- b) Vì nhiều lý do khác nhau, đơn vị không đồng ý điều chỉnh các sai sót trong những tình huống độc lập trên đây (trong khi các sai sót khác đã được điều chỉnh thích hợp). Theo bạn nên phát hành loại báo cáo kiểm toán nào? Giả sử kiểm toán viên không bị giới hạn về phạm vi kiểm toán.

7.19. Từ 3 năm nay và trong năm hiện hành, công ty kiểm toán D&L phụ trách kiểm toán báo cáo tài chính cho công ty Phúc Nguyên. Ở năm hiện hành (niên độ kế toán kết thúc vào 31.12.200X), kiểm toán viên Hiền được giao phụ trách hợp đồng kiểm toán này.

Phúc Nguyên được thành lập cách đây 20 năm, kinh doanh trong lĩnh vực hóa học. Sản phẩm đặc biệt là các hóa chất dùng chế biến thức ăn gia súc. Sản phẩm khác là các hóa chất giúp cây trồng tăng trưởng. Sản phẩm phụ là các hóa chất dùng để xử lý các chất thải. Sản phẩm được tiêu thụ thông qua các chi nhánh tại các địa phương. Dù doanh số của công ty không phụ thuộc vào một khách hàng nào nhưng 3 trong tổng số khách hàng chiếm 1/3 doanh số của Phúc Nguyên. Trong năm trước và năm hiện hành, doanh thu của công ty tăng giảm không đều. Doanh thu từ các sản phẩm đặc biệt chiếm tỷ trọng khoảng 40% trong tổng doanh thu.

Ở năm hiện hành, doanh thu của sản phẩm đặc biệt bị giảm đáng kể. Nguyên nhân sụt giảm là do hai yếu tố chính: do tỷ giá hối đoái giảm nên khách hàng trong nước đã chuyển sang tiêu thụ các sản phẩm nhập khẩu; thứ đến là sản phẩm của công ty có chất lượng không cao nên khó tiêu thụ. Bên cạnh sản phẩm đặc biệt, các sản phẩm khác đều tăng trưởng đều đặn, mức tăng trưởng khoảng 4-5%/năm. Ban Giám đốc tin rằng các sản phẩm hóa học

trong giai đoạn nghiên cứu sẽ đưa vào sản xuất trong tương lai và sẽ chiếm lĩnh thị trường.

Tình hình tài chính của công ty đang gặp nhiều khó khăn. Tất cả máy móc, nhà xưởng và trang thiết bị của công ty đều phải mang thế chấp để vay dài hạn của ngân hàng. Các khoản nợ phải thu và hàng tồn kho cũng được thế chấp để vay ngắn hạn có giá trị là 10 tỷ đồng, trong đó có 9 tỷ đồng đáo hạn vào 31.12.200X.

Khoản nợ dài hạn đến hạn trả trong năm 200X là 2 tỷ đồng cộng với lãi suất. Các khoản phải thanh toán trong 3 năm tiếp theo (200X+1 đến X+3) ước tính trung bình mỗi năm khoản 1 tỷ đồng.

Vào 11/200X, Ban Giám đốc Phúc Nguyên quyết định sẽ thanh lý toàn bộ tài sản dùng để sản xuất sản phẩm đặc biệt. Dựa trên đánh giá của các chuyên gia độc lập, công ty có thể thu được khoản lãi từ việc thanh lý tài sản khoản 5 tỷ đồng. Ban Giám đốc cũng tin rằng sẽ bán được số tài sản này trong năm 200X+1.

Yêu cầu:

- a) Hãy nêu các yếu tố dẫn đến nghi vấn về việc vi phạm nguyên tắc hoạt động liên tục của Phúc Nguyên trong năm 200X.
- b) Cho biết những tình huống làm giảm nhẹ.

Bạn hãy phân tích theo các nội dung sau: Hoạt động sản xuất kinh doanh, khách hàng, tình hình tài chính...

CHƯƠNG VIII

KIỂM TOÁN TIỀN

CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

- 8.1. Khi mức rủi ro kiểm soát của khoản mục Tiền được đánh giá là tối đa, kiểm toán viên cần phải:
- a) Mở rộng phạm vi của các thử nghiệm kiểm soát.
 - b) Mở rộng phạm vi thử nghiệm chi tiết.
 - c) Kiểm kê tiền mặt và đối chiếu với sổ quỹ. Đồng thời, đối chiếu số dư tài khoản Tiền gửi ngân hàng trên sổ kế toán với sổ phụ ngân hàng.
 - d) Các câu trên đều đúng.
- 8.2. Khi thu thập bằng chứng về số dư tài khoản Tiền gửi ngân hàng, kiểm toán viên sẽ không cần xem xét:
- a) Bảng chính hợp tài khoản Tiền gửi ngân hàng.
 - b) Sổ phụ của ngân hàng tháng 12.
 - c) Thư xác nhận của ngân hàng.
 - d) Toàn bộ giấy báo Nợ và báo Có của ngân hàng vào tháng 12.
- 8.3. Gửi thư xin xác nhận của ngân hàng về số dư của tài khoản Tiền gửi ngân hàng vào thời điểm khóa sổ là thủ tục kiểm toán nhằm thỏa mãn mục tiêu kiểm toán:
- a) Hiện hữu và đầy đủ.
 - b) Đầy đủ và quyền sở hữu.
 - c) Hiện hữu và quyền sở hữu.
 - d) Các câu trên đều sai.
- 8.4. Các thủ tục kiểm soát nào sau đây có thể giúp ngăn ngừa việc lập nhiều phiếu chi tiền mặt cho cùng một hóa đơn mua hàng:
- a) Phiếu chi được lập bởi chính nhân viên có trách nhiệm ký duyệt thanh toán.
 - b) Đánh dấu trên hóa đơn ngay khi ký duyệt.

- c) Phiếu chi phải được duyệt bởi ít nhất hai nhân viên có trách nhiệm.
 - d) Chỉ chấp nhận các phiếu chi cho các hóa đơn còn trong hạn thanh toán.
- 8.5. Khi kiểm kê tiền mặt tồn quỹ, kiểm toán viên cần tiến hành đối với tất cả các quỹ trong cùng một thời gian nhằm ngăn ngừa:
- a) Sự biến thủ tiền của thủ quỹ.
 - b) Sự thiếu hụt tiền so với sổ sách.
 - c) Sự hoán chuyển tiền từ quỹ này sang quỹ khác.
 - d) Các câu trên đều đúng.

CÂU HỎI ÔN TẬP

- 8.6. Anh (chị) hãy cho biết các đặc điểm của thư xác nhận ngân hàng về các phương diện: thông tin cần xác nhận, cỡ mẫu chọn và các thủ tục cần thực hiện nếu không nhận được thư trả lời.
- 8.7. (*) Vì sao thủ tục phân tích thường ít được sử dụng trong kiểm toán tiền?
- 8.8. (*) Vì sao thư xác nhận về số dư của tài khoản Tiền gửi ngân hàng vào thời điểm khóa sổ không phải là bằng chứng duy nhất cần thu thập khi tiến hành kiểm toán khoản mục Tiền gửi ngân hàng?
- 8.9. (*) Liệt kê ba thủ tục kiểm toán có thể giúp phát hiện gian lận đối với khoản mục Tiền?
- 8.10. (*) Cho biết mục đích cơ bản của bảng chỉnh hợp bốn cột?

BÀI TẬP

- 8.11. Thủ quỹ Phát vừa mới được công ty Hoàng Anh tuyển dụng vào tháng 12/200X, được giao nhiệm vụ giữ sổ séc, phát hành séc và lập bảng chỉnh hợp Tiền gửi ngân hàng vào cuối tháng. Sổ séc của đơn vị là cuốn sổ đã có sẵn chữ ký của chủ tài khoản nhưng chưa ghi tên người thụ hưởng và số tiền. Mỗi khi được phê chuẩn thanh toán, Phát sẽ điền tên người thụ hưởng và số tiền vào tờ séc đã được ký trước.

Ngay trong tháng làm việc đầu tiên, Phát đã trì hoãn phát hành séc chi trả cho các nhà cung cấp đã được giám đốc phê chuẩn thanh toán

và chỉ phát hành séc vào cuối tháng, với mục đích là làm cho các séc này trở thành các séc chưa thanh toán (công ty Hoàng Anh đã phát hành nhưng người thụ hưởng chưa lĩnh) vào cuối tháng.

Sau đó, căn cứ vào tổng số tiền ghi trên các séc chưa thanh toán, Phát lập thêm các séc khống ghi tên mình và biến thủ số tiền trên. Trên bảng chính hợp tiền gửi ngân hàng tháng 12, Phát không báo cáo các séc chưa thanh toán. Trên sổ đăng ký séc đã phát hành, Phát ghi các séc khống là các séc bị hủy.

Yêu cầu:

Cho biết những khiếm khuyết của hệ thống kiểm soát nội bộ tại công ty Hoàng Anh và các thủ tục kiểm soát nhằm ngăn ngừa loại gian lận trên.

8.12. (*) Cho biết những thủ tục kiểm soát đối với tiền cần được áp dụng để ngăn chặn các sai phạm có thể xảy ra sau đây:

- a) Thủ quỹ không ghi nhận doanh thu bán hàng thu tiền mặt vào sổ và biến thủ số tiền nhận được.
- b) Nhân viên bán hàng không ghi nhận tiền thu từ các khoản phải thu khách hàng vào sổ và biến thủ số tiền nhận được.
- c) Kế toán chi tiết ghi sót ở sổ chi tiết một số khoản thu được từ khách hàng.
- d) Kế toán biến thủ tiền thu từ khách hàng bằng cách ghi Có tài khoản Phải thu (nhằm xóa sổ) đối ứng với ghi Nợ tài khoản Chi phí.
- e) Chi tiền cho hóa đơn dù hàng hóa chưa nhận (theo hợp đồng, công ty chỉ thanh toán tiền sau khi nhận hàng).
- f) Chi tiếp khách nhưng ghi Nợ tài khoản Hàng hóa.

8.13. (*) Giả sử bạn đang kiểm toán khoản mục Tiền cho báo cáo tài chính của niên độ kết thúc vào ngày 31/12, hãy cho biết những mục tiêu kiểm toán có liên quan đến các thủ tục kiểm toán sau:

- a) Đếm và liệt kê các loại tiền mặt tồn quỹ vào ngày 31/12.
- b) Dựa trên sổ phụ của ngân hàng để kiểm tra việc ghi chép các nghiệp vụ tiền gửi ngân hàng trên sổ kế toán từ ngày 25/12/20x0 đến ngày 9/01/20x1.

- c) Kiểm tra các nghiệp vụ chuyển tiền phát sinh vào tuần lễ cuối cùng của niên độ trước và tuần lễ đầu tiên của niên độ sau.
- d) Điều tra các séc có số tiền lớn hay bất thường thanh toán cho các chi nhánh của công ty.

8.14. Công ty Phan Quân mở tài khoản giao dịch tại hai ngân hàng Phát Tài và An Tâm. Phan Quân thực hiện các nghiệp vụ chuyển tiền từ ngân hàng Phát Tài sang ngân hàng An Tâm và thể hiện trên tài liệu kế toán như sau:

Nghiệp vụ	Ngân hàng phát tài		Ngân hàng an tâm	
	Trên sổ kế toán	Sổ phụ ngân hàng	Trên sổ kế toán	Sổ phụ ngân hàng
1	03/01/200X+1	30/12/200X	31/12/200X	30/12/200X
2	03/01/200X+1	31/12/200X	02/01/200X+1	02/01/200X+1
3	03/01/200X+1	31/12/200X	02/01/200X+1	31/12/200X
4	05/01/200X+1	01/01/200X+1	04/01/200X+1	01/01/200X+1
5	01/01/200X+1	01/01/200X+1	31/12/200X	31/12/200X
6	02/01/200X+1	02/01/200X+1	31/12/200X	02/01/200X
7	31/12/200X	03/01/200X+1	03/01/200X+1	03/01/200X+1

Yêu cầu: Hãy cho biết:

- a) Nghiệp vụ nào sẽ làm số dư tài khoản Tiền gửi ngân hàng trên sổ kế toán của công ty Phan Quân lớn hơn, nhỏ hơn hoặc bằng so với số dư trên sổ phụ ngân hàng vào ngày 31/12/200X. Giả định rằng tất cả các nghiệp vụ khác đều được ghi nhận giống nhau giữa sổ kế toán và sổ phụ ngân hàng.
- b) Nghiệp vụ nào trên đây thể hiện việc sử dụng thủ thuật kiting?

8.15. (*) Bạn là kiểm toán viên phụ trách kiểm toán khoản mục Tiền gửi ngân hàng cho công ty Tân Tạo. Tân Tạo có mở ba tài khoản giao dịch tại ba ngân hàng khác nhau là ngân hàng A, B và C, và Tân Tạo không mở thêm tài khoản Tiền gửi ngân hàng nào trong năm tài chính được kiểm toán. Bạn đã đánh giá rủi ro kiểm soát đối với khoản mục Tiền gửi ngân hàng là thấp và do vậy không thực hiện các thủ tục để phát hiện gian lận. Bạn cũng đã nhận đầy đủ thư xác

nhận của các ngân hàng về số dư tài khoản của Tân Tạo vào ngày 31/12/200X và sổ phụ ngày 29/12/200X đến ngày 07/01/200X+1.

Yêu cầu:

Ngoài việc gửi thư xác nhận, hãy cho biết kiểm toán viên cần thực hiện các thử nghiệm cơ bản nào khi kiểm toán khoản mục Tiền gửi ngân hàng của công ty Tân Tạo.

8.16. (*) Các số liệu của Công ty Raymar vào ngày 31.12.200X như sau:

1. Sổ phụ ngân hàng ngày 31.12.200X có số dư như sau:
30.11: 31.000.000đ.
31.12: 44.000.000đ.
2. Số dư Tiền gửi ngân hàng trên Sổ cái:
30.11: 10.500.000đ.
31.12: 30.400.000đ.
3. Tổng số ký thác và báo có ở ngân hàng tháng 12.200X là 253.400.000đ.
4. Các khoản ký thác chưa ghi nhận (Deposits in transit):
30.11: 6.600.000đ.
31.12: 9.600.000đ.
5. Séc chưa thanh toán (Outstanding checks):
30.11: 15.000.000đ.
31.12: 16.400.000đ.
6. Các khoản thu qua ngân hàng chưa được ghi nhận trên Sổ cái là 13.200.000đ vào tháng 11 và 11.400.000đ vào tháng 12.
7. Phí dịch vụ của ngân hàng chưa ghi nhận trên Sổ cái của tháng 11 là 600.000đ và tháng 12 là 400.000đ.
8. Một séc không có tiền thanh toán (NSF check - Not sufficient funds check) có số tiền 1.800.000đ do khách hàng thanh toán bị ngân hàng trả lại vào ngày 24.12 và chưa được tái ký thác. Séc NSF của tháng 11 tái ký thác vào tháng 12 là 500.000đ.
9. Vào ngày 28.12 có một séc 1.800.000đ của Bohol Corporation bị Ngân hàng trừ nhầm vào tài khoản của Raymar.
10. Tổng số thu quỹ trên Sổ cái trong tháng 12.200X là 257.700.000đ.

11. Tổng số chi quỹ trên Sổ cái trong tháng 12.200X là 237.800.000đ.
12. Tổng số chi và báo nợ ở ngân hàng trong tháng 12.200X là 239.800.000đ.

Yêu cầu:

- a) Lập biểu chỉnh hợp Tiền gửi ngân hàng cho công ty Rayman ngày 31.12.200X.
 - b) Đề nghị các bút toán điều chỉnh cần thiết.
 - c) Lập biểu bảng chỉnh hợp bốn cột cho tháng 12.200X.
- 8.17. Kiểm toán viên Lân được giao phụ trách kiểm toán khoản mục Tiền của công ty Sao Sáng cho niên độ kế toán kết thúc vào 31.12.200X. Lân đã thu thập các thông tin sau trên bảng chỉnh hợp ngân hàng:
1. Số dư tài khoản Tiền gửi ngân hàng vào 31.12.200X trên sổ cái là 126.000.000 đ.
 2. Ký thác chưa được ghi nhận vào 31.12.200X là 158.000.000 đ (gồm 3 séc số 305, 708 và 345).
 3. Ngân hàng đã gửi giấy báo có các khoản ký thác trên (trong sổ phụ ngân hàng tháng 1.200X+1) như sau:
 - Ngày 2.1.200X+1, séc số 305 trị giá 50.000.000 đ.
 - Ngày 3.1.200X+1: séc số 708 trị giá 30.000.000 đ.
 - Ngày 12.1.200X+1: séc số 345 trị giá 78.000.000 đ.

Dựa trên bảng chỉnh hợp của các tháng trước, kiểm toán viên nhận thấy thời gian từ khi ký thác đến khi ngân hàng báo có thường từ 3 đến 5 ngày.

Yêu cầu:

- a) Hãy cho biết liệu có các sai phạm đối với khoản mục Tiền của công ty Sao Sáng không?
- b) Cho biết động cơ của các sai phạm nêu trên (nếu có).
- c) Cho biết các thủ tục mà kiểm toán viên cần thực hiện để phát hiện sai phạm (nếu có).

CHƯƠNG IX

KIỂM TOÁN NỢ PHẢI THU KHÁCH HÀNG

CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

- 9.1.** Kiểm soát nội bộ đối với nợ phải thu khách hàng được xem là hữu hiệu khi nhân viên kế toán giữ sổ chi tiết các khoản phải thu không được kiêm nhiệm việc:
- a) Phê chuẩn việc bán chịu cho khách hàng.
 - b) Xóa sổ nợ phải thu khách hàng.
 - c) Thực hiện thu tiền.
 - d) Cả 3 câu trên đều đúng.
- 9.2.** Kiểm toán viên chọn mẫu để kiểm tra việc ghi chép các nghiệp vụ bán hàng từ các chứng từ gửi hàng lần theo đến hóa đơn bán hàng và đến sổ kế toán. Thử nghiệm này được thực hiện nhằm thỏa mãn cơ sở dẫn liệu nào của khoản mục Nợ phải thu/ Doanh thu:
- a) Chính xác.
 - b) Phát sinh.
 - c) Đầy đủ.
 - d) Câu a và c đúng.
- 9.3.** Thủ tục kiểm soát nào sau đây nhằm đảm bảo hợp lý nhất rằng mọi nghiệp vụ bán chịu trong kỳ của đơn vị đều được ghi nhận:
- a) Nhân viên phụ trách bán hàng gửi một liên của các đơn đặt hàng đến bộ phận bán chịu để so sánh hạn mức bán chịu dành cho khách hàng và số dư nợ phải thu của khách hàng.
 - b) Các chứng từ gửi hàng, hóa đơn bán hàng được đánh số liên tục trước khi sử dụng.
 - c) Kế toán trưởng kiểm tra độc lập sổ chi tiết và sổ cái tài khoản Phải thu khách hàng hàng tháng.
 - d) Kế toán trưởng kiểm tra danh mục đơn đặt hàng, phiếu giao hàng mỗi tháng và điều tra khi có sự khác biệt giữa số lượng hàng trên đơn đặt hàng và số lượng hàng xuất giao.

- 9.4.** Để đáp ứng mục tiêu phát sinh của doanh thu bán chịu, kiểm toán viên cần chọn mẫu kiểm tra từ:
- a) Hồ sơ các đơn đặt hàng.
 - b) Hồ sơ các lệnh giao hàng.
 - c) Sổ chi tiết các khoản phải thu.
 - d) Tài khoản Doanh thu.
- 9.5.** Khi kiểm tra khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi, kiểm toán viên thường xem xét thời gian đến hạn của các khoản phải thu. Việc kiểm tra này nhằm đáp ứng mục tiêu kiểm toán:
- a) Hiện hữu và phát sinh.
 - b) Đánh giá.
 - c) Đầy đủ.
 - d) Quyền và nghĩa vụ.

CÂU HỎI ÔN TẬP

- 9.6.** (*) Trình bày đặc điểm của khoản mục nợ phải thu khách hàng trên bảng cân đối kế toán và mối quan hệ với các khoản mục trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh?
- 9.7.** Để hiểu rõ sự vận hành của hệ thống kiểm soát nội bộ trong chu trình bán hàng, kiểm toán viên có thể thực hiện kỹ thuật walk-through. Hãy cho biết trình tự và các nội dung công việc kiểm toán viên cần thực hiện?
- 9.8.** (*) Hãy cho biết các rủi ro tiềm tàng trong chu trình bán hàng và cho ví dụ minh họa?
- 9.9.** Nếu nghi ngờ tiền của khách hàng có thể bị biến thủ do đơn vị không thực hiện việc phân nhiệm đầy đủ trong hoạt động kiểm soát nợ phải thu, kiểm toán viên có thể sử dụng các thủ tục kiểm toán nào để phát hiện sai phạm?
- 9.10.** (*) Phân biệt sự khác nhau giữa hai phương pháp thu thập thư xác nhận từ khách hàng: dạng A và dạng B (Dạng A: ghi rõ số nợ phải thu và yêu cầu khách nợ xác nhận là đúng hoặc bằng bao nhiêu ; dạng B: không ghi rõ số nợ phải thu mà yêu cầu khách nợ ghi rõ số nợ phải thu hoặc có ý kiến khác). Cho biết điều kiện áp dụng từng phương pháp? Trường hợp nào cần sử dụng cả hai phương pháp xác nhận?

BÀI TẬP

9.11. Dưới đây là những nội dung được liệt kê không theo thứ tự liên quan đến mục tiêu kiểm soát nội bộ, các sai sót tiềm tàng, các thủ tục kiểm soát.

- a) Hãy sắp xếp các nội dung này vào bảng tổng hợp theo mẫu ở bên dưới (Chú ý: một nội dung có thể sử dụng nhiều lần):

Phát sinh - Đối chiếu đơn giá trên hóa đơn với bảng giá được duyệt, đối chiếu số lượng hàng hóa với Phiếu giao hàng, kiểm tra việc tính toán số học trước khi gửi hóa đơn - Doanh thu không có thật - Đánh số liên tục phiếu giao hàng và hóa đơn bán hàng - Xây dựng bảng giá - Đầy đủ - Phân chia trách nhiệm giữa các chức năng nhận đặt hàng, gửi hàng và ghi hóa đơn - Kế toán chỉ ghi nhận doanh thu khi có chữ ký khách hàng chấp nhận đơn đặt hàng và phiếu giao hàng đính kèm hóa đơn bán hàng - Doanh thu ghi nhận không đúng số tiền - Đánh giá - Hàng hóa đã giao nhưng doanh thu chưa được ghi nhận.

- b) Thiết kế các thử nghiệm kiểm soát tương ứng với các thủ tục kiểm soát.

Mẫu bảng tổng hợp

Mục tiêu kiểm soát	Sai sót tiềm tàng	Thủ tục kiểm soát	Thử nghiệm kiểm soát

9.12. (*) Hãy cho biết các thử nghiệm cơ bản sau đây nhằm đáp ứng mục tiêu kiểm toán nào của khoản mục Phải thu khách hàng?

Thử nghiệm cơ bản	Mục tiêu kiểm toán
1. Liệt kê các khoản nợ phải thu trên sổ chi tiết theo tuổi nợ và đối chiếu số tổng cộng với số dư tài khoản phải thu trên sổ cái.	
2. Gửi thư xác nhận nợ phải thu đến khách hàng	
3. Kiểm tra việc khóa sổ các nghiệp vụ bán hàng	
4. Chọn mẫu một số hóa đơn bán hàng, sau đó so sánh giá và phương thức thanh toán trên hóa đơn với bảng giá và phương thức thanh toán đã được phê chuẩn.	

5. Kiểm tra xem doanh nghiệp có đem các khoản phải thu đi thế chấp hay bán nợ cho một công ty tài chính nào không.	
--	--

9.13. (*) Dưới đây là một số nội dung được nêu trong thư hồi âm của khách hàng gửi cho kiểm toán viên để giải thích sự khác biệt về số liệu, bạn hãy cho biết các nguyên nhân có thể đưa đến các khác biệt này:

Thư xác nhận của khách hàng	Nguyên nhân
1. Chúng tôi chưa nhận được hàng của hóa đơn liên quan đến số dư yêu cầu xác nhận	
2. Chúng tôi đã thanh toán cho số dư này	
3. Chúng tôi đã trả lại số hàng này	

9.14. Kiểm toán viên Lân được giao phụ trách kiểm toán khoản mục Nợ phải thu khách hàng cho công ty Ánh Sao cho niên độ kết thúc vào 31.1.2.200X.

Tài khoản Phải thu khách hàng có số dư 2.050.000.000 đ. Tổng số khách hàng còn nợ vào cuối niên độ là 60 khách hàng. Lân đã chọn 20 khách hàng để gửi thư xác nhận. Việc lựa chọn các khách hàng để gửi thư xác nhận chủ yếu dựa vào các khách hàng có giao dịch thường xuyên (có số phát sinh lớn).

Khi nhận thư hồi âm, Lân nhận thấy có 15 thư có số dư phù hợp với số dư trên sổ sách kế toán, 4 thư xác nhận có sự khác biệt và 1 thư không được trả lời. Số dư trên sổ sách kế toán của bốn thư xác nhận có khác biệt về số liệu như sau:

- a) Khách hàng An Phước: 20.500.000 đ.
- b) Khách hàng Tây An: 16.800.000 đ.
- c) Khách hàng Biệt Lệ: 64.000.000 đ.
- d) Khách hàng Bình Tây: 7.000.000 đ.

Các khách hàng này đã giải thích trên thư hồi âm về khoản chênh lệch đó như sau:

- a) Khách hàng An Phước: Số dư 20.050.000đ đã được chúng tôi thanh toán bằng ủy nhiệm chi vào ngày 29.12.200X. Vì vậy chúng tôi không nợ công ty bất cứ khoản nào vào ngày 31/12/200X.

- b) Khách hàng Tây An: Số dư trên sổ sách chúng tôi là 0. Số dư 16.800.000 đ là giá trị của lô hàng theo hóa đơn số 832, nhận vào ngày 4.1.200X+1. Vì vậy chúng tôi không nợ công ty bất cứ khoản nào vào ngày 31/12/200X.
- c) Khách hàng Biệt Lệ: Chúng tôi chỉ còn nợ 17.000.000 đ vào ngày 31/12/200X. Số dư 47.000.000 đ là giá trị của hóa đơn số 834 ngày 30/12/200X nhưng hàng được nhận vào ngày 5/1/200X+1.
- d) Khách hàng Bình Tây: số dư 7.000.000 đ là trị giá của lô hàng theo hóa đơn số 811 ngày 21.12.200X. Lô hàng này chúng tôi đã gửi trả lại vào ngày 28.12.200X vì hàng giao không đúng phẩm chất.

Riêng đối với khách hàng không trả lời, kiểm toán viên đã kiểm tra các bản lưu của hóa đơn.

Yêu cầu:

1. Cho nhận xét về phương pháp làm việc của kiểm toán viên Lân. Việc lựa chọn các khách hàng có giao dịch thường xuyên để gửi thư xác nhận có phải là biện pháp hữu hiệu nhất không? Những cơ sở nào cần xem xét khi chọn lựa khách hàng để gửi thư xác nhận?
2. Hãy cho biết nguyên nhân đưa đến sự khác biệt trên và các thủ tục kiểm toán bổ sung cần thực hiện để làm rõ sự khác biệt cho mỗi trường hợp nêu trên.
3. Giả sử kết quả các thử nghiệm bổ sung cho thấy xác nhận của khách hàng trong 4 trường hợp trên là đúng. Hãy cho biết các bút toán đề nghị điều chỉnh nếu có (biết rằng 4 nghiệp vụ trên đều đã được công ty ghi nhận vào doanh thu của niên độ).

9.15. (*) Dưới đây là một số thủ tục kiểm toán:

1. Gửi thư xác nhận ngân hàng về các khoản nợ vay và các khoản thế chấp.
2. Chọn mẫu các hóa đơn bán hàng và kiểm tra xem chúng có được ghi nhận trong sổ nhật ký bán hàng và sổ chi tiết các khoản phải thu.
3. Chọn mẫu các chứng từ giao hàng, hóa đơn bán hàng trước và sau thời điểm khóa sổ kế toán để kiểm tra việc ghi chép chính xác niên độ của các khoản doanh thu.

4. Gửi thư xác nhận nợ phải thu khách hàng.
5. Liệt kê các khoản nợ phải thu trên sổ chi tiết theo tuổi nợ và đối chiếu số tổng cộng với số dư tài khoản Phải thu khách hàng.
6. Kiểm tra việc lập dự phòng nợ phải thu khó đòi để xem xét các khoản này có được tính toán chính xác và đánh giá đúng quy định hiện hành không.
7. Thực hiện các thủ tục kiểm toán thay thế đối với các khoản nợ phải thu khách hàng không nhận được thư trả lời.

Yêu cầu:

Hãy cho biết mục tiêu kiểm toán tương ứng của từng thủ tục trên (Một thủ tục kiểm toán có thể được chọn nhiều lần hoặc không được chọn) theo mẫu dưới đây:

Thủ tục kiểm toán số	Mục tiêu kiểm toán
	Các khoản phải thu khách hàng vào ngày lập báo cáo thuộc về đơn vị
	Mọi khoản phải thu đều được ghi nhận đầy đủ
	Mọi khoản phải thu đều được ghi nhận đúng kỳ
	Nợ phải thu được đánh giá đúng đắn
	Các khoản phải thu đã ghi nhận là có thực

9.16. (*) Kiểm toán viên Ngọc đang thiết kế chương trình kiểm toán khoản mục Nợ phải thu khách hàng của công ty Sông Lô. Khoản mục Nợ phải thu chiếm một vị trí rất quan trọng trên báo cáo tài chính của công ty Sông Lô mà trong đó chủ yếu là các khoản bán hàng cho các đại lý ở các tỉnh với thời gian trả chậm từ 3 đến 6 tháng.

Yêu cầu:

- a) Nêu các thủ tục kiểm soát chủ yếu mà công ty Sông Lô cần tiến hành đối với nợ phải thu khách hàng.
- b) Trong các mục tiêu kiểm toán tổng quát (hiện hữu, quyền và nghĩa vụ, đầy đủ, đánh giá, ghi chép chính xác, trình bày và công bố), hãy cho biết mục tiêu nào là quan trọng nhất trong trường hợp này và các thử nghiệm cơ bản cần thiết để đạt mục tiêu này.

9.17. (*) Khi tìm hiểu về hoạt động bán hàng của công ty Thần Châu, kiểm toán viên Tùng ghi nhận những thay đổi sau trong chính sách bán chịu:

1. Đơn vị tiến hành phân loại khách hàng và áp dụng hạn mức bán chịu khác nhau cho từng nhóm khách hàng. Các khách hàng cũ và luôn thanh toán đúng hạn sẽ được bán chịu nhiều hơn và cho trả chậm lâu hơn các khách hàng mới hoặc các khách hàng thường vi phạm thời hạn thanh toán.
2. Để giảm bớt chi phí, đơn vị bỏ thủ tục gửi thư hàng tháng cho khách hàng thông báo về tình hình công nợ (dư đầu kỳ, phát sinh trong kỳ và dư cuối kỳ).
3. Ngoài ra đơn vị còn cắt giảm một nửa số nhân viên kỳ cựu và thay vào đó sử dụng một phần mềm theo dõi tự động doanh thu và công nợ vào tháng 11.200X.

Yêu cầu:

- a) Hãy cho biết mỗi thay đổi trên liên quan đến loại rủi ro nào trong các thành phần của rủi ro kiểm toán?
- b) Hãy cho biết mỗi thay đổi trên liên quan đến mục tiêu kiểm toán nào của số dư Nợ phải thu khách hàng.

9.18. (*) Dưới đây là một số sai phạm có thể xảy ra trong khoản mục Nợ phải thu khách hàng:

1. Tiền thu nợ khách hàng của niên độ sau được ghi vào niên độ hiện hành.
2. Mức dự phòng được lập thường thấp hơn mức thực tế vì doanh nghiệp không nghiên cứu đầy đủ thông tin có liên quan.
3. Nhiều khoản nợ phải thu trên sổ sách có chênh lệch với số liệu của khách hàng do công ty không đối chiếu công nợ thường xuyên.
4. Không công bố thông tin về các khoản nợ phải thu đem thế chấp để vay ngân hàng.
5. Tổng cộng số chi tiết các khoản nợ phải thu không khớp với số liệu trên sổ cái.
6. Mức nợ không thu hồi được khá cao do công ty không thu thập thông tin về khả năng trả nợ của khách hàng khi phê chuẩn việc bán chịu.

Yêu cầu:

- a) Đối với mỗi sai phạm có thể xảy ra nêu trên, hãy cho biết thủ tục kiểm soát nào có thể giúp ngăn chặn chúng.
- b) Với mỗi sai phạm có thể xảy ra trên, hãy thiết kế thủ tục kiểm toán để phát hiện chúng.

9.19. (*) Kiểm toán viên Ngà được giao phụ trách khoản mục nợ phải thu trong báo cáo tài chính của công ty Thu An cho niên độ kế toán kết thúc vào 31.12.200X. Thu An là công ty thương mại kinh doanh các mặt hàng thực phẩm. Khi thực hiện thủ tục phân tích, kiểm toán viên đã tính toán các số liệu sau:

	Số liệu bình quân ngành		Số liệu của công ty	
	200X-1	200X	200X-1	200X
Vòng quay của tài sản ngắn hạn	3,3	3,8	2,2	2,6
Số ngày thu nợ bình quân	87	93	67	60
Số ngày bán hàng	126	121	93	89
Hàng tồn kho/Tài sản ngắn hạn	56%	51%	49%	48%
Tỷ suất lãi gộp	21%	27%	21%	19%

Yêu cầu:

1. Hãy nhận diện những điểm bất thường thông qua các tỷ số được tính toán nêu trên. Cho biết các thông tin kiểm toán viên cần thu thập thêm?
2. Cho biết các nguyên nhân làm các tỷ số của công ty Thu An khác biệt so với số bình quân ngành?

CHƯƠNG X

KIỂM TOÁN HÀNG TỒN KHO VÀ GIÁ VỐN HÀNG BÁN

CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

10.1. Thủ tục nào dưới đây thường ít được kiểm toán viên chú trọng khi tiến hành kiểm toán hàng tồn kho:

- a) Điều tra xem liệu đơn vị có khai báo đầy đủ tất cả hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của mình.
- b) Kiểm tra việc tính giá hàng tồn kho của đơn vị có phù hợp chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành.
- c) Xem xét việc trình bày và công bố hàng tồn kho có phù hợp với yêu cầu của chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành.
- d) Kiểm tra việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

10.2. Thủ tục kiểm toán nào dưới đây không thể thay thế thủ tục chứng kiến kiểm kê vào ngày kết thúc niên độ:

- a) Gửi thư xác nhận đối với hàng tồn kho của doanh nghiệp được gửi tại kho của đơn vị khác.
- b) Chứng kiến kiểm kê hàng tồn kho vào ngày sau ngày kết thúc niên độ và cộng (trừ) hàng tồn kho bán (mua) từ ngày kết thúc niên độ đến ngày kiểm kê.
- c) Thu thập giải trình của nhà quản lý về sự hiện hữu, chất lượng và giá trị của hàng tồn kho cuối kỳ.
- d) Cả 3 câu trên đều sai.

10.3. Thủ tục nào dưới đây nhằm thỏa mãn mục tiêu đánh giá đối với hàng tồn kho:

- a) Đối chiếu số lượng hàng tồn kho trên biên bản kiểm kê với số liệu trên sổ sách kế toán.

- b) Kiểm tra số tổng cộng trên bảng kê chi tiết hàng tồn kho và đối chiếu với sổ chi tiết, sổ cái.
 - c) Xem xét liệu đơn vị có hàng tồn kho chậm luân chuyển, lỗi thời....
 - d) So sánh đơn giá hàng tồn kho so với năm trước
- 10.4** Thủ tục nào dưới đây kiểm toán viên thường sử dụng để phát hiện hàng tồn kho chậm luân chuyển:
- a) Chứng kiến kiểm kê hàng tồn kho.
 - b) Phỏng vấn thủ kho.
 - c) Kiểm tra sổ chi tiết hàng tồn kho.
 - d) Tất cả các cách trên.
- 10.5.** Phân tích số vòng quay hàng tồn kho rất hữu ích khi kiểm toán hàng tồn kho vì sẽ giúp kiểm toán viên phát hiện:
- a) Việc tính giá hàng tồn kho không chính xác.
 - b) Hàng hóa bị lỗi thời, chậm luân chuyển.
 - c) Hàng dự trữ quá mức cần thiết.
 - d) Tất cả các câu trên đều sai.

CÂU HỎI ÔN TẬP

- 10.6. (*)** Vì sao trong công tác kiểm toán, hàng tồn kho luôn là phần quan trọng nhất và tốn nhiều thời gian nhất đối với các doanh nghiệp sản xuất và thương mại?
- 10.7.** Cho biết các nguyên nhân làm cho giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được và các thủ tục kiểm toán cần thực hiện nhằm xác định liệu giá trị thuần có thể thực hiện được có thấp hơn giá gốc hay không?
- 10.8.** Cho biết các thủ tục cần thực hiện để kiểm tra việc ước tính giá trị thuần có thể thực hiện được đối với hàng tồn kho của đơn vị?
- 10.9.** Kiểm toán viên Thu phụ trách kiểm toán khoản mục hàng tồn kho cho báo cáo tài chính của công ty Thần Châu, một công ty chế biến

thức ăn gia súc, cho niên độ kế toán kết thúc vào 31.12.200X. Kiểm toán viên đã thu thập thông tin để xem liệu công ty có hoạt động theo công suất bình thường không.

Yêu cầu: Hãy cho biết:

- a) Nguyên nhân khiến kiểm toán viên Thu phải tìm hiểu xem liệu công ty có hoạt động theo công suất bình thường không?
- b) Các thủ tục cần sử dụng để thu thập những thông tin này?

10.10. (*) Kiểm toán viên Tài được giao phụ trách kiểm toán khoản mục hàng tồn kho cho công ty Thái An cho niên độ kế toán kết thúc vào 31.12.200X. Khi thực hiện thử nghiệm cơ bản đối với hàng tồn kho, kiểm toán viên Tài nhận thấy có thể có một số sai sót tiềm tàng có thể xuất hiện như sau:

1. Một số mặt hàng không được kiểm kê.
2. Những lô hàng mua vào ngày gần ngày kết thúc niên độ có thể được đến khi kiểm kê nhưng không ghi vào sổ kế toán.
3. Doanh nghiệp không theo dõi riêng hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm luân chuyển.
4. Hàng tồn kho giữ hộ có thể bị tính chung vào hàng tồn kho của doanh nghiệp.

Yêu cầu:

- a) Cho biết các thủ tục kiểm toán cần thực hiện để phát hiện các sai sót tiềm tàng nêu trên.
- b) Đối với mỗi thủ tục kiểm toán, cho biết các mục tiêu kiểm toán có liên quan.
- c) Cho biết tên của loại bằng chứng có liên quan.

BÀI TẬP

10.11. Kiểm toán viên Long được giao phụ trách kiểm tra khoản mục hàng tồn kho cho Công ty Trường Sinh cho niên độ kế toán kết thúc vào 30/09/200X. Trường Sinh kinh doanh máy vi tính và áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên trong hạch toán hàng tồn kho và sử dụng phương pháp FIFO để tính giá hàng tồn kho.

Các thông tin kiểm toán viên Long thu thập được về mặt hàng BQ của công ty như sau:

- Số lượng hàng tồn kho vào 30/9/200X: 150 đơn vị.
- Các thông tin thu thập từ sổ kế toán năm 200X như sau:

Ngày	Số lượng mua (đơn vị)	Giá mua (1.000đ)	Số lượng bán (đơn vị)	Giá bán (1.000đ)
02/9	100	500	60	530
03/9 đến 16/9	60	503	80	528
17/9 đến 30/9	70	506	50	526
1/10 đến 14/10	50	509	70	524
15/10 đến 28/10	80	512	50	522
29/10 đến 11/11	40	515	50	520

- Tài liệu khác:
 - Chi phí bán hàng và quảng cáo ước tính: 3% doanh thu.
 - Chi phí vận chuyển hàng bán ước tính: 2% doanh thu.
 - Chi phí quản lý doanh nghiệp ước tính: 7% doanh thu.

Yêu cầu:

Hãy tính giá trị hàng tồn kho của mặt hàng BQ vào ngày 30/9/200X theo:

1. Giá gốc.
2. Giá trị thuần có thể thực hiện được.
3. Giá trị trình bày trên báo cáo tài chính theo VAS 02 – Hàng tồn kho.

Biết rằng kiểm toán viên đã kiểm tra việc ghi chép chính xác niên độ và không phát hiện được sai phạm nào đối với hàng mua và hàng bán.

- 10.12.** Kiểm toán viên Hồ được giao kiểm toán khoản mục hàng tồn kho của công ty thương mại bán sỉ hóa chất Sao Việt cho niên độ kế

toán kết thúc vào ngày 31/12/200X. Sao Việt áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ trong hạch toán hàng tồn kho và sử dụng phương pháp FIFO để tính giá hàng tồn kho. Giá bán các hóa chất thường được xác định bằng giá mua cộng lãi gộp bán hàng (tỷ suất lãi gộp bình quân là 25%).

Kiểm toán viên Hồ nhận thấy rằng vào ngày 31/12/200X, phiếu nhập kho cuối cùng mang số 1.063 và không có chuyển gửi hàng nào cho hóa đơn bán hàng có số lớn hơn 968.

Tài liệu trích từ Nhật ký bán hàng và nhật ký mua hàng của công ty năm 200X như sau:

Đơn vị tính: 1.000 đ

Ngày tháng ghi sổ	Hóa đơn		Diễn giải	Ghi Nợ	Ghi Có TK Doanh thu bán hàng
	Ngày	Số			
1/1 đến 26/12			Tổng cộng		658.320
27/12 đến 31/12	27/12	965	Bán hàng từ 27/12 đến 31/12		5.195
	28/12	966			19.270
	28/12	967			1.302
	31/12	969			5.841
	31/12	970			7.922
	31/12	971			2.010
					<u>699.860</u>

Ngày tháng ghi sổ	Phiếu nhập kho		Diễn giải	Tài khoản ghi nợ (hàng hóa)	Phải trả người bán (Ghi có)
	Ngày	Số			
1/1 đến 27/12			Tổng cộng	360.300	
	28/12	1059	Mua hàng từ 28/12 đến 31/12	3.100	
	30/12	1061		8.965	
	31/12	1062		4.861	
	31/12	1063		<u>8.120</u>	
				385.346	

Khi chúng kiến kiểm kê vào ngày 31/12/200X và đối chiếu với các tài liệu trên sổ sách kế toán, kiểm toán viên Hồ chú ý đến một số nghiệp vụ là:

Trên thẻ kho, có một số hóa chất đã mua, đã nhận (phiếu nhập kho số 1.060) nhưng do hóa đơn bị thất lạc nên kế toán đã không ghi nhận vào sổ. Số hàng này trị giá 2.183.000 đồng.

Trong kho có một số hàng công ty đã bán và đã được khách hàng trả tiền, được phản ánh trên hóa đơn số 965 nhưng khách hàng chưa nhận. Số hàng này không được đếm khi kiểm kê và hàng được bảo quản riêng.

Ngoài hàng hóa chứa trong kho, còn một số hàng khác trên xe (nằm tại bãi đậu xe của công ty) không được kiểm kê bao gồm:

- a) Xe 50-AR-3816 nhận hàng từ nhà cung cấp, hàng được bốc dỡ vào 2/1/200X+1. Số hàng nhận được ghi trên phiếu nhập kho số 1.063. Nhà cung cấp chịu phí tổn chuyên chở.
- b) Xe 54-AE-7412 chở hàng giao cho khách hàng. Số hàng này công ty đã bán và đã được khách hàng trả tiền, được phản ánh trên hóa đơn số 968. Xe rời khỏi công ty vào 2/1/0200X+1. Giá bán là 12.700.000 đồng, khách hàng chịu phí chuyên chở.
- c) Xe 54-BC-1902 chở hàng giao cho khách hàng B theo hóa đơn bán hàng số 966, điều kiện bán hàng: Hàng giao tại kho người mua.
- d) Vào cuối ngày 31/12, một xe chở hàng đến công ty, số hàng nhận được đã ghi trong phiếu nhập kho số 1064.
- e) Khi quan sát kiểm kê, kiểm toán viên phát hiện một số hàng hư hỏng và không bán được có giá gốc là 1 250.000 đồng.

Yêu cầu:

Bạn hãy nhận xét về phương pháp xử lý của công ty đối với các trường hợp mà kiểm toán viên Hồ phát hiện và bạn hãy đề nghị các bút toán điều chỉnh (nếu cần thiết) đối với các bút toán ghi sai. Giả sử không xem xét đến ảnh hưởng của thuế giá trị gia tăng.

- 10.13. (*) Kiểm toán viên Lán được giao phụ trách kiểm toán khoản mục hàng tồn kho cho niên độ kế toán kế thúc vào ngày

31/12/200X. Khi kiểm tra việc tính giá hàng tồn kho, Linda thu thập các thông tin về mặt hàng A như sau:

- Số lượng mặt hàng A tồn kho vào ngày 31/12/200X là 2.600 đơn vị (đv) có giá gốc là 5.902.000 đồng. Công ty không lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cho mặt hàng A.
- Các nghiệp vụ mua mặt hàng A ghi trên nhật ký mua hàng:
 - Ngày 6/01/200X+1 mua 2.300 đv với đơn giá 2.420 đồng.
 - Ngày 6/12/200X mua 1.900 đv với đơn giá 2.280 đồng
 - Ngày 26/11/200X mua 2.400 đv với đơn giá 2.070 đồng

Yêu cầu:

1. Công ty có sai phạm nào trong việc tính giá hàng tồn kho hay không? Biết rằng công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên trong hạch toán hàng tồn kho và sử dụng phương pháp FIFO để tính giá hàng tồn kho.
 2. Nếu hàng mua vào ngày 6/1/0X+1 có đơn giá 2.120 đồng, kiểm toán viên cần chú ý vấn đề gì?
- 10.14. (*)** Kiểm toán viên An được giao phụ trách kiểm toán khoản mục hàng tồn kho cho công ty Tân Hưng cho niên độ kết thúc ngày 31/12/200X. Tân Hưng áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên trong hạch toán hàng tồn kho.

Vào đầu ngày 31/12/200X, An chứng kiến kiểm kê hàng tồn kho. Do kiểm kê vào đầu ngày, nên chỉ những hàng hóa bán, lập phiếu xuất kho và giao hàng trước ngày 31/12/200X mới được loại khỏi hàng tồn kho khi kiểm kê (tức hàng hóa bán vào ngày 31/12 vẫn được đếm khi kiểm kê).

Tất cả hàng hóa đều được bán theo phương thức hàng giao tại kho người mua. Doanh thu bán hàng được ghi nhận vào ngày lập hóa đơn. Giả sử rằng tất cả các nghiệp vụ mua hàng đã được ghi nhận đúng đắn.

Tài liệu trích từ Nhật ký bán hàng tháng 12/200X và tháng 01/200X+1 như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

	Số tiền trên hóa đơn	Ngày hóa đơn	Giá vốn	Ngày giao hàng tại kho người mua
Tháng 12/200X				
a)	300	21/12	200	31/12
b)	200	31/12	80	3/11
c)	100	29/12	60	30/12
d)	400	31/12	240	03/01
e)	1.000	30/12	560	29/12
Tháng 01/200X+1				
f)	600	31/12	400	30/12
g)	400	02/01	230	02/01
h)	800	03/01	550	31/12

Yêu cầu:

Nhận diện các sai phạm (nếu có) đối với các nghiệp vụ trên và lập những bút toán để nghị điều chỉnh cần thiết.

10.15. Kiểm toán viên Tâm được giao phụ trách kiểm toán khoản mục hàng tồn kho cho công ty thương mại Rạng Đông. Quy trình bán hàng của công ty diễn ra như sau:

- Khi bán hàng, phòng kinh doanh tiếp nhận đơn đặt hàng. Đơn đặt hàng được lập thành 3 liên. Khách hàng giữ 2 liên, một liên lưu lại phòng kinh doanh.
- Khách hàng mang một liên giao cho bộ phận bán chịu để xét duyệt các khoản bán chịu và các khoản giảm giá cho khách hàng (nếu có). Sau đó, bộ phận bán chịu sẽ chuyển cho bộ phận gửi hàng để bộ phận này làm thủ tục gửi hàng. Gửi hàng xong, bộ phận gửi hàng sẽ chuyển một bản lưu cho kế toán hàng tồn kho.
- Liên còn lại khách hàng giao cho thủ quỹ. Căn cứ vào đó, thủ quỹ lập hóa đơn bán hàng. Liên chính giao cho khách hàng, liên còn lại sẽ chuyển đến bộ phận kế toán bán hàng.

Các thông tin khác được thu thập như sau:

- Công ty chỉ lập báo cáo tài chính hàng năm.
- Công ty áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ trong hạch toán hàng tồn kho. Ngày kiểm kê: 31/12/200X.

Khi thực hiện thủ tục phân tích, kiểm toán viên Tâm phát hiện một sự sụt giảm đáng kể về tỷ suất lãi gộp (bảng dưới đây). Biết rằng số liệu năm 200X-1 lấy từ báo cáo kiểm toán năm trước, còn số liệu năm 200X lấy từ báo cáo tài chính năm 200X với giả định rằng số liệu vào 31/12/200X-1 là đúng.

Đơn vị tính: triệu đồng

	200X-1	200X
Doanh thu	3.126	2.514
Hàng tồn kho đầu kỳ	426	441
Mua hàng	2.214	2.067
Tổng cộng	2.640	2.508
Hàng tồn kho cuối kỳ	441	412
Giá vốn hàng bán	2.199	2.096
Lãi gộp	927	418
Tỷ suất lãi gộp	29,7%	16,6%

Yêu cầu: Hãy cho biết:

1. Các nguyên nhân làm tỷ suất lãi gộp giảm đáng kể. Nhận diện các sai sót có thể xảy ra.
2. Trên cơ sở các sai sót có thể xảy ra, cho biết các thủ tục kiểm toán cần thực hiện để phát hiện các sai sót.

10.16. (*) Cho biết ảnh hưởng của mỗi sai phạm sau đây đến khoản phải thu, hàng tồn kho, khoản phải trả, lợi nhuận chưa phân phối của niên độ:

- a) Một nghiệp vụ mua hàng trị giá 45 triệu đồng không được ghi chép nhưng khi kiểm kê vẫn được tính vào hàng tồn kho cuối kỳ.
- b) Một nghiệp vụ bán hàng không được ghi chép. Do người mua còn gửi hàng lại kho nên chúng được kiểm kê vào hàng tồn kho cuối kỳ. Giá bán 100 triệu đồng, giá vốn 60 triệu đồng.

Biết rằng đơn vị sử dụng phương pháp kiểm kê định kỳ, và giả sử là không có ảnh hưởng của thuế đến các nghiệp vụ phát sinh.

10.17. (*) Kiểm toán viên Lân được giao phụ trách kiểm toán khoản mục hàng tồn kho và giá vốn hàng bán cho Công ty An Thái. Tài liệu kế toán của công ty thể hiện các thông tin sau:

- Hàng tồn kho ngày 1/1/200X: 450.000.000 đ.
- Mua hàng trong năm 200X: 3.150.000.000 đ.
- Doanh thu năm 200X: 4 000.000.000 đ.

Kiểm toán viên Lân đã chứng kiến kiểm kê hàng tồn kho vào 31/12/200X và xác định hàng tồn kho của đơn vị vào thời điểm này là 750 triệu đồng. Tỷ lệ lãi gộp bình quân của Công ty An Thái khoảng 30%. Giám đốc công ty cho rằng hàng tồn kho bị mất rất nhiều do nhân viên biển thủ.

Yêu cầu:

Anh (chị) hãy ước tính giá gốc của số hàng bị mất tính đến thời điểm 31/12/200X.

10.18. (*) Kiểm toán viên Loan được giao kiểm toán lần đầu đối với hàng tồn kho của một doanh nghiệp sản xuất. Tuy Loan đã có khá nhiều kinh nghiệm về kiểm toán hàng tồn kho các doanh nghiệp thương mại, nhưng là cấp trên trực tiếp của Loan, anh (chị) hãy viết cho Loan một bản hướng dẫn văn tắt về các cơ sở dẫn liệu và những thủ tục kiểm toán cần lưu ý khi kiểm toán hàng tồn kho cho loại hình doanh nghiệp này.

10.19. (*) Trong cuộc kiểm toán năm đầu tiên của anh chị tại một doanh nghiệp sản xuất có quy mô trung bình, anh chị nhận thấy một nhân viên đảm trách việc mua hàng, nhận hàng và giữ hàng. Đơn vị áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ trong kế toán hàng tồn kho.

Yêu cầu:

- a) Phân tích tất cả sai phạm có thể xảy ra do sự kiêm nhiệm trên và ảnh hưởng của mỗi sai phạm đến báo cáo tài chính.
- b) Hãy đề xuất những thủ nghiệm cơ bản cần áp dụng khi gặp tình huống này.

CHƯƠNG XI

KIỂM TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ CHI PHÍ KHẤU HAO

CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

11.1. Thủ tục nào sau đây không phải là một điểm yếu kém trong kiểm soát nội bộ đối với tài sản cố định:

- a) Việc mua tài sản cố định không được phê chuẩn bởi người có thẩm quyền.
- b) Mọi nghiệp vụ mua tài sản cố định được thực hiện bởi bộ phận có nhu cầu về tài sản đó.
- c) Việc thay thế tài sản cố định được thực hiện ngay khi hết hạn sử dụng theo ước tính ban đầu.
- d) Khi nhượng bán hay thanh lý tài sản cố định, doanh nghiệp lập ra một hội đồng để giải quyết các vấn đề có liên quan.

11.2. Để phát hiện các tài sản cố định đã thanh lý hoặc đã nhượng bán nhưng chưa được ghi giảm, kiểm toán viên có thể sử dụng thủ tục kiểm toán nào sau đây:

- a) Kiểm tra sổ chi tiết tài sản cố định.
- b) Phân tích tỷ suất Hao mòn tài sản cố định / Nguyên giá tài sản cố định.
- c) Phân tích tỷ suất Chi phí sửa chữa và bảo trì Tài sản cố định / Chi phí nhân công trực tiếp.
- d) Xem xét các nghiệp vụ thu tiền bất thường được ghi nhận vào thu nhập khác trong kỳ.

11.3. Khi kiểm toán tài sản cố định, kiểm toán viên thường kiểm tra đồng thời chi phí sửa chữa và bảo trì. Mục tiêu chính của công việc này là để thu thập bằng chứng về:

- a) Các chi phí sửa chữa và bảo trì tài sản cố định không được vốn hóa vì đã hạch toán vào chi phí thời kỳ.
- b) Các khoản chi mua sắm tài sản cố định nhưng lại được hạch toán vào chi phí của kỳ.

- c) Các chi phí sửa chữa và bảo trì tài sản cố định được ghi nhận đúng niên độ kế toán.
 - d) Các khoản chi mua sắm tài sản cố định được ghi nhận đúng niên độ kế toán.
- 11.4.** Để phát hiện các tài sản cố định không sử dụng, thủ tục kiểm soát nào dưới đây cần được thiết lập:
- a) Định kỳ, kế toán trưởng cần lập bảng phân tích các thu nhập khác để phát hiện các khoản thu từ nhượng bán tài sản cố định.
 - b) Định kỳ, quản đốc phân xưởng và các phòng ban báo cáo về tình hình sử dụng tài sản cố định.
 - c) Quan sát kiểm kê của kiểm toán viên nội bộ.
 - d) Tất cả các câu trên đều đúng.
- 11.5.** Khi kiểm toán chi phí khấu hao tài sản cố định, thủ tục kiểm toán nào sau đây đáp ứng tốt nhất mục tiêu ghi chép chính xác:
- a) Kiểm tra lại việc tính toán trên bảng tính khấu hao tài sản cố định.
 - b) Xem xét các phương pháp tính khấu hao để bảo đảm rằng chúng phù hợp với quy định hiện hành.
 - c) Lập bảng so sánh giữa chi phí khấu hao ghi vào tài khoản Chi phí và số phát sinh trên tài khoản Khấu hao lũy kế.
 - d) Cả 3 câu trên đều sai.

CÂU HỎI ÔN TẬP

- 11.6. (*)** Kiểm toán viên Hà được giao phụ trách kiểm toán khoản mục Tài sản cố định của công ty Thanh Niên cho niên độ kết thúc vào ngày 31.12.200X. Qua tìm hiểu Hà được biết công ty có một thiết bị không còn sử dụng được từ tháng 6.200X trị giá 520 triệu đồng. Cho đến cuối năm 200X, công ty vẫn chưa thanh lý tài sản này.

Yêu cầu:

Theo bạn, nếu không ghi chép trên sổ sách kế toán về các tài sản cố định không còn sử dụng được sẽ ảnh hưởng như thế nào đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp? Giải thích.

- 11.7. (*)** Hãy cho biết các thử nghiệm kiểm toán cần thực hiện để phát hiện các tài sản cố định không còn sử dụng được?

- 11.8. (*)** Trình bày các thủ tục kiểm toán cần thực hiện khi kiểm toán chi phí khấu hao tài sản cố định?
- 11.9.** Vì sao kiểm toán viên thường kết hợp kiểm toán tài sản cố định với chi phí sửa chữa và bảo trì. Nêu các thủ tục kiểm toán cần tiến hành?
- 11.10.** Vì sao khi kiểm toán tài sản cố định, kiểm toán viên thường chú trọng nhiều đến kiểm toán các nghiệp vụ mua và nhượng bán tài sản của niên độ hơn là kiểm toán số dư đầu năm? Trong trường hợp nào kiểm toán viên sẽ chú trọng kiểm toán số dư đầu năm?

BÀI TẬP

- 11.11. (*)** Bạn đang kiểm toán tài sản cố định cho Công ty kinh doanh nhà Phú Mỹ Phát, các loại tài sản cố định của Công ty gồm: Quyền sử dụng đất (có thời hạn), nhà, máy vi tính và xe du lịch.

Yêu cầu:

Cho biết các thử nghiệm cần thực hiện và bằng chứng kiểm toán cần thu thập nhằm đáp ứng cơ sở dẫn liệu quyền và đánh giá.

- 11.12.** Kiểm toán viên Ngọc được giao phụ trách kiểm toán khoản mục tài sản cố định cho Công ty Thiên Tân cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31/3/200X.

Khi kiểm tra nguyên giá tài sản cố định tăng trong năm, kiểm toán viên đã thu thập thông tin từ sổ chi tiết tài khoản Tài sản cố định – phần chi tiết máy móc thiết bị như sau:

Tài khoản 211 - Máy móc thiết bị

Đơn vị tính: 1.000đ.

Ngày	Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Nợ	Có
1/4/200X-1	Số dư đầu kỳ		100.000	
31/5/200X-1	Mua máy mới (R16)	112	10.500	
2/1/200X	Mua máy mới (H23)	112	8.400	
1/2/200X	Mua máy mới (H24)	111	8.400	
1/3/200X	Mua máy mới (H25)	331	8.400	

Khi kiểm tra các tài liệu có liên quan, kiểm toán viên nhận thấy phần lớn các nghiệp vụ ghi chép vào sổ sách kế toán đều phù hợp với chứng từ gốc, ngoại trừ một hợp đồng mua thiết bị vào ngày 31/5/200X-1 với các chi tiết như sau:

- Giá mua	30.000.000 đ
- Thuế VAT (5%)	1.500.000 đ
- Tổng cộng	31.500.000 đ
- Trả ngay	10.500.000 đ
- Số còn nợ nhà cung cấp	21.000.000 đ
- Lãi suất (8%/năm), 2 năm	3.360.000 đ
- Tổng dư Nợ	24.360.000 đ

Theo thỏa thuận, số dư nợ cộng với tiền lãi sẽ được thanh toán một lần khi nợ đến hạn. Tính đến 31/3/200X đơn vị vẫn chưa thực hiện bút toán nào để phản ánh số dư nợ và lãi nói trên.

Được biết thời gian tính khấu hao của thiết bị là 5 năm, công ty áp dụng tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng và thuộc diện nộp thuế Giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Yêu cầu:

Hãy nhận diện các sai phạm trên sổ sách kế toán (nếu có) và đề nghị các bút toán điều chỉnh cần thiết, biết rằng thiết bị này sử dụng cho hoạt động bán hàng.

- 11.13.** Kiểm toán viên Hùng được giao kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31.12.200X của Công ty BLUESKY. Công ty BLUESKY được thành lập cách đây 3 năm nhưng đây là năm đầu tiên mà báo cáo tài chính của họ được kiểm toán.

Qua tiếp xúc, kiểm toán viên Hùng được cô An, kế toán trưởng cho biết người tiền nhiệm của cô đã xử lý một số nghiệp vụ không đúng trong năm đầu tiên hoạt động của BLUESKY, cụ thể là đưa thẳng vào chi phí nhiều khoản chi mua sắm tài sản mà lẽ ra phải ghi vào tài sản cố định. Cô An cho biết trong hai năm qua, từ khi cô đảm nhận cương vị kế toán trưởng, loại sai sót đó không còn xảy ra nữa, tuy nhiên bản thân cô cũng không tin tưởng số dư mà cô nhận bàn giao từ người tiền nhiệm.

Yêu cầu:

- a) Hãy nêu ảnh hưởng (nếu có) của các sai sót trước đây về tài sản cố định đến những khoản mục cụ thể của các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31.12.200X của Công ty BLUESKY.
- b) Ông Toàn, Giám đốc BLUESKY đề nghị kiểm toán viên Hùng không xem xét lại số dư đầu kỳ của năm 200X. Theo anh (chị), kiểm toán viên Hùng có thể đồng ý với ông Toàn không? Tại sao?
- c) Giả sử cuối cùng ông Toàn đồng ý cho kiểm toán viên Hùng mở rộng phạm vi kiểm tra số dư đầu kỳ của tài sản cố định, theo anh (chị), kiểm toán viên Hùng sẽ phải tiến hành những thủ tục kiểm toán nào để thu thập bằng chứng về số dư đầu kỳ của tài sản cố định.

11.14. (*) Dưới đây là bảng tổng hợp tình hình tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định của công ty ABC trong niên độ kết thúc ngày 31/12/200X:

Đơn vị: 1.000.000 đ

Loại tài sản cố định	Tài sản cố định				Khấu hao lũy kế			
	Số dư đầu năm	Tăng	Giảm	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm	Tăng	Giảm	Số dư cuối năm
Quyền sử dụng đất	100.000			100.000				
Xưởng 1	30.000			30.000	6.857	857		7.714
Xưởng 2		42.000		42.000		600		600
Hệ thống máy tính A	5.000		5.000	0	3.750	208	3.958	0
Hệ thống máy tính B		3.500		3.500		583		583
Máy in	1.500			1.500	300	150		450
Ô tô 1	150		150	0	150		150	0
Ô tô 2		200		200		23		23
Cộng	136.650	45.700	5.150	177.200	11.057	2.421	4.108	9.370

Các thông tin và tài liệu khác do kiểm toán viên thu thập được:

1. Quyền sử dụng đất mà đơn vị hiện đang có đã mua cách đây 8 năm cùng với nhà xưởng 1, là quyền sử dụng đất lâu dài. Thời gian sử dụng ước tính của xưởng 1 là 35 năm.
2. Xưởng 2 vừa mới xây dựng xong và được đưa vào sử dụng vào ngày 1/6 năm 200X. Thời gian sử dụng ước tính là 35 năm.
3. Hệ thống máy tính A mua cách đây 6 năm vào ngày 1/1, thời gian sử dụng ước tính là 8 năm và đã được bán đi vào ngày 1/5/200X.
4. Ngay sau khi bán hệ thống máy tính A, đơn vị đã mua hệ thống máy tính B để thay thế. B có thời gian sử dụng ước tính là 6 năm.
5. Máy in có thời gian sử dụng ước tính là 20 năm.
6. Ô tô 1 đã thanh lý trong năm 200X.
7. Ô tô 2 đã mua ngày 1/6/200X, thời gian sử dụng ước tính là 5 năm.
8. Phương pháp khấu hao mà đơn vị áp dụng là phương pháp đường thẳng. Giả sử theo quy định hiện hành (năm 200X), khấu hao của tài sản tăng trong kỳ được tính từ tháng tiếp theo, khấu hao của tài sản giảm trong kỳ được ngưng tính từ tháng tiếp theo.

Yêu cầu:

- a) Hãy cho biết có sai phạm trong việc tính khấu hao của công ty hay không? Nếu có, hãy cho biết sai sót đó ảnh hưởng đến khoản mục nào trên báo cáo tài chính và với số tiền là bao nhiêu? Được biết, chi phí khấu hao của nhà xưởng và máy in đã tính trong giá vốn hàng bán trong kỳ (đơn vị không có sản phẩm dở dang và hàng tồn kho); chi phí khấu hao của những tài sản cố định còn lại tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp. Giả sử số dư đầu năm là đúng.
- b) Cho biết các thủ tục kiểm toán chi phí khấu hao mà kiểm toán viên cần sử dụng và chúng nhằm thỏa mãn mục tiêu kiểm toán tổng quát nào?

11.15. (*) Dưới đây là một số sai phạm đối với tài sản cố định

1. Thời gian tính khấu hao thấp hơn thời gian sử dụng thực tế của tài sản cố định
2. Mua tài sản cố định nhưng lại ghi vào công cụ dụng cụ
3. Chi phí khấu hao máy móc thiết bị dùng cho sản xuất được tính vào chi phí quản lý
4. Nguyên giá tài sản cố định chỉ bao gồm giá mua ghi trên hóa đơn. Các chi phí khác liên quan đến tài sản cố định (chi phí lắp đặt, chạy thử) được ghi vào chi phí trong kỳ
5. Chi phí sửa chữa thường xuyên tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định

Yêu cầu:

- a) Đối với mỗi sai phạm nêu trên, hãy cho biết thủ tục kiểm soát nào cần áp dụng để giúp ngăn chặn chúng.
 - b) Với mỗi sai phạm trên, hãy thiết lập thủ tục kiểm toán để phát hiện.
- 11.16.** Anh (chị) đang thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính niên độ kết thúc ngày 31.12.200X của Công ty Thịnh Phú. Dưới đây là Bảng kê về tình hình biến động tài sản cố định trong năm 200X do nhân viên đơn vị theo yêu cầu của anh (chị).

Công ty Thịnh Phú

Bảng kê tình hình tăng giảm tài sản cố định và hao mòn tài sản cố định
Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.200X

Đơn vị: 1.000 đồng

Tài sản cố định				
	Số dư 31.12.200 X-1	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số dư 31.12.200X
Văn phòng	325.100	136.000		461.100
Phương tiện vận tải	408.200	96.000	26.700	477.500
Dụng cụ quản lý	145.300	18.000		163.300
Cộng	878.600	250.000	26.700	1.101.900

Hao mòn tài sản cố định				
	Số dư 31.12.200 X-1	Tăng trong năm (*)	Giảm Trong năm	Số dư 31.12.200X
Văn phòng	142.620	16.044		158.664
Phương tiện vận tải	124.620	41.370		165.990
Dụng cụ quản lý	65.100	30.300		95.400
	332.340	87.714		420.054

(*) Hoàn toàn là chi phí khấu hao năm 200X.

Số dư 31.12.200X-1 đã được đối chiếu và thống nhất với số liệu trong hồ sơ kiểm toán năm trước (biết rằng báo cáo kiểm toán năm 200X-1 là chấp nhận toàn phần). Anh (chị) đã tiến hành các thủ tục kiểm toán cần thiết và phát hiện những vấn đề sau:

1. Trong năm 200X, đơn vị đã xây dựng mới cửa hàng số 3 với tổng chi phí là 104.000.000 đồng, hoàn thành và đưa vào sử dụng ngày 3.6.200X. Ngoài ra, đơn vị đã chi 32.000.000 đồng cho việc cải tạo văn phòng làm việc của Giám đốc, bao gồm:

Trang trí nội thất: 10.400.000 đồng.

Trang bị bàn ghế: 4.600.000 đồng.

Trang bị máy lạnh: 17.000.000 đồng.

Công trình cải tạo văn phòng làm việc hoàn thành và đưa vào sử dụng vào tháng 3.200X.

2. Ngày 1.1.200X, đơn vị thuê 1 xe tải trong 10 năm với số tiền thanh toán hàng năm là 12.000.000 đồng trả vào ngày 1.1 mỗi năm từ năm 200X+1. Theo hợp đồng, một trong hai bên có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng sau khi thông báo cho bên kia trước 60 ngày. Hợp đồng không quy định về việc chuyển giao quyền sở hữu sau khi thuê cũng như bất kỳ một điều kiện mua ưu đãi nào khi hết thời hạn thuê.

Đơn vị đã ghi nhận xe tải trên vào tài sản cố định của đơn vị với nguyên giá là 96.000.000 đồng tương ứng với một khoản nợ dài hạn cũng là 96.000.000 đồng. Số tiền chênh lệch giữa tổng số tiền phải trả trong 10 năm (120.000.000 đồng) với nguyên giá (96.000.000 đồng) được đơn vị xem như lãi trả chậm, ghi nhận vào ngày 31.12 mỗi năm.

Số tiền lãi được ghi nhận trong năm 200X là 8.600.000 đồng. Xe tải này được áp dụng chính sách khấu hao giống như các xe tải của đơn vị. Đơn vị đã chuyển nợ dài hạn sang nợ dài hạn đến hạn trả số tiền đơn vị phải trả vào ngày 1.1.200X+1 theo hợp đồng.

3. Ngày 25.3.200X, đơn vị nhượng bán một xe tải có nguyên giá 110.000.000 đồng, đã khấu hao đến 31.12.200X-1 là 82.500.000 đồng. Số tiền mặt thu được là 29.370.000 đồng (đã bao gồm thuế Giá trị gia tăng) được đơn vị ghi giảm trực tiếp 26.700.000 đồng vào nguyên giá tài sản cố định. Đơn vị không ghi bút toán giảm tài sản cố định theo quy định.
4. Các dụng cụ quản lý tăng thêm trong kỳ chủ yếu là hai máy tính trang bị cho Phòng kế toán vào tháng 6.200X, trị giá 6.200.000 đồng/cái. Ngoài ra, đơn vị còn mua một hệ thống âm thanh phục vụ cho nhu cầu phúc lợi trị giá 5.600.000 đồng vào tháng 9.200X. Đơn vị đã chuyển nguồn từ quỹ phúc lợi sang quỹ phúc lợi đã hình thành tài sản và đã không tính khấu hao cho tài sản này vào chi phí trong kỳ.

Thông tin bổ sung:

- Chính sách khấu hao của đơn vị là khấu hao đường thẳng với tỷ lệ 4% cho văn phòng, 10% cho phương tiện vận tải và 20% cho dụng cụ quản lý. Khấu hao được tính từ tháng kế tiếp sau tháng tăng tài sản, ngưng khấu hao từ tháng kế tiếp sau tháng giảm tài sản. Chi phí khấu hao của văn phòng và dụng cụ quản lý được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp còn chi phí khấu hao của phương tiện vận tải được tính vào chi phí bán hàng. Giả sử chính sách này phù hợp với chế độ kế toán hiện hành và tình trạng sử dụng tài sản của đơn vị.
- Tất cả giá trị tài sản tăng trong kỳ nêu trên đều là giá chưa thuế Giá trị gia tăng, thuế suất đầu vào là 10%. Đơn vị thuộc diện chịu thuế Giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Yêu cầu:

- a) Hãy lập Bảng kê các bút toán điều chỉnh mà anh (chị) cho rằng cần thiết. Đơn vị chưa khóa sổ cuối năm. Giả sử không xem xét ảnh hưởng đến thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.
- b) Hãy lập Biểu chỉ đạo cho khoản mục tài sản cố định, phản ánh số dư của đơn vị, bút toán đề nghị điều chỉnh của kiểm toán viên và số dư kiểm toán.

CHƯƠNG XII

KIỂM TOÁN NỢ PHẢI TRẢ VÀ NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

- 12.1. Thủ tục kiểm toán nào sau đây mà kiểm toán viên có thể yêu cầu nhân viên của đơn vị thực hiện:
- a) Kiểm tra sự chính xác về mặt toán học của số liệu trên sổ cái tài khoản Nợ phải trả.
 - b) Lập bảng kê chi tiết các khoản nợ phải trả.
 - c) Gửi thư xác nhận đến các nhà cung cấp do kiểm toán viên chọn.
 - d) Cả 3 câu trên đều sai.
- 12.2. Điều nào dưới đây không phải là mục đích của kiểm toán viên khi kiểm tra chứng từ gốc của Nợ phải trả:
- a) Phát hiện những khoản nợ quá hạn nhưng chưa được thanh toán.
 - b) Xác định xem các khoản trả cho nhà cung cấp có được phê chuẩn thích hợp không.
 - c) Xác định tính hiện hữu của khoản nợ phải trả được ghi chép.
 - d) Xác định doanh nghiệp có nghĩa vụ phải trả cho nhà cung cấp.
- 12.3. Việc gửi thư xác nhận nợ phải trả cho nhà cung cấp không phải lúc nào cũng cần thực hiện bởi vì:
- a) Thủ nghiệm này bị trùng lặp với các thủ nghiệm chia cắt niên độ.
 - b) Các khoản nợ phải trả còn tồn cuối năm có thể vẫn chưa được thanh toán tính đến ngày phát hành báo cáo kiểm toán.
 - c) Kiểm toán viên có thể phỏng vấn luật sư của khách hàng về những hậu quả mà họ phải gánh chịu nếu không trả tiền cho nhà cung cấp.
 - d) Kiểm toán viên có thể thu thập các bằng chứng có nguồn gốc khác từ bên ngoài đáng tin cậy để xác minh về tính trung thực của số dư Nợ phải trả.

- 12.4.** Khi kiểm toán viên thực hiện thử nghiệm chi tiết nhằm xác minh xem sổ hàng hóa đã nhận trước ngày kết thúc niên độ có được nhập kho và ghi nhận vào sổ kế toán của niên độ hay không, tài liệu cần sử dụng để đối chiếu với sổ kế toán là:
- a) Hóa đơn nhà cung cấp.
 - b) Đơn đặt hàng.
 - c) Báo cáo nhận hàng hoặc phiếu nhập kho.
 - d) Tài liệu khác.
- 12.5.** Doanh nghiệp có thể ghi trùng 2 lần một nghiệp vụ mua hàng vào sổ nhật ký mua hàng và sổ chi tiết nợ phải trả. Thủ tục kiểm soát nào sau đây là hữu hiệu nhất để có thể phát hiện kịp thời sai sót trên:
- a) Cộng cuối mỗi trang sổ nhật ký mua hàng.
 - b) Lập bảng chênh hợp giữa bảng kê công nợ hàng tháng của nhà cung cấp với sổ chi tiết nợ phải trả.
 - c) Đối chiếu số tổng cộng trên nhật ký mua hàng với sổ cái.
 - d) Gửi thư xác nhận hàng quý đến tất cả nhà cung cấp.

CÂU HỎI ÔN TẬP

- 12.6. (*)** Khi kiểm toán khoản mục Nợ phải trả, kiểm toán viên thường xem xét các khoản chi sau ngày kết thúc niên độ. Cho biết mục đích của thủ tục này?
- 12.7.** Nếu lợi nhuận bị khai khống thì sai phạm về nợ phải trả (nếu có) sẽ diễn ra như thế nào? Giải thích?
- 12.8. (*)** Kiểm toán viên Chí được giao phụ trách kiểm toán khoản mục Nợ phải trả cho nhà cung cấp. Thông qua kiểm tra hóa đơn của nhà cung cấp và các phiếu nhập kho tương ứng, kiểm toán viên Chí phát hiện có một sổ hàng hóa được ghi nhận vào sổ kế toán sau ngày kết thúc niên độ dù hóa đơn mua hàng được lập vào trước ngày kết thúc niên độ.

Yêu cầu:

Theo bạn, các thủ tục kiểm toán nào cần được thực hiện trong trường hợp trên?

- 12.9.** Kiểm toán viên Lân được giao phụ trách kiểm toán khoản mục Nợ phải trả của năm hiện hành cho công ty Lạc Nghiệp. Tài khoản Nợ

phải trả được mở chi tiết để theo dõi nợ phải trả cho từng nhà cung cấp. Qua kiểm tra sơ bộ, kiểm toán viên Lâm nhận thấy trong niên độ, công ty mua một số lượng lớn hàng hóa từ công ty Phúc Thiện, nhưng vào ngày lập báo cáo tài chính thì số dư trên sổ chi tiết Nợ phải trả cho công ty Phúc Thiện bằng không (0).

Yêu cầu:

Theo bạn, liệu kiểm toán viên có nên gửi thư xác nhận đến công ty Phúc Thiện hay không? Tại sao?

- 12.10. (*) Hãy cho biết trong các phát biểu sau, câu nào đúng và câu nào sai, giải thích tại sao.
- a) Trong việc chọn mẫu để gửi thư xác nhận, ngoại trừ xác nhận ngân hàng là mang tính đặc thù, còn các loại xác nhận nợ phải thu và nợ phải trả là không có gì khác biệt.
 - b) Đối với tài sản, cơ sở dẫn liệu chủ yếu là hiện hữu và đánh giá, trong khi đối với nợ phải trả cơ sở dẫn liệu cần đặc biệt quan tâm lại là đầy đủ.

BÀI TẬP

- 12.11. Công ty kiểm toán H&H thực hiện kiểm toán cho công ty Gia Lễ trong nhiều năm nay. Ở năm hiện hành, kiểm toán viên Toàn được giao kiểm toán khoản mục Nợ phải trả. Hồ sơ kiểm toán năm trước cho thấy là kiểm toán viên tiền nhiệm đã gửi 100 thư xác nhận nợ phải trả trong tổng số 1.000 nhà cung cấp của công ty. Việc lựa chọn các nhà cung cấp để gửi thư xác nhận chủ yếu là nhà cung cấp có số dư lớn. Kiểm toán viên tiền nhiệm và kế toán viên của công ty Gia Lễ đã mất nhiều thời gian để giải quyết những chênh lệch giữa số liệu trên sổ kế toán và số liệu theo thư xác nhận đã nhận được (dù chênh lệch rất nhỏ).

Yêu cầu: Hãy cho biết:

- a) Vì sao việc lựa chọn các nhà cung cấp có số dư lớn để gửi thư xác nhận không phải lúc nào cũng là thủ tục hữu hiệu và hiệu quả nhất. Những vấn đề nào cần xem xét khi chọn lựa nhà cung cấp để gửi thư xác nhận?
- b) Trong những tình huống nào kiểm toán viên Toàn cần mở rộng cỡ mẫu thư xác nhận gửi nhà cung cấp?

- 12.12.** Kiểm toán viên Tú được giao phụ trách kiểm toán khoản mục Nợ phải trả của công ty An Sinh cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31/12/200X. Một viên chức cấp cao của công ty cho rằng không có sai sót nào trong nhật ký quỹ của năm hiện hành vì kiểm toán viên nội bộ của công ty đã kiểm tra các sổ sách và chứng từ của năm hiện hành và của 2 tháng sau ngày kết thúc niên độ. Ông cũng cung cấp một giấy xác nhận của kế toán trưởng, trong đó cho biết là không có khoản nợ phải trả nào không được ghi nhận.

Yêu cầu:

Theo bạn, liệu kiểm toán viên Tú có nên dựa vào công việc của kiểm toán viên nội bộ và giấy xác nhận để giảm những thủ tục kiểm toán liên quan đến khoản mục Nợ phải trả hay không? Hãy giải thích lý do.

- 12.13.** (*) Kiểm toán viên Tấn được giao phụ trách kiểm toán khoản mục Nợ phải trả trong báo cáo tài chính của công ty Compufast cho niên độ kế toán kết thúc vào 31.12.200X. Compufast là công ty chuyên kinh doanh máy vi tính và các phần mềm khác nhau.

Từ hồ sơ kiểm toán của đồng nghiệp năm trước, Tấn được biết nhân viên kế toán của công ty ghi chép rất kịp thời các khoản doanh thu và nợ phải thu nhưng lại hay sơ sót, bất cẩn trong việc theo dõi ghi chép kịp thời và chính xác các khoản nợ phải trả cho người bán. Tấn còn biết rằng các hoạt động kiểm soát thường hữu hiệu ở những phạm vi thuộc về tài sản nhưng lại yếu kém ở những phạm vi thuộc về nợ phải trả. Năm nay khi tiến hành những thử nghiệm kiểm soát liên quan đến khoản mục Nợ phải trả, Tấn phát hiện những yếu kém năm trước vẫn chưa được khắc phục.

Yêu cầu:

- Hãy cho biết những thủ tục kiểm soát nào có thể ngăn chặn tình trạng yếu kém trên?
- Kiểm toán viên Tấn cần thực hiện những thử nghiệm cơ bản nào để phát hiện những sai sót trên báo cáo tài chính do ảnh hưởng của yếu kém trên?
- Giả sử năm sau, đơn vị đã thiết kế và thực hiện các thủ tục kiểm soát mà bạn đề nghị ở câu a. Theo bạn, kiểm toán viên Tấn sẽ thực hiện các thử nghiệm kiểm soát nào để chứng minh các thủ tục kiểm soát đó là hữu hiệu.

- 12.14. (*)** Kiểm toán viên Ngọc Hồi là một chủ nhiệm của công ty kiểm toán Mai Côi. Trong quá trình kiểm toán nợ phải trả người bán, kiểm toán viên Ngọc Hồi đã chọn lựa các khoản phải trả có số dư cuối kỳ lớn để gửi thư xác nhận thay vì theo đúng chính sách của công ty kiểm toán Mai Côi là chọn lựa các khoản phải trả có số phát sinh trong kỳ lớn và số dư cuối kỳ nhỏ.

Yêu cầu:

- a) Giải thích chính sách gửi thư xác nhận nợ phải trả của Công ty Kiểm toán Mai Côi.
- b) Theo anh (chị), dựa vào đâu kiểm toán viên Ngọc Hồi đã có quyết định khác với chính sách của công ty kiểm toán.

- 12.15. (*)** Khi kiểm toán báo cáo tài chính Công ty ASD Việt Nam cho niên độ kết thúc ngày 31.12.200X, kiểm toán viên Hùng đã phát hiện một khoản vốn góp 300 triệu của Công ty ASD HK (là công ty mẹ của ASD Việt Nam) vào năm 200X-1 bị hạch toán nhầm thành một khoản vay dài hạn và ASD Việt Nam đã tính lãi hàng năm (lãi lũy kế đến thời điểm 31.12.200X-1 là 30 triệu đồng, đến 31.12.200X là 60 triệu đồng) vào chi phí và tăng nợ gốc.

Yêu cầu:

- a) Nếu đây là cuộc kiểm toán năm đầu tiên của Hùng đối với ASD Việt Nam, đánh giá các ảnh hưởng của sai sót này đến báo cáo tài chính năm 200X, giả sử Hùng phát hiện điều này vào cuối năm 200X.
- b) Giả sử đây là năm kiểm toán thứ hai của Hùng đối với ASD Việt Nam. Việc Hùng phát hiện sai phạm của năm 200X-1 có được xem là sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính của năm 200X hay không và Hùng phải làm gì trong trường hợp này?

- 12.16. (*)** Công ty kiểm toán T&C đã thực hiện kiểm toán cho công ty Thanh Toàn trong nhiều năm qua. Ở năm hiện hành, kiểm toán viên Bảo được giao kiểm toán khoản mục Nợ phải trả người bán cho thời khóa kết thúc ngày 30/09/200X. Khoản mục Nợ phải trả cho người bán có số dư cuối kỳ là 215.130.000 đ và là một khoản mục trọng yếu trên Bảng cân đối kế toán.

Yêu cầu:

Cho biết các thử nghiệm chi tiết mà kiểm toán viên Bảo cần thực hiện. Trong các loại thử nghiệm này, trường hợp nào cần thu thập thêm bằng chứng của bên thứ ba?

12.17. Bạn đang kiểm toán khoản mục Nợ phải trả của công ty Hoàn Vũ cho niên độ kết thúc ngày 30/06/200X. Trên Bảng cân đối kế toán, có một số khoản nợ phải trả như sau:

- Tiền lương lũy kế phải trả công nhân viên: 21.270.000 đ.
- Phải trả cho nhà cung cấp về số hàng mua đã nhận nhưng chưa nhận được hóa đơn vào ngày 30/6/200X: 40.000.000 đ.

Yêu cầu:

Cho biết các thử nghiệm chi tiết mà bạn cần thực hiện nhằm xác định tính trung thực và hợp lý của các khoản trên.

12.18. Kiểm toán viên An phụ trách kiểm toán cho công ty thương mại Ngôi Sao cho năm hiện hành. Thông qua áp dụng thủ tục phân tích, kiểm toán viên An nhận thấy doanh thu bán hàng và số dư hàng tồn kho cuối kỳ không thay đổi đáng kể so với năm trước. Tuy nhiên, giá vốn hàng bán và số dư Nợ phải trả nhà cung cấp đã giảm một cách đáng kể. Lợi nhuận gộp tăng nhưng lợi nhuận thuần không tăng do chi phí lương nhân viên quản lý tăng.

Nhà quản lý cho biết, ở năm hiện hành, không có sự thay đổi đáng kể trong giá mua, giá bán và trong cơ cấu các mặt hàng bán ra và công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Yêu cầu:

Theo bạn, những nguyên nhân nào dẫn đến sự thay đổi nêu trên, đặc biệt là số dư Nợ phải trả nhà cung cấp.

12.19. (*) Trong tài liệu kế toán của công ty Trống Đồng có các sai phạm như sau:

1. Việc mua hàng thường ghi chép chậm trễ đến hàng tháng do bộ phận nhận hàng không gửi phiếu nhập về cho bộ phận kế toán. Cho đến khi người bán hối thúc, kế toán mới tìm phiếu nhập, ghi chép nghiệp vụ mua hàng và trả tiền.
2. Cô Thúy là nhân viên phụ trách theo dõi nợ phải trả. Hàng tháng cô Thúy lập một séc trả tiền cho Công ty Dịch vụ Hào Hoa

và chuyển séc (chưa ký) cùng với chứng từ gốc sang cho Kế toán trưởng ký. Khi nhận lại séc (đã ký), cô Thúy ghi Nợ tài khoản Nợ phải trả và nộp séc vào một tài khoản cá nhân dưới tên Công ty Hào Hoa. Vài ngày sau, cô lại dùng hóa đơn đã thanh toán đó ghi nghiệp vụ mua hàng một lần nữa, rồi lại chuyển các chứng từ đó cùng séc (chưa ký) sang cho Kế toán trưởng. Séc được ký xong cô Thúy gửi cho Công ty Dịch vụ Hào hoa.

3. Số tiền trên một séc được ghi chép nhầm ở Nhật ký chi quỹ từ 46.128.700 đ thành 64.128.700đ.
4. Cô Thúy cố ý không ghi vào nhật ký chi quỹ bảy séc đã thanh toán từ ngày 26.12 có số tiền lớn, mục đích để số dư quỹ trên sổ cái không bị âm. Những nghiệp vụ này cô Thúy ghi vào đầu niên độ sau.
5. Anh Toàn là một nhân viên bộ phận nhận hàng. Ngoài công việc ở công ty Trống Đồng, anh Toàn còn là chủ một cơ sở sản xuất nhỏ. Hàng tháng anh Toàn gửi tới phòng kế toán một phiếu nhập giả mạo. Vài ngày sau, anh ta gửi đến công ty một hóa đơn của cơ sở anh ta làm chủ. Cô Thúy sau khi đối chiếu hóa đơn với phiếu nhập sẽ lập séc thanh toán cho lô hàng không có thật trên.

Yêu cầu:

- a) Đối với mỗi sai phạm trên, hãy cho biết thủ tục kiểm soát nào có thể giúp ngăn chặn không cho chúng xảy ra một cách thường xuyên.
 - b) Với từng sai phạm, hãy thiết lập thủ tục kiểm toán để phát hiện chúng.
- 12.20. (*)** Khi thực hiện kiểm toán khoản mục nợ phải trả cho năm kết thúc ngày 31/12/200X của Công ty Minh Mẫn, kiểm toán viên Hồng đã gửi 22 thư đề nghị xác nhận cho người cung cấp. Kết quả có 4 thư không được trả lời và 5 thư có số dư khác với số liệu kế toán của công ty Minh Mẫn. Kiểm toán viên giữ bản sao của bảng kê hóa đơn của người bán và gửi bản gốc cho đơn vị để chỉnh hợp các khác biệt. Hai ngày sau, nhân viên kế toán của Công ty Minh Mẫn đã hoàn trả lại năm bảng kê hóa đơn của người bán kèm theo các thông tin sau:

Bảng kê 1	Số dư theo bảng kê của người bán Minh Mẫn đã trả ngày 31.12.200X	66.180.100 (46.010.100)
	Số dư theo sổ cái	20.170.000
Bảng kê 2	Số dư theo bảng kê của người bán Hóa đơn Minh Mẫn chưa nhận được Minh Mẫn đã trả ngày 15.12.200X	96.189.300 (27.331.800) (10.000.000)
	Số dư theo sổ cái	68.857.500
Bảng kê 3	Số dư theo bảng kê của người bán	262.518.000
	Số dư theo sổ cái	205.161.100
	Chênh lệch không xác định được nguyên nhân vì người bán không cung cấp chi tiết số dư	57.356.900
Bảng kê 4	Số dư theo bảng kê của người bán	61.701.500
	Hàng trả lại theo giấy báo ngày 15.12.200X	23.601.500
	Số dư theo sổ cái	38.100.000
Bảng kê 5	Số dư theo Bảng kê của người bán	86.192.100
	Minh Mẫn đã trả ngày 3.1.200X+1	(30.000.000)
	Chênh lệch không theo dõi do số tiền nhỏ	2.150.600
	Số dư theo sổ cái	58.342.700

Yêu cầu:

1. Giả sử kiểm toán viên dự định thực hiện các thủ tục kiểm tra bổ sung, kiểm toán viên có nên nhờ nhân viên Công ty Minh Mẫn thực hiện chính hợp hay không? Giải thích lý do.
2. Mô tả các thử nghiệm bổ sung mà kiểm toán viên nên thực hiện cho mỗi trường hợp khác biệt về số liệu nêu trên.
3. Kiểm toán viên nên thực hiện các thủ tục kiểm toán nào đối với các thư xác nhận không được trả lời.

12.21. (*) Sau ngày kết thúc niên độ, kiểm toán viên của Công ty Thái Bình chọn mẫu một số khoản phải trả và gửi thư đề nghị xác nhận. Để trả lời, Công ty Công Thành, một nhà cung cấp của Công ty Thái Bình, đã gửi một báo cáo với số liệu tại thời điểm 31.12.200X. Số dư này không khớp với sổ sách của Công ty Thái Bình.

Yêu cầu: Căn cứ vào các tài liệu dưới đây để lập bảng chỉnh hợp số dư Nợ phải trả của Công ty Thái Bình và Công ty Công Thành.

CÔNG TY CÔNG THÀNH

12 Phạm Ngũ Lão, quận 1

Khách hàng: Công ty Thái Bình

Số dư đến ngày: 31.12.200X

Đơn vị tính: 1.000 đ

Ngày	Diễn giải	Giao hàng	Trả tiền	Số dư
30.11	Số dư chuyển sang			28.509,28
2.12	Thanh toán		465,88	28.043,40
5.12	35533	315,60		28.359,00
8.12	35773	397,45		28.756,45
10.12	35774	24,00		28.780,45
15.12	35775	1.949,40		30.729,85
15.12	35776	333,00		31.062,85
15.12	35777	667,66		31.730,51
15.12	35778	491,00		32.221,51
15.12	35779	10,40		32.231,91
25.12	36083	1.667,58		33.899,49
26.12	36084	174		34.073,49
30.12	36138	10.624,60		44.698,09
30.12	36145	26.077,00		70.775,09
31.12	36170	1.569,32		72.344,41
31.12	36171	276,85		72.621,26

SỔ CHI TIẾT NỢ PHẢI TRẢ

Công ty: Công Thành

12 Phạm Ngũ Lão, quận 1

Đơn vị tính: 1.000 đ

Ngày	Diễn giải	Tham chiếu	Nợ	Có	Số dư
23.11	Mua hàng	34451		12.521,72	12.521,72
27.11	Mua hàng	34882		9.889,13	22.410,85
29.11	Mua hàng	35002		6.098,43	28.509,28
1.12	Thanh toán	CD 71115	465,88		28.043,40
7.12	Mua hàng	35533		315,60	28.359,00
10.12	Mua hàng	35773		397,45	28.756,45
10.12	Thanh toán	CD71115	465,88		28.290,57

12.12	Mua hàng	35774		24	28.314,57
18.12	Mua hàng	35775		1.949,40	30.263,97
20.12	Mua hàng	35776		333,00	30.596,97
20.12	Mua hàng	35777		677,66	31.274,63
20.12	Mua hàng	35778		491,00	31.765,63
20.12	Trả lại hàng	35533	315,60		31.450,03
20.12	Mua hàng	35779		10,40	31.460,43
28.12	Mua hàng	36083		1.667,58	33.128,01
28.12	Mua hàng	36084		174	33.302,01
31.12	Mua hàng	36138		10.624,60	43.926,61
30.12	Thanh toán	CD72176	4.857,40		39.069,21
31.12	Thanh toán	CD72379	27.384,51		11.684,70

Công ty Thái Bình Bảng chỉnh hợp xác nhận nợ phải trả - Công ty Công Thành 31.12.200X		Người lập.....Ngày..... Người kiểm tra.....Ngày.....
---	--	--

A. Số tiền theo báo cáo của Nhà cung cấp:

B. Số tiền theo Sổ chi tiết người bán của đơn vị:

Chênh lệch:

CHỈNH HỢP:

<u>Những hóa đơn không được ghi sổ</u>	<u>Ngày nhận hàng</u>	<u>Số tiền</u>
--	-----------------------	----------------

<u>Các séc đã thanh toán chưa được ghi nhận</u>	<u>Ngày trả tiền</u>	<u>Số tiền</u>
---	----------------------	----------------

<u>Khoản khác</u>	<u>Tham chiếu</u>	<u>Số tiền</u>
-------------------	-------------------	----------------

Tổng cộng

CHƯƠNG XIII

KIỂM TOÁN THU NHẬP VÀ CHI PHÍ

CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

13.1. Thông qua thủ tục phân tích, kiểm toán viên nhận thấy tỷ lệ lãi gộp đã giảm từ 30% năm trước xuống còn 20% năm nay, trước tiên kiểm toán viên sẽ:

- a) Phát hành báo cáo Chấp nhận toàn phần có đoạn nhấn mạnh rằng doanh nghiệp không có khả năng tiếp tục duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh.
- b) Đánh giá năng lực điều hành của nhà quản lý do gây ra sự giảm sút này.
- c) Yêu cầu phải khai báo về sự giảm sút này trên báo cáo tài chính.
- d) Thẩm tra về khả năng xuất hiện sai phạm nào đó trên báo cáo tài chính.

13.2. Phương pháp thích hợp nhất để xác định tính có thật của các nhân viên trên bảng lương là:

- a) Kiểm tra việc tính toán chính xác về mặt toán học trên bảng lương.
- b) Đối chiếu tên nhân viên giữa bảng kê khai thuế thu nhập cá nhân và bảng thanh toán lương.
- c) Quan sát việc phát lương hàng tháng cho nhân viên.
- d) Quan sát nơi làm việc của nhân viên và chọn một số nhân viên, kiểm tra dựa vào phù hiệu hay mã số dùng để nhận dạng nhân viên.

13.3. Thủ tục được xem là hữu hiệu nhất để phát hiện chi phí lãi vay không được ghi nhận là:

- a) Kiểm tra chứng từ gốc về chi phí lãi vay được ghi nhận trên sổ sách kế toán.
 - b) Ước tính độc lập chi phí lãi vay dựa trên hợp đồng vay và đối chiếu với số liệu của đơn vị.
 - c) Gửi thư xác nhận cho ngân hàng.
 - d) Cả 3 phương pháp trên.
- 13.4.** Thủ tục hữu hiệu nhất để phát hiện khoản thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng không được ghi nhận là
- a) Kiểm tra hợp đồng bán hàng.
 - b) Kiểm tra chứng từ của các khoản thu nhập khác trên sổ sách kế toán.
 - c) Xem xét biên bản họp hội đồng quản trị.
 - d) Cả 3 câu trên đều sai.
- 13.5.** Qua kiểm tra việc chia cắt niên độ đối với tài khoản Doanh thu, kiểm toán viên có thể phát hiện:
- a) Doanh thu trong kỳ không được ghi nhận.
 - b) Chiết khấu bán hàng vượt mức.
 - c) Hàng bán bị trả lại nhưng chưa được doanh nghiệp chấp nhận.
 - d) Khoản phải thu bị chiếm dụng vào cuối năm.

CÂU HỎI ÔN TẬP

- 13.6.** Vì sao khi kiểm toán các khoản mục trên Bảng cân đối kế toán, kiểm toán viên thường kết hợp kiểm toán các khoản mục trên Báo cáo kết quả kinh doanh? Cho ví dụ minh họa.
- 13.7.** Kiểm toán viên Lân được giao phụ trách kiểm toán khoản mục Chi phí của công ty Thanh Danh cho niên độ kết thúc vào ngày 31/12/200X. Thông qua phỏng vấn giám đốc về vấn đề lập dự toán chi phí, kiểm toán viên được biết chỉ có một nhà quản lý của công ty soạn thảo dự toán này và công ty xem đây là tài liệu mật. Kiểm toán viên có thể xem bảng dự toán này (nếu cần) nhưng không được cho bất kỳ nhân viên nào trong công ty xem. Bạn hãy nhận xét về quy định này.

- 13.8.** Hãy cho biết các thủ tục kiểm toán mà kiểm toán viên cần thực hiện để kiểm tra tính trung thực và hợp lý của chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp?
- 13.9.** Khi tìm hiểu về kiểm soát nội bộ đối với tiền lương, kiểm toán viên An được biết công ty giao cho hai nhân viên khác nhau đảm trách ghi chép tiền lương và phê chuẩn chi lương. Bạn hãy cho biết:
1. Mục đích của thủ tục kiểm soát trên.
 2. Các thử nghiệm kiểm soát có liên quan.
 3. Nếu kết quả của thử nghiệm kiểm soát cho thấy kiểm soát nội bộ về tiền lương không hữu hiệu, theo bạn, kiểm toán viên cần thực hiện những thử nghiệm cơ bản nào?

BÀI TẬP

- 13.10.** (*) Kiểm toán viên Thu được giao phụ trách kiểm toán khoản mục Chi phí thuê văn phòng của công ty Mẫn Vy cho niên độ kết thúc 31/12/200X. Công ty Mẫn Vy ký hợp đồng thuê trụ sở làm việc trong vòng 10 năm bắt đầu từ 01/01/200X, tiền thuê mỗi năm là 160 triệu đồng. Do thuê dài hạn, nên hợp đồng ghi rõ bên cho thuê đồng ý cho Mẫn Vy được hưởng khoản giảm tiền thuê là 100 triệu đồng, và khoản này sẽ được trừ dần vào từng năm. Như vậy, tiền thuê văn phòng hàng năm chỉ còn là 150 triệu đồng. Kế toán đã khấu trừ ngay 100 triệu đồng nêu trên vào tiền thuê năm 200X và đã ghi trên sổ sách kế toán như sau:

Nợ Chi phí quản lý doanh nghiệp: 60 triệu

Nợ Phải thu khác: 90 triệu

Có Tiền mặt

150 triệu

Do đó chi phí tiền thuê trên Báo cáo kết quả kinh doanh năm 200X là 60 triệu đồng.

Yêu cầu:

Theo bạn có nên chấp nhận phương pháp hạch toán trên hay không? Tại sao? Hãy đề nghị bút toán điều chỉnh (nếu có).

- 13.11.** (*) Khi kiểm toán báo cáo tài chính ngày 31.12.200X của công ty An Bình, kiểm toán viên phát hiện những sai sót sau đây:

1. Đơn vị không phản ánh một số khoản chi phí lãi vay của năm 200X trị giá 120 triệu đồng. Các chi phí này được ghi chép vào đầu tháng 1.200X+1 khi đơn vị thanh toán số tiền này.
2. Đơn vị khóa sổ các nghiệp vụ bán hàng vào ngày 15.1.200X+1 thay vì phải khóa sổ vào ngày 31.12.200X. Tổng doanh thu từ ngày 31.12.200X đến 15.1.200X+1 là 1.800 triệu đồng, giá vốn hàng bán của số hàng này là 1.400 triệu đồng. Khách hàng đã thanh toán 400 triệu đồng.
3. Một khoản chi phí tiền lương nhân viên bán hàng 120 triệu đồng được ghi nhận nhằm vào giá trị công trình Y. Công trình Y hoàn thành và đưa vào sử dụng vào mục đích phục vụ bán hàng từ tháng 2.200X, thời gian hữu dụng ước tính là 10 năm.
4. Khoản tiền thuê kho quý IV.200X đơn vị chưa ghi nhận, có số tiền là 36 triệu. Số tiền này được thanh toán vào tháng 1.200X+1.

Yêu cầu:

- a) Hãy nêu ảnh hưởng (nếu có) của mỗi sai sót trên đến các khoản mục của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và bảng cân đối kế toán? Biết rằng giá trong các nghiệp vụ trên là giá chưa thuế, VAT 10% đầu vào và đầu ra, thuế TNDN 28%.
 - b) Giả sử kiểm toán viên quyết định cần phải điều chỉnh các sai sót trên, hãy đưa ra các bút toán điều chỉnh thích hợp cho mỗi trường hợp.
- 13.12.** Kiểm toán viên Anh được giao phụ trách kiểm toán khoản mục Doanh thu cho công ty Khiết Luân - một công ty chuyên sản xuất Chocolate - cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31/12/200X. Khi thực hiện thử nghiệm để kiểm tra tính chính xác thời khóa, kiểm toán viên Anh đã thu thập các phiếu xuất kho xung quanh thời điểm khóa sổ như sau:

Phiếu xuất kho số	Ngày giao hàng	Diễn giải	Số lượng	Hóa đơn số	Số tiền (1.000đ)
747	30/12/200X	Choc bars	0,100 kg	32.578	200.000
748	15/12/200X	Easter eggs	0,100 kg	32.579	200.000
749	1/1/200X+1	Pinic bars	0,125 l	32.580	300.000
750	31/12/200X	Snickers bars	0,050 kg	32.581	120.000
751	1/1/200X+1	Mars bars	0,200 kg	32.582	500.000
752	2/1/200X+1	Star bars	0,100 kg	32.583	200.000
753	29/12/200X	Galaxy bars	0,175 kg	32.584	400.000

- Các thông tin về việc chia cắt niên độ trên tài liệu kế toán cho thấy như sau:
 - Phiếu xuất kho cuối cùng của năm 200X là số 750, nghĩa là những phiếu xuất kho có số bằng và nhỏ hơn 750 đều đã ghi nhận là hàng xuất trong năm 200X.
 - Hóa đơn bán hàng cuối cùng của năm 200X số 32.581, như vậy những hóa đơn có số bằng và nhỏ hơn 32.581 đều phải ghi nhận vào doanh thu năm 200X.
- Thông tin khác:
 - Giá trị của lượng hàng trên các phiếu xuất kho là trọng yếu.
 - Không có hàng gửi bán vào cuối kỳ.
 - Công ty ghi nhận doanh thu khi giao hàng.
 - Giá bán thường xác định bằng giá mua cộng với lãi gộp (Tỷ lệ lãi gộp là 25%).
 - Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên trong việc hạch toán hàng tồn kho.

Yêu cầu:

Kiểm tra việc khóa sổ đối với doanh thu, nhận xét và lập các bút toán đề nghị điều chỉnh (nếu có).

13.13. (*) Bạn đang kiểm toán tại Công ty Potato Chip Manufacturing chuyên chế biến khoai tây chiên và được cung cấp các thông tin sau:

- Công ty mua khoai tây từ các nhà cung cấp với giá trung bình 4.000.000 đ/tấn.
- Khoai sau khi mua được rửa sạch, gọt vỏ và xắt lát.
- Tỷ lệ hư hỏng là 25% trong tổng số khoai mua.
- Số khoai hỏng được bán cho Công ty Phân bón với giá 700.000đ/tấn.
- Không có hàng tồn kho cuối năm và đầu năm.
- Số khoai đã mua trong năm trị giá: 27.376.150.000 đ.
- Số phân hữu cơ bán trong năm là: 1.214.130.000 đ.

Hãy xem xét tính hợp lý của thu nhập từ bán khoai tây hư cho Công ty phân bón.

- 13.14. (*)** Công ty Hòa Bình sở hữu một tòa nhà cao ốc đường Lê Duẩn. Anh (chị) được yêu cầu kiểm tra doanh thu năm 200X của Công ty Hòa Bình. Theo sổ cái, doanh thu năm 200X là 9.242.477.120 đ. Mức trọng yếu phân bổ cho khoản mục là 90.000.000 đ. Căn cứ vào các hợp đồng thuê nhà và các tài liệu khác, anh (chị) lập được bảng kê sau đây:

Công ty Hòa Bình
Danh sách hợp đồng và thời hạn thuê nhà

Hợp đồng số	Nhà cho thuê	Tên khách hàng	Thời hạn thuê		Tiền thuê (tháng) Đơn vị: 1000đ
			Từ ngày	Đến ngày	
1001-2	4F	Cty Đất Việt	1.9.200X	31.8.200X+1	34.750
1035-2	-nt-	Cty Đất Việt	1.9.200X-2	31.8.200X	27.000
2022-8	5F	Cty Hải An	1.1.200X-1	31.12.200X	109.275
2016-5	13F	Cty Tài Ba	1.11.200X-1	1.11.200X+1	36.703
2005-9	15F	Cty Yaly	17.8.200X	16.8.200X+2	85.375
2044-9	-nt-	Cty Yaly	17.8.200X-2	17.8.200X	68.286
2001-8	17F-18F	Cty Tấn Cư	10.5.200X-1	10.5.200X+1	136.572
2002-1	16F,19F	Cty Ba Huê	1.6.200X-1	1.6.200X+1	136.572
	12F	Cty Ba Huê	1.7.200X-1	1.7.200X+1	36.705
2008-7	20F	Cty DHJ	1.2.200X-1	31.1.200X+1	71700
2027-1	6F	Cty Hóa Ân	1.10.200X	30.9.200X+1	456.530
2028-1	7F	Cty Tiến Lợi	20.11.200X-1	19.1.200X	85.357

Yêu cầu:

- a) Kiểm tra sự hợp lý tổng doanh thu trong năm 200X của Công ty Hòa Bình.
- b) Kết quả kiểm tra chi tiết cho thấy:
 - Công ty đã ghi thiếu một hợp đồng thuê số 2005-4 cho Công ty Hồng Lạc thuê từ 15.12.200X đến 14.12.200X+1 với tiền thuê 80.000.000 đồng một tháng. Công ty Hồng Lạc đã ứng trước 6 tháng tiền nhà.

- Công ty Đất Việt đã ứng trước một năm tiền nhà theo hợp đồng 1001-2, Công ty Hòa Bình đã ghi nhận doanh thu toàn bộ số ứng trước này vào năm 200X.

Hãy đề nghị các bút toán điều chỉnh cần thiết. Giả sử đơn vị không phải nộp thuế GTGT

- 13.15. (*)** Công ty VCX là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thương mại. Báo cáo tài chính của năm 200X của Công ty cung cấp những thông tin chủ yếu sau:

Đơn vị tính: 1.000 đ

Chỉ tiêu	Năm trước	Năm nay
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh		
Doanh thu thuần	350.000	425.000
Giá vốn hàng bán	245.000	312.300
Chi phí bán hàng	38.500	42.300
Chi phí quản lý doanh nghiệp	21.300	22.500
Chi phí tài chính	12.400	11.200
Thu nhập khác	13.200	500
Lợi nhuận trước thuế	46.000	37.200
Thuế TNDN phải nộp	14.720	13.100
Lợi nhuận sau thuế	31.280	24.100
Bảng cân đối kế toán		
Tài sản		
Tiền	10.000	12.000
Nợ phải thu khách hàng	72.000	87.900
Hàng hóa	64.000	66.200
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.600)
Chi phí trả trước	1.200	2.300
Nguyên giá tài sản cố định	220.000	240.000
Hao mòn	(46.000)	(74.000)
Cộng tài sản	321.200	332.800
Nguồn vốn		
Vay ngắn hạn	90.000	60.000
Nợ phải trả người bán	130.000	156.000
Nguồn vốn kinh doanh	85.000	85.000
Lợi nhuận chưa phân phối	16.200	31.800
Cộng nguồn vốn	321.200	332.800

Số liệu do kiểm toán viên thu thập thêm cho thấy:

Tình hình doanh thu bán hàng (Đơn vị tính: 1.000 đ)

Sản phẩm	Doanh thu thuần		Giá vốn hàng bán		Tỷ lệ hoa hồng**
	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	
A	203.000	342.000	133.980	251.400*	2,00%
B	142.000	74.500	107.270	56.100	1,50%
Khác	5.000	8.500	3.750	4.800	1,5-2%
Cộng	350.000	425.000	245.000	312.300	

* Đã bao gồm chi phí dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

** Tỷ lệ hoa hồng không thay đổi trong 2 năm qua.

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Đơn vị tính: 1.000 đ

Chỉ tiêu	Năm trước	Năm nay
Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	10.200	10.800
Chi phí khấu hao	16.400	18.300
Chi phí hoa hồng	6.230	8.080
Chi phí khuyến mại	2.000	2.500
Chi phí khác	3.670	2.620
Cộng chi phí bán hàng	38.500	42.300
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên	5.300	5.400
Chi phí khấu hao	8.300	10.020
Công tác phí	2.000	2.120
Tiền điện, nước, điện thoại	1.350	1.020
Thuê sửa chữa tài sản	2.100	1.800
Chi phí giao dịch, tiếp khách	2.250	2.140
Cộng chi phí quản lý doanh nghiệp	21.300	22.500

Tình hình tài sản cố định (Đơn vị tính: 1.000 đ):

Loại hình	Nguyên giá đầu năm	Nguyên giá cuối năm	Tỷ lệ khấu hao bình quân
Khố bãi	20.000	20.000	5%
Văn phòng	30.000	32.000	4%
Phương tiện vận tải	120.000	136.000	10%
Dụng cụ văn phòng	50.000	52.000	20%
Cộng	220.000	240.000	

Tình hình dư nợ vay ngắn hạn cuối tháng (Đơn vị tính: triệu đồng):

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Năm trước	92	106	100	98	128	132	100	87	100	96	114	90
Năm nay	82	75	63	68	75	62	54	32	46	62	82	60

Các thông tin khác:

1. Tình hình kinh doanh năm nay thuận lợi hơn năm trước nên theo kiểm toán viên ước tính doanh thu tăng lên khoảng 20% mặc dù giá bán các sản phẩm không có gì thay đổi và đơn vị không sử dụng chiết khấu thương mại.
2. Chính sách hoa hồng bán hàng của đơn vị không thay đổi trong năm nay so với năm trước.
3. Trong năm, đơn vị đã mua sắm, xây dựng thêm một số tài sản cố định (chủ yếu vào tháng 8) và không có thanh lý hay nhượng bán tài sản cố định trong năm.
4. Các tỷ lệ khấu hao của đơn vị phù hợp với mức đăng ký và được chấp nhận của cơ quan thuế.
5. Việc xem xét các tài liệu kế toán liên quan cho thấy việc khóa sổ của đơn vị về nghiệp vụ bán hàng và mua hàng là đúng niên độ.
6. Các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho của đơn vị phù hợp với chế độ hiện hành.
7. Chính sách mua hàng và kênh phân phối của đơn vị không có gì thay đổi so với năm trước.
8. Chi phí tài chính của đơn vị hoàn toàn là chi phí lãi vay, lãi suất bình quân là 12% của năm trước và 11% của năm nay.

9. Chính sách bán chịu của đơn vị không có thay đổi so với năm trước do đó nợ phải thu khách hàng cuối năm biến động phù hợp với mức biến động của doanh thu.
10. Đơn vị không thuộc đối tượng kiểm toán theo luật định do đó báo cáo tài chính của đơn vị không được kiểm toán bởi kiểm toán viên độc lập.
11. Các thông tin đáng tin cậy cho biết số liệu kiểm kê hàng tồn kho của đơn vị là đúng sự thực.

Yêu cầu:

- a) Lập bảng tính chênh lệch số cuối năm so với đầu năm, ghi nhận các khoản mục có biến động trên 10%. Nhận xét vấn đề về khả năng có sai sót, gian lận của các khoản mục này.
- b) Tỷ lệ lãi gộp trên doanh thu thuần là một chỉ tiêu quan trọng trong đánh giá sự hợp lý của doanh thu và giá vốn hàng bán. Do đơn vị có nhiều sản phẩm, tỷ lệ lãi gộp bình quân chịu ảnh hưởng của tỷ lệ lãi gộp từng mặt hàng và cơ cấu mặt hàng.

Anh (chị) hãy tính tỷ lệ lãi gộp bình quân năm nay và năm trước trên cơ sở tỷ lệ lãi gộp từng mặt hàng và cơ cấu mặt hàng, ghi nhận sản phẩm có biến động bất thường. Dựa trên các thông tin của đầu bài, anh (chị) hãy nêu tất cả các trường hợp sai sót, gian lận có thể xảy ra đối với sản phẩm này.

- c) Số vòng quay hàng tồn kho và số vòng quay nợ phải thu là các tỷ số quan trọng để xem xét về sự hợp lý của doanh thu, giá vốn hàng bán, nợ phải thu khách hàng và hàng tồn kho. Tính số vòng quay hàng tồn kho và số vòng quay nợ phải thu của năm nay và năm trước.

Với các thông tin đã có từ đề bài, theo anh (chị), khoản mục nào trong các khoản mục sau có khả năng xảy ra sai phạm: doanh thu, giá vốn hàng bán, nợ phải thu khách hàng và hàng tồn kho ; đồng thời cho biết loại sai phạm nào có thể xảy ra.

- d) Theo anh (chị), chi phí hoa hồng năm nay nhìn trên tổng thể đã hợp lý chưa? Chứng minh quan điểm của mình bằng số liệu tính toán cụ thể.
- e) Theo anh (chị), chi phí khấu hao tài sản cố định năm nay nhìn trên tổng thể đã hợp lý chưa? Chứng minh quan điểm của mình bằng số liệu tính toán cụ thể.

CHƯƠNG XIV

CÁC DỊCH VỤ CỦA DOANH NGHIỆP KIỂM TOÁN

CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

14.1. Những thủ tục nào dưới đây không được thực hiện trong dịch vụ soát xét báo cáo tài chính:

- a) Thủ tục phân tích.
- b) Phỏng vấn nhà quản lý về những sự kiện quan trọng phát sinh sau ngày kết thúc niên độ.
- c) Phỏng vấn luật sư của khách hàng.
- d) Phỏng vấn các nhân viên về các thủ tục ghi chép, phân loại và tổng hợp nghiệp vụ.

14.2. Dịch vụ nào dưới đây chỉ cung cấp có giới hạn cho một số đối tượng sử dụng:

- a) Tổng hợp thông tin tài chính.
- b) Soát xét báo cáo tài chính.
- c) Kiểm toán báo cáo tài chính.
- d) Kiểm tra theo thủ tục thỏa thuận.

14.3. Trong các hợp đồng dưới đây, hợp đồng nào thuộc kiểm toán báo cáo tài chính cho mục đích đặc biệt:

- a) Kiểm tra các thông tin tài chính tương lai.
- b) Kiểm tra theo thủ tục thỏa thuận.
- c) Soát xét báo cáo tài chính.
- d) Kiểm toán báo cáo tài chính tóm tắt.

14.4. Điều này dưới đây diễn tả một cách đúng nhất về trách nhiệm của người hành nghề kế toán khi họ thực hiện dịch vụ tổng hợp thông tin tài chính:

- a) Người hành nghề kế toán cần phải có sự hiểu biết về hoạt động kinh doanh của khách hàng và chính sách kế toán được áp dụng.
- b) Người hành nghề kế toán cần cho ý kiến về mức độ phù hợp giữa báo cáo tài chính được lập với các chuẩn mực và chế độ kế toán.
- c) Người hành nghề kế toán phải tìm hiểu hệ thống kiểm soát nội bộ và thực hiện các thử nghiệm kiểm soát.
- d) Người hành nghề kế toán không đưa ra bất kỳ ý kiến đảm bảo nào đối với thông tin tài chính được tổng hợp.

14.5 Khi thực hiện hợp đồng kiểm tra theo thủ tục thỏa thuận, kiểm toán viên sẽ:

- a) Yêu cầu chỉ phân phát báo cáo trong phạm vi giới hạn cho những đối tượng đã được thỏa thuận trước.
- b) Chỉ đưa ra ý kiến dưới dạng không khẳng định về các vấn đề đã được kiểm tra.
- c) Từ chối đưa ra ý kiến nếu phạm vi kiểm tra bị giới hạn bởi khách hàng.
- d) Đáp ứng theo yêu cầu của chuẩn mực kiểm toán.

14.6. Nội dung nào dưới đây không cần có trong hợp đồng soát xét báo cáo tài chính:

- a) Nêu rõ rằng không thực hiện dịch vụ kiểm toán.
- b) Báo cáo soát xét báo cáo tài chính mẫu.
- c) Phạm vi của dịch vụ soát xét được thực hiện.
- d) Yêu cầu chỉ phân phát báo cáo trong giới hạn các đối tượng đã được xác định.

- 14.7.** Trong báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán khác sẽ có một đoạn:
- a) Nêu rõ là báo cáo tài chính không phù hợp với chuẩn mực kế toán.
 - b) Nêu rõ chính sách kế toán áp dụng để lập báo cáo tài chính là dựa trên cơ sở kế toán khác.
 - c) Nêu rõ báo cáo tài chính không được kiểm toán phù hợp với chuẩn mực kiểm toán.
 - d) 3 câu trên đều sai.
- 14.8.** Kiểm toán viên chỉ được kiểm toán báo cáo tài chính tóm tắt khi đã kiểm toán báo cáo tài chính năm cho khách hàng. Điều nào dưới đây là nguyên nhân:
- a) Để kiểm toán viên cho ý kiến về những khoản mục không được lập và trình bày phù hợp với chuẩn mực kế toán.
 - b) Nếu chỉ kiểm toán báo cáo tài chính tóm tắt, kiểm toán viên sẽ không thể đánh giá về mức độ trung thực và hợp lý của báo cáo tài chính năm.
 - c) Để cung cấp cho nhà quản lý những thông tin phục vụ cho việc phân tích báo cáo tài chính.
 - d) Để cung cấp tài liệu theo yêu cầu của Ủy ban chứng khoán.

CÂU HỎI

- 14.9.** Hãy giải thích về hợp đồng kiểm toán cho những mục đích đặc biệt? Liệt kê những dạng hợp đồng kiểm toán cho mục đích đặc biệt.
- 14.10.** Hãy phân biệt hợp đồng tổng hợp thông tin tài chính với hợp đồng soát xét báo cáo tài chính và cho biết sự khác biệt về mức độ đảm bảo giữa hai loại hợp đồng này.
- 14.11.** Khi thực hiện soát xét báo cáo tài chính, nếu phát hiện đơn vị không chấp hành đúng chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, người kiểm toán viên cần làm gì?

BÀI TẬP

14.12. Công ty kiểm toán D&T được công ty ABC – một công ty TNHH có quy mô nhỏ - đề nghị tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính. Sau khi khảo sát sơ bộ, D&T đã báo giá phí kiểm toán vào khoảng 50 triệu đồng và do giá phí khá cao nên Công ty ABC đã từ chối ký hợp đồng.

Yêu cầu:

- a) Theo bạn, D&T nên tư vấn cho công ty ABC lựa chọn loại dịch vụ nào để báo cáo tài chính vẫn có sự xác nhận của kiểm toán viên và phù hợp với chuẩn mực kiểm toán nhưng với giá phí thấp hơn.
- b) Nếu bạn là nhà quản lý, hãy cho biết những vấn đề cần cân nhắc khi lựa chọn các loại dịch vụ mà công ty kiểm toán cung cấp.

14.13. Có người phát biểu như sau: “ Do khi thực hiện dịch vụ kế toán, người hành nghề kế toán không cung cấp một sự đảm bảo trong báo cáo của mình. Vì vậy, các báo cáo này có thể xem như là các báo cáo cho những mục đích đặc biệt.”

Yêu cầu: Cho biết ý kiến của bạn về câu phát biểu trên.

14.14. (*) Công ty kiểm toán D&H thực hiện dịch vụ soát xét các báo cáo tài chính cho công ty XYZ - không phải là một công ty cổ phần có niêm yết ở thị trường chứng khoán.

Yêu cầu:

Căn cứ theo VSA 910 “Công tác soát xét báo cáo tài chính”, hãy cho biết:

- a) Những thủ tục cần tiến hành khi thực hiện dịch vụ này.
- b) Những nội dung cần có trong báo cáo của công tác soát xét báo cáo tài chính.
- c) Nếu phát hiện báo cáo tài chính có sai lệch trọng yếu so với chuẩn mực và chế độ kế toán, kiểm toán viên cần phải làm gì?

- 14.15.** Dưới đây là một báo cáo do kiểm toán viên phụ soạn thảo khi chuẩn bị hoàn thành hợp đồng dịch vụ soát xét báo cáo tài chính cho Công ty ABC được lập vào ngày 30/9/200X.

Kính gửi: Hội đồng quản trị của Công ty ABC.

Chúng tôi đã soát xét bảng cân đối kế toán của Công ty ABC được lập vào ngày 30/9/200X đính kèm, cũng như báo cáo kết quả kinh doanh, phù hợp với chuẩn mực kiểm toán được chấp nhận phổ biến. Việc soát xét của chúng tôi bao gồm việc kiểm tra các sổ sách kế toán nếu thấy cần thiết.

Một cuộc soát xét chủ yếu là dựa vào việc phỏng vấn các nhân viên trong công ty. Về cơ bản một cuộc soát xét có phạm vi nhỏ hơn so với cuộc kiểm toán, nhưng lại rộng hơn so với dịch vụ tổng hợp thông tin tài chính. Do đó, chúng tôi chỉ đảm bảo có giới hạn về các báo cáo tài chính được đính kèm.

Trên cơ sở công việc soát xét của chúng tôi, chúng tôi nhận thấy không cần có những điều chỉnh trọng yếu nào đối với báo cáo tài chính được đính kèm để chúng phù hợp với các chuẩn mực kế toán được áp dụng nhất quán.

Thành phố HCM ngày 2/11/200X

Kiểm toán viên

(Ký tên)

Yêu cầu: Hãy cho biết những khiếm khuyết trong báo cáo trên.

- 14.16.** Hưng - một kiểm toán viên tập sự – được giao phụ trách hợp đồng dịch vụ tổng hợp thông tin tài chính cho Công ty Tây Ninh cho niên độ kế toán kết thúc vào 31/12/200X. Sau khi hoàn thành dịch vụ, Hưng đã lập báo cáo như sau:

Các báo cáo tài chính đính kèm là do chúng tôi soạn thảo. Công việc tổng hợp thông tin tài chính là một dịch vụ của kế toán, nhưng chúng tôi cũng đã áp dụng một chút thủ tục phân tích đối với các dữ liệu tài chính.

Như đã giải thích trong phần thuyết minh 3, công ty có thay đổi phương pháp kế toán hàng tồn kho. Chúng tôi không thực hiện kiểm toán hoặc soát xét các báo cáo tài chính đính kèm, nhưng không có điều gì làm chúng tôi phải chú ý là chúng có sai sót.

<i>Doanh nghiệp dịch vụ kế toán XY</i>	<i>..., ngày... tháng... năm...</i>
<i>Giám đốc</i>	<i>Người hành nghề kế toán</i>

Yêu cầu: Hãy cho nhận xét về báo cáo do Hưng soạn thảo và cho biết những nội dung cần điều chỉnh?

CHƯƠNG XV

KIỂM TOÁN NỘI BỘ VÀ KIỂM TOÁN CỦA NHÀ NƯỚC

CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

15.1. Kiểm toán viên độc lập ít chú trọng hơn so với kiểm toán viên nội bộ đối với công việc nào sau đây:

- a) Lập kế hoạch kiểm toán.
- b) Thực hiện kiểm toán.
- c) Báo cáo kiểm toán.
- d) Theo dõi sau kiểm toán.

15.2. Câu trả lời nào dưới đây không đúng đối với kiểm toán nội bộ:

- a) Kiểm toán nội bộ có sự độc lập tương đối.
- b) Kết quả kiểm toán nội bộ có độ tin cậy thấp hơn kiểm toán độc lập.
- c) Kiểm toán nội bộ xuất phát từ sự tự nguyện của Ban giám đốc nhằm trợ giúp cho kiểm toán viên độc lập.
- d) Kiểm toán nội bộ thường không bị chế định bởi pháp luật.

15.3. Mục tiêu nào sau đây không phải là của kiểm toán nội bộ:

- a) Xem xét mức độ tin cậy và tính trung thực của các thông tin tài chính và phi tài chính.
- b) Bảo vệ tài sản của đơn vị.
- c) Giảm nhẹ khối lượng công việc cho kiểm toán viên độc lập khi kiểm toán đơn vị.
- d) Xem xét mức độ tuân thủ các chính sách, kế hoạch và luật pháp.

- 15.4.** Điểm khác biệt căn bản giữa quy trình kiểm toán của kiểm toán nhà nước so với quy trình kiểm toán của kiểm toán viên độc lập là ở giai đoạn:
- a) Chuẩn bị kiểm toán.
 - b) Thực hiện kiểm toán.
 - c) Hoàn thành kiểm toán.
 - d) Kiểm tra việc thực hiện kiến nghị kiểm toán.
- 15.5.** Đối với người bên ngoài công ty, kết quả của kiểm toán nhà nước thường có độ tin cậy:
- a) Cao hơn kiểm toán độc lập.
 - b) Cao hơn kiểm toán nội bộ.
 - c) Tương đương kiểm toán độc lập.
 - d) Không xác định.

CÂU HỎI ÔN TẬP

- 15.6.** Giải thích chức năng xác nhận của kiểm toán viên nội bộ theo Quy chế kiểm toán nội bộ ban hành theo Quyết định 832T/QĐ/CĐKT ngày 28/10/1997 của Bộ Tài Chính? So sánh chức năng xác nhận của kiểm toán viên nội bộ này với chức năng này của kiểm toán viên độc lập?
- 15.7.** (*) Đạo đức nghề nghiệp của kiểm toán viên nội bộ thường bao gồm những nội dung gì?
- 15.8.** Nêu vắn tắt một số nhiệm vụ của kiểm toán viên nội bộ khi tiến hành kiểm toán hoạt động, kiểm toán tuân thủ, kiểm toán báo cáo tài chính và báo cáo kế toán quản trị.
- 15.9.** Hãy nêu tóm tắt vai trò, nhiệm vụ của các đối tượng (bao gồm: Ban giám đốc, Ban kiểm soát, kiểm toán viên nội bộ, kiểm toán viên độc lập, các nhân viên khác trong đơn vị và các đối tượng bên ngoài) đối với hệ thống kiểm soát nội bộ trong đơn vị.
- 15.10.** Nêu những điểm giống và khác nhau giữa kiểm toán nhà nước và kiểm toán nội bộ.

BÀI TẬP

15.11. Sắp xếp các công việc sau đây theo mục đích kiểm toán và theo chủ thể kiểm toán:

- a) Xác định tính trung thực hợp lý của các báo cáo tài chính của một doanh nghiệp nhà nước theo chỉ thị của Quốc hội.
- b) Kiểm tra việc thực hiện các quy định của đơn vị liên quan đến thủ tục xuất kho hàng hóa.
- c) Kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của các bộ phận chức năng trong dự án nâng cao chất lượng sản phẩm của đơn vị để xác định tính hiệu quả của dự án theo yêu cầu của ban giám đốc
- d) Ngân hàng nhà nước kiểm tra định kỳ các ngân hàng thương mại về công tác huy động vốn, về các khoản thế chấp cho vay theo các quy định của ngân hàng nhà nước đã ban hành.
- e) Kiểm tra toàn diện các công trình đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh trong năm 200X làm cơ sở việc lập kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản trong năm sau của thành phố.
- f) Đánh giá hiệu quả của một chương trình trọng điểm của Chính phủ đã thực hiện cách đây bốn năm tại các địa phương thuộc khu vực Tây Bắc.
- g) Kiểm tra các chỉ thị của Tổng giám đốc công ty quy định trách nhiệm của Trưởng đại diện bán hàng khu vực miền Trung.

15.12. (*) Công ty X hàng năm đều có mời một công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính của mình. Ban giám đốc đang có dự định tổ chức bộ phận kiểm toán nội bộ tại công ty. Dưới đây là hai ý kiến đối lập nhau:

- Bà Nga, kế toán trưởng: "Theo tôi, không cần tổ chức thêm bộ phận kiểm toán nội bộ vì sẽ tốn kém thêm chi phí không cần thiết. Hàng năm khi kiểm toán, công ty kiểm toán đều cung cấp một thư quản lý góp ý về những yếu kém trong công tác kiểm soát nội bộ, chúng ta có thể sử dụng các ý kiến của các kiểm toán viên chuyên nghiệp này để điều chỉnh hệ thống kiểm soát nội bộ của mình. Mặt khác, việc phải tiếp đón nhiều

đoàn kiểm toán làm cho công việc Phòng kế toán của chúng tôi trở nên quá tải."

- Ông Tấn, Phó giám đốc tài chính: "Theo tôi, việc tổ chức kiểm toán nội bộ là cần thiết trong việc phát hiện những yếu kém trong nhiều lĩnh vực để nâng cao hơn nữa hiệu quả hoạt động của đơn vị, phát hiện kịp thời những trường hợp vi phạm pháp luật để sửa chữa trước khi gây hậu quả nghiêm trọng. Về lâu dài, kiểm toán nội bộ sẽ cải thiện kiểm soát nội bộ và nhờ đó phí kiểm toán độc lập sẽ giảm xuống. Thậm chí, sau này khi kiểm toán nội bộ tốt có thể chúng ta sẽ không cần mời kiểm toán độc lập nữa."

Yêu cầu:

- a) Anh chị hãy chỉ ra các điểm đúng và sai trong ý kiến của bà Nga và ông Tấn.
 - b) Trình bày ý kiến của anh (chị) trong trường hợp này.
- 15.13. (*)** Hãy bình luận câu nói sau đây: " Kiểm toán viên nội bộ là một nhân viên làm thuê, anh ta không có trách nhiệm đạo đức đối với người nào không phải là chủ nhân của anh ta."

BÀI TẬP TỔNG HỢP

BÀI TẬP TỔNG HỢP

oOo

Bài tập tổng hợp bao gồm ba nội dung chính sau đây:

- Phần A: Giới thiệu và yêu cầu.
- Phần B: Thông tin về công ty TNHH BTL Việt Nam.
- Phần C: Thông tin bổ sung.

Sau đây là nội dung chi tiết của bài tập:

PHẦN A: GIỚI THIỆU VÀ YÊU CẦU

I. Giới thiệu

Người học được cung cấp các thông tin về công ty TNHH BTL Việt Nam (sau đây gọi tắt là BTL) đủ để lập kế hoạch một cuộc kiểm toán báo cáo tài chính. Dựa trên những thông tin này và vận dụng các kiến thức đã học về kiểm toán, người học được yêu cầu làm việc với tư cách là kiểm toán viên của Công ty kiểm toán Student Accountant Ltd. (sau đây gọi tắt là SAL) để xây dựng kế hoạch kiểm toán báo cáo tài chính cho niên độ kết thúc ngày 31/12/2004 của BTL và đề xuất những giải pháp để cải tiến hệ thống kiểm soát nội bộ của BTL.

II. Mục tiêu của bài tập

Nếu đầu tư đúng mức và hoàn thành tốt bài tập này, người học có thể:

- Hiểu rõ hơn về một cuộc kiểm toán báo cáo tài chính từ khi bắt đầu cho đến khi hoàn tất công việc chuẩn bị kiểm toán.
- Vận dụng những kiến thức đã học về kiểm toán để lập kế hoạch một cuộc kiểm toán báo cáo tài chính cụ thể.
- Biết cách vận dụng những nguyên tắc cơ bản của kiểm soát nội bộ để tư vấn nâng cao tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ đối với một số khoản mục và chu trình nghiệp vụ chủ yếu trong các tình huống cụ thể.

- Nâng cao kỹ năng trình bày tài liệu, phân tích và tổng hợp thông tin, chọn lọc thông tin để phát hiện và giải quyết vấn đề.

III. Yêu cầu

1. Lập kế hoạch kiểm toán báo cáo tài chính năm 2004 của Công ty BTL. Kế hoạch kiểm toán được thiết lập phải bao gồm một số nội dung cốt lõi sau đây:
 - Đánh giá chung về hệ thống kiểm soát nội bộ.
 - Xác lập mức trọng yếu cho tổng thể và cho từng bộ phận của báo cáo tài chính.
 - Xác định các khoản mục và các cơ sở dẫn liệu tương ứng cần tập trung thu thập bằng chứng kiểm toán.
 - Thiết kế các thử nghiệm kiểm toán thích hợp để thu thập bằng chứng về những cơ sở dẫn liệu có rủi ro cao đã xác định được.
2. Nhận diện các điểm yếu trong kiểm soát nội bộ của BTL dựa vào các thông tin đã cho. Từ đó, soạn một Thư quản lý để đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của kiểm soát nội bộ tại BTL. Ở mỗi giải pháp đề xuất sinh viên phải trình bày đầy đủ các nội dung sau:
 - Yếu kém đã phát hiện
 - Sai phạm tiềm tàng
 - Giải pháp

PHẦN B: THÔNG TIN VỀ CÔNG TY TNHH BTL VIỆT NAM

I. Giới thiệu về công ty TNHH BTL Việt Nam

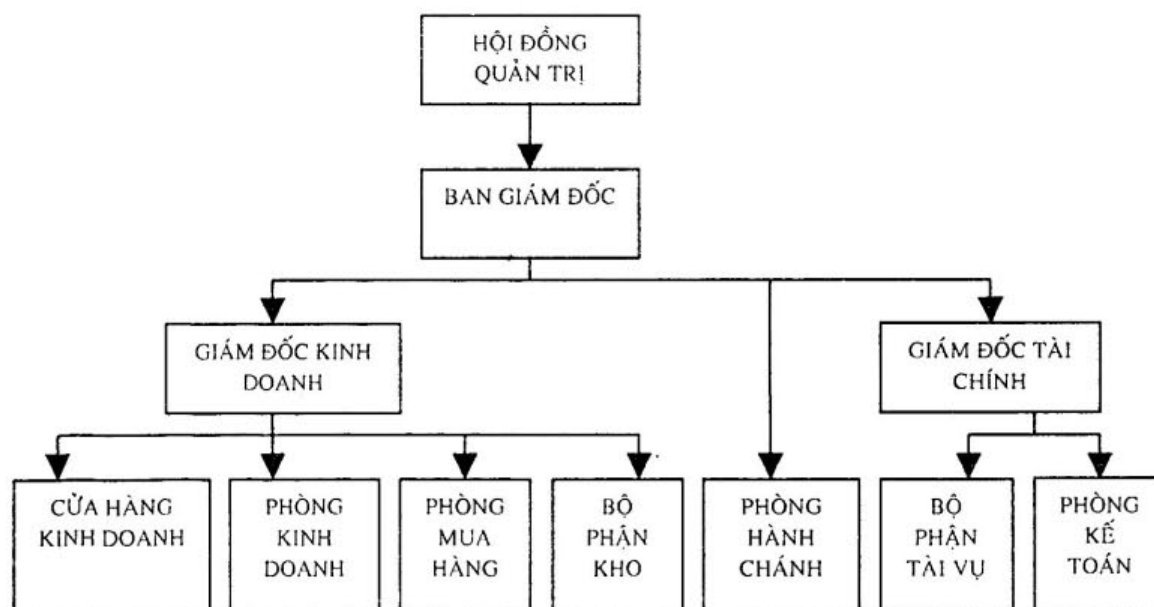
1. Sơ lược về lịch sử hình thành và lĩnh vực hoạt động:

Công ty TNHH BTL Việt Nam là một công ty 100% vốn nước ngoài, thành lập theo giấy phép đầu tư số 1202/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 13/4/1996, có trụ sở chính đặt tại số 154/2C Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, TPHCM. Công ty hoạt động trong lĩnh vực thương mại,

chuyên nhập khẩu hàng kim khí điện máy để tiêu thụ ở thị trường Việt Nam, chủ yếu là tại các tỉnh thành phía Nam (ngoài khu vực thành phố Hồ Chí Minh), đồng thời cung cấp dịch vụ sửa chữa, bảo trì máy móc cho khách hàng (có tính phí).

2. Tổ chức bộ máy quản lý:

Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của công ty như sau:



Ban Giám đốc của công ty bao gồm Tổng Giám đốc và hai Phó Tổng Giám đốc, chịu trách nhiệm điều hành công việc chung của toàn công ty theo chiến lược phát triển công ty được Hội đồng quản trị thông qua. Những vấn đề quan trọng liên quan đến định hướng phát triển, hoặc những giao dịch quan trọng đều phải được thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị trước khi thực hiện.

Giúp việc cho Ban Giám đốc có hai giám đốc bộ phận, gồm một Giám đốc kinh doanh phụ trách vấn đề kinh doanh và một Giám đốc tài chính phụ trách tài chính – kế toán. Giám đốc kinh doanh chịu trách nhiệm về doanh số của công ty và thực hiện kế hoạch mua hàng và tồn trữ hàng để đảm bảo doanh số theo mục tiêu chung của công ty. Giám đốc tài chính chịu trách nhiệm cân đối thu – chi, cơ cấu các nguồn lực tài chính để tài trợ cho các hoạt động của công ty, đồng thời tổ chức hệ thống kế toán để ghi chép, theo dõi tình hình hoạt động của công ty để báo cáo cho Ban Giám đốc và cho các đối tượng bên ngoài khác (chủ yếu là công ty mẹ và cơ quan thuế).

3. Sơ lược về tình hình hoạt động qua các thời kỳ từ khi thành lập đến nay:

Trong ngành hàng kim khí điện máy tại Việt Nam, quy mô của công ty chỉ ở mức trung bình.

Cơ cấu doanh thu của công ty (theo số liệu năm 2004) là:

- Theo sản phẩm: doanh thu bán hàng: 98%, doanh thu cung cấp dịch vụ: 2%
- Theo khách hàng: bán cho các nhà phân phối 93%, bán trực tiếp 7%.

Từ khi bắt đầu đi vào hoạt động trong năm 1996, công ty liên tục bị lỗ do quy mô của thị trường chưa lớn, công ty cũng chưa có uy tín trên thị trường và do gánh nặng về chi phí quản lý quá lớn.

Tuy nhiên, sau 6 năm liên tiếp lỗ lã, từ năm 2002 công ty đã bắt đầu có lãi. Tháng 2 năm 2002, ông Nakatawa nhậm chức Tổng Giám đốc công ty thay thế cho người tiền nhiệm Andrew Sythes. Đây được xem là một cột mốc quan trọng trong hoạt động của công ty. Từ thời điểm này, công ty chuyển sang tập trung đẩy mạnh kinh doanh các loại hàng sản xuất ở Nhật Bản. Nhờ mối quan hệ rất tốt với các hãng của Nhật, ông Nakatawa đã góp công lớn trong việc làm giảm đáng kể giá vốn của hàng nhập khẩu từ Nhật Bản. Tỷ suất lợi nhuận của công ty cũng được cải thiện đáng kể do tỷ lệ lãi gộp của hàng từ Nhật Bản khá cao.

Dựa trên kết quả kinh doanh khả quan đó, từ năm 2002, Hội đồng quản trị công ty đã quyết định thưởng cho cá nhân ông Nakatawa 1% lợi nhuận sau thuế hàng năm của công ty. Tuy nhiên, ông Nakatawa đã không nhận hết số tiền đó mà chia lại cho các Phó Giám đốc, Trưởng Phòng Kinh doanh, Giám đốc Tài chính mỗi người 10% số tiền mình được hưởng. Kể từ khi có chính sách này và nhờ vào các chính sách khuyến mãi hợp lý, doanh thu của công ty đã tăng trưởng đều đặn qua các năm.

Liên tục trong 2 năm 2003 và 2004, công ty đã khai trương thêm hai cửa hàng trưng bày sản phẩm tại Quận 1 và Quận 5 nhằm giới thiệu sản phẩm và thương hiệu của công ty, đây là một trong những nỗ lực để gia tăng doanh số. Dựa vào kết quả khả quan thu được từ hoạt động của hai cửa hàng này, công ty đang triển khai thêm kế hoạch xây dựng một cửa hàng tương tự tại Quận Tân Bình trong năm 2005. Kế hoạch dự kiến

cũng là thuê một mặt bằng có vị trí tốt và bỏ thêm chi phí để trang trí trước khi sử dụng, tương tự như hai cửa hàng trước.

Năm 2004 cũng là năm công ty ký được hợp đồng làm đại lý độc quyền phân phối máy điều hòa nhiệt độ, máy nước nóng và tủ lạnh nhãn hiệu Rotus. Với ưu thế giá rẻ, những mặt hàng này đều bán rất chạy trong năm 2004 và góp phần quan trọng trong việc đẩy doanh số của năm 2004 tăng đột biến, bên cạnh việc liên tục tăng nhanh doanh số những sản phẩm truyền thống của công ty. Tuy nhiên, từ khoảng cuối quý IV năm 2004, các đối thủ cạnh tranh chính của công ty cũng đã nhanh chóng phản ứng bằng cách giới thiệu với thị trường nhiều nhãn hiệu máy điều hòa, máy nước nóng và tủ lạnh giá rẻ khác, điều này khiến cho tốc độ tăng doanh số từ những mặt hàng này của công ty bắt đầu có dấu hiệu chững lại trong giai đoạn cuối năm 2004.

4. Tóm tắt những điểm chính trong chế độ kế toán đã đăng ký và chính sách kế toán áp dụng cho một số khoản mục quan trọng:

- Chế độ kế toán: BTL đăng ký áp dụng chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.
- Niên độ tài chính bắt đầu vào ngày 1/1 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
- Hình thức sổ kế toán: Nhật ký chung.
- Đồng tiền sử dụng để ghi sổ và lập báo cáo tài chính: VNĐ.
- Nộp thuế Giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.
- Kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ, tính giá xuất hàng tồn kho theo phương pháp FIFO.
- Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng, với tỷ lệ khấu hao cho nhà cửa là 4%/năm, phương tiện vận chuyển là 10%/năm và thiết bị quản lý là 20% - 25%/năm.

5. Sơ lược về tổ chức và hoạt động của bộ máy kế toán:

a. Nhân sự:

Nhân sự Phòng kế toán hiện tại có 5 người, bao gồm bà Lâm Ngọc Hà - kế toán trưởng, cô Hoàng Liên Thanh - kế toán tổng hợp, cô Phạm Thị Mơ - kế toán thanh toán, cô Nguyễn Thị Lan - kế toán công nợ, cô Trịnh Thị Huyền - kế toán hàng tồn kho. Cô Huyền là nhân viên mới,

bắt đầu vào làm việc từ tháng 10 năm 2004, sau khi cô Phạm Thị Hoa Mai xin nghỉ việc (ngay sau khi ông Thành – kế toán trưởng cũ của công ty từ chức vào cuối năm 2004). Tuy nhiên, do công ty BTL thuê dịch vụ của công ty Laostrans để xử lý các thủ tục nhập hàng nên công việc của kế toán hàng tồn kho không đến nỗi quá phức tạp. Tất cả nhân viên làm việc tại phòng kế toán đều có trình độ đại học.

Ngoài ra, công ty không thành lập bộ phận kiểm toán nội bộ hay một phòng ban nào có chức năng tương tự.

b. Tin học hóa công tác kế toán

Công ty sử dụng phần mềm kế toán Auto Balancing, một phần mềm kế toán khá lạc hậu và có nhiều điểm không tương thích với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam, phần mềm này do một công ty chuyên cung cấp phần mềm kế toán của Việt Nam thiết kế riêng cho BTL. Auto Balancing chỉ mở được các sổ kế toán tổng hợp và sổ chi tiết công nợ, không lập được bất kỳ chứng từ nào (toàn bộ hệ thống chứng từ của BTL, ngoại trừ hóa đơn tài chính mua từ cơ quan thuế, được xử lý thủ công với những mẫu chứng từ được thiết kế sẵn, in trước và được đánh số thứ tự liên tục trước khi sử dụng), và cung cấp các báo cáo ở mức độ rất hạn chế.

Tuy nhiên, ưu điểm nổi bật của Auto Balancing, theo ông Thành (người đã thuyết phục công ty sử dụng phần mềm này), đó là phần mềm có một tính năng tự động điều chỉnh để làm cân đối các báo cáo tài chính (nếu có sai sót xảy ra), bằng cách tự động tạo ra một khoản mục trên Bảng cân đối kế toán với số dư bằng đúng số tiền chênh lệch. Một đặc điểm khác của phần mềm này cũng làm các nhân viên kế toán của BTL rất hài lòng là cho phép người sử dụng có thể xóa, sửa, thêm bớt nội dung các nghiệp vụ kể cả sau khi đã chuyển sổ Cái.

Bên cạnh đó, ngay sau khi nhậm chức, bà Hà đã đề nghị nên mua một phần mềm kế toán mới để thay thế phần mềm hiện tại nhưng đến nay đề nghị này vẫn chưa được duyệt.

c. Một số diễn biến quan trọng khác trong hoạt động của Phòng kế toán từ khi thành lập Công ty

Từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh, hàng năm Công ty đều khai và nộp thuế đầy đủ, chưa có tiền lệ bị cơ quan thuế vụ phát hiện ra các sai phạm, hành vi trốn hay hoãn việc nộp thuế. Thành tích này đạt được

nhờ có sự đóng góp lớn của ông Nguyễn Xuân Thành, kế toán trưởng, một người có trình độ chuyên môn cao và nhiều kinh nghiệm, đồng thời do ông Thành cũng có mối quan hệ rất tốt với cơ quan thuế địa phương. Ngoài ra, cũng cần nói thêm là vì được chuyển lỗ của những năm đầu hoạt động, nên đến năm 2004 Công ty vẫn chưa phải nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp do theo kế hoạch chuyển lỗ đã đăng ký, lãi của Công ty trong các năm 2002, 2003, 2004 vẫn thấp hơn số lỗ được chuyển sang.

Ông Thành đã làm việc với BTL từ khi công ty bắt đầu hoạt động tại Việt Nam. Tuy nhiên, vào cuối năm 2004, ông Thành đã nghỉ việc. Lý do theo sự giải thích của bà Lâm Ngọc Hà, người kế nhiệm của ông Thành, là do giữa ông Thành và ông Kashumi (Giám đốc Tài chính) thường xuyên có những bất đồng về việc xử lý các khoản chi phí không có chứng từ hợp lệ.

Từ khi bà Hà nhậm chức, các nhân viên, đặc biệt là nhân viên phòng Kinh doanh, cho rằng việc chi tiêu của mình cho các khoản tiếp khách, khuyến mãi, công tác phí... có phần dễ chịu hơn do mọi thứ dường như chỉ được quản lý dựa trên dự toán ngân sách cấp cho từng bộ phận, trưởng bộ phận có trách nhiệm duyệt các khoản chi cho cấp dưới của mình, những khoản chi không có chứng từ hợp lệ cũng được chấp nhận thanh toán miễn là được phê duyệt đầy đủ. Do đó, Bà Hà nhận được rất nhiều sự hợp tác từ các nhân viên khác trong công ty.

Tuy nhiên, do mới nhận chức nên bà Hà chưa tạo dựng được uy tín với các đối tác bên ngoài công ty. Điều này dẫn đến tình hình thu hồi nợ phải thu của công ty trở nên trì trệ hơn do khách hàng chậm trễ trong việc thanh toán tiền, các nhà cung cấp trong nước cũng có xu hướng đòi nợ BTL sớm và quyết liệt hơn.

Thế nhưng đến nay, bà Hà vẫn chưa có giải pháp nào để đối phó với tình hình trên, mà chỉ cho biết nếu vẫn tiếp diễn chắc chắn bà sẽ phải có biện pháp mạnh, đặc biệt là trong việc thu hồi nợ phải thu. Biện pháp đầu tiên bà Hà dự kiến là sẽ siết chặt thời hạn bán chịu ngay từ đầu đối với những khách hàng thường xuyên không thanh toán đúng hạn, từ 60 ngày như bình thường xuống còn 30 ngày hoặc thấp hơn tùy theo từng đối tượng. Tuy nhiên, đến năm 2005 biện pháp này vẫn chưa được Ban Giám đốc của BTL chấp thuận áp dụng vì cho rằng cách làm này có thể làm giảm doanh số của công ty.

6. Kiểm toán báo cáo tài chính:

Từ năm 1996 Công ty đã thuê Công ty kiểm toán Student Accountant Ltd. (SAL) để kiểm toán báo cáo tài chính theo yêu cầu của pháp luật Việt Nam và yêu cầu từ các cổ đông cũng như kiểm toán viên của công ty mẹ ở Singapore (công ty mẹ của BTL là một công ty cổ phần có niêm yết trên thị trường chứng khoán Singapore) để phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Kể từ khi được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho BTL, SAL luôn thực hiện tốt, và không hề có phát sinh những tình huống ảnh hưởng đến sự độc lập và khách quan của SAL đối với BTL. Do đó trong suốt gần 10 năm BTL vẫn chưa thay đổi kiểm toán viên.

Kết thúc cuộc kiểm toán năm 2003, SAL đã phát hành báo cáo kiểm toán dạng chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính của BTL. Báo cáo này được phát hành là kết quả của việc hợp tác rất tốt từ phía Ban giám đốc của BTL với kiểm toán viên và việc Ban giám đốc đã đồng ý thực hiện toàn bộ các bút toán điều chỉnh mà SAL đã đề nghị.

Các bút toán điều chỉnh đã thực hiện đối với báo cáo tài chính năm 2003 của BTL bao gồm:

1/ Nợ TK Chi phí bán hàng	26.567.000
Nợ TK Chi phí quản lý doanh nghiệp	82.674.000
Có TK Phải trả khác	109.241.000

Để lập dự phòng chi phí trợ cấp thôi việc cho nhân viên.

2/ Nợ TK Giá vốn hàng bán	739.425.123
Có TK Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	739.425.123

Để bổ sung dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

3/ Nợ Chi phí quản lý doanh nghiệp	19.000.000
Có TK Tài sản cố định hữu hình	19.000.000

Để loại trừ khoản chi phí mua bảo hiểm xe hơi khỏi nguyên giá tài sản cố định và tính vào chi phí trong kỳ (do xe này được đưa vào sử dụng từ cuối tháng 12.2003 và phần chi phí khấu hao đã trích trong năm 2003 liên quan đến khoản chi phí bảo hiểm không đáng kể nên không cần điều chỉnh).

4/ Nợ TK Doanh thu	363.636.364	
Nợ TK Thuế GTGT phải nộp	36.363.636	
Có TK Nợ phải thu		400.000.000
Nợ TK Hàng hóa	259.765.344	
Có TK Giá vốn hàng bán		259.765.344

Giảm nghiệp vụ bán hàng thuộc về năm 2004.

Ngoài ra, trong Thư quản lý của năm 2003 gửi cho BTL, SAL cũng đã nêu nhiều giải pháp để cải tiến hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị nhưng BTL hầu như chưa có động thái nào chứng tỏ có quan tâm thực hiện các giải pháp này.

Do sự hợp tác rất tốt giữa SAL và BTL trong các năm trước, năm 2004 BTL tiếp tục chỉ định SAL làm kiểm toán viên để thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính cho niên độ kết thúc ngày 31/12/2004. Hợp đồng kiểm toán đã được hai bên ký kết vào ngày 3/10/2004.

7. Nội dung các cuộc họp Hội đồng quản trị trong năm 2004:

Trong năm 2004, Hội đồng quản trị của BTL đã họp một lần vào tháng 4. Nội dung cuộc họp chủ yếu thảo luận về khả năng và những biện pháp cần thực hiện để trở thành đại lý độc quyền tại Việt Nam của Rotus. Ngoài ra, trong cuộc họp này, Hội đồng quản trị cũng thống nhất thông qua kế hoạch thành lập thêm một cửa hàng ở Quận Tân Bình nhằm nâng cao hơn nữa doanh số bán hàng. Biên bản cuộc họp này đã được sao ra và gửi cho kiểm toán viên để nghiên cứu. Trong các tháng đầu năm 2005 (tính đến thời điểm SAL kiểm toán tại BTL) Hội đồng quản trị của BTL không có thêm cuộc họp nào.

8. Báo cáo tài chính năm 2004:

Ngày 15/1/2005, BTL đã cung cấp cho SAL các dự thảo báo cáo tài chính của năm 2004, bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh – Phần I như sau:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
NIÊN ĐỘ KẾT THÚC NGÀY 31/12/2004

DVT: 1.000 đồng

Mã số	TÀI SẢN	Số đầu năm	Số cuối năm
100	A. TÀI SẢN LƯU ĐỘNG VÀ ĐẦU TƯ NGẮN HẠN	19.784.688	24394.285
110	I. Tiền	6.692.148	5835.336
111	1. Tiền mặt tại quỹ (gồm cả ngân phiếu)	550.908	1001.460
112	2. Tiền gửi ngân hàng	6.141.240	4833.876
113	3. Tiền đang chuyển	-	-
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-
121	1. Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	-	-
128	2. Đầu tư ngắn hạn khác	-	-
129	3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	-
130	III. Các khoản phải thu	2.848.524	5026.537
131	1. Phải thu của khách hàng	2.318.892	4774.705
132	2. Trả trước cho người bán	384.000	-
133	3. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	-	-
134	4. Phải thu nội bộ	-	-
137	5. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	-	-
138	6. Các khoản phải thu khác	145.632	251.832
139	7. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	-	-
140	IV. Hàng tồn kho	9.136.788	12843.552
141	1. Hàng mua đang đi trên đường	-	-
142	2. Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	-	-
143	3. Công cụ, dụng cụ trong kho	-	-
144	4. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	-
145	5. Thành phẩm tồn kho	-	-
146	6. Hàng hóa tồn kho	11.373.384	16.366.308

147	7. Hàng gửi đi bán	-	-
149	8. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.236.596)	(3.522.756)
150	V. Tài sản lưu động khác	1.107.228	688.860
151	1. Tạm ứng	192.624	153.780
152	2. Chi phí trả trước	305.112	63.204
153	3. Chi phí chờ kết chuyển	-	-
154	4. Tài sản thiếu chờ xử lý	-	-
155	5. Các khoản cầm cố, ký cược và ký quỹ ngắn hạn	609.492	471.876
200	B. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ ĐẦU TƯ DÀI HẠN	18.493.680	17.786.315
210	I. Tài sản cố định	18.493.680	17.786.315
211	1. Tài sản cố định hữu hình	18.493.680	17.769.515
212	Nguyên giá	22.475.391	23.245.967
213	Giá trị hao mòn lũy kế	(3.981.711)	(5.476.452)
214	2. Tài sản cố định thuê tài chính	-	-
215	Nguyên giá	-	-
216	Giá trị hao mòn lũy kế	-	-
217	3. Tài sản cố định vô hình	-	16.800
218	Nguyên giá	-	18.667
219	Giá trị hao mòn lũy kế	-	(1.867)
220	II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	-
221	1. Đầu tư chứng khoán dài hạn	-	-
222	2. Góp vốn liên doanh	-	-
228	3. Đầu tư dài hạn khác	-	-
229	4. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-	-
230	III. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	-
240	IV. Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn	-	-
241	V. Chi phí trả trước dài hạn	-	-
250	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	38.278.368	42.180.600

Mã số	NGUỒN VỐN	Số đầu năm	Số cuối năm
300	A. NỢ PHẢI TRẢ	9.246.396	8.175.904
310	I. Nợ ngắn hạn	9.131.292	8.038.075
311	1. Vay ngắn hạn	-	-
312	2. Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-
313	3. Phải trả cho người bán	8.188.980	7.233.835
314	4. Người mua trả tiền trước	-	-
315	5. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	297.648	190.752
316	6. Phải trả công nhân viên	393.780	294.900
317	7. Phải trả cho các đơn vị nội bộ	-	-
318	8. Các khoản phải trả, phải nộp khác	250.884	318.588
319	9. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	-	-
320	II. Nợ dài hạn	-	-
321	1. Vay dài hạn	-	-
322	2. Nợ dài hạn khác	-	-
323	3. Trái phiếu phát hành	-	-
330	III. Nợ khác	115.104	137.829
331	1. Chi phí phải trả	115.104	137.829
332	2. Tài sản thừa chờ xử lý	-	-
333	3. Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	-
400	B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	29.031.972	34.004.696
410	I. Nguồn vốn, quỹ	29.031.972	34.004.696
411	1. Nguồn vốn kinh doanh	113.653.224	113.653.224
412	2. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-
413	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-
414	4. Quỹ đầu tư phát triển	-	-
415	5. Quỹ dự phòng tài chính	-	-
416	6. Lợi nhuận chưa phân phối	(84.621.252)	(79.648.528)
420	II. Các quỹ khác	-	-
422	1. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-
423	2. Quỹ quản lý của cấp trên	-	-
430	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	38.278.368	42.180.600

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
NIÊN ĐỘ KẾT THÚC NGÀY 31/12/2004

ĐVT: 1.000 đồng

Mã số	CHỈ TIÊU	Năm trước	Năm nay
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	45.191.196	55.213.164
3	Các khoản giảm trừ	-	-
4	Chiết khấu thương mại	-	-
5	Giảm giá hàng bán	-	-
6	Hàng bán bị trả lại	-	-
7	Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp phải nộp	-	-
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	45.191.196	55.213.164
11	Giá vốn hàng bán	(31.474.716)	(34.086.528)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	13.716.480	21.126.636
21	Doanh thu hoạt động tài chính	24.689	71.729
22	Chi phí tài chính	(9.767)	(28.679)
24	Chi phí bán hàng	(2.439.048)	(2.739.120)
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(9.637.032)	(13.458.048)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	1.655.322	4.972.518
31	Thu nhập khác	2.456	208
32	Chi phí khác	(1.926)	(2)
40	Lợi nhuận khác	530	206
50	Tổng lợi nhuận trước thuế	1.655.852	4.972.724
51	Thuế Thu nhập Doanh nghiệp phải nộp	-	-
60	Lợi nhuận sau thuế	1.655.852	4.972.724

II. Tình hình thị trường hàng kim khí điện máy

Trong năm 2004, thị trường hàng kim khí điện máy không có nhiều biến động lớn, ngoại trừ việc ngày càng xuất hiện nhiều mặt hàng với giá thấp nhắm vào đối tượng người tiêu dùng có thu nhập thấp và trung bình. Một số mặt hàng điện lạnh có xu hướng tăng tốc độ tiêu thụ rất nhanh do thời tiết nóng, đặc biệt tăng rất đáng kể vào các tháng hè.

Các sản phẩm giá rẻ của thị trường kim khí điện máy có xu hướng lỗi thời ngày càng nhanh. Mỗi mẫu mã mới được đưa ra thị trường nếu không được tiêu thụ nhanh chóng sẽ có nguy cơ phải giảm giá hoặc áp dụng kèm các biện pháp khuyến mãi để giải quyết số lượng tồn kho một khi các mẫu mã mới khác được tung ra. Tuy nhiên, nguy cơ này là không cao đối với những nhãn hiệu nổi tiếng đã có chỗ đứng trong thị trường. Các sản phẩm của những thương hiệu lớn cạnh tranh nhau chủ yếu qua chất lượng và kiểu dáng sản phẩm.

Các nhà phân phối hàng kim khí điện máy ngày càng nắm vững hơn tình hình thị trường, họ liên tục tung ra các đợt khuyến mãi, giảm giá, tặng quà vào những dịp lễ lớn. Tuy nhiên, các biện pháp này chỉ chủ yếu được áp dụng tại các thành phố lớn và do một số nhà phân phối lớn thực hiện thông qua hệ thống siêu thị kim khí điện máy.

Người tiêu dùng cũng ngày càng khó tính hơn trong việc lựa chọn sản phẩm do thu nhập thực tế của phần lớn người tiêu dùng nhìn chung là giảm khi giá cả tăng cao, đặc biệt là giá xăng dầu, cùng với việc ngày càng có nhiều sản phẩm hơn để người tiêu dùng lựa chọn.

Các dự báo của những chuyên gia về thị trường kim khí điện máy về tình hình thị trường trong năm 2005 nhìn chung là khả quan, đặc biệt là khả năng tiêu thụ rất mạnh của khu vực hàng giá rẻ. Tuy nhiên, nếu muốn tồn tại, các nhà phân phối hàng kim khí điện máy cần có chính sách đa dạng hóa mặt hàng để tạo thêm sự lựa chọn cho khách hàng và cũng để phân tán rủi ro.

III. Một số thủ tục kiểm soát nội bộ quan trọng

Việc phân chia công việc, quy trình xử lý nghiệp vụ và các thủ tục kiểm soát liên quan đến các mặt hoạt động của BTL như sau:

1. Mua hàng

a) Đối với hàng mua về để bán

Hàng năm, căn cứ vào dự báo tiêu thụ của Giám đốc Kinh doanh đã được Tổng Giám đốc thông qua, phòng Mua hàng lập đơn đặt hàng (2 liên) gửi cho các nhà cung cấp, trên đó không ghi giá mà chỉ nêu thời hạn giao hàng. Sau đó, nhà cung cấp xác nhận lên đơn đặt hàng và gửi trả lại cho BTL một liên. Đơn đặt hàng đã có xác nhận của nhà cung cấp sẽ được lưu tại phòng Mua hàng để theo dõi tiến độ giao hàng của nhà cung cấp.

Mỗi đợt giao hàng, nhà cung cấp sẽ fax bảng báo giá đến cho BTL. Bảng báo giá này sẽ được chuyển cho trưởng phòng Mua hàng để phê duyệt và gửi trả lại nhà cung cấp (BTL chỉ lưu lại một bản sao ở phòng Mua hàng). Sau khi đã phê duyệt bảng báo giá, phòng Mua hàng sẽ thông báo bằng e-mail cho cô Mơ – kế toán thanh toán – để chuyển tiền mở LC.

Khi giao hàng tại cảng, bộ chứng từ liên quan đến lô hàng sẽ được nhân viên của Laostrans nhận cùng với hàng hóa. Sau đó, Laostrans sẽ sắp xếp để vận chuyển số hàng này về nhập kho của BTL. Nếu trong tháng có nhiều nghiệp vụ nhập hàng, Laostrans sẽ tập hợp các chứng từ của chi phí nhập hàng và gửi kèm với bộ chứng từ của lô hàng nhập cho BTL vào cuối mỗi tháng. Nếu trong tháng có ít nghiệp vụ, sau khi thực hiện xong lô hàng nào, Laostrans sẽ chuyển ngay chứng từ và lúc này BTL sẽ phải thanh toán các chi phí nhập hàng cho Laostrans.

Khi nhận được chứng từ của Laostrans, cô Huyền căn cứ vào ngày tháng ghi trên Hóa đơn của nhà cung cấp để ghi nhận hàng mua vào hệ thống Auto Balancing và lập Phiếu nhập kho để gửi xuống kho cho thủ kho ký xác nhận. Phiếu nhập kho đã có chữ ký của thủ kho sau đó sẽ được chuyển về lại phòng Kế toán mỗi tuần một lần để kế toán trưởng ký, sau đó cô Huyền lưu vào Hồ sơ hàng nhập theo thứ tự ngày nhập kho (cùng với bộ chứng từ của lô hàng, bao gồm chủ yếu là các Bill of Lading, Packing List và Tờ khai hải quan).

b) Đối với các loại hàng hóa khác

Các hàng hóa khác như dụng cụ văn phòng, các vật dụng linh tinh ... được giao cho chị Nguyễn Thị Giang – thủ quỹ – phụ trách mua. Khi có nhu cầu, bộ phận có liên quan lập Phiếu đề nghị mua hàng trình trưởng

bộ phận xét duyệt. Trưởng bộ phận căn cứ vào hạn mức kinh phí cấp cho bộ phận của mình đã được Tổng Giám đốc duyệt để phê duyệt Phiếu đề nghị mua hàng. Phiếu đề nghị mua hàng đã được duyệt được chuyển cho chị Giang để đi mua hàng.

Sau khi mua, chị Giang mang hàng về giao cho bộ phận sử dụng và chuyển Hóa đơn cho cô Mơ để ghi sổ kế toán (chị Giang lưu Phiếu đề nghị mua hàng để làm căn cứ chứng minh số tiền đã chi).

Cô Mơ căn cứ vào ngày tháng và số tiền trên Hóa đơn để lập Phiếu chi, đưa cho chị Giang và kế toán trưởng ký, sau đó lưu vào Hồ sơ thanh toán theo thứ tự ngày chi tiền kèm với Hóa đơn đồng thời ghi nhận giảm tiền (tăng chi phí của các bộ phận liên quan) vào hệ thống Auto Balancing.

2. Bán hàng

a) Đối với hàng bán cho các nhà phân phối

Cuối mỗi năm, các nhà phân phối được yêu cầu phải gửi kế hoạch mua hàng trong năm tới cho BTL. Giám đốc Kinh doanh sẽ căn cứ vào đó để lập dự báo tiêu thụ trình Tổng Giám đốc phê duyệt.

Khi thực tế mua hàng, các nhà phân phối sẽ lập đơn đặt hàng gửi cho BTL. Trưởng bộ phận kinh doanh sẽ xem xét hạn mức tín dụng dành cho mỗi nhà phân phối đã được Giám đốc tài chính phê duyệt để phê duyệt lên đơn đặt hàng và gửi trả lại nhà phân phối (BTL chỉ lưu lại một bản sao của đơn đặt hàng tại phòng Kinh doanh).

Sau đó, phòng Kinh doanh sẽ thông báo bằng e-mail về ngày giao hàng, chủng loại, số lượng và đơn giá cho ông Nguyễn Thanh Phong – thủ kho – và cô Huyền để chuẩn bị giao hàng.

Đến ngày giao hàng, nhà phân phối sẽ đến nhận hàng tại kho của BTL. Lúc đó, cô Huyền phải lập Phiếu xuất kho và Hóa đơn, trình kế toán trưởng duyệt và giao cho thủ kho để đưa cho nhà phân phối xác nhận khi nhận hàng. Người nhận hàng phải ký tên lên Phiếu xuất kho và Hóa đơn trước khi nhận hàng. Phiếu xuất kho sau đó được thủ kho ký xác nhận. Sau đó, một liên của Phiếu xuất kho và Hóa đơn được giao cho nhà phân phối để làm chứng từ đi đường, liên còn lại của Phiếu xuất kho được chuyển về phòng kế toán cùng với hai liên của Hóa đơn.

Cô Huyền khi nhận được Hóa đơn và Phiếu xuất kho sẽ ghi nhận doanh thu vào hệ thống Auto Balancing.

b) Đối với hàng bán trực tiếp cho người tiêu dùng

Khi có người mua trực tiếp, Phòng kinh doanh sẽ dẫn người mua xuống kho hàng để chọn hàng hoặc người mua có thể chọn hàng trực tiếp tại cửa hàng trưng bày sản phẩm. Sau khi đã chọn được hàng, người này đến Phòng kế toán để làm thủ tục mua hàng. Khi đó, căn cứ trên thông báo bằng e-mail của phòng Kinh doanh về chủng loại, số lượng và đơn giá hàng bán, cô Huyền cũng lập Phiếu xuất kho và Hóa đơn để đưa cho khách hàng ký tên và cô Huyền chuyển cho thủ kho để chuẩn bị giao hàng.

Do BTL không bao giờ bán chịu cho khách hàng mua hàng trực tiếp, nên chỉ sau khi khách hàng chuyển tiền, hoặc nộp séc thanh toán hay tiền mặt cho thủ quỹ, thủ quỹ mới phát hành Biên lai thu tiền và chuyển sang phòng Kế toán để cô Lan (kế toán công nợ) lập Phiếu thu. Trong trường hợp thanh toán bằng chuyển khoản, khi nhận được giấy báo Có của ngân hàng, cô Lan cũng sẽ lập Phiếu thu. Sau đó, một liên Phiếu thu được gửi cho khách hàng để làm chứng từ nhận hàng.

Khi nào khách hàng xuất trình được Phiếu thu, thủ kho (hoặc Cửa hàng trưng bày sản phẩm) sẽ giao hàng cho khách hàng.

Khi nhận lại Phiếu xuất kho đã được thủ kho (hoặc Cửa hàng trưng bày sản phẩm) ký xác nhận, cô Huyền sẽ ghi nhận doanh thu vào hệ thống Auto Balancing.

3. Thu tiền

a) Đối với tiền thu từ hàng bán cho các nhà phân phối

Sau khi cô Huyền ghi nhận doanh thu căn cứ trên Hóa đơn và Phiếu xuất kho, Hóa đơn sẽ được chuyển cho cô Lan để ghi nhận nợ phải thu căn cứ trên ngày tháng và số tiền trên Hóa đơn. Cô Lan chỉ cập nhật thông tin vào sổ chi tiết Nợ Phải thu, bút toán tổng hợp sẽ được hệ thống Auto Balancing tự động ghi nhận khi cô Huyền ghi nhận doanh thu.

Hóa đơn sau đó được lưu vào hồ sơ Hóa đơn chưa thanh toán theo thứ tự ngày đến hạn trả để theo dõi. Hàng ngày, cô Lan mở hồ sơ này và lập danh sách những khoản nợ đến hạn phải thu hồi để trình kế toán trưởng xem xét.

Sau đó cô Lan có nhiệm vụ thực hiện các biện pháp để đòi nợ. Thông thường khách hàng phải mang tiền hoặc séc đến phòng kế toán của BTL

để thanh toán (tuy nhiên đôi khi cô Lan cũng phải đến quầy hàng để thu tiền).

Khi nhận tiền hoặc séc, cô Lan lập Phiếu thu, cho khách hàng ký tên vào và chuyển cho kế toán trưởng ký duyệt. Sau đó, khoản nợ phải thu sẽ được xóa trên sổ chi tiết nợ phải thu (bút toán tổng hợp được hệ thống tự động ghi nhận).

Gần đây BTL đã có chủ trương khuyến khích khách hàng trả tiền bằng chuyển khoản. Trong trường hợp này, khi nhận được giấy báo Có của ngân hàng, cô Lan cũng lập Phiếu thu, trình kế toán trưởng duyệt và ghi giảm nợ phải thu thông qua hệ thống Auto Balancing.

b) Đối với tiền thu từ hàng bán trực tiếp cho người mua

Tiền thu từ tiền bán hàng trực tiếp cho người mua được tủ quỹ thu và ghi nhận vào chứng từ, sổ sách theo trình tự đã trình bày tại mục 2.b.

c) Đối với tiền thu từ các nguồn khác

Khi có những khoản thu khác như thu từ thanh lý tài sản cố định, thu từ lãi tiền gửi, thu hồi nợ đã xóa sổ... Trình tự tiến hành công việc cũng tương tự như đã trình bày tại các mục 3.a. và 3.b. tùy thuộc khoản thu này trước đó có ghi nhận nợ phải thu hay thu trực tiếp khi giao dịch.

4. Chi tiền

a) Chi tiền mặt

BTL không khuyến khích chi bằng tiền mặt, do đó quỹ tiền mặt chỉ được duy trì ở mức tối đa là 10 triệu đồng. Số quỹ này được dùng để chi linh tinh hàng ngày, như chi cho các khoản mua dụng cụ văn phòng, chi tạm ứng cho nhân viên đi công tác, tạm ứng lương cho nhân viên khi có yêu cầu đột xuất, thanh toán tiền vận chuyển với chi phí nhỏ. Khi số dư quỹ thấp hơn 2 triệu đồng, thủ quỹ sẽ tự động ra ngân hàng àm thủ tục rút tiền về nhập quỹ với số tiền đúng bằng số chênh lệch. Sau khi nhập quỹ, thủ quỹ gửi Giấy rút tiền cho cô Mơ để ghi sổ kế toán.

Cuối mỗi ngày, thủ quỹ và cô Mơ phải cùng đối chiếu sổ sách, kiểm kê quỹ tiền mặt và lập Biên bản kiểm quỹ. Nếu kết quả kiểm kê cho thấy quỹ còn tồn hơn 10 triệu, thủ quỹ sẽ mang số tiền thừa đi nộp ngân hàng. Căn cứ vào giấy báo Có của ngân hàng gửi về, cô Mơ sẽ ghi nhận nghiệp vụ vào hệ thống Auto Balancing.

Khi cần chi tiền mặt để mua sắm các vật dụng linh tinh, thủ quỹ sẽ căn cứ vào đề nghị của các bộ phận liên quan để thực hiện nghiệp vụ như đã trình bày ở mục 1.b.

Khi có nhân viên cần tạm ứng tiền, nhân viên này phải lập Yêu cầu tạm ứng trình trưởng bộ phận xét duyệt. Sau khi được xét duyệt, Yêu cầu tạm ứng được gửi cho cô Mơ để lập Phiếu chi. Phiếu chi sau đó được gửi cho kế toán trưởng duyệt, sau đó chuyển cho thủ quỹ để chi tiền.

Khi chi tiền, thủ quỹ và người nhận tiền phải ký tên trên Phiếu chi. Phiếu chi đã có đủ chữ ký được gửi lại cho cô Mơ để lưu và ghi nhận vào hệ thống Auto Balancing (giảm tiền và tăng tạm ứng), đồng thời Phiếu chi cũng được chuyển đến cho cô Thanh – kế toán tổng hợp – để cập nhật vào Hồ sơ tạm ứng (một file Excel được tổ chức độc lập với hệ thống Auto Balancing, có cài password nên chỉ cô Thanh mở được).

Nếu là tạm ứng lương, cuối tháng cô Thanh khi tính bảng lương sẽ căn cứ vào Hồ sơ tạm ứng để tự động trừ vào số lương thực nhận trong tháng của các nhân viên có tạm ứng, đồng thời cập nhật vào Hồ sơ tạm ứng. Nếu là tạm ứng công tác phí, khi hoàn thành công tác được giao, nhân viên liên quan phải tập hợp các chứng từ liên quan để lập Bảng kê thanh toán tạm ứng, trình trưởng bộ phận duyệt trước khi mang đến cô Thanh để thanh toán.

Sau khi đối chiếu số thực chi với chứng từ và với số đã tạm ứng, cô Mơ ký tên vào Bảng kê thanh toán tạm ứng rồi chuyển cho kế toán trưởng duyệt trước khi kết chuyển số thực chi bằng tạm ứng vào chi phí trong kỳ trên hệ thống Auto Balancing. Số tiền chênh lệch sẽ được chi tiếp cho nhân viên liên quan hoặc nhập lại quỹ theo những thủ tục thu – chi tiền mặt đã trình bày ở trên.

Khi cần chi các khoản linh tinh khác, căn cứ vào chứng từ liên quan, cô Mơ lập Phiếu chi trình kế toán trưởng duyệt, sau đó chuyển cho thủ quỹ để chi tiền. Sau khi chi tiền, thủ quỹ và người nhận tiền phải cùng ký tên vào Phiếu chi và gửi trả lại cô Mơ kèm với bản sao chứng minh nhân dân và giấy giới thiệu của người nhận tiền. Căn cứ trên Phiếu chi đã có đủ chữ ký và các chứng từ liên quan, cô Mơ cập nhật nghiệp vụ vào hệ thống Auto Balancing.

b) Chi tiền gửi ngân hàng

Hầu hết mọi khoản chi lớn của công ty đều được thực hiện qua ngân hàng. Công ty chỉ có hai tài khoản tại ngân hàng Asean Bank, một tài khoản tiền Việt Nam và một tài khoản USD.

Khi nhận được Hóa đơn của nhà cung cấp, sau khi ghi nhận chi phí hoặc các tài sản liên quan và nợ phải trả, cô Mơ lưu trữ Hóa đơn vào Hồ sơ hóa đơn chưa thanh toán theo thứ tự ngày đến hạn thanh toán. Hàng ngày, cô Mơ mở Hồ sơ này để lấy ra những Hóa đơn đến hạn thanh toán, căn cứ vào đó lập Bảng kê thanh toán, Phiếu chi và Ủy nhiệm chi, gửi cùng bản gốc các Hóa đơn của nhà cung cấp đến cho kế toán trưởng duyệt.

Sau khi xem xét các chứng từ, kế toán trưởng duyệt lên Bảng kê, Phiếu chi và Ủy nhiệm chi, đóng dấu "Đã thanh toán" lên chứng từ gốc rồi trả lại cho cô Mơ. Sau đó, cô Mơ phải mang Ủy nhiệm chi đến cho Giám đốc duyệt trước khi gửi cho ngân hàng để thực hiện nghiệp vụ chuyển khoản.

Căn cứ trên Phiếu chi đã được duyệt, cô Mơ ghi nhận giảm nợ phải trả trên hệ thống Auto Balancing. Phiếu chi sau đó sẽ được kẹp cùng Hóa đơn của nhà cung cấp để lưu vào Hồ sơ chi tiền theo thứ tự Phiếu chi.

Đối với những chi phí phải trả ngay, khi nhận được chứng từ cô Mơ cũng tiến hành những thủ tục tương tự như trên nhưng chỉ không lưu Hóa đơn vào Hồ sơ hóa đơn chưa thanh toán.

5. Đầu tư, thanh lý tài sản cố định và trích khấu hao

a) Thủ tục đầu tư tài sản cố định mới:

Nhân viên các bộ phận có nhu cầu lập Phiếu yêu cầu mua sắm tài sản cố định trình trưởng bộ phận xét duyệt. Căn cứ trên dự toán đã được duyệt, trưởng bộ phận xét duyệt các Phiếu yêu cầu trước khi chuyển cho bộ phận mua hàng.

Khi nhận được Phiếu yêu cầu đã được duyệt, bộ phận mua hàng lập các thư mời báo giá gửi cho các nhà cung cấp. Sau khi nhận được các Bảng báo giá của nhà cung cấp, trưởng bộ phận mua hàng sẽ căn cứ trên giá dự toán để lựa cho nhà cung cấp thích hợp nhất và duyệt Bảng báo giá của nhà cung cấp đó.

Căn cứ trên Bảng báo giá đã được duyệt, nhân viên bộ phận mua hàng sẽ lập Đơn đặt hàng (2 liên) chuyển cho Giám đốc ký và bộ phận văn thư đóng dấu, sau đó chuyển cho nhà cung cấp. Đơn đặt hàng được đánh số thứ tự trước và liên tục, sau đó được điền đầy đủ các mô tả và thông số kỹ thuật của tài sản cố định cần mua, số lượng và đơn giá, ngày giao hàng và các thông tin quan trọng khác. Nếu đồng ý bán theo các điều kiện của Đơn đặt hàng, nhà cung cấp sẽ ký tên, đóng dấu và gửi trả một liên của Đơn đặt hàng về cho bộ phận nhận hàng của đơn vị.

Khi tài sản cố định được giao, bộ phận nhận hàng sẽ căn cứ trên Đơn đặt hàng để kiểm nhận. Nếu hàng được giao đúng và đủ, bộ phận nhận hàng sẽ lập Biên bản nhận hàng và cùng với đại diện bên giao hàng ký tên vào Biên bản. Sau đó, bộ phận nhận hàng sẽ chuyển tài sản cố định này đến bộ phận sử dụng. Đại diện bộ phận sử dụng sẽ ghi ngày nhận và ký tên vào Biên bản nhận hàng. Biên bản nhận hàng sẽ được lưu lại ở bộ phận nhận hàng để làm chứng từ.

Hóa đơn của nhà cung cấp, Đơn đặt hàng đã được ký tên, đóng dấu đầy đủ và các hồ sơ khác của tài sản cố định sẽ được chuyển cho phòng Kế toán để làm căn cứ ghi tăng tài sản cố định và theo dõi việc thanh toán.

b) Thủ tục thanh lý tài sản cố định:

Sau khi dự toán năm được duyệt, Hội đồng thanh lý tài sản cố định sẽ được thành lập bao gồm Giám đốc, Kế toán trưởng và một nhân viên thuộc bộ phận mua hàng. Các tài sản cố định đã được đề xuất thanh lý trước hết sẽ được đấu giá công khai trong nội bộ đơn vị. Nếu không có nhân viên nào trong đơn vị muốn mua, các tài sản cố định này sẽ được chào bán cho bên ngoài.

Khi nhận được tiền thanh toán, căn cứ trên giấy báo Có của ngân hàng hay Phiếu thu của thủ quỹ, cô Mơ sẽ ghi nhận vào thu nhập khác đồng thời kết chuyển giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý vào chi phí khác.

c) Các thủ tục khác:

Hàng năm đơn vị tiến hành kiểm kê tài sản cố định một lần vào ngày 31/12. Mọi tài sản cố định muốn được vận chuyển ra ngoài phải xuất trình được Lệnh vận chuyển do Giám đốc ký.

Tất cả tài sản cố định được ghi nhận trên một file Excel "So danh ký TSCĐ" trên máy tính của cô Thanh – kế toán tổng hợp – lao gồm các chi tiết: mã số tài sản cố định, tên tài sản cố định, đặc điểm kỹ thuật, bộ phận sử dụng, ngày mua, nguyên giá và thời gian khấu hao (các máy tính của phòng kế toán được nối mạng với nhau và để mở được thì mỗi máy đều có mật khẩu).

Cô Thanh cũng lập ra Bảng tính khấu hao với các chi tiết tương tự như file "So danh ký TSCĐ" nhưng thêm vào các cột tính toán ra số khấu hao mỗi tháng. Hàng tháng, cô Thanh copy Bảng tính khấu hao của tháng trước, cập nhật thêm các tài sản cố định mới mua và nổi thanh lý trong tháng để tính ra số khấu hao tháng này. Số khấu hao của từng tháng tính được từ Bảng tính khấu hao sẽ được nhập vào hệ thống Auto Balancing của đơn vị bằng một bút toán nhật ký.

6. Các thủ tục kiểm soát khác

a) Lập dự toán ngân sách

Giữa Quý I hàng năm, Ban Giám đốc họp với các trưởng phòng để lập dự toán, bao gồm Dự toán doanh thu, Dự toán chi phí thường xuyên cho các bộ phận và Dự toán mua sắm và thanh lý tài sản cố định trong năm.

Sau khi thống nhất các nội dung của dự toán, Ban Giám đốc sẽ duyệt dự toán. Dự toán đã được duyệt là cơ sở để thực hiện mọi hoạt động trong năm. Mọi khoản chi phí thường xuyên hay đầu tư không nằm trong dự toán hay có giá cao hơn dự toán sẽ không được duyệt khi thanh toán. Các dự toán đã được duyệt được kế toán trưởng lưu vào một hồ sơ riêng. Khi lập dự toán cho năm kế tiếp, tình hình thực hiện thực tế của dự toán năm trước sẽ được xem xét và kiểm tra lại.

b) Quản lý nhân sự

Toàn bộ hồ sơ của nhân viên được cô Thanh – kế toán tổng hợp – lưu trữ trong bộ Hồ sơ nhân sự để làm căn cứ tính lương hàng tháng. Mỗi khi có sự biến động về nhân sự, cô Thanh phải cập nhật vào Hồ sơ nhân sự, cụ thể như sau:

- Khi có nhân viên nghỉ việc, sau khi nhận được một bản giấy chấp thuận cho nghỉ việc do Giám đốc ký, cô Thanh rút hồ sơ của nhân viên này ra khỏi Hồ sơ nhân sự và kẹp cùng giấy chấp thuận cho nghỉ việc

của nhân viên này đề gởi cho cô Mơ làm thủ tục chi thanh toán lần cuối cho nhân viên.

Để được thanh toán lần cuối, nhân viên này phải cùng làm việc với cô Thanh để tính ra số lương của tháng cuối cùng, số tạm ứng ứng hay các khoản khác chưa thanh toán với công ty và trợ cấp thôi việc (nếu có). Các số liệu này được trình bày trên Bảng kê thanh toán lần cuối, được cô Thanh và nhân viên có liên quan ký tên trước khi gởi cho kế toán trưởng duyệt.

Sau đó, Bảng kê này cùng với toàn bộ hồ sơ liên quan đến nhân viên trên được chuyển cho cô Mơ để làm thủ tục chi. Cuối cùng, các chứng từ nền trên được lưu kèm với Phiếu chi trong Hồ sơ chi tiền sau khi cô Mơ ghi nhận giảm tiền và tăng chi phí trên hệ thống Auto Balancing với số tiền tương ứng được ghi trên Bảng kê thanh toán lần cuối.

Khi có nhân viên mới vào làm việc, hồ sơ của nhân viên này (chủ yếu là Hợp đồng thử việc và các Hợp đồng lao động được ký kết từng năm) được bổ sung vào Hồ sơ nhân sự theo thứ tự ngày vào làm việc. Ngoài trừ những trường hợp bổ nhiệm cho những vị trí quan trọng trong công ty, đa số trường hợp còn lại cô Thanh cũng chính là người thỏa thuận các điều khoản của Hợp đồng lao động với nhân viên (sau đó cô Thanh chỉ cần điền thông tin vào các Hợp đồng đã được ký tên, đóng dấu sẵn và đưa cho người lao động ký vào). Mọi quyền lợi khác của người lao động, như bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, kinh phí hoạt động của bộ phận công đoàn ... đều được bảo đảm đầy đủ khi nhân viên được BTL ký hợp đồng lao động chính thức.

Cuối mỗi tháng, cô Thanh căn cứ vào Hồ sơ nhân sự để lập Bảng tính lương (trên 1 file Excel). Bảng tính lương sau đó được chuyển cho cô Mơ để làm thủ tục chi qua ngân hàng tương tự như đã trình bày ở mục 4.b.

c) Kiểm kê hàng tồn kho

Hàng năm, công ty tiến hành kiểm kê hàng tồn kho vào các ngày 31/3, 30/6, 30/9, và 31/12. Trong các cuộc kiểm kê này, tất cả hàng tồn kho tại tất cả các điểm tồn trữ đều được đếm để tính ra số tồn kho cuối kỳ và giá vốn số hàng đã tiêu thụ trong kỳ (BTL kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ, tính giá xuất hàng tồn kho theo phương pháp FIFO). Do tính chất quan trọng của các cuộc kiểm kê này nên BTL thường chuẩn bị rất chu đáo.

Thông thường, 1 tháng trước mỗi cuộc kiểm kê, kế toán trưởng phải bắt đầu lập kế hoạch kiểm kê hàng tồn kho để kịp trình Giám đốc thông qua trước khi cuộc kiểm kê diễn ra ít nhất là 10 ngày. Sau khi được Giám đốc duyệt, kế hoạch kiểm kê được sao ra nhiều bản và chuyển cho các nhân sự, phòng ban có liên quan để chuẩn bị hỗ trợ hoặc tham gia cuộc kiểm kê.

Nhân sự tham gia kiểm kê thường bao gồm kế toán trưởng, kế toán tổng hợp, kế toán hàng tồn kho, thủ kho, các cửa hàng trưởng, một đại diện của Phòng Mua hàng và một số nhân viên khác.

Kế hoạch kiểm kê thông thường được lập dựa trên kế hoạch của năm trước có cập nhật thêm một số thủ tục để giải quyết những khó khăn phát sinh trong cuộc kiểm kê năm trước.

Tính đến cuối năm 2004, BTL có 3 điểm tồn trữ hàng tồn kho, bao gồm kho chính đặt tại trụ sở công ty (tồn trữ trên 95% hàng tồn kho) và hai cửa hàng trưng bày sản phẩm (Quận 1 và Quận 5). Các cửa hàng trưng bày thường chỉ tồn trữ một ít hàng mẫu để trưng bày và chủ yếu là các phụ tùng thay thế phục vụ dịch vụ sửa chữa, bảo trì cho khách hàng.

Kế hoạch kiểm kê luôn yêu cầu vào ngày 31/12 tất cả các hoạt động mua bán phải ngưng lại để phục vụ việc kiểm kê. Thủ kho phải chịu trách nhiệm chỉ đạo việc sắp xếp kho hàng trật tự trước khi cuộc kiểm kê bắt đầu, những lô hàng đặc biệt (đã bán nhưng chưa giao, đã vào kho nhưng chưa hoàn tất thủ tục nhập, hàng nhận giữ hộ, hàng bị hư hỏng, kém phẩm chất không bán được...) phải được sắp xếp vào một khu vực riêng biệt.

Khi kiểm kê, lần lượt từng mã hàng sẽ được kiểm đếm cho đến khi hết số lượng hiện có trong kho. Lô hàng nào đã đếm sẽ được đánh dấu để tránh đếm trùng. Việc kiểm đếm sẽ được phân cho nhiều nhóm, mỗi nhóm phụ trách một số mã hàng tùy theo sự phân công của trưởng nhóm kiểm kê (thông thường trách nhiệm này được giao cho kế toán hàng tồn kho).

d) Khóa sổ và lập dự phòng hay trích trước:

Căn cứ vào ngày tháng ghi trên Phiếu thu, Phiếu chi, Phiếu nhập kho, Phiếu xuất kho mà các nghiệp vụ thu – chi tiền, nhập hàng và bán hàng được ghi nhận vào niên độ kế toán phù hợp. Đối với các nghiệp vụ

khác, căn cứ để chia cắt niên độ là ngày tháng ghi trên các chứng từ liên quan.

Khi kết thúc năm tài chính, cô Thanh – kế toán tổng hợp – xác định các khoản chi phí cần lập dự phòng hay trích trước để lập các bút toán nhật ký ghi nhận vào hệ thống Auto Balancing (căn cứ vào các chứng từ liên quan, cô Thanh lập chứng từ ghi sổ và trình kế toán trưởng duyệt để làm chứng từ gốc cho các khoản này). Các chi phí này chủ yếu bao gồm:

- Chi phí điện, nước, điện thoại của tháng 12: ước tính dựa trên giấy báo chỉ số điện, nước và giấy báo cước.
- Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi: khoản dự phòng này được lập cho từng trường hợp cụ thể khi có bằng chứng cụ thể rằng khoản nợ phải thu có thể không thu được.
- Chi phí dự phòng giảm giá hàng tồn kho: ước tính dựa trên giá bán của hàng hóa tại thời điểm 31/12.
- Chi phí liên hoan tổng kết cuối năm (buổi liên hoan này được tổ chức vào thời điểm công bố kết quả hoạt động của năm, thường vào khoảng tháng 2 hoặc 3): ước tính dựa trên chi phí dự kiến (đã được duyệt trong dự toán chi phí năm).
- Chi phí bảo trì máy phát điện và xe hơi: hai tài sản này phải được mang đi bảo trì trong quá trình sử dụng. Do đó, căn cứ vào số giờ chạy máy phát điện và số km xe chạy trong năm, cô Thanh ước tính ra số chi phí bảo trì phát sinh trong năm để trích trước.
- Các chi phí khác: ước tính dựa trên các tài liệu hoặc tình hình liên quan.

e) Chỉnh hợp tài khoản tiền gửi ngân hàng

Hàng tháng, ngân hàng Asean Bank gửi sổ phụ cho BTL trong vòng tuần đầu tiên của tháng. Sổ phụ sẽ được chuyển cho cô Thanh – kế toán tổng hợp – để đối chiếu với các khoản thu chi qua ngân hàng đã được ghi nhận trên sổ sách trong hệ thống Auto Balancing.

Các khoản khớp nhau sẽ được đánh dấu trực tiếp trên sổ phụ. Các khoản không khớp sẽ được làm rõ sau khi tìm hiểu nguyên nhân và lập biên bản giải trình kèm cùng sổ phụ để lưu. Nếu sau khi tìm hiểu vẫn không tìm được nguyên nhân khác biệt, cô Thanh cũng lập biên bản và

trình kế toán trưởng và Giám đốc để xin ý kiến xử lý (trường hợp này chưa bao giờ xảy ra kể từ khi BTL đi vào hoạt động).

Sau cùng, cô Thanh ký xác nhận đã đối chiếu lên sổ phụ và lưu sổ phụ cùng các biên bản giải trình vào một hồ sơ riêng, đồng thời thực hiện các bút toán điều chỉnh nếu cần thiết.

f) Đối chiếu công nợ với nhà cung cấp và khách hàng

Vào ngày 31/12 hàng năm, cô Lan – kế toán công nợ – trích xuất số dư từ sổ chi tiết công nợ trên hệ thống Auto Balancing cho tất cả khách hàng và nhà cung cấp để lập các Biên bản đối chiếu công nợ. Các Biên bản này sẽ được chuyển cho Giám đốc ký tên, chuyển cho văn thư đóng dấu trước khi gửi cho các khách hàng và nhà cung cấp qua bưu điện hoặc fax.

Sau đó, cô Lan có trách nhiệm theo dõi để thu hồi các Biên bản này từ khách hàng và nhà cung cấp cũng như giải quyết các sai biệt nếu có. Nếu có sai biệt, cô Lan phải tìm ra các chứng từ chứng minh cho số dư nợ trên sổ sách kế toán của mình để gửi cho đối tác kiểm chứng. Nếu vẫn không giải quyết được thì báo cáo với kế toán trưởng để tìm hướng xử lý.

Các Biên bản này sau đó sẽ được lưu vào một hồ sơ riêng. Trong trường hợp có sai biệt mà nguyên nhân đã xác định là do BTL ghi nhầm, các bút toán điều chỉnh thích hợp sẽ được lập căn cứ trên Biên bản đối chiếu công nợ có ý kiến của khách hàng và chứng từ ghi sổ do cô Lan lập và kế toán trưởng duyệt.

g) Kê khai và quyết toán thuế

Hồ sơ kê khai thuế Giá trị gia tăng, thuế Thu nhập doanh nghiệp do cô Thanh – kế toán tổng hợp – lập theo đúng kỳ hạn quy định Căn cứ để lập các hồ sơ kê khai thuế này là số liệu từ hệ thống Auto Balancing. Riêng đối với thuế Thu nhập cá nhân, hàng tháng khi phát lương, cô Thanh đã trừ trước vào tiền lương của các nhân viên có liên quan trong Bảng tính lương. Căn cứ vào số thuế đã tính trừ trước vào tiền lương của nhân viên trên các Bảng tính lương, cô Thanh lập hồ sơ kê khai thuế Thu nhập cá nhân để gửi cơ quan thuế.

Hàng năm, cơ quan thuế đến kiểm tra quyết toán thuế của BTL một lần. Thông thường, kế toán trưởng sẽ là người làm việc trực tiếp với phái đoàn thuế. Nếu có sai sót trong Quyết toán thuế, BTL luôn luôn đồng ý

điều chỉnh lại và chấp nhận nộp phạt nếu có (tuy nhiên từ khi thành lập BTL chưa bao giờ bị phạt).

PHẦN C: THÔNG TIN BỔ SUNG

I. Chính sách xác lập mức trọng yếu

Tại SAL, mức trọng yếu được xác lập ở hai mức độ:

1. Mức trọng yếu kế hoạch: được xác lập để xây dựng kế hoạch kiểm toán và đánh giá về sự trung thực và hợp lý của báo cáo tài chính ở mức độ tổng thể.

Mức trọng yếu kế hoạch được xác định căn cứ vào xét đoán của kiểm toán viên về cả các yếu tố định lượng và định tính.

Các yếu tố định tính được xem xét đến bao gồm:

- Bản chất công việc kinh doanh của khách hàng
- Kết quả hoạt động
- Tình hình tài chính
- v.v...

Khi xác lập mức trọng yếu kế hoạch, kiểm toán viên cũng phải dự kiến được người sử dụng chủ yếu của các báo cáo tài chính (ví dụ như các cổ đông, chủ nợ...) và những thông tin được những người sử dụng chủ yếu này quan tâm nhất. Các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính cung cấp các thông tin này sẽ được sử dụng làm căn cứ để xác lập mức trọng yếu kế hoạch. Dưới đây là một số chỉ tiêu mà kiểm toán viên thường sử dụng để xác lập mức trọng yếu kế hoạch:

- Lợi nhuận trước thuế: được sử dụng trong đa số trường hợp bởi vì đây là chỉ tiêu được nhiều người sử dụng quan tâm nhất. Nếu chỉ tiêu này là thích hợp, kiểm toán viên sẽ lấy 5% của lợi nhuận trước thuế để làm mức trọng yếu kế hoạch. Tuy nhiên, tùy theo tình hình của từng khách hàng cụ thể, kiểm toán viên có thể xem xét sử dụng những mức cao hơn 5% nhưng không được vượt quá 10%.
- Doanh thu: được sử dụng trong trường hợp lợi nhuận của khách hàng biến động bất thường (không thể dự đoán được), hoặc quá

thấp (hoạt động ở gần điểm hòa vốn), hoặc thường xuyên thay đổi trạng thái từ lãi sang lỗ qua các năm... Lúc này, tùy theo từng trường hợp cụ thể kiểm toán viên có thể lấy từ 0,5% đến 1% doanh thu để xác lập mức trọng yếu kế hoạch.

- **Vốn chủ sở hữu:** được sử dụng trong trường hợp lợi nhuận hoặc doanh thu của khách hàng không phù hợp để xác lập mức trọng yếu, thí dụ như khi kết quả hoạt động biến động rất bất thường, khi khả năng thanh toán và khả năng tiếp tục hoạt động đang bị đe dọa nghiêm trọng ... Lúc này, tùy theo từng trường hợp cụ thể kiểm toán viên có thể lấy từ 5% đến 10% vốn chủ sở hữu để xác lập mức trọng yếu kế hoạch.
- **Tổng tài sản:** được sử dụng trong trường hợp không thể căn cứ vào kết quả hoạt động và cũng không thể dựa vào vốn chủ sở hữu (thí dụ như khi vốn chủ sở hữu giảm xuống quá thấp) để xác lập mức trọng yếu kế hoạch. Lúc này, tùy theo từng trường hợp cụ thể kiểm toán viên có thể lấy từ 1% đến 5% tổng tài sản để xác lập mức trọng yếu kế hoạch.

Các chỉ tiêu trên đây chỉ là những hướng dẫn chung. Trong thực hành, kiểm toán viên phải tùy theo từng trường hợp cụ thể và dựa vào xét đoán của mình để xác lập một mức trọng yếu kế hoạch thích hợp.

2. **Sai lệch chấp nhận được:** được xác lập để xây dựng kế hoạch kiểm toán và đánh giá về sự trung thực và hợp lý của từng khoản mục.

Sai lệch chấp nhận được thông thường sẽ được xác lập bằng 50% mức trọng yếu kế hoạch. Tuy nhiên, tùy theo từng trường hợp cụ thể, kiểm toán viên có thể xem xét để xác lập sai lệch chấp nhận được cao hơn 50% mức trọng yếu kế hoạch, nhưng phải lưu ý về tính thận trọng nghề nghiệp.

II. Chứng kiến kiểm kê vào ngày 31/12/2004

Ngày 31/12/2004, SAL đã bố trí kiểm toán viên chứng kiến cuộc kiểm kê hàng tồn kho của BTL (BTL cũng đồng thời kiểm kê quỹ tiền mặt và tài sản cố định tại ngày 31/12/2004 nhưng SAL không bố trí kiểm toán viên để tham gia). Kế hoạch kiểm kê hàng tồn kho đã được lập và gửi cho SAL vào ngày 22/12/2004, với những nội dung chính như sau:

- BTL tổ chức một nhóm kiểm kê duy nhất để thực hiện kiểm kê lần lượt cả ba điểm tồn trữ hàng, bao gồm kho chính của công ty và hai cửa hàng, vào ngày 31/12/2004.
- Nhân sự tham gia cuộc kiểm kê bao gồm: kế toán trưởng – trưởng nhóm kiểm kê, kế toán hàng tồn kho, thủ kho, các cửa hàng trưởng và phó trưởng Phòng Mua hàng cùng các nhân viên hỗ trợ khác.
- Vào ngày 31/12/2004, tất cả các hoạt động mua và bán hàng đều được ngưng lại toàn bộ cho đến khi kết thúc cuộc kiểm kê tại tất cả các điểm tồn trữ hàng.
- Tối ngày 30/12/2004, thủ kho và các cửa hàng trưởng có trách nhiệm huy động nhân sự thuộc thẩm quyền của mình để sắp xếp hàng hóa ngay ngắn nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm kê. Các lô hàng có trong kho nhưng không thuộc quyền sở hữu của BTL, hoặc bị hư hỏng phải được sắp xếp ở một khu vực riêng.
- Trước khi tiến hành kiểm kê, bộ phận kế toán có trách nhiệm in sẵn các mẫu Phiếu kiểm kê để sử dụng. Các phiếu này được thiết kế thành 2 phần, một phần để dán vào hàng sau khi đếm và một phần để lưu và tổng hợp lập Biên bản kiểm kê. Các phiếu kiểm kê phải được đánh trước số thứ tự liên tục và được kế toán trưởng ký xác nhận. Kế toán trưởng có trách nhiệm kiểm soát số lượng phiếu phát ra và thu lại từ các nhóm trực tiếp kiểm kê (các phiếu phát ra nhưng không sử dụng cũng phải được nộp lại).
- Khi đếm hàng, các nhóm kiểm kê phải tiến hành đếm theo trình tự từ trái sang phải, từ trong ra ngoài. Khi đếm xong một lô hàng, một nhân viên của nhóm kiểm kê phải ghi ngay số lượng vào phiếu kiểm kê, sau đó xé phần dưới dán vào mặt trước của lô hàng đã đếm, sau đó đóng dấu “Kiểm kê” giáp lai giữa phiếu kiểm kê và lô hàng. Nhân viên kế toán hàng tồn kho có nhiệm vụ kiểm soát việc ghi nhận số lượng thực tế đã đếm vào cả 2 phần của phiếu kiểm kê và việc dán phiếu vào hàng. Nếu lô hàng có dấu hiệu hư hỏng, nhóm kiểm kê phải ghi chú rõ vào phiếu kiểm kê.
- Sau khi tất cả hàng tồn kho tại một điểm tồn trữ đã được đếm hết, hai nhân viên của nhóm kiểm kê do trưởng nhóm kiểm kê chỉ định phải đi kiểm tra bao quát lại toàn bộ kho hàng để đảm

bảo tất cả các lô hàng đều đã được dán phiếu kiểm kê và đóng dấu giáp lai, đồng thời không có lô hàng nào được dán nhiều hơn 1 phiếu.

Sau khi được kiểm tra lại để chắc chắn tất cả các phiếu phát ra đều đã thu lại đủ, các phiếu kiểm kê (phần lưu của nhóm kiểm kê) sẽ được tổng hợp số lượng theo từng mặt hàng để lập Biên bản kiểm kê hàng tồn kho. Tất cả nhân viên tham gia kiểm kê (trừ các công nhân bốc vác) đều phải ký tên vào biên bản kiểm kê.

Khi chứng kiến kiểm kê hàng tồn kho, kiểm toán viên của SAL đã quan sát và xác nhận rằng các thủ tục được nêu trong kế hoạch kiểm kê trên đều được tuân thủ chặt chẽ và nghiêm túc. Đồng thời khi cuộc kiểm kê đang diễn ra kiểm toán viên cũng đã chọn mẫu một số lô hàng để trực tiếp đếm và so lại với kết quả do nhân viên của BTL đếm ghi trên phiếu kiểm kê. Sau khi cuộc kiểm kê kết thúc, kiểm toán viên cũng chọn mẫu một số mặt hàng từ biên bản kiểm kê để kiểm tra lại thực tế hàng trong kho, và ngược lại, chọn một số mặt hàng từ trong kho để đếm và đối chiếu lại số lượng trên Biên bản kiểm kê. Kết quả các thử nghiệm đếm trực tiếp của kiểm toán viên không mang lại bất kỳ chênh lệch nào.

ĐỀ THI MẪU

ĐỀ THI MẪU 1

Câu 1 (2 điểm)

Kiểm toán viên Hùng đang thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của công ty HR, một công ty sản xuất thiết bị điện tử công nghiệp cho năm tài chính kết thúc ngày 31.12.200X. Qua tìm hiểu, kiểm toán viên Hùng thu thập được những thông tin sau đây:

Năm 200X là một năm hết sức thuận lợi cho công ty HR vì những chính sách mới khuyến khích lĩnh vực điện tử công nghiệp của Nhà nước dẫn đến thị trường sản phẩm này tăng trưởng 20%. Các đối thủ cạnh tranh của HR vì thiếu thông tin nên không điều chỉnh kịp thời sản lượng và chính sách tiêu thụ. Nhờ đó thị phần của HR đã tăng lên, từ 20% (năm 200X-1) lên 35% (năm 200X). Vì trong chi phí của HR, biến phí chiếm tỷ lệ không cao (khoảng 20%), nên sự tăng trưởng của doanh thu nói trên sẽ tạo sự đột biến trong lợi nhuận.

Để đáp ứng nhu cầu vốn tăng lên (tổng tài sản của HR đã tăng lên 25% so với năm trước), công ty HR đã phát hành cổ phiếu và vay dài hạn. Tuy nhiên, do Giám đốc tài chính của công ty, ông Wang nghỉ việc, nên việc phát hành cổ phiếu gặp khó khăn và chỉ đạt được một kết quả khiêm tốn, kết quả là tỷ số nợ của công ty đã tăng từ 40% lên 52%.

Yêu cầu:

- a) Dự đoán tình hình trên sẽ ảnh hưởng gì đến các chỉ tiêu sau của báo cáo tài chính của công ty HR cho năm tài chính kết thúc ngày 31.12.200X: Doanh thu, Lợi nhuận, Nợ phải trả, vốn chủ sở hữu. Nếu có thể, xác định mức biến động dự kiến bằng số liệu cụ thể.
- b) Bạn có lưu ý gì với kiểm toán viên Hùng về rủi ro kiểm toán tại công ty HR.

Câu 2 (2 điểm)

Liên quan đến một khoản phải thu trị giá 600 triệu trên báo cáo tài chính của công ty UFO cho năm tài chính kết thúc ngày 31.12.200X, có một tranh luận giữa kiểm toán viên với Giám đốc đơn vị. Giám đốc đơn vị không chấp nhận cho kiểm toán viên gửi thư xác nhận và kiểm

toán viên đã phản ứng rằng nếu Giám đốc không thay đổi ý kiến, một báo cáo kiểm toán dạng “Từ chối” sẽ được phát hành.

Yêu cầu: Bạn hãy bình luận về sự việc trên.

Câu 3 (2 điểm)

Trong hồ sơ kiểm toán của kiểm toán viên Giang, người ta thấy có các tài liệu sau:

1. Biên bản ghi nhớ cuộc trao đổi giữa kiểm toán viên và Giám đốc công ty về khoản phải thu của Công ty T&J. Theo đó, công ty T&J đã quá hạn thanh toán 6 tháng nhưng Giám đốc cho rằng món nợ này chắc chắn sẽ thu hồi được vì Công ty T&J có một khoản đặt cọc tại đơn vị bằng 50% giá trị khoản phải thu.
2. Biên bản kiểm kê hàng tồn kho của đơn vị, có chữ ký xác nhận của kiểm toán viên.
3. Một bài báo trong tạp chí chuyên ngành, trong đó đề cập đến sự tăng trưởng của doanh thu đơn vị ở mức 20% trong năm vừa qua.
4. Hợp đồng thuê tài chính của đơn vị ký kết với Công ty Thuê tài chính FLC, trong đó có xác định rõ số tiền đơn vị phải trả hàng năm cho Công ty FLC.

Yêu cầu:

Đối với mỗi tài liệu trên, hãy cho biết nó cung cấp bằng chứng về vấn đề gì và độ tin cậy của nó.

Câu 4 (2 điểm)

Khi tìm hiểu về công ty RTC, kiểm toán viên ghi nhận một thủ tục kiểm soát là nhân viên giao hàng, thủ kho và nhân viên viết hóa đơn đối chiếu số liệu với nhau hàng tháng và lập một báo cáo giải trình về các chênh lệch số liệu.

Yêu cầu:

- a) Cho biết thủ tục trên có thể ngăn chặn các gian lận hoặc sai sót nào.
- b) Hãy nêu các thử nghiệm kiểm soát cần thiết để có thể kết luận rằng thủ tục kiểm soát trên là hữu hiệu.

Câu 5 (2 điểm)

Trong quá trình kiểm toán báo cáo tài chính của công ty ITS cho năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2004, kiểm toán viên phát hiện được các tình huống sau:

1. Một lô hàng giá bán 100 triệu đồng (chưa thuế GTGT, thuế suất 10%) đã xuất kho gửi đi bán nhưng chưa được bên mua nhận. Tuy nhiên, kế toán đã ghi nhận nghiệp vụ này vào doanh thu năm 2004. Giá gốc của lô hàng này là 76 triệu đồng.
2. Một hợp đồng cho thuê kho trong 3 năm, bắt đầu ngày 1.1.2004 và kết thúc ngày 31.12.2006, số tiền thuê là 300 triệu đồng (chưa thuế GTGT, thuế suất 10%), phải thanh toán toàn bộ ngay khi thuê. Đơn vị đã ghi nhận toàn bộ số tiền này vào doanh thu năm 2004 nhưng chỉ hạch toán các chi phí thực tế phát sinh năm 2004 bao gồm khấu hao là 50 triệu đồng và chi phí điện nước là 4 triệu đồng.

Yêu cầu:

Xác định ảnh hưởng bằng số tiền cụ thể của tất cả hai sai lệch trên đến các chỉ tiêu sau: Doanh thu, Tổng tài sản, Lợi nhuận sau thuế và Nợ phải trả. Biết rằng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 28%.

Đề thi này thuộc về học phần Kiểm toán 1, dành cho sinh viên ngành kế toán, thời gian làm bài 90 phút.

ĐỀ THI MẪU 2

Câu 1 (2 điểm)

Trong quá trình kiểm toán báo cáo tài chính của công ty STC cho năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2003, kiểm toán viên Hùng ghi nhận những sai sót sau:

1. Một số tài sản cố định dùng vào công tác quản lý đã khấu hao hết nhưng đơn vị vẫn tiếp tục tính khấu hao. Số tiền khấu hao lỗ nêu trên là 12 triệu đồng.
2. Một nghiệp vụ xuất hàng gửi đi bán, giá vốn 400 triệu, giá bán 600 triệu (chưa thuế GTGT, thuế suất 10%), nhưng đơn vị lại ghi nhận là đã tiêu thụ.

Yêu cầu:

- a) Xác định ảnh hưởng của mỗi sai sót trên đến các chỉ tiêu sau đây của báo cáo tài chính ngày 31.12.2003 của công ty STC:
 - Bảng cân đối kế toán: Tổng tài sản, Nợ phải trả, Nguồn vốn chủ sở hữu.
 - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh: Doanh thu, Lợi nhuận sau thuế.

Cho biết thuế thu nhập doanh nghiệp có thuế suất là 28%.

- b) Cho biết mỗi tình huống trên liên quan đến các khái niệm, giả thiết hay nguyên tắc kế toán nào và ảnh hưởng đến người đọc báo cáo tài chính ra sao?

Câu 2 (1 điểm)

Có ý kiến cho rằng: “Đạo đức nghề nghiệp không cần thiết nếu pháp luật đã quy định một cách đầy đủ về trách nhiệm của kiểm toán viên. Thí dụ, nếu kiểm toán viên không bảo mật thông tin của khách hàng, họ sẽ chịu trách nhiệm pháp lý trước khách hàng theo quy định của luật pháp”.

Yêu cầu:

Anh (chị) hãy nêu hai trường hợp trong đó kiểm toán viên có hành vi không đúng về đạo đức nghề nghiệp mà vẫn không phải chịu trách nhiệm pháp lý, giả sử các quy định của pháp luật đã được ban hành đầy đủ và thực hiện nghiêm túc.

Câu 3 (2 điểm)

Khi tìm hiểu hệ thống kiểm soát nội bộ đối với nghiệp vụ mua hàng của công ty Susimex, kiểm toán viên nhận thấy có những thủ tục kiểm soát sau:

1. Tất cả các nghiệp vụ mua hàng đều phải lập Đơn đặt hàng, Đơn đặt hàng được đánh số thứ tự liên tục trước khi sử dụng.
2. Hàng nhập kho được thủ kho trực tiếp kiểm nhận nhưng có sự chứng kiến của bảo vệ. Tuy nhiên, người bảo vệ không ký tên vào Phiếu nhập kho.

Yêu cầu:

- a) Cho biết mỗi thủ tục kiểm soát trên nhằm ngăn ngừa những sai phạm nào?
- b) Thiết kế thử nghiệm kiểm soát cho mỗi thủ tục kiểm soát trên

Câu 4 (1,5 điểm)

Khi tìm hiểu về hoạt động bán hàng của công ty Thần Châu, kiểm toán viên Tùng ghi nhận những thay đổi sau trong chính sách bán chịu:

1. Đơn vị tiến hành phân loại khách hàng và áp dụng hạn mức bán chịu khác nhau cho từng nhóm khách hàng. Các khách hàng cũ và luôn thanh toán đúng hạn sẽ được bán chịu nhiều hơn và cho trả chậm lâu hơn các khách hàng mới hoặc các khách hàng thường vi phạm thời hạn thanh toán.
2. Để giảm bớt chi phí, đơn vị bỏ thủ tục gửi thư hàng tháng cho khách hàng thông báo về tình hình công nợ (dư đầu kỳ, phát sinh trong kỳ và dư cuối kỳ).
3. Ngoài ra đơn vị còn cắt giảm một nửa số nhân viên kỳ cựu và thay vào đó sử dụng một phần mềm theo dõi tự động vào tháng 11.2004.

Yêu cầu:

- a) Hãy cho biết mỗi thay đổi trên liên quan đến loại rủi ro nào trong thành phần của rủi ro kiểm toán?
- b) Hãy cho biết mỗi thay đổi trên có liên quan đến mục tiêu kiểm toán nào của số dư nợ phải thu trên báo cáo tài chính của Thần Châu.

Câu 5 (1,5 điểm)

Trong hồ sơ kiểm toán của cuộc kiểm toán báo cáo tài chính năm 2003 của công ty Tương Lai có những tài liệu sau:

1. Thư xác nhận của Ngân hàng Monabank về số dư các khoản vay ngắn hạn của công ty Tương Lai.
2. Biên nhận nộp thuế đất của khu đất công ty Tương Lai đang có trụ sở hoạt động.
3. Bản ghi chép giải trình của Giám đốc công ty Tương Lai về khả năng thu hồi khoản nợ phải thu của Đại lý Bình Dương có chữ ký xác nhận của Giám đốc công ty Tương Lai.

Yêu cầu: Hãy cho biết mỗi tài liệu trên cung cấp bằng chứng về vấn đề gì và độ tin cậy của chúng.

Câu 6 (2 điểm)

Hãy cho biết kiểm toán viên nên đưa ra loại ý kiến gì trên báo cáo kiểm toán trong mỗi tình huống độc lập sau:

1. Bảng tổng hợp các sai lệch chưa điều chỉnh cho thấy tổng sai lệch chưa điều chỉnh xấp xỉ gần bằng mức trọng yếu của báo cáo tài chính và Giám đốc đơn vị từ chối điều chỉnh các sai lệch phát hiện.
2. Trong năm đơn vị thay đổi phương pháp tính giá thành gây ảnh hưởng đáng kể đến khả năng so sánh được của báo cáo tài chính. Tuy nhiên, đơn vị đã khai báo đầy đủ về sự thay đổi này trên Bảng thuyết minh báo cáo tài chính và theo kiểm toán viên, sự thay đổi này là hợp lý.
3. Một số tài liệu về xây dựng cơ bản bị thất lạc nên kiểm toán viên không tìm thấy bằng chứng nào chứng minh cho giá trị xây dựng dở dang của công trình X. Cho biết giá trị xây dựng dở dang của công trình X chiếm một vị trí trọng yếu trên báo cáo tài chính.
4. Trong báo cáo thường niên của công ty có một bảng tóm tắt các kết quả đạt được chủ yếu của công ty trong năm tài chính. Kiểm toán viên nhận thấy các thông tin này không nhất quán một cách trọng yếu với báo cáo tài chính mà mình đã kiểm toán và được đính kèm trong báo cáo thường niên. Sau khi rà soát lại, kiểm toán viên thấy rằng cần phải điều chỉnh lại bảng tóm tắt nói trên nhưng công ty không đồng ý.

Đề thi này thuộc về học phần Kiểm toán 1, dành cho sinh viên ngành kế toán, thời gian làm bài 90 phút.

ĐỀ THI MẪU 3

Câu 1 (3 điểm)

Kiểm toán viên Hùng được giao kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2002 của Công ty BLUESKY. Công ty BLUESKY được thành lập cách đây 3 năm nhưng đây là năm đầu tiên mà báo cáo tài chính của họ được kiểm toán. Qua tiếp xúc, kiểm toán viên Hùng được cô An, kế toán trưởng cho biết người tiền nhiệm của cô đã xử lý một số nghiệp vụ không đúng trong năm đầu tiên hoạt động của BLUESKY, cụ thể là đưa thẳng vào chi phí nhiều khoản chi mua sắm tài sản mà lẽ ra phải ghi vào tài sản cố định (TSCĐ). Cô An cho biết trong hai năm qua, từ khi cô đảm nhận cương vị kế toán trưởng, loại sai sót đó không còn xảy ra nữa, tuy nhiên bản thân cô cũng không tin tưởng số dư mà cô nhận bàn giao từ người tiền nhiệm.

Yêu cầu:

- Hãy nêu ảnh hưởng (nếu có) của các sai sót trước đây về TSCĐ đến những khoản mục cụ thể của các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2002 của Công ty BLUESKY.
- Ông Toàn, Giám đốc BLUESKY đề nghị kiểm toán viên Hùng giới hạn phạm vi kiểm tra trong năm 2002, không xem xét lại số dư đầu kỳ. Theo anh (chị), kiểm toán viên Hùng có thể đồng ý với ông Toàn không? Tại sao?
- Giả sử cuối cùng ông Toàn đồng ý cho kiểm toán viên Hùng mở rộng phạm vi kiểm tra số dư đầu kỳ của TSCĐ. Theo anh (chị), kiểm toán viên Hùng sẽ phải tiến hành những thủ tục kiểm toán nào để thực hiện việc thu thập bằng chứng về số dư đầu kỳ của TSCĐ.

Câu 2 (3 điểm)

Kiểm toán viên Loan lần đầu tiên được giao kiểm toán hàng tồn kho cho một doanh nghiệp sản xuất (mặc dù Loan đã có khá nhiều kinh nghiệm về kiểm toán hàng tồn kho các doanh nghiệp thương mại). Là cấp trên trực tiếp của Loan, anh (chị) hãy viết cho Loan một bản hướng dẫn văn tắt, bao gồm:

- a) Các cơ sở dẫn liệu cần lưu ý trong kiểm toán hàng tồn kho doanh nghiệp sản xuất.
- b) Những thủ tục kiểm toán cần chú ý đối với kiểm toán hàng tồn kho của doanh nghiệp sản xuất.

Câu 3 (2 điểm)

Kiểm toán viên Thu được giao phụ trách kiểm toán khoản mục tiền cho công ty Tuyết Nhung cho thời khóa kết thúc vào 31.12.2002. Kiểm toán viên Thu đã liệt kê các nghiệp vụ chuyển tiền giữa tài khoản chính và tài khoản chi nhánh quanh thời điểm cuối năm được ghi chép trên sổ sách của đơn vị và sổ sách Ngân hàng như sau:

Số séc	Ngày ghi trên sổ sách của đơn vị		Ngày ghi trên sổ phụ của ngân hàng	
	Ghi tăng	Ghi giảm	Ghi tăng	Ghi giảm
1222	3.01.03	30.12.02	28.12.02	29.12.02
1234	26.12.02	26.12.02	28.12.02	3.01.03
1235	2.01.03	2.01.03	30.12.02	31.12.02
1236	7.01.03	5.01.03	28.12.02	3.01.02

Yêu cầu:

Cho biết nghiệp vụ nào thể hiện việc sử dụng thủ thuật “kiting”. Theo anh (chị), thủ thuật này có thể được sử dụng cho mục đích gì, xét trong trường hợp cụ thể của đầu bài.

Câu 4 (2 điểm)

Kiểm toán viên Lân (thuộc Công ty kiểm toán X&A) đã thực hiện kiểm toán cho công ty Bình Minh từ nhiều năm nay. Bình Minh là công ty thương mại chuyên bán sỉ các mặt hàng điện tử và số dư hàng tồn kho trên báo cáo tài chính luôn là một khoản mục trọng yếu. Trong năm hiện hành (niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31.12.2002), kiểm toán viên Lân tiếp tục thực hiện hợp đồng kiểm toán cho công ty này. Kiểm toán viên Lân không chứng kiến kiểm kê trong vòng 3 năm gần đây với lý do việc kiểm kê của công ty luôn được tiến hành rất tốt và qua chứng kiến kiểm kê các năm trước, kiểm toán viên Lân không phát hiện sai sót nào về hàng tồn kho.

Yêu cầu:

- a) Nhận định về cách làm việc của kiểm toán viên Lân.
- b) Ngân hàng XBANK dựa vào báo cáo tài chính đã kiểm toán của Bình Minh để cho vay. Sau này, XBANK không đòi được nợ và phát hiện rằng báo cáo tài chính của Bình Minh đã khai khống hàng tồn kho hàng trăm triệu đồng mà kiểm toán viên Lân không phát hiện ra vì không chứng kiến kiểm kê hàng tồn kho. XBANK đã kiện Công ty kiểm toán X&A ra tòa. Hãy phân tích tất cả các trường hợp có thể xảy ra về trách nhiệm pháp lý của Công ty kiểm toán X&A đối với XBANK.

Đề thi này thuộc về học phần Kiểm toán 2, dành cho sinh viên ngành kế toán, thời gian làm bài 90 phút.

ĐỀ THI MẪU 4

Câu 1 (3 điểm)

Dưới đây là bảng tổng hợp tình hình tài sản cố định ("SCĐ") và khấu hao của công ty ABC trong niên độ kết thúc ngày 31/12/2012:

Đơn vị: 1.000.000 đ

Loại tài sản cố định	Tài sản cố định				Khấu hao lũy kế			
	Số dư đầu năm	Tăng	Giảm	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm	Tăng	Giảm	Số dư cuối năm
Quyền sử dụng đất	100.000			100.000				
Xưởng 1	30.000			30.000	6.857	857		7.714
Xưởng 2		42.000		42.000		600		600
Hệ thống máy tính A	5.000		5.000	0	3.750	208	3.958	0
Hệ thống máy tính B		3.500		3.500		583		583
Máy in	1.500			1.500	300	150		450
Ô tô 1	150		150	0	150		150	0
Ô tô 2		200		200		23		23
Cộng	136.650	45.700	5.150	177.200	11.057	2.421	4.158	9.370

Các thông tin và tài liệu khác mà kiểm toán viên thu thập được:

- Quyền sử dụng đất mà đơn vị hiện đang có đã mua cách đây 8 năm cùng với nhà xưởng 1, là quyền sử dụng đất lâu dài. Thời gian sử dụng ước tính của nhà xưởng 1 là 35 năm.
- Nhà xưởng 2 vừa mới xây dựng xong và được đưa vào sử dụng vào ngày 1/6 năm nay. Thời gian sử dụng ước tính cũng là 35 năm.

3. Hệ thống máy tính A mua cách đây 6 năm vào ngày 1/1, thời gian sử dụng ước tính là 8 năm và đã được bán đi vào ngày 1/5 năm nay.
4. Hệ thống máy tính B đã được thay thế ngay khi bán hệ thống máy tính A, thời gian sử dụng ước tính là 6 năm.
5. Máy in thời gian sử dụng ước tính là 20 năm.
6. Ô tô 1 đã thanh lý trong năm nay.
7. Ô tô 2 đã mua vào ngày 1/6 năm nay, thời gian sử dụng ước tính là 5 năm.
8. Phương pháp khấu hao mà đơn vị áp dụng là phương pháp khấu hao đường thẳng. Theo quy định hiện hành (2002), khấu hao của tài sản tăng trong kỳ được tính từ tháng tiếp theo, khấu hao của tài sản giảm trong kỳ được ngưng tính từ tháng tiếp theo.

Yêu cầu:

- a) Hãy cho biết có sai sót trong việc tính khấu hao của công ty hay không? Nếu có, hãy cho biết sai sót đó ảnh hưởng đến khoản mục nào trên báo cáo tài chính với số tiền bao nhiêu. Được biết, chi phí khấu hao của nhà xưởng và máy in đã nằm trong giá vốn hàng bán trong kỳ (đơn vị không có sản phẩm dở dang và hàng tồn kho); chi phí khấu hao của những TSCĐ còn lại tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp. Giả sử số dư đầu năm là đúng.
- b) Thủ tục kiểm toán chi phí khấu hao mà kiểm toán viên áp dụng là loại thủ tục gì (thử nghiệm kiểm soát, thử nghiệm cơ bản ...) và thỏa mãn mục tiêu kiểm toán tổng quát nào?

Câu 2 (3 điểm)

Năm nay kiểm toán viên Tấn được phân công kiểm toán báo cáo tài chính cho công ty Compufast chuyên kinh doanh máy vi tính và các phần mềm khác nhau. Từ hồ sơ kiểm toán của đồng nghiệp năm trước, Tấn được biết nhân viên kế toán của công ty ghi chép rất kịp thời các khoản doanh thu và nợ phải thu nhưng lại hay sơ sót, bất cẩn trong việc theo dõi ghi chép kịp thời và chính xác các khoản nợ phải trả cho người bán. Tấn còn biết rằng các hoạt động kiểm soát thường rất mạnh ở

những phạm vi thuộc về tài sản nhưng lại yếu kém ở những phạm vi thuộc về nợ phải trả. Năm nay khi tiến hành những thử nghiệm kiểm soát liên quan đến khoản mục Nợ phải trả, Tấn phát hiện những yếu kém năm trước vẫn chưa được khắc phục.

Yêu cầu:

- a) Hãy cho biết những thủ tục kiểm soát nào có thể ngăn chặn tình trạng yếu kém trên?
- b) Kiểm toán viên Tấn cần thực hiện những thử nghiệm cơ bản nào để phát hiện những sai sót trên báo cáo tài chính do ảnh hưởng của yếu kém trên?
- c) Giả sử sang năm sau, đơn vị đã thiết kế và thực hiện các thủ tục kiểm soát mà bạn đề nghị ở câu a. Theo bạn, kiểm toán viên Tấn sẽ thực hiện các thử nghiệm kiểm soát nào để chứng minh các thủ tục kiểm soát đó là hữu hiệu.

Câu 3 (2 điểm)

Trong quá trình kiểm toán hàng tồn kho phục vụ cho kiểm toán báo cáo tài chính của niên độ kết thúc ngày 31.12.2003 tại Công ty Tân Phát đặt tại TPHCM, kiểm toán viên Trần phát hiện 2 tình huống sau:

- Một lô hàng trị giá 60 triệu được ghi trong Nhật ký mua hàng ngày 7.1.2004, phiếu nhập kho lập ngày 7.1.2004. Hợp đồng mua lô hàng này theo giá FOB Busan, chứng từ chuyển hàng lên cảng Busan vào ngày 25.12.2003, vào thời điểm kiểm kê (31.12.2003) hàng chưa nhận được nên không nằm trong biên bản kiểm kê.
- Số hàng tồn kho bị mất hiện được treo ở khoản tài sản thiếu chờ xử lý trên bảng cân đối kế toán trị giá 40 triệu nhưng đã có biên bản kết luận là không xác định được nguyên nhân và tính vào khoản lỗ trong kỳ.

Yêu cầu:

1. Cho biết các thử nghiệm kiểm toán có thể đã thực hiện để phát hiện được hai tình huống trên.
2. Xác định ảnh hưởng của các sai phạm đến các yếu tố của báo cáo tài chính. Bạn có quyền chọn lựa một trong hai trường hợp:
(a) Công ty Tân Phát kế toán hàng tồn kho theo phương pháp

kê khai thường xuyên và (b) Công ty Tân Phát kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ. Lưu ý chỉ cần chọn một trong hai trường hợp và ghi rõ sự lựa chọn của mình.

Câu 4 (2 điểm)

Khi kiểm toán báo cáo tài chính Công ty ASD Việt Nam cho niên độ kết thúc ngày 31.12.200X, kiểm toán viên Hùng đã phát hiện một khoản vốn góp 300 triệu của Công ty ASD HK (là công ty mẹ của ASD Việt Nam) vào năm 200X-1 bị hạch toán nhầm thành một khoản vay dài hạn và ASD Việt Nam đã tính lãi hàng năm (lãi lũy kế đến thời điểm 31.12.200X-1 là 30 triệu đồng, đến 31.12.200X là 60 triệu đồng) vào chi phí và tăng nợ gốc.

Yêu cầu:

- a) Nếu đây là cuộc kiểm toán năm đầu tiên của Hùng đối với ASD Việt Nam, đánh giá các ảnh hưởng của sai sót này đến báo cáo tài chính năm 200X, giả sử Hùng phát hiện điều này vào cuối năm 200X.
- b) Giả sử đây là năm kiểm toán thứ hai của Hùng đối với ASD Việt Nam. Việc Hùng phát hiện sai phạm của năm 200X-1 có được xem là sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính của năm 200X hay không và Hùng phải làm gì trong trường hợp này?

Đề thi này thuộc về học phần Kiểm toán 1, dành cho sinh viên ngành kế toán, thời gian làm bài 90 phút.

ĐỀ THI MẪU 5

Câu 1 (2 điểm)

Công ty TNHH Du lịch An Bình đã đầu tư tôn tạo khu di tích Rừng Thiêng. Do chủ trương khuyến khích đầu tư cho ngành du lịch địa phương nên Công ty An Bình được miễn tất cả các khoản thuế và vì thế nên không bị bắt buộc phải sử dụng vé vào cửa do cơ quan thuế phát hành. Trong giờ khu di tích mở cửa, hai nhân viên sẽ trực ở cửa để thu trực tiếp tiền vào cửa là 5.000 đồng/người. Theo quy định của công ty, các hướng dẫn viên du lịch có thể hành nghề của Sở Du lịch được miễn tiền vào cửa.

Vào cuối ngày, một trong hai nhân viên thu tiền sẽ mang tiền nộp cho ông Ngà, cán bộ quản lý khu di tích. Ông Ngà kiểm tra số tiền và cất vào két sắt. Thứ sáu hàng tuần, ông Ngà và một nhân viên mang tiền đi nộp Ngân hàng và gửi Bảng kê nộp tiền về Công ty.

Sau một năm hoạt động, Giám đốc Công ty An Bình nhận thấy khu di tích không mang lại hiệu quả kinh tế như mong đợi do thu nhập thấp hơn so với chi phí. Một trong những vấn đề được Giám đốc đặt ra là phải cải tiến kiểm soát nội bộ đối với khâu thu tiền. Bạn được giao nhiệm vụ đề xuất các biện pháp cải tiến trên cơ sở nhận dạng các yếu kém của kiểm soát nội bộ.

Yêu cầu:

Hãy lập bảng theo mẫu sau để mô tả các yếu kém của kiểm soát nội bộ và tương ứng với từng yếu kém, bạn hãy đề xuất một kiến nghị để khắc phục.

Yếu kém	Kiến nghị
1.	...
2.	...
...	...

Câu 2 (2 điểm)

Vào ngày 31/12/2001, khách hàng X đang thiếu nợ công ty Hòa Bình 900 triệu đồng. Đến ngày 15/02/02 do từ lâu đã kinh doanh thua lỗ quá nhiều nên X bị phá sản. Ngày 25/02/02, kế toán trưởng trình ký báo cáo tài chính năm 2001, lúc đó giám đốc công ty Hòa Bình cho rằng cần phải lập dự phòng toàn bộ số tiền trên, nhưng kế toán trưởng lại không đồng tình vì cho rằng X chỉ phá sản vào năm 2002, nghĩa là không liên quan đến báo cáo tài chính của năm 2001.

Yêu cầu:

Theo bạn, để báo cáo tài chính được trình bày trung thực và hợp lý thì vấn đề trên cần được giải quyết thế nào? Tại sao?

Câu 3 (2 điểm)

Hãy cho biết các thử nghiệm cơ bản sau đây nhằm đáp ứng mục tiêu kiểm toán nào:

Thử nghiệm cơ bản	Mục tiêu kiểm toán
Kiểm kê quỹ tiền mặt	
Gửi thư đề nghị xác nhận nợ phải trả đến người bán	
Kiểm tra chất lượng và tình trạng hàng tồn kho	
Thảo luận với Giám đốc đơn vị về các khoản phải trả kéo dài hoặc đang tranh chấp	

Câu 4 (2 điểm)

Hãy cho biết kiểm toán viên sẽ phát hành loại báo cáo kiểm toán nào trong từng trường hợp sau đây và giải thích lý do:

- Công ty ABC đã tính giá hàng tồn kho theo một phương pháp không phù hợp với chế độ kế toán hiện hành. Vì thế kiểm toán viên thuyết phục đơn vị thay đổi cho phù hợp, nhưng ABC không chấp nhận mà chỉ đồng ý công bố về sự khác biệt trên trong thuyết minh báo cáo tài chính.
- Công ty XYZ đã cán trừ số dư Nợ của khoản Phải thu khách hàng với số tiền ứng trước của khách hàng và lấy chênh lệch trình bày trên phần Phải thu khách hàng trong Bảng cân đối

kế toán. Kiểm toán viên đã yêu cầu đơn vị không được cản trở nhưng XYZ không đồng ý.

Câu 5 (2 điểm)

Mỗi câu phát biểu sau đây theo bạn thì đúng hay sai? Tại sao?

- a) Khi rủi ro kiểm soát cao ở mức tối đa (do hệ thống kiểm soát nội bộ rất yếu kém), rủi ro phát hiện sẽ phải tăng lên do kiểm toán viên có khả năng không phát hiện được các sai lệch trọng yếu trong báo cáo tài chính.
- b) Việc kiểm tra toàn bộ sẽ giúp kiểm toán viên không gặp rủi ro kiểm toán.
- c) Khi rủi ro kiểm soát quá cao, kiểm toán viên phải tăng cường các thử nghiệm kiểm soát để giảm thiểu rủi ro kiểm toán.
- d) Tất cả các khoản mục có số tiền lớn hơn 100 triệu đồng đều trọng yếu.

Đề thi này dành cho sinh viên các ngành khác hoặc các hệ phi tập trung, thời gian làm bài 120 phút.

ĐỀ THI MẪU 6

Câu 1 (2 điểm)

Trong cuộc kiểm toán năm đầu tiên của anh chị tại một doanh nghiệp sản xuất có quy mô trung bình, anh chị nhận thấy chỉ có một nhân viên đảm trách cả việc mua hàng, nhận hàng và giữ hàng. Đơn vị áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ trong kế toán hàng tồn kho.

Yêu cầu:

- a) Phân tích tất cả gian lận hay sai sót có thể xảy ra do sự kiêm nhiệm trên và ảnh hưởng của mỗi gian lận hay sai sót đó đến báo cáo tài chính.
- b) Hãy đề xuất những thử nghiệm cơ bản cần áp dụng khi gặp tình huống này.

Câu 2 (2 điểm)

Trong mỗi tình huống độc lập sau đây, hãy cho biết kiểm toán viên sẽ đưa ra ý kiến gì trên báo cáo kiểm toán và giải thích vắn tắt sự lựa chọn của mình:

- a) Một khoản đầu tư tại nước ngoài và kiểm toán viên không thể kiểm toán được các số liệu này.
- b) Đơn vị không đồng ý khai báo về những phương pháp kế toán được sử dụng theo yêu cầu của chế độ kế toán.
- c) Có những tình huống chưa rõ ràng vì phụ thuộc vào một sự kiện trong tương lai.
- d) Một số nội dung trình bày trong Thư của Hội đồng quản trị đính kèm với báo cáo tài chính không nhất quán với báo cáo tài chính. Đơn vị không điều chỉnh theo yêu cầu của kiểm toán viên.

Giả sử các tình huống trên độc lập với nhau và đều được kiểm toán viên đánh giá là có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính.

Câu 3 (2 điểm)

Kiểm toán thường được định nghĩa là một quá trình thu thập và đánh giá bằng chứng về những thông tin được kiểm tra nhằm xác định và báo cáo về mức độ phù hợp giữa các thông tin đó với các tiêu chuẩn đã được thiết lập. Quá trình kiểm toán phải được thực hiện bởi các kiểm toán viên đủ năng lực và độc lập.

Yêu cầu:

Áp dụng vào một cuộc kiểm toán báo cáo tài chính do một công ty kiểm toán thực hiện, với kiến thức đã học trong toàn bộ môn học kiểm toán, anh (chị) hãy giải thích nội dung của những khái niệm được gạch dưới trong câu định nghĩa trên.

Câu 4 (2 điểm)

Dưới đây là một số tài liệu trong hồ sơ của kiểm toán viên:

- a) Giải trình của Giám đốc về khoản dự phòng đã lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.
- b) Biên bản kiểm kê hàng tồn kho trước ngày khóa sổ 10 ngày, cuộc kiểm kê do nhân viên đơn vị thực hiện dưới sự giám sát của kiểm toán viên.
- c) Hồ sơ dự toán công trình xây dựng cơ bản còn đang dở dang do đơn vị cung cấp cho kiểm toán viên.
- d) Bảng ước tính của kiểm toán viên về chi phí lãi vay cho thấy không có khác biệt trọng yếu với số liệu về chi phí lãi vay của đơn vị trên sổ sách kế toán.

Yêu cầu:

- a) Hãy cho biết mỗi tài liệu dưới đây cung cấp bằng chứng về cơ sở dẫn liệu nào, thuộc khoản mục gì của báo cáo tài chính
- b) Hãy phân tích về độ tin cậy của mỗi bằng chứng đạt được từ các tài liệu trên.

Câu 5 (2 điểm)

Trong quá trình tìm hiểu khách hàng, kiểm toán viên Trần tính toán số vòng quay hàng tồn kho trong năm và so sánh với số liệu của năm trước thì nhận thấy số vòng quay hàng tồn kho của đơn vị đã giảm từ 6,4 vòng/năm còn 3,6 vòng/năm.

Yêu cầu:

Dựa vào thông tin trên, hãy dự đoán tất cả các tình huống sai lệch có thể xảy ra trên báo cáo tài chính của đơn vị.

Đề thi này dành cho sinh viên các ngành khác hoặc các hệ phi tập trung, thời gian làm bài 120 phút.

**ĐỀ THI
CHỨNG CHỈ
KIỂM TOÁN VIÊN
CẤP NHÀ NƯỚC**

ĐỀ THI KIỂM TOÁN VIÊN NĂM 2001

Hội đồng thi tuyển

ĐỀ THI VIẾT NĂM 2001

KTV cấp Nhà nước

MÔN THI THỨ 5 - KIỂM TOÁN

(Thời gian làm bài 180 phút) (Đề thi số 01)

Câu hỏi 1 (1 điểm):

Trong quá trình kiểm toán, kiểm toán thường yêu cầu Giám đốc cung cấp các giải trình. Hãy trình bày ngắn gọn độ tin cậy của các giải trình của Giám đốc dưới góc độ một bằng chứng kiểm toán.

Câu hỏi 2 (2 điểm):

Thí sinh được chọn một trong 2 câu 2A hoặc 2B dưới đây:

Câu 2A:

"Tính hoạt động liên tục" là một giả thiết quan trọng của báo cáo tài chính. Anh/Chị hãy trình bày:

- Trách nhiệm tổng quát của kiểm toán viên trong những vấn đề liên quan đến giả thiết này.
- Những thủ tục kiểm toán cần thực hiện trong những vấn đề liên quan đến giả thiết "tính hoạt động liên tục" của đơn vị được kiểm toán.

Câu 2B:

Anh/Chị được giao nhiệm vụ kiểm toán báo cáo tài chính của một công ty. Công ty này có một bộ phận kiểm toán nội bộ.

Yêu cầu:

- Trình bày mối quan hệ giữa công việc của kiểm toán nội bộ đối với công việc kiểm toán báo cáo tài chính do Anh/Chị thực hiện.
- Nếu Anh/Chị dự định sử dụng công việc của kiểm toán nội bộ, Anh/Chị cần xem xét những nhân tố nào và phải thực hiện những thủ tục nào?

Câu hỏi 3 (2 điểm):

Dưới đây là tình huống độc lập mà kiểm toán có thể gặp phải trong quá trình kiểm toán báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2000 của Công ty Hoàn Cầu:

- a) Trong quá trình kiểm toán các khoản đầu tư dài hạn, kiểm toán viên không có được báo cáo tài chính đã kiểm toán của một khoản đầu tư vào một công ty ở nước ngoài, trị giá 2.535.000.000 đồng. Kiểm toán viên kết luận rằng không thể có được các bằng chứng đầy đủ và thích hợp về khoản đầu tư này.
- b) Đơn vị thay đổi phương pháp tính khấu hao tài sản cố định. Kiểm toán viên nhất trí với sự thay đổi này mặc dù nó ảnh hưởng trọng yếu đến khả năng có thể so sánh được của báo cáo tài chính, giá trị tài sản cố định chênh lệch do thay đổi phương pháp khấu hao là 320.000.000 đồng, lợi nhuận sau thuế chênh lệch do thay đổi phương pháp khấu hao là 204.000.000 đồng. Đơn vị đã khai báo đầy đủ về sự thay đổi phương pháp khấu hao này trong mục III của Thuyết minh báo cáo tài chính.
- c) Đơn vị bị kiện vì xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp của một công ty khác. Số tiền có thể phải trả trong trường hợp này chưa thể ước tính được một cách hợp lý. Kiểm toán viên cho rằng khoản thiệt hại này là hết sức trọng yếu, tuy nhiên báo cáo đã khai báo đầy đủ về vấn đề này trong Thuyết minh báo cáo tài chính (mục XII).
- d) Đơn vị không đưa vào tài sản cố định một số tài sản cố định thuê tài chính, thay vào đó lại khai báo trong Thuyết minh báo cáo tài chính về các khoản nợ phát sinh do thuê tài chính (mục VII). Theo kiểm toán viên, việc không đưa vào tài sản cố định các tài sản thuê tài chính này là vi phạm chế độ kế toán hiện hành nhưng Giám đốc công ty không đồng ý. Giá trị còn lại của tài sản này, nợ dài hạn và nợ ngắn hạn phải trả đến thời điểm 31/12/1999 lần lượt là 280.000.000 đồng, 240.000.000 đồng và 120.000.000 đồng. Việc không ghi chép các tài sản trên dẫn đến lợi nhuận sau thuế tăng lên 52.000.000 đồng.

Yêu cầu:

Viết bốn (4) báo cáo kiểm toán (chỉ viết phần ý kiến và các đoạn giải thích hoặc nhấn mạnh nếu cần thiết) cho 4 tình huống nói trên. Giả sử rằng nếu không có các yếu tố đang xem xét nói trên, báo cáo tài chính của đơn vị có thể dẫn đến một ý kiến chấp nhận toàn phần?

Câu hỏi 4 (5 điểm):

Anh/Chị đang thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2000 của Công ty Thịnh Phú. Dưới đây là Bảng kê về tình hình biến động tài sản cố định trong năm 2000.

Công ty Thịnh Phú
Bảng kê tình hình tăng, giảm tài sản cố định và hao mòn
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2000

(Đơn vị tính: 1.000 đ)

Tài sản cố định				
	Số dư 31/12/1999	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số dư 31/12/2000
Văn phòng	325.100	136.000	-	461.100
Phương tiện vận tải	408.200	96.000	26.700	477.500
Dụng cụ quản lý	145.300	18.000	-	163.300
Cộng	878.600	250.000	26.700	1.101.900
Hao mòn tài sản cố định				
	Số dư 31/12/1999	Tăng trong năm ^(*)	Giảm trong năm	Số dư 31/12/2000
Văn phòng	142.620	16.044	-	158.664
Phương tiện vận tải	121.620	41.370	-	165.990
Dụng cụ quản lý	65.100	30.300	-	95.400
Cộng	332.340	87.714	-	420.054

Ngày 1/4/2000 công ty thuê tài chính một tài sản cố định là máy móc thiết bị, thời gian thuê là 10 năm. Số tiền phải trả hàng năm là 500 vào ngày 1/4, bắt đầu từ năm 2000. Thời gian sử dụng hữu dụng của tài sản cố định là 10 năm, không có giá trị thanh lý thu hồi. Công ty đã ghi tài

^(*) Hoàn toàn là trích khấu hao trong năm 2000.

sản này vào mục tài sản cố định hữu hình loại máy móc thiết bị với số tiền theo giá trị hiện tại của tài sản tại ngày thuê là 4.040, đồng thời trích khấu hao tài sản này vào chi phí trong năm là 202.

Công ty đã hoàn thành xây dựng thêm một bộ phận của một tòa nhà xưởng vào ngày 30/6. Thời gian sử dụng hữu ích của tòa nhà không tăng thêm bởi bộ phận xây dựng thêm này. Bộ phận này do công ty tự tổ chức xây dựng, chi phí xây dựng là 1.600 (trong đó: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp là 750, chi phí nhân công trực tiếp là 550, và chi phí sản xuất chung là 300). Giá đấu thầu thấp nhất là 1.750, công ty đã ghi tăng nguyên giá của nhà xưởng theo mức giá này, (Công ty chỉ có 1 tòa nhà xưởng).

Số liệu ở cột giảm trong năm 2000 là số tiền thu được vào ngày 5/9 nhượng bán một máy mua vào tháng 7 năm 1996, nguyên giá của tài sản cố định này là 4.800. Kế toán công ty đã trích khấu hao tính vào chi phí năm 2000 đối với tài sản này là 350.

Ngày 1/9, công ty được tặng một tài sản cố định trị giá 1.200. Tài sản này được đưa vào sử dụng ngay, thời gian sử dụng là 10 năm, nhưng do không phát sinh một khoản chi phí nào liên quan đến quá trình hình thành và đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng nên kế toán công ty không ghi chép tài sản vào sổ kế toán công ty.

Yêu cầu:

Anh/Chị hãy phát hiện những sai phạm của công ty trong hạch toán tài sản cố định và lập các bút toán điều chỉnh cần thiết (ngoại trừ phần thuế GTGT có liên quan).

Xác định số tăng, giảm của các chỉ tiêu có liên quan trên bảng cân đối kế toán./.

Hội đồng thi tuyển

ĐỀ THI VIẾT NĂM 2001

KTV cấp Nhà nước

MÔN THI THỨ 5 - KIỂM TOÁN

(Thời gian làm bài 180 phút) (Đề thi số 02)

Câu hỏi 1 (2 điểm):

- a) Có người (khách hàng) cho rằng "báo cáo kiểm toán với loại ý kiến chấp nhận toàn phần có nghĩa là kiểm toán viên chấp nhận toàn bộ báo cáo tài chính của đơn vị được kiểm toán là hoàn toàn đúng, trong đó không có bất kỳ một sai sót nào".

Anh/Chị hãy giải thích để khách hàng hiểu đúng về báo cáo kiểm toán với loại ý kiến chấp nhận toàn phần.

- b) Trường hợp báo cáo tài chính có sai sót (Ví dụ tính khấu hao tài sản cố định lớn hơn tỷ lệ đã đăng ký) nhưng doanh nghiệp đã trình bày rõ lý do trong phần thuyết minh báo cáo tài chính. Vậy Anh/Chị sẽ phát hành báo cáo kiểm toán với loại ý kiến chấp nhận toàn phần hay loại ý kiến ngoại trừ? Vì sao?

Câu hỏi 2 (2 điểm):

"Kiểm toán viên phải chịu trách nhiệm về những gian lận, sai sót xảy ra ở đơn vị được kiểm toán". Ý kiến của Anh/Chị về vấn đề này như thế nào? Khi có dấu hiệu gian lận, sai sót kiểm toán viên cần phải thực hiện những thủ tục gì? Gian lận, sai sót có ảnh hưởng như thế nào đến ý kiến của kiểm toán viên trên báo cáo kiểm toán?

Câu hỏi 3 (3 điểm):

Sau đây là các số liệu về doanh thu, giá vốn hàng bán và hàng tồn kho của công ty ABC. (Đơn vị tính: triệu đồng)

	1997	1998	1999	2000
Doanh thu	34.800	39.200	43.400	43.000
Giá vốn hàng bán	27.000	30.400	33.600	34.200
Hàng tồn kho đầu kỳ	3.000	3.800	4.200	4.600
Hàng tồn kho cuối kỳ	3.800	4.200	4.600	4.800

Yêu cầu:

- a) Anh/Chị hãy tính tỷ suất lợi nhuận gộp trên doanh thu và vòng quay hàng tồn kho. Hãy chỉ ra những nguyên nhân có thể làm ảnh hưởng đến sự biến động của các hệ số trên.
- b) Giả sử năm 2000, mức sai sót trọng yếu theo kế hoạch là 1,5% cho mỗi khoản mục trên, liệu rằng có sai phạm trọng yếu nào trên báo cáo của năm 2000 hay không? Kiểm toán viên cần phải làm gì để phát hiện những nguyên nhân thực tế của biến động trên? Biết rằng báo cáo tài chính của các năm trước đã được kiểm toán và được chấp nhận toàn phần; tình hình cung cấp, giá cả vật tư, hàng hóa trên thị trường năm 2000 biến động không đáng kể so với các năm trước; nhu cầu về sản phẩm của công ty trên thị trường vẫn ở mức cao; tình hình sản xuất, trình độ quản lý, sử dụng lao động, vật tư, v.v... ở công ty là ổn định.

Câu hỏi 4 (3 điểm):

Anh/Chị đang kiểm toán báo cáo tài chính cho công ty BBC, cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2000. Sau đây là các thông tin liên quan đến tài sản cố định do công ty báo cáo (năm 2000). (Đơn vị tính: triệu đồng).

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình: 53.690
- Giá trị hao mòn lũy kế: 27.762
- Giá trị còn lại: 25.928

Đối chiếu với số liệu đã được kiểm toán năm 1999, số liệu được thuyết minh cụ thể như sau:

	31/12/1999	Tăng trong năm 2000	Giảm trong năm 2000	31/12/2000
* Nguyên giá tài sản cố định hữu hình	50.500	5.790	2.600	53.690
• Nhà xưởng	12.000	1.750	-	13.750
• Máy móc thiết bị	38.500	4.040	2.600	39.940

* Giá trị hao mòn lũy kế	23.325	4.437	-	27.762
• Nhà xưởng	6.000	515	-	6.515
• Máy móc thiết bị	17.325	3.922	-	21.247

Trong quá trình kiểm toán, kiểm toán viên thu thập được những thông tin sau đây:

Tất cả các loại tài sản cố định đều được khấu hao theo đường thẳng (không có giá trị thu hồi thanh lý), thời gian khấu hao của nhà xưởng là 25 năm, còn các loại tài sản cố định khác là 10 năm. Chính sách của công ty từ năm 2000 thực hiện tính khấu hao nửa năm đối với tất cả các tài sản tăng, hoặc giảm trong năm.

Số dư 31/12/1999 đã được đối chiếu và thống nhất với số liệu trong hồ sơ kiểm toán năm trước. Anh/Chị đã tiến hành các thủ tục kiểm toán cần thiết và phát hiện những vấn đề sau:

- a) Trong năm 2000, đơn vị đã xây dựng mới cửa hàng số 3 với tổng chi phí là 104.000.000 đồng, hoàn thành và đưa vào sử dụng ngày 3/6/2000. Ngoài ra đơn vị đã chi 32.000.000 đồng cho việc cải tạo văn phòng làm việc của Giám đốc, bao gồm:

- Trang trí nội thất 10.400.000 đồng
- Trang bị bàn ghế 4.600.000 đồng
- Trang bị máy lạnh 17.000.000 đồng

Công trình cải tạo văn phòng làm việc hoàn thành và đưa vào sử dụng tháng 3/2000.

- b) Ngày 01/01/2000, đơn vị thuê một xe tải trong 10 năm với số tiền thanh toán hàng năm là 12.000.000 đồng trả vào ngày 01/01 mỗi năm từ năm 2001. Theo hợp đồng, một trong hai bên có quyền chấm dứt hợp đồng sau khi thông báo cho bên kia 60 ngày. Hợp đồng không qui định về việc chuyển giao quyền sở hữu sau khi thuê cũng như bất kỳ một điều kiện mua ưu đãi nào khi hết thời hạn thuê. Đơn vị đã ghi nhận xe tải trên vào tài sản cố định của đơn vị với nguyên giá là 96.000 đồng, tương ứng với một khoản nợ dài hạn cũng là 96.000 đồng. Số tiền chênh lệch giữa tổng số tiền phải trả trong 10 năm (120.000 đồng) với nguyên giá (96.000.000 đồng) được đơn vị xem như lãi trả chậm, ghi nhận vào ngày 31/12 mỗi năm. Số tiền lãi

được ghi nhận trong năm 2000 là 8.600.000 đồng. Xe tải này được áp dụng chính sách khấu hao giống như các xe tải của đơn vị. Đơn vị đã chuyển nợ dài hạn sang nợ dài hạn đến hạn trả số tiền đơn vị phải trả vào ngày 01/01/2001 theo hợp đồng.

- c) Ngày 25.3.2000, đơn vị nhượng bán một xe tải có nguyên giá 110.000.000 đồng, đã khấu hao đến 31/12/1999 là 82.500.000 đồng. Số tiền mặt thu được là 26.700.000 đồng (giá chưa có thuế GTGT) được đơn vị ghi giảm trực tiếp nguyên giá tài sản cố định. Đơn vị không ghi bút toán giảm tài sản cố định theo quy định.
- d) Các dụng cụ quản lý tăng thêm trong kỳ chủ yếu là 2 máy tính trang bị cho Phòng kế toán vào tháng 6/2000, trị giá 6.200.000 đồng/cái. Ngoài ra, đơn vị còn mua một hệ thống âm thanh phục vụ cho nhu cầu phúc lợi trị giá 5.600.000 đồng vào tháng 9/2000. Đơn vị đã chuyển nguồn từ quỹ phúc lợi sang nguồn kinh phí đã hình thành tài sản.

Thông tin bổ sung:

- Chính sách khấu hao của đơn vị là khấu hao đường thẳng với tỷ lệ 4% cho văn phòng, 10% cho phương tiện vận tải và 20% cho dụng cụ quản lý. Khấu hao được tính từ tháng kế tiếp sau tháng tăng tài sản, không tính khấu hao từ tháng kế tiếp sang tháng giảm tài sản. Chính sách này được xem là phù hợp với chế độ kế toán hiện hành và tình trạng sử dụng tài sản của đơn vị.
- Tất cả giá trị tài sản trong kỳ nêu trên đều là giá chưa có thuế GTGT, thuế suất đầu vào là 10%. Đơn vị thuộc diện chịu thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Yêu cầu:

- a) Hãy lập bảng kê các bút toán điều chỉnh mà Anh/Chị cho rằng cần thiết. Đơn vị chưa khóa sổ cuối năm. Giả sử không xem xét ảnh hưởng đến thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.
- b) Hãy lập biểu cho khoản mục tài sản cố định, phản ánh: "số dư do đơn vị báo cáo"; "số điều chỉnh của kiểm toán viên" và "số dư kiểm toán"./.

ĐỀ THI KIỂM TOÁN VIÊN NĂM 2002

HỘI ĐỒNG THI TUYỂN

ĐỀ THI VIẾT NĂM 2002

KTV CẤP NHÀ NƯỚC

MÔN THI THỨ 5 - KIỂM TOÁN

(Thời gian làm bài 180 phút) (Đề thi số 01)

Câu hỏi 1 (2 điểm):

Anh/Chị được giao nhiệm vụ phụ trách một cuộc kiểm toán cho một công ty TNHH không có các đơn vị thành viên, kinh doanh trong lĩnh vực thương mại ở một địa phương, Anh/Chị hãy cho biết các kế hoạch kiểm toán cần phải lập và nội dung của các kế hoạch ấy?

Câu 2 (2 điểm):

Việc nghiên cứu, tìm hiểu hệ thống kiểm soát nội bộ của khách hàng và đánh giá rủi ro kiểm soát có ý nghĩa như thế nào đối với kiểm toán viên? Để có được kết quả cuối cùng về rủi ro kiểm soát, Kiểm toán viên phải thực hiện thông qua những bước nào? Hãy trình bày nội dung các bước ấy.

Câu 3 (6 điểm):

Giả sử kết thúc niên độ kế toán vào ngày 31/12/N (áp dụng Chuẩn mực kế toán Việt Nam), Công ty Tràng An có báo cáo tài chính rút gọn, như sau:

Bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính: 1.000 đ

TÀI SẢN	Số cuối kỳ	NGUỒN VỐN	Số cuối kỳ
Tài sản lưu động	225.000	Nợ phải trả	310.000
1. Tiền	10.000	1. Vay ngắn hạn ngân hàng	110.000
2. Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	20.000	2. Phải trả cho người bán	100.000
3. Phải thu của khách hàng	100.000	3. Phải trả người lao động	60.000
4. Dự phòng phải thu khó đòi	(20.000)	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	40.000
5. Hàng tồn kho	100.000		
6. Tài sản lưu động khác	15.000		

Tài sản cố định hữu hình	300.000	Nguồn vốn chủ sở hữu	315.000
1. Nguyên giá	500.000	1. Nguồn vốn kinh doanh	300.000
2. Giá trị hao mòn lũy kế	(200.000)	2. Lợi nhuận chưa phân phối	15.000
Tài sản cố định vô hình	100.000		
1. Nguyên giá	100.000		
2. Giá trị hao mòn lũy kế			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	625.000	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	625.000

Báo cáo kết quả kinh doanh:

- Doanh thu:	800.000
- Giá vốn hàng bán:	500.000
- Lợi nhuận gộp:	300.000
- Chi phí bán hàng:	70.000
- Chi phí quản lý doanh nghiệp:	110.000
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh:	120.000

Giả sử rằng trong khi kiểm toán, kiểm toán viên phát hiện một số vấn đề sau:

1. Trong tháng 6 công ty hoàn thành sửa chữa 01 tài sản cố định, chi phí sửa chữa là 30.000, kết quả sau sửa chữa có cải thiện làm tăng đáng kể chất lượng sản phẩm sản xuất ra so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu, mặc dù không làm kéo dài thời gian sử dụng hữu ích của tài sản cũng không làm tăng công suất của tài sản, Công ty đã hạch toán số chi phí này vào chi phí trong kỳ (Chi phí quản lý doanh nghiệp), tài sản này còn sử dụng được 5 năm.
2. Ngày 25/12 công ty xuất bán một lô hàng theo phương pháp giao hàng tại kho người nhận, giá bán là 50.000, giá vốn là 35.000, ngày 10/1/N+1 hàng được giao cho người nhận, công ty hạch toán lô hàng này vào doanh thu và chi phí cho năm N.
3. Trong tháng 12 công ty thực hiện trao đổi sản phẩm của mình lấy hàng hóa tương tự tại một địa điểm khác, giá thành sản

- xuất của số sản phẩm này là 25.000, công ty đã hạch toán số tiền này vào doanh thu và chi phí trong kỳ.
4. Trong giá gốc của hàng tồn kho có 15.000 là chi phí sản xuất chung không phân bổ.
 5. Cuối năm N công ty đánh giá giá trị thương hiệu hàng hóa của mình là 100.000, công ty đã hạch toán tăng nguyên giá tài sản cố định vô hình theo số đánh giá này.
 6. Ngày 10/8 công ty thực hiện bán một lô hàng theo phương thức bán trả góp, số tiền được thanh toán thành 5 lần, mỗi lần cách nhau 12 tháng, lần 1 được thanh toán ngay khi giao hàng. Số tiền thanh toán mỗi lần là 40.000. Công ty đã hạch toán tổng số tiền là 200.000 vào doanh thu năm N. Tỷ lệ lãi suất hiện hành là 10%.
 7. Trong năm công ty đã thực hiện xóa một khoản nợ phải thu khó đòi trị giá 50.000, công ty đã hạch toán khoản này vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

Yêu cầu:

- 3.1. (3 điểm): Trong giới hạn của những thông tin trên, Anh/Chị hãy chỉ rõ những sai phạm của công ty Tràng An và lập các bút toán điều chỉnh lại cho đúng.
- 3.2. (3 điểm): Tổng hợp các sai phạm theo từng chỉ tiêu (nguồn vốn kinh doanh, tài sản cố định hữu hình ...) và tính toán mức độ sai phạm theo từng chỉ tiêu chủ yếu (Tổng tài sản, doanh thu thuần, lợi nhuận, phải thu của khách hàng ...). Hãy nêu ý kiến của kiểm toán viên trên Báo cáo kiểm toán với giả sử rằng các sai phạm trên đây công ty Tràng An không sửa.

Chú ý: - Giám thị không giải thích gì thêm
- Thí sinh nộp đề thi cùng bài làm

ĐỀ THI KIỂM TOÁN VIÊN NĂM 2003

HỘI ĐỒNG THI TUYỂN

ĐỀ THI VIẾT NĂM 2003

KTV CẤP NHÀ NƯỚC

MÔN THI THỨ 5 - KIỂM TOÁN

(Thời gian làm bài 180 phút) (Đề tài số 02)

Câu hỏi 1 (2,5 điểm):

Trình bày yếu tố cấu thành Hệ thống kiểm soát nội bộ (KSNB), những hạn chế vốn có của hệ thống KSNB? Tại sao kiểm toán viên phải tìm hiểu và đánh giá hệ thống KSNB của đơn vị được kiểm toán? Nguyên tắc thiết kế thủ tục KSNB?

Câu hỏi 2 (2 điểm):

Trong tháng 11/N, văn phòng của Công ty Cổ phần Nam Thắng bị cháy. Toàn bộ tài liệu kế toán của Công ty đã bị thiêu hủy hoàn toàn trước khi việc kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/N tiến hành. Kế toán của Công ty Nam Thắng đã lập báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31/12/N trên cơ sở ước tính và các thông tin mà kế toán có thể thu hồi được sau vị hỏa hoạn. Bạn vừa hoàn thành công việc kiểm toán cho các báo cáo tài chính này.

Yêu cầu:

1. Giải thích các vấn đề sẽ trình bày trong phần "Phạm vi và căn cứ thực hiện cuộc kiểm toán" và "Ý kiến của kiểm toán viên" trong báo cáo kiểm toán mà bạn sẽ phát hành cho báo cáo tài chính của Công ty Nam Thắng kết thúc ngày 31/12/N.
2. Giải thích các lý do cho ý kiến kiểm toán của bạn.

Câu hỏi 3 (2 điểm):

1. Hãy chỉ ra những sai sót trong việc hạch toán các nghiệp vụ sau đây và phân tích sự ảnh hưởng của chúng đến báo cáo tài chính như thế nào?
 - a) Doanh nghiệp nhập khẩu một thiết bị sản xuất: giá nhập khẩu thiết bị 50.000 USD, giá trị phụ tùng phục vụ cho thay thế, sửa chữa thiết bị sau này là 3.000 USD (tỷ giá 15.400 đ/USD), thuế nhập khẩu 40%, thuế GTGT 10%, chi phí vận chuyển 5 triệu

đồng, chi phí lắp đặt, chạy thử 2 triệu đồng; doanh nghiệp đã ghi nhận nguyên giá tài sản cố định là 1.224,3 triệu đồng.

- b) Trong kỳ phát sinh tổng số tiền chiết khấu thanh toán doanh nghiệp được hưởng do bên bán hàng chi trả là 50 triệu đồng, doanh nghiệp đã hạch toán giảm giá hàng mua trong kỳ, biết rằng số hàng mua về vẫn tồn kho.

2. Xác định các sai sót tiềm tàng có thể có và các thủ tục kiểm toán cần thiết phải thực hiện trong kiểm toán một tình huống của một khách hàng như sau: Báo cáo kết quả kinh doanh có lãi (5 tỷ đồng) tăng hơn năm trước; trên Bảng cân đối kế toán cho thấy, phải thu khách hàng cuối năm tăng hơn cùng kỳ năm trước rất nhiều (tăng 2 lần) và chiếm trên 60% tổng doanh thu trong năm, doanh nghiệp đã vay ngân hàng một khoản tiền lớn (20 tỷ đồng) đã quá hạn 2 tháng nhưng chưa thanh toán, hàng tồn kho cuối năm nay so với năm trước gấp 1,5 lần và chiếm trên 50% tổng tài sản.

Câu hỏi 4 (3,5 điểm):

Anh (Chị) đang thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2001 tại Công ty mẹ XYZ - chuyên sản xuất xe tải đông lạnh (khách hàng lần đầu kiểm toán) và đã thu thập được những thông tin như sau:

Ngày 01/01/2000, Công ty XYZ (công ty mẹ) bán một lô xe tải đông lạnh trị giá 2.000 triệu VNĐ cho Công ty Z (công ty con) với giá 3.600 triệu VNĐ. Bên mua sử dụng số xe tải đông lạnh này như tài sản cố định dùng cho bán hàng với thời gian sử dụng dự tính là 4 năm và giá trị còn lại sau 4 năm là 0. Cũng tại ngày 01/01/2000, công ty con bán cho công ty mẹ một đội xe container bán hàng đã qua sử dụng được hai năm có nguyên giá 13.800 triệu VNĐ với giá 11.700 triệu VNĐ. Tại thời điểm công ty con mua ban đầu, đội xe có thời gian sử dụng dự tính là 5 năm và giá trị còn lại sau 5 năm là 1.800 triệu VNĐ. Công ty mẹ đồng ý với thời gian sử dụng dự tính này và theo đó sẽ trích khấu hao cho 3 năm còn lại.

Phần trích từ báo cáo tài chính hợp nhất (bao gồm cả những giao dịch khác ngoài các giao dịch mua bán giữa các công ty nêu trên) tại ngày 31/12/2001 như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

	Tổng (XYZ + Z)	Hợp nhất
BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH		
...	...	...
Chi phí bán hàng, trong đó:	...	...
- Chi phí khấu hao xe tải đông lạnh các loại	1.700	1.700
- Chi phí khấu hao xe container các loại	6.100	6.100
...	...	...
Lợi nhuận trước thuế	6.600	6.600
...	...	...

	Tổng (XYZ + Z)	Hợp nhất
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN		
...	...	...
Tài sản cố định, trong đó:	...	...
- Xe tải đông lạnh các loại (nguyên giá)	5.000	5.000
Hao mòn	2.300	2.300
Giá trị còn lại	2.700	2.700
- Xe container các loại (nguyên giá)	17.900	17.900
Hao mòn	9.700	9.700
Giá trị còn lại	8.200	8.200
...	...	...

Yêu cầu:

Phát hiện sai sót (có thể có) trong việc phản ánh các chỉ tiêu trên *phần trích* từ báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31/12/2001 và sửa lại cho đúng theo quy định của chuẩn mực kế toán hiện hành. Biết thêm cả hai công ty được trích khấu hao từ ngày mua và áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng.

Ghi chú: Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

BÀI GIẢI

BÀI GIẢI CHƯƠNG I

TỔNG QUAN VỀ KIỂM TOÁN VÀ KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

1.1. (a)

1.2. (c)

1.3. (d)

1.4. (d)

1.5. (c)

1.6. Ngoài hai tiêu chí như đã nêu, nếu dựa vào tính chất pháp lý của kiểm toán, ta còn có thể chia kiểm toán thành hai loại là: kiểm toán bắt buộc và kiểm toán không bắt buộc. Thí dụ như đối với kiểm toán báo cáo tài chính:

- Kiểm toán bắt buộc (còn gọi là kiểm toán theo luật định) khi báo cáo tài chính của doanh nghiệp phải kiểm toán theo yêu cầu của pháp luật. Đối tượng bắt buộc kiểm toán tùy thuộc vào luật pháp của từng quốc gia. Ví dụ tại Việt Nam, căn cứ theo Nghị định 105/2004/NĐ-CP ngày 20/3/2004 của Chính phủ về Kiểm toán độc lập, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, những công ty cổ phần có niêm yết trên thị trường chứng khoán, các doanh nghiệp nhà nước ... là những đối tượng bắt buộc kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm. Hay tại Anh, Luật công ty 1989 yêu cầu các công ty không đủ điều kiện để được miễn kiểm toán thì phải thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm...
- Kiểm toán không bắt buộc: khi cuộc kiểm toán báo cáo tài chính không theo yêu cầu của pháp luật mà xuất phát từ yêu cầu của một hay nhiều bên có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Ví dụ chủ doanh nghiệp có thể yêu cầu kiểm toán báo cáo tài chính của doanh nghiệp mình khi họ thuê người bên ngoài làm giám đốc, hay các cổ đông yêu cầu phải kiểm toán.

1.7. Ở các công ty không phải là công ty cổ phần có niêm yết trên thị trường chứng khoán, kiểm toán báo cáo tài chính có thể mang lại những lợi ích sau:

- Giảm được những tranh chấp giữa các bên góp vốn về phần lợi nhuận sẽ phân phối, nhờ báo cáo tài chính năm được kiểm tra về tính trung thực và hợp lý.
- Tạo thuận lợi hơn khi cần mời các nhà đầu tư bên ngoài góp vốn vào doanh nghiệp.
- Báo cáo tài chính được kiểm toán sẽ đạt được sự tin cậy cao hơn đối với ngân hàng khi vay vốn, hoặc có thể sẽ tạo niềm tin nơi cơ quan thuế khi họ kiểm tra tình hình chấp hành nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp.

Ngoài các lợi ích trên, doanh nghiệp còn nhận được sự trợ giúp khác từ kiểm toán viên độc lập. Thông qua quá trình thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính, kiểm toán viên có thể sẽ góp ý để doanh nghiệp hoàn thiện hệ thống sổ sách kế toán, trình tự luân chuyển chứng từ, khắc phục những yếu kém trong hệ thống kiểm soát nội bộ.

1.11. Kiểm toán độc lập ra đời xuất phát từ yêu cầu khách quan của xã hội và trong thực tế nó đã mang lại một số lợi ích nhất định cho xã hội. Lịch sử phát triển hàng trăm năm của hoạt động này đã chứng minh cho vai trò quan trọng không thể phủ nhận của nghề nghiệp này trong nền kinh tế. Cụ thể:

- Báo cáo tài chính được kiểm toán sẽ giúp tăng cường sự tin cậy của người sử dụng báo cáo tài chính (nhà đầu tư, ngân hàng...) đối với tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp, từ đó thúc đẩy sự gia tăng đầu tư, cho vay đối với doanh nghiệp.
- Thông qua kiểm toán, các sai lệch trọng yếu trên báo cáo tài chính của doanh nghiệp có thể được phát hiện, nhờ đó đã giúp xã hội tránh được các thiệt hại kinh tế có tác động dây chuyền. Bởi nếu không có kiểm toán, người sử dụng có thể ra các quyết định kinh tế không đúng đắn dẫn đến họ có thể bị phá sản hàng loạt.
- Nhờ kiểm toán, những điểm yếu trong hệ thống kiểm soát nội bộ của doanh nghiệp có thể được thông báo kịp thời cho nhà quản lý, từ đó họ có thể áp dụng các biện pháp chấn chỉnh. Mặt khác, do có kiểm toán, ý thức chấp hành những quy định của các nhân

viên, các bộ phận trong doanh nghiệp sẽ tốt hơn vì họ biết rằng kết quả công việc của họ có thể sẽ bị người khác kiểm tra lại.

- Những kỹ thuật kiểm toán cũng ngày càng phải được hoàn thiện để thích nghi với sự phát triển không ngừng của môi trường kinh doanh, như kỹ thuật lấy mẫu, kỹ thuật kiểm toán trong môi trường máy tính... Chúng làm phong phú thêm kho tàng kiến thức của nhân loại, và được áp dụng rộng rãi trong cả kiểm toán nội bộ và kiểm toán của nhà nước.
- Không chỉ kiểm tra những gì người khác đã thực hiện, kiểm toán viên còn phải phán đoán, dự báo về những khoản chi phí, công nợ có thể phát sinh trong tương lai, về khả năng hoạt động liên tục của khách hàng... để yêu cầu doanh nghiệp khai báo nhằm cung cấp thông tin hữu ích cho người sử dụng.
- Tương tự như nhiều nghề nghiệp khác, nghề kiểm toán cũng tạo ra nhiều việc làm cho xã hội, gia tăng thu nhập của một bộ phận người lao động, đồng thời cũng góp phần đào tạo các chuyên gia trong lĩnh vực tài chính kế toán: như giám đốc tài chính, kế toán trưởng, chuyên viên phân tích tài chính...

Như vậy, có thể nói nghề kiểm toán đã đóng góp vào sự tăng trưởng tổng sản phẩm quốc dân, cũng như vào sự thịnh vượng chung của xã hội.

1.13.

	Mục đích kiểm toán	Chủ thể kiểm toán	Người sử dụng
1	Kiểm toán báo cáo tài chính	Kiểm toán viên độc lập Kiểm toán viên nội bộ	Cổ đông Nhà quản lý
2	Kiểm toán hoạt động	Kiểm toán viên nội bộ Kiểm toán viên độc lập	Nhà quản lý
3	Kiểm toán tuân thủ	Kiểm toán viên của nhà nước Kiểm toán viên nội bộ Kiểm toán viên độc lập	Cơ quan thuế Nhà quản lý

4	Kiểm toán tuân thủ	Kiểm toán viên nội bộ Kiểm toán viên độc lập	Nhà quản lý
5	Kiểm toán tuân thủ	Kiểm toán viên nhà nước Kiểm toán viên độc lập	Chính phủ
6	Kiểm toán báo cáo tài chính	Kiểm toán viên nhà nước	Chính phủ
7	Kiểm toán hoạt động	Kiểm toán viên nội bộ Kiểm toán viên độc lập	Nhà quản lý

1.14.



1.16. Việc tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của kiểm toán viên độc lập nhằm đáp ứng yêu cầu của nhiều người sử dụng khác nhau về báo cáo tài chính. Mục đích chính của loại kiểm toán báo cáo tài chính là đưa ra ý kiến về tính trung thực và hợp lý của báo cáo tài chính. Bên cạnh đó, mặc dù kiểm toán viên độc lập có thể phát hành thư quản lý, trong thư này họ có thể đưa ra những ý kiến về những khiếm khuyết quan trọng của hệ thống kiểm soát nội bộ, và dựa vào đó đơn vị có thể hoàn thiện hệ thống, thế nhưng đây không phải mục đích chính của cuộc kiểm toán. Hơn nữa, kiểm toán báo cáo tài chính thường được thực hiện vào cuối niên độ, do đó những yếu kém trong hệ thống kiểm soát nội bộ có thể chỉ bị phát hiện khi đã gây ra những hậu quả nhất định và có thể có những ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính.

Kiểm toán nội bộ được IIA định nghĩa “... là một hoạt động bảo đảm và tư vấn mang tính độc lập, khách quan được thiết lập nhằm tăng thêm giá trị và cải thiện cho các hoạt động của tổ chức. Kiểm toán nội bộ giúp cho tổ chức hoàn thành mục tiêu bằng cách tiếp cận có hệ thống và kỷ cương nhằm đánh giá và cải thiện tính hữu hiệu trong quản trị rủi ro, kiểm soát và giám sát”¹. Như vậy, kiểm toán nội bộ là hoạt động phục vụ cho chính doanh nghiệp và là một công cụ của nhà quản lý. Nhà quản lý sẽ quyết định về thời gian, phạm vi và nội dung của hoạt động kiểm toán nội bộ theo yêu cầu quản lý của mình. Thông thường, kiểm toán nội bộ có thể đảm trách một hoặc một vài lĩnh vực sau đây:

- Kiểm tra về thiết kế và sự vận hành của hệ thống kiểm soát nội bộ, và đưa ra các kiến nghị nhằm hoàn thiện chúng.
- Kiểm tra các thông tin hoạt động và thông tin tài chính.
- Kiểm tra tính hữu hiệu và hiệu quả của các hoạt động, kể cả các qui định không thuộc lĩnh vực tài chính của doanh nghiệp.
- Kiểm tra tính tuân thủ pháp luật và các qui định nội bộ...

¹ IIA (Institute of Internal Auditors – Hiệp hội kiểm toán viên nội bộ) được thành lập vào năm 1941 tại New York. IIA là thành viên của IFAC, IASB và INTOSAI. Xin đọc thêm chương 14 Sách Kiểm toán, Bộ môn Kiểm toán, Khoa Kế Toán-Kiểm toán, Đại học Kinh tế TP HCM, NXB Thống kê 2005.

Tóm lại, kiểm toán nội bộ và kiểm toán độc lập có vai trò khác nhau đối với hoạt động của doanh nghiệp, nên ngay cả khi chi phí cho kiểm toán nội bộ cao hơn kiểm toán độc lập thì vẫn cần thiết phải thiết lập bộ máy kiểm toán nội bộ nếu đơn vị nhận thấy việc thành lập nó là có hiệu quả.

BÀI GIẢI CHƯƠNG II

MÔI TRƯỜNG KIỂM TOÁN

2.1. (c)

2.2. (c)

2.3. (c)

2.4. (b)

2.5. (a)

2.13.

1. Vi phạm nguyên tắc độc lập: vừa làm kế toán cho khách hàng vừa thực hiện công việc kiểm toán.
2. Vi phạm nguyên tắc bảo mật.
3. Điều 19 ND 105/2004/ND-CP ngày 30/3/2004 về Kiểm toán độc lập quy định: Kiểm toán viên không được nhận bất kỳ một khoản tiền hay lợi ích vật chất nào ngoài khoản phí dịch vụ và chi phí đã thỏa thuận. Do vậy, kiểm toán viên không nên nhận món quà này và nên giải thích với khách hàng về những qui định của nghề nghiệp. Tuy nhiên, trong thực tế, kiểm toán viên có thể nhận nếu món quà có giá trị nhỏ nên không ảnh hưởng đến tính thực sự độc lập và tỏ ra độc lập của mình và nếu kiểm toán viên không nhận có thể làm cho khách hàng cảm thấy bị xúc phạm.

2.14. Để xác định kiểm toán viên có bất cẩn hay không, cần xem kiểm toán viên có tuân thủ các chuẩn mực kiểm toán hay không? Vì thế căn cứ trên các thông tin sẵn có là:

- Hàng tồn kho hư hỏng và bị khai khống đáng kể nhưng kiểm toán viên không phát hiện được: Nếu tuân thủ chuẩn mực kiểm toán, kiểm toán viên có thể đã phát hiện được khi chứng kiến kiểm kê.
- Kiểm toán viên tập sự Bảo được giao kiểm tra hai khoản mục trọng yếu nhất là hàng tồn kho và nợ phải thu: công ty kiểm

toán đã không tuân thủ VSA 220 - Kiểm soát chất lượng hoạt động kiểm toán.

- Cuộc kiểm toán kết thúc nhanh chóng và sau khi được kiểm tra sơ lược bởi chủ nhiệm Châu, công ty kiểm toán đã phát hành báo cáo chấp nhận toàn phần, như vậy họ đã không tuân thủ VSA 220 - Kiểm soát chất lượng hoạt động kiểm toán.

Chúng cho thấy là các kiểm toán viên và công ty kiểm toán đã không tuân thủ đầy đủ chuẩn mực nghề nghiệp khi thực hiện kiểm toán. Còn việc không ký kết hợp đồng với ngân hàng không thể là phương tiện bảo vệ cho kiểm toán viên khỏi trách nhiệm của mình đối với ngân hàng, bởi vì kiểm toán viên đã được đơn vị thông báo về mục đích kiểm toán là để ngân hàng xem xét việc cho đơn vị vay tiền. Như vậy, kiểm toán viên phải chịu trách nhiệm ngoài hợp đồng đối với người sử dụng mà kiểm toán viên đã thấy trước được.

Riêng những gian lận nào thuộc về lỗi của khách hàng thì họ phải chịu trách nhiệm với ngân hàng.

Tóm lại, vì không tuân thủ đầy đủ chuẩn mực nghề nghiệp, kiểm toán viên đã không phát hiện được những gian lận có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính, nên kiểm toán viên có thể phải chịu trách nhiệm pháp lý đối với ngân hàng.

BÀI GIẢI CHƯƠNG III

HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ

3.1. (a)

3.2. (b)

3.3. (a)

3.4. (b)

3.5. (c)

3.8. Theo VSA 400 “Trong đơn vị nhỏ, công việc kiểm soát thường được tập trung vào một số ít người. Trường hợp công việc kiểm soát nội bộ bị giới hạn bởi việc không phân chia nhiệm vụ thì ý kiến của kiểm toán viên về báo cáo tài chính phải hoàn toàn dựa trên bằng chứng thu thập được từ thử nghiệm cơ bản.”

Như vậy, phương pháp làm việc kiểm toán viên Hà đã phù hợp với các hướng dẫn của chuẩn mực kiểm toán. Tuy nhiên, kiểm toán viên Hà có thể tìm hiểu, xem xét thêm việc phân công phân nhiệm để có sự đánh giá khách quan và đầy đủ hơn.

3.11.

Thủ tục kiểm soát	Bộ phận của kiểm soát nội bộ	Khoản mục có thể bị ảnh hưởng
1. Các hóa đơn của người bán khi nhận được cần phải được một người có thẩm quyền ký duyệt cho thanh toán trên cơ sở đối chiếu với số lượng thực nhập trên Phiếu nhập kho và đơn giá trên đơn đặt hàng của đơn vị, cũng như kiểm tra lại việc tính toán trên hóa đơn	Các hoạt động kiểm soát (Ủy quyền và phê chuẩn - Kiểm tra độc lập)	Nợ phải trả, hàng tồn kho, chi phí

2. Công ty nên ban hành một quy định về cách thức ứng xử của nhân viên mua hàng khi giao tiếp với nhà cung cấp, thí dụ khi được tặng quà (hiện vật, tiền), mời đi ăn uống ...	Môi trường kiểm soát (Sự trung thực và các giá trị đạo đức)	Hàng tồn kho, chi phí
3. Bộ phận kiểm toán nội bộ nên tổ chức trực thuộc giám đốc chứ không nên trực thuộc phó giám đốc tài chính như hiện nay.	Môi trường kiểm soát (Cơ cấu tổ chức)	Toàn bộ báo cáo tài chính
4. Tất cả Phiếu nhập kho đều phải được đánh số thứ tự trước một cách liên tục.	Các hoạt động kiểm soát (Kiểm soát chứng từ, sổ sách)	Hàng tồn kho, Nợ phải trả.
5. Định kỳ tiến hành kiểm kê hàng tồn kho và điều chỉnh lại số liệu trên sổ sách theo số thực tế kiểm kê	Các hoạt động kiểm soát (Kiểm soát vật chất)	Hàng tồn kho, Giá vốn hàng bán
6. Hàng tháng nhà quản lý xem xét lại các báo cáo biến động về tình hình doanh thu và chi phí so với kế hoạch và phân tích nguyên nhân dẫn đến sự biến động.	Các hoạt động kiểm soát (Phân tích soát xét/rà soát)	Toàn bộ báo cáo tài chính, đặc biệt là Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
7. Tất cả các chứng từ thanh toán phải được đóng dấu "Đã thanh toán" khi chi trả.	Các hoạt động kiểm soát (Kiểm soát chứng từ, sổ sách)	Tiền, nợ phải trả, chi phí

3.12.

a) Các thủ tục kiểm soát nêu trên thuộc những hoạt động kiểm soát cụ thể sau:

1. Kiểm soát quá trình xử lý thông tin.
2. Kiểm soát quá trình xử lý thông tin.

3. Kiểm tra độc lập.
 4. Kiểm soát quá trình xử lý thông tin.
 5. Kiểm soát quá trình xử lý thông tin.
 6. Kiểm soát vật chất.
 7. Kiểm soát quá trình xử lý thông tin.
 8. Kiểm soát vật chất.
- b) Ảnh hưởng của việc tìm hiểu kiểm soát nội bộ đến chiến lược kiểm toán: giúp kiểm toán viên chọn lựa chiến lược tiếp cận hệ thống hay chiến lược tiếp cận cơ bản (còn gọi là kiểm tra chi tiết, tiếp cận chi tiết).

3.13.

- a) Bốn trường hợp mà nếu bố trí nhân viên kiêm nhiệm có thể dẫn đến sai phạm là:
- Theo dõi và ghi chép vào sổ chi tiết nợ phải trả (2) với việc theo dõi và ghi chép vào sổ nhật ký chi tiền và lập séc để trình ký (4).
 - Theo dõi và ghi chép vào sổ chi tiết nợ phải thu (3) với việc giữ và gửi số tiền thu được vào ngân hàng (7).
 - Theo dõi và ghi chép vào sổ chi tiết nợ phải thu (3) với việc lập bảng theo dõi các nghiệp vụ về hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán (5).
 - Theo dõi và ghi chép vào sổ nhật ký chi tiền và lập séc để trình ký (4) với việc thực hiện bảng chỉnh hợp tiền gửi ngân hàng.
- b) Phân chia công việc cho ba nhân viên kế toán:
- Một người theo dõi và ghi chép vào sổ cái, lập bảng theo dõi các nghiệp vụ về hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán và lập bảng chỉnh hợp tiền gửi ngân hàng
 - Một người theo dõi và ghi chép vào sổ chi tiết nợ phải trả với việc giữ và gửi số tiền thu được vào ngân hàng.

- Một người theo dõi và ghi chép vào sổ chi tiết nợ phải thu với việc theo dõi và ghi chép vào sổ nhật ký chi tiền và lập séc để trình ký.

3.14.

Thủ tục kiểm soát	Thử nghiệm kiểm soát
1. Các bảng chính hợp tiền gửi ngân hàng do một nhân viên không thuộc phòng kế toán lập và người này không được tiếp xúc với số tiền thu được.	• Kiểm tra tài liệu (Xem chữ ký trên bảng chính hợp có đúng là do nhân viên này lập không). • Phỏng vấn các nhân viên có liên quan.
2. Giám sát viên quan sát xem các nhân viên khi vào công ty có thực hiện đúng quy định về bấm giờ trên thẻ không?	• Quan sát, phỏng vấn giám sát viên.
3. Để xét duyệt thanh toán, hóa đơn phải kèm theo đơn đặt hàng và báo cáo nhận hàng.	• Kiểm tra tài liệu (Xem xét các dấu vết: chữ ký nháy, "duyet chi").
4. Thủ quỹ (không được tiếp xúc với sổ sách kế toán) lập bảng kê nộp séc và hàng ngày gửi bảng kê này cùng số séc nhận được trực tiếp cho ngân hàng.	• Quan sát , phỏng vấn thủ quỹ. • Kiểm tra tài liệu (kiểm tra bảng kê nộp séc).
5. Trước khi giao hóa đơn cho khách hàng, một nhân viên kế toán kiểm tra đơn giá, số lượng hàng và cộng lại tất cả các hóa đơn bán hàng trên 5 triệu đồng, sau đó ký nháy vào liên hóa đơn bán hàng lưu giữ tại công ty.	• Kiểm tra tài liệu: Chọn mẫu hóa đơn bán hàng, cộng số học, kiểm tra chữ ký của người nhân viên này.

BÀI GIẢI CHƯƠNG IV

CHUẨN BỊ KIỂM TOÁN

4.1. (d)

4.2. (c)

4.3. (a)

4.4. (a)

4.5. (a)

4.12. Với rủi ro phát hiện là 100%, về mặt lý thuyết, kiểm toán viên Hùng có thể không cần tiến hành bất kỳ thử nghiệm cơ bản nào mà rủi ro kiểm toán vẫn nằm trong giới hạn cho phép. Tuy nhiên, mô hình rủi ro kiểm toán không phải là một công thức toán học đơn thuần, do đó mức rủi ro phát hiện 100% cần được hiểu là Hùng có thể giảm thử nghiệm cơ bản xuống mức tối thiểu khi kiểm tra cơ sở dữ liệu X của khoản mục Y.

4.14. Những vấn đề kiểm toán viên Lâm cần chú ý là:

1. Tỷ số thanh toán hiện hành (Tỷ số TTHH):

Tỷ số TTHH = Tài sản ngắn hạn / Nợ ngắn hạn

Năm 200X-1: Tỷ số TTHH = $1.000/400 = 2,50$.

Năm 200X: Tỷ số TTHH = $1.100/500 = 2,22$.

Tỷ số TTHH của năm hiện hành thấp hơn năm trước và thấp hơn số bình quân ngành. Kiểm toán viên Lâm cần tìm hiểu nguyên nhân xem đó là do tăng khoản vay, do chi trả nợ nhiều hơn năm trước hay do ghi chép sai... Kiểm toán viên cũng cần lưu ý đến khả năng thanh toán của doanh nghiệp vì điều này liên quan đến tính hoạt động liên tục.

2. Vòng quay hàng tồn kho (VQHTK):

VQHTK = Giá vốn hàng bán / Số dư hàng tồn kho

Năm 200X-1: VQHTK = $3.200/400 = 8$ vòng.

Năm 200X: $VQHTK = 3.500/480 = 7,2$ vòng.

Vòng quay hàng tồn kho bị sụt giảm bất thường so với năm trước. Kiểm toán viên Lâm cần điều tra nguyên nhân của sự sụt giảm, đó là do chất lượng hàng giảm, do thay đổi thị hiếu hay do ghi chép hoặc tính giá sai... Kiểm toán viên cũng cần xem xét việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã được thực hiện đầy đủ chưa.

3. Số vòng quay nợ phải thu (VQNPT):

$VQNPT = \text{Doanh thu} / \text{Nợ phải thu}$

Năm 200X-1: $VQNPT = 4.000/300 = 13,33$ vòng.

Năm 200X: $VQNPT = 4.500/400 = 11,25$ vòng.

Vòng quay nợ phải thu sụt giảm so với năm trước. Kiểm toán viên Lâm cần tìm hiểu nguyên nhân: do doanh nghiệp thay đổi chính sách bán chịu hay do ghi chép sai... Ngoài ra, việc sụt giảm này có thể đưa đến sẽ có một số khoản nợ phải thu trở thành nợ khó đòi. Do vậy cần xem xét việc lập dự phòng nợ khó đòi.

4. Tỷ suất lãi gộp:

$\text{Tỷ suất lãi gộp} = \text{Lãi gộp} / \text{Doanh thu}$

Năm 200X-1: Tỷ suất lãi gộp $= 800/4.000 = 20,00\%$.

Năm 200X: Tỷ suất lãi gộp $= 1.000/4.500 = 22,22\%$.

Tỷ suất lãi gộp năm nay cao hơn năm trước, nghĩa là tỷ suất này biến động không phù hợp với tỷ suất của toàn ngành (giảm). Kiểm toán viên Lâm cần xem tỷ suất tăng là do thuận lợi trong kinh doanh (tình hình thị trường thuận lợi), sự thay đổi chính sách giá của đơn vị, việc tăng cường kiểm soát chi phí mua hàng của đơn vị hay do đơn vị khai thấp giá vốn hàng bán, ghi tăng doanh thu...?

Đặc biệt, kiểm toán viên cần lưu ý đến mối quan hệ với vòng quay hàng tồn kho, tỷ số này sụt giảm nhưng tỷ suất lãi gộp lại tăng, tình hình này có thể nói lên một sự thay đổi trong chính sách giá của đơn vị theo hướng tăng giá bán chấp nhận một mức quay vòng hàng tồn kho chậm lại (vì trước đây đơn vị theo đuổi

chính sách ngược lại, tỷ suất lãi gộp thấp hơn số bình quân ngành và số vòng quay nhanh hơn). Tuy nhiên, để có thể phân tích toàn diện hơn, kiểm toán viên cần xem xét tỷ suất lãi gộp và số vòng quay của những mặt hàng chủ yếu của đơn vị.

4.16. Các cơ sở dẫn liệu chủ yếu là:

Sự hiện hữu: Trong hàng tồn kho, thành phẩm chiếm tỷ trọng lớn (43%) nhưng lại nằm rải rác ở 20 kho hàng trong cả nước. Do đó, kiểm toán viên cần phải chú ý đến cơ sở dẫn liệu này để có một sự đảm bảo hợp lý rằng hàng tồn kho nói chung và đặc biệt là thành phẩm nói riêng thật sự hiện hữu trong thực tế.

Quyền và nghĩa vụ: Các kho hàng được thuê từ những đơn vị khác, nhưng chúng không chỉ chứa hàng của công ty mà còn có thể chứa hàng của các đơn vị khác vì công ty cũng thường cho thuê lại. Do đó, một số hàng tồn kho trong các kho hàng có thể không thuộc quyền sở hữu của công ty. Kiểm toán viên cần lưu ý đặc điểm này để lựa chọn các thủ tục kiểm toán thích hợp.

Sự đánh giá: Số dư cuối kỳ hàng tồn kho chiếm 20% tổng tài sản. Việc đánh giá hàng tồn kho thường là công việc khó khăn, phức tạp và đầy rủi ro đối với nhà quản lý và kiểm toán viên. Do đó, nếu có sai phạm xảy ra trong việc đánh giá hàng tồn kho thì có khả năng sẽ ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính:

1. Thành phẩm: Công ty chuyên sản xuất các loại thực phẩm dinh dưỡng và đặc điểm của chúng là thời gian sử dụng thường ngắn. Ngoài ra, nếu bảo quản không tốt, chúng còn rất dễ bị hư hỏng. Thế nhưng, thành phẩm lại được dự trữ ở những kho khác nhau nên điều kiện bảo quản có thể khác nhau. Vì vậy, kiểm toán viên cần chú ý thời hạn sử dụng của các loại thành phẩm. Đối với những hàng hóa sắp hết hạn, cần yêu cầu đơn vị lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cho thích hợp.

Công ty sử dụng giá thành kế hoạch để hạch toán thành phẩm nhập kho trong kỳ, nên kiểm toán viên cần kiểm tra việc điều chỉnh từ giá thành kế hoạch sang giá thực tế vào cuối kỳ.

Trong năm, công ty đã phải ngưng sản xuất một số sản phẩm do nhu cầu của thị trường giảm sút. Kiểm toán viên cần phải xem xét liệu các mặt hàng này (tồn kho đầu năm) và nguyên

liệu để sản xuất chúng có còn tồn kho vào thời điểm cuối năm không? Nếu còn tồn kho, sản phẩm hay nguyên liệu có thể bị hết hạn sử dụng, hoặc hư hỏng và có thể không bán được nữa, lúc này cần phải loại chúng ra khỏi giá trị hàng tồn kho cuối kỳ bằng cách ghi giảm hàng tồn kho hoặc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

2. Nguyên vật liệu: chiếm tỷ trọng lớn, khoảng 35% tổng giá trị hàng tồn kho. Do nguyên vật liệu là bột ngũ cốc, hoa quả và sản phẩm dở dang nên thường dễ bị hỏng (ẩm, mốc...) hơn so với thành phẩm. Kiểm toán viên cần tìm hiểu thời gian từ khi mua nguyên vật liệu đến khi đưa vào sản xuất, từ đó xác định giá trị nguyên vật liệu chậm luân chuyển, hư hỏng, hết hạn sử dụng... Nếu có, kiểm toán viên cần lưu ý đơn vị lập dự phòng giảm giá.
3. Sản phẩm dở dang: Việc xác định giá trị sản phẩm dở dang cũng rất quan trọng. Kiểm toán viên cần xem xét tính hợp lý của phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang của công ty.

Vì những lý do trên nên sự đánh giá là cơ sở dẫn liệu mà việc xác minh là phức tạp nhất và kiểm toán viên cần quan tâm đặc biệt.

4.17.

a) Nhận xét lời giải thích của kế toán trưởng:

Tỷ suất lãi gộp mặt hàng dược phẩm và các mặt hàng khác của công ty như sau:

Năm	Tỷ suất lãi gộp hàng dược phẩm	Tỷ suất lãi gộp mặt hàng khác
200X	40,6 %	32,0 %
200X-1	42,2 %	32,0 %
200X-2	42,1 %	31,9 %
200X-3	42,3 %	31,8 %

Chỉ tiêu	200X	200X-1	200X-2	200X-3
Doanh thu (triệu đồng)	14.211	12.916	11.462	10.351
Doanh thu dược phẩm (triệu đồng)	5.126	5.051	4.821	4.619
Doanh thu dược phẩm/Doanh thu	36%	39%	42%	44%

Bảng trên cho thấy:

- a) Doanh thu tăng dần qua các năm, từ 10 tỷ (200X-3) tăng lên 14 tỷ (200X).
- b) Tỷ trọng doanh thu được phẩm trong tổng doanh thu giảm dần từ 44% (200X-3) giảm còn 36% (200X).
- c) Tỷ suất lãi gộp của mặt hàng được phẩm luôn ở mức cao hơn nhiều so với mặt hàng khác.
- d) Tỷ suất lãi gộp mặt hàng được phẩm biến động giảm dần, từ 42,3% (200X-3) đã giảm xuống còn 40,6% (200X). Trong khi đó, tỷ suất lãi gộp của mặt hàng khác tăng nhẹ, từ 31,8% (200X-3) lên 32% (200X).

Như vậy, trả lời của kế toán trưởng chưa hoàn toàn hợp lý vì:

- Doanh thu được phẩm tăng dần qua các năm, nghĩa là số lượng hàng bán ra của công ty không sút giảm.
- Tuy tỷ suất lãi gộp của được phẩm giảm đều qua các năm, thế nhưng với các mặt hàng khác, tỷ suất lãi gộp lại tăng nhẹ qua các năm.
- Sự sụt giảm của tỷ suất lãi gộp chung toàn đơn vị ngoài lý do sự sụt giảm của tỷ lệ lãi gộp mặt hàng được phẩm còn do sự sụt giảm của tỷ trọng mặt hàng này trong doanh thu.

b) Những vấn đề cần chú ý trong kế hoạch kiểm toán:

Mức giảm lợi nhuận của năm 200X so với 200X-3 (cho cùng doanh số) là số tiền khá trọng yếu:

$$(36,5\% - 35,1\%) \times 14.211 \text{ triệu đồng} = 199 \text{ triệu đồng.}$$

Sự sụt giảm lợi nhuận có thể do nhiều nguyên nhân:

- Tình hình cạnh tranh trong ngành thể hiện qua tỷ suất lãi gộp chung của ngành giảm xuống, đặc biệt là đối với các mặt hàng được phẩm.
- Sự thay đổi cơ cấu mặt hàng như đã nói ở trên.
- Tuy nhiên, cũng có thể do các sai sót trong số liệu của đơn vị.

Với tư cách kiểm toán viên, bạn không thể chấp nhận ngay lời giải thích của kế toán trưởng vì 199 triệu đồng là số tiền trọng yếu (chiếm tỷ trọng tương đương 4% so với lãi gộp của năm 200X). Những thủ tục kiểm toán nên chú ý áp dụng là:

- Kiểm tra việc ghi nhận doanh thu có đầy đủ không, đặc biệt là mặt hàng được phẩm (có tỷ trọng giảm sút trong doanh thu toàn đơn vị)
- Kiểm tra việc ghi nhận giá vốn hàng bán có bị khống chế lên so với thực tế không (nếu đơn vị áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên)
- Chứng kiến kiểm kê hàng tồn kho (nếu đơn vị áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ, việc kiểm kê thiếu hàng tồn kho có thể dẫn đến sự tăng lên không đúng của giá vốn hàng bán)
- Kiểm tra việc ghi chép nghiệp vụ mua hàng (nếu đơn vị áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ, việc ghi chép trùng lặp hoặc khống chế trong nghiệp vụ mua hàng cũng dẫn đến làm cho giá vốn hàng bán tăng khống).
- Kiểm tra việc áp dụng các phương pháp đánh giá hàng tồn kho.

4.20.

- a) Các vấn đề kiểm toán viên Tài cần quan tâm được xác định căn cứ vào hai yếu tố là tính trọng yếu và rủi ro kiểm toán:

a.1) Tính trọng yếu: Tỷ trọng các khoản mục trong tổng tài sản như sau:

- Tài sản dài hạn: 25% tổng tài sản.
- Tài sản ngắn hạn: 75% tổng tài sản, trong đó:
 - Tiền: 25% tổng tài sản.
 - Nợ phải thu: 3,75% tổng tài sản (5% tài sản ngắn hạn x 75% tổng tài sản).
 - Hàng tồn kho: 37,5% tổng tài sản.

$$\begin{array}{c}
 \text{Hàng tồn kho} \\
 \hline
 \text{Tổng tài sản}
 \end{array}
 =
 \begin{array}{c}
 \text{Hàng tồn kho} \\
 \hline
 \text{Giá vốn hàng bán}
 \end{array}
 \times
 \begin{array}{c}
 \text{Giá vốn hàng bán} \\
 \hline
 \text{Doanh thu}
 \end{array}
 \times
 \begin{array}{c}
 \text{Doanh thu} \\
 \hline
 \text{Tổng tài sản}
 \end{array}$$

$$= 1/24 \times (1 - 15\%) \times 12 = 42,5\% \text{ tổng tài sản.}$$

- Nợ phải trả người bán ít nhất là 67% tổng tài sản (gấp đôi vốn chủ sở hữu nếu không có nợ dài hạn).

a.2) Rủi ro kiểm toán:

- Rủi ro tiềm tàng: các khoản mục cần lưu ý:
 - Tài sản cố định chủ yếu là cửa hàng và xe tải, có rủi ro về quyền sở hữu.
 - Tiền: do Công ty chủ yếu bán hàng thu bằng tiền mặt, do vậy rủi ro cao.
 - Hàng tồn kho: do nghiệp vụ mua và bán phát sinh rất nhiều.
- Rủi ro kiểm soát: các khoản mục cần lưu ý là:
 - Hàng tồn kho: do sử dụng phương pháp kiểm kê định kỳ.
 - Rủi ro kiểm soát chung tăng do đơn vị có ít nhân viên, nhân viên phòng kế toán thường xuyên thay đổi.

Kết hợp các nhân tố trên, kiểm toán viên Tài sẽ ghi nhận các khoản mục cần chú ý (xếp theo thứ tự) như sau:

- Hàng tồn kho: trọng yếu, rủi ro tiềm tàng và kiểm soát cao.
- Tiền: trọng yếu, rủi ro tiềm tàng cao.
- Nợ phải trả người bán: rất trọng yếu, rủi ro tiềm tàng thấp.
- Tài sản cố định: trọng yếu, rủi ro tiềm tàng trung bình.

b) Những thủ tục kiểm toán quan trọng:

- Chứng kiến kiểm kê hàng tồn kho vào thời điểm khóa sổ.
- Kiểm quỹ tiền mặt tồn quỹ đồng loạt không báo trước.

- Gửi thư xác nhận nợ phải trả, kết hợp việc kiểm tra chính hợp với thư thông báo nợ và biên bản đối chiếu công nợ. Xem xét việc thanh toán nợ sau ngày khóa sổ.
- Kiểm tra chứng từ về quyền sở hữu đối với tài sản cố định.

c) Những thông tin có thể tìm hiểu để thu hẹp phạm vi kiểm toán:

- Sự phân công phân nhiệm, chú ý những trường hợp vi phạm nguyên tắc bất kiêm nhiệm.
- Hệ thống thông tin kế toán của đơn vị.
- Kiểm soát nội bộ đối với khâu thu quỹ.
- Hệ thống sổ chi tiết nhà cung cấp và công tác theo dõi, đối chiếu công nợ với nhà cung cấp.

BÀI GIẢI CHƯƠNG V

BẢNG CHỨNG KIỂM TOÁN

5.1. (d)

5.2. (a)

5.3. (c)

5.4. (c)

5.5. (c)

5.6.

a) Chứng kiến kiểm kê hàng tồn kho nhằm xác định số lượng hàng tồn thực tế và phát hiện hàng tồn kho bị hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển. Thủ tục này cung cấp bằng chứng có độ tin cậy cao về sự hiện hữu của hàng tồn kho. Ngoài ra, thủ tục này còn cung cấp bằng chứng về một số cơ sở dẫn liệu khác với độ tin cậy thấp hơn và cần được xem xét trong các điều kiện cụ thể:

- Đối với sự đầy đủ, kiểm toán viên có thể thu thập được bằng chứng khi tiến hành đối chiếu giữa số thực tế với số liệu sổ sách trong điều kiện tất cả hàng tồn kho đều được kiểm kê.
- Đối với sự đánh giá, kiểm toán viên có thể thu thập được bằng chứng khi xem xét chất lượng, tình trạng hàng tồn kho trong điều kiện kiểm toán viên có khả năng đánh giá vấn đề này hoặc sử dụng chuyên gia. Tuy nhiên, chứng kiến kiểm kê không cung cấp bằng chứng về việc sử dụng phương pháp đánh giá phù hợp cũng như việc áp dụng nhất quán phương pháp đánh giá.

Ngoài ra, thủ tục chứng kiến kiểm kê không cung cấp bằng chứng về quyền đối với hàng tồn kho.

b) Chọn một số tài sản cố định tăng trong kỳ từ sổ chi tiết tài sản cố định và kiểm tra các chứng từ có liên quan, thủ tục này cung cấp bằng chứng có:

- Độ tin cậy cao về việc nguyên giá tài sản cố định tăng trong kỳ được ghi chép chính xác và phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán.
 - Độ tin cậy trung bình về quyền sở hữu.
 - Độ tin cậy trung bình về sự hiện hữu vì trong năm tuy doanh nghiệp mua tài sản, nhưng có thể sau đó họ đã nhượng bán tài sản, do vậy, vào cuối niên độ, tài sản không còn hiện hữu ở đơn vị.
- c) Kiểm tra số dư tiền gửi ngân hàng bằng cách yêu cầu ngân hàng xác nhận.

Thủ tục này cung cấp bằng chứng có độ tin cậy cao về sự hiện hữu, chính xác, đánh giá và quyền sở hữu về số dư tiền gửi ngân hàng. Tuy nhiên, bằng chứng này lại có độ tin cậy thấp về sự đầy đủ bởi vì doanh nghiệp có thể còn gửi tiền ở những ngân hàng khác mà không khai báo.

- 5.7.** Bằng chứng kiểm toán cần phải được thu thập và lưu giữ đầy đủ trong hồ sơ kiểm toán vì đó là cơ sở cho những kết luận của kiểm toán viên về những thông tin được trình bày trên báo cáo tài chính được kiểm toán. Hồ sơ kiểm toán còn là phương tiện kiểm soát chất lượng công việc kiểm toán viên đã thực hiện và là tài liệu rất quan trọng mà các cơ quan chức năng nghiên cứu trong trường hợp xảy ra kiện tụng.

Những nội dung chi tiết liên quan đến các thử nghiệm kiểm toán cần được ghi nhận trong hồ sơ kiểm toán bao gồm:

- a) Tên và mục tiêu của các thử nghiệm kiểm toán đã thực hiện.
- b) Các công việc kiểm toán viên đã thực hiện nhằm thỏa mãn các mục tiêu.
- c) Những sai phạm đã phát hiện và ảnh hưởng của những sai phạm đến báo cáo tài chính và những thủ tục kiểm toán bổ sung được thực hiện.
- d) Kết luận được rút ra từ những thử nghiệm bổ sung này.

5.8.

- a) Đoạn 22 và 23 VAS 26 "Thông tin về các bên liên quan" yêu cầu:

“Trường hợp có các giao dịch giữa các bên liên quan thì doanh nghiệp báo cáo cần phải trình bày bản chất các mối quan hệ của các bên liên quan cũng như các loại giao dịch và các yếu tố của các giao dịch đó. Các yếu tố của các giao dịch thường bao gồm: Khối lượng các giao dịch thể hiện bằng giá trị hoặc tỷ lệ phần trăm tương ứng; Giá trị hoặc tỷ lệ phần trăm tương ứng của các khoản mục chưa thanh toán; Chính sách giá cả.”

Để nhắc nhở đơn vị công bố, kiểm toán viên cần hiểu rõ bản chất, nội dung kinh tế của các nghiệp vụ giữa các bên liên quan vì nội dung của chúng có thể khác với tên gọi. Vì thế, kiểm toán viên cần nhận diện các bên liên quan ngay trong giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán nhằm hiểu rõ hơn và thu thập bằng chứng liên quan đến nghiệp vụ giữa các bên này trong suốt quá trình kiểm toán. Vì thế công việc này không thể thực hiện ở giai đoạn cuối của cuộc kiểm toán.

- b) Thư giải trình thường được ký bởi giám đốc hay người được giám đốc ủy quyền (Theo VSA 580), Trong đó người ký phải thể hiện sự hiểu biết của họ về vấn đề được giải trình; do đó sự hiểu biết này phải được cập nhật càng nhiều càng tốt. Ngày ký thư giải trình vì vậy thường trùng với ngày trên báo cáo kiểm toán. Do đó, thu thập thư này là thủ tục kiểm toán được thực hiện cuối cùng sau khi đã hoàn thành mọi thủ tục khác.

5.12.

- a) Đây là bằng chứng do doanh nghiệp lập, nên để xem xét tính thích hợp, kiểm toán viên Cần cần đánh giá kiểm soát nội bộ liên quan việc ghi nhận, theo dõi khoản phải thu. Do sổ chi tiết được in từ máy tính, kiểm toán viên cần xem xét thêm sự phân chia trách nhiệm trong việc ghi nhận và tiếp cận số liệu trên sổ chi tiết khoản phải thu. Do đây là bằng chứng có độ tin cậy không cao, kiểm toán viên cần phải thu thập thêm các bằng chứng khác độc lập hơn với đơn vị.
- b) Về tính thích hợp: đây là bằng chứng có nguồn gốc nội bộ nên độ tin cậy không cao. Vì đây là khoản mục trọng yếu nên kiểm toán viên cần thu thập thêm những bằng chứng có nguồn gốc từ bên ngoài đơn vị.

- c) Đơn đặt hàng của khách hàng là bằng chứng có nguồn gốc từ bên ngoài và được lưu trữ tại đơn vị. Độ tin cậy của bằng chứng này khá cao. Tuy nhiên đơn đặt hàng chưa thể chứng minh được nghiệp vụ bán hàng đã xảy ra và việc ghi nhận nợ phải thu là đúng nên cần thu thập các bằng chứng khác.
- d) Chứng từ vận chuyển của một công ty vận tải độc lập có ghi rõ những mặt hàng vận chuyển để bán là tài liệu độc lập với đơn vị nên có độ tin cậy cao. Tuy nhiên chứng từ này cũng chưa thể đảm bảo rằng doanh nghiệp thật sự còn có quyền sở hữu đối với khoản phải thu đó bởi vì có thể khách hàng đã trả lại hàng mua nhưng doanh nghiệp không hoặc chưa ghi nhận.
- e) Biên bản đối chiếu công nợ là bằng chứng do bên ngoài lập và được lưu giữ tại đơn vị. Độ tin cậy của bằng chứng này khá cao. Tuy nhiên kiểm toán viên cần thu thập thêm các bằng chứng khác hoàn toàn độc lập với đơn vị. Đây là bằng chứng có nguồn gốc từ bên ngoài và hoàn toàn độc lập với đơn vị nên mang tính thuyết phục cao. Ngoài ra, đây còn là bằng chứng về quyền sở hữu và sự hiện hữu của khoản nợ phải thu. Tuy nhiên kiểm toán viên cần thu thập thêm bằng chứng cho các cơ sở dẫn liệu còn lại.

BÀI GIẢI CHƯƠNG VI

KIỂM TOÁN TRONG MÔI TRƯỜNG MÁY TÍNH

6.1. (c)

6.2. (d)

6.3. (b)

6.4. (d)

6.5. (b)

6.11. Trước hết cần phải bảo đảm nhân viên đó chỉ được điều chỉnh nếu được phép (thể hiện qua quyền truy cập và sửa đổi số liệu, sự phê duyệt trước khi được chấp thuận).

Cần thiết kế hoạt động kiểm soát ứng dụng (kiểm soát dữ liệu đầu vào) trong tập tin “Đơn đặt hàng” và “Hóa đơn bán hàng” liên kết với tập tin “Bảng giá được phê chuẩn cho tất cả các mặt hàng”, bảng giá này phải được công bố cho toàn công ty và khách hàng. Hoạt động kiểm soát ứng dụng sẽ kiểm tra về “tính hợp lý” để báo lỗi và từ chối xử lý nghiệp vụ nếu đơn giá bán của sản phẩm khác với đơn giá bán được phê duyệt và sau đó các nghiệp vụ này sẽ được chuyển sang Trưởng phòng Kinh doanh để xét duyệt.

6.12. Các thử nghiệm kiểm soát nhằm thu thập bằng chứng về tính hữu hiệu của những thủ tục kiểm soát:

1. Tìm cách truy cập tập tin bằng mật khẩu không được phê chuẩn, hay bằng mật khẩu được lưu lại trên máy tính trước đó (nếu có).
2. Thảo luận với Trưởng phòng Kinh doanh về tiến trình thay đổi giá và đối chiếu với các trường hợp giá bán có thay đổi trong chương trình với bảng giá đã được phê chuẩn của Ban Giám đốc.
3. Chọn mẫu một số giá bán được phê chuẩn thay đổi, kiểm tra các giấy báo giá, hóa đơn bán hàng đã được in ra của các mặt

hàng có giá bán thay đổi, đối chiếu giá bán trên các giấy báo giá, hóa đơn bán hàng với giá bán được phê chuẩn trên bảng giá để xem việc thay đổi có được thực hiện đúng như đã được phê chuẩn.

6.13. Các thủ tục kiểm toán có thể sử dụng để thu thập bằng chứng về tính hữu hiệu của hoạt động kiểm soát ứng dụng liên quan đến những thay đổi trong hoạt động “kiểm soát việc sửa chữa số liệu”:

1. Tìm hiểu những thay đổi của hoạt động “kiểm soát sửa chữa số liệu” trước và sau khi chỉnh sửa phần mềm kế toán và xem tất cả các phần hành kế toán có bị ảnh hưởng bởi thủ tục kiểm soát mới hay không.
2. Chọn một số (hoặc toàn bộ) nghiệp vụ có sửa chữa số liệu đã thực hiện trong năm 200X, sử dụng kỹ thuật walk-through để kiểm tra xem hoạt động “kiểm soát việc sửa chữa số liệu” có được thực hiện đúng như thiết kế không? Đồng thời xem các nghiệp vụ này có được phê chuẩn trước khi thực hiện hay không? Ngoài ra, cần kiểm tra xem số liệu đã được điều chỉnh có để lại dấu vết kiểm toán hay không?
3. Tìm cách truy cập nhằm điều chỉnh số liệu tuy không được phê chuẩn để xác minh về tính hữu hiệu của hoạt động “kiểm soát việc sửa chữa số liệu” của thủ tục mới thiết kế.
4. Tìm hiểu xem có hiện hữu hoạt động giám sát việc điều chỉnh số liệu hay không? Nếu có, xem các bảng báo cáo của bộ phận giám sát có các trường hợp truy cập, điều chỉnh số liệu nhưng không được phê chuẩn đã xảy ra không? Xem xét cách thức bộ phận giám sát xử lý các tình huống này.
5. Phỏng vấn chuyên viên đảm trách việc điều chỉnh phần mềm của Reto về các rủi ro tiềm tàng liên quan đến việc thay đổi. Tìm hiểu xem có vấn đề nào ảnh hưởng đến tiến trình thay đổi không.

6.14. Các thủ tục kiểm toán cần áp dụng để có thể phát hiện được gian lận:

- So sánh chi phí tiền lương kỳ này với kỳ trước, có thể phát hiện biến động bất thường.

- So sánh tổng số giờ công làm việc trong tháng, mức lương được duyệt / giờ công và chi phí tiền lương.
 - Chọn mẫu bộ phận biến động chi phí lương, kiểm tra đơn giá trên bảng lương và đối chiếu với đơn giá lương được phê chuẩn.
 - Sử dụng dữ liệu thử nghiệm (test data) riêng, nhập một mẫu (các bộ phận biến động chi phí lương) vào hệ thống máy tính của khách hàng và so sánh với kết quả thực tế với kết quả đã xác định trước (Dữ liệu thử nghiệm sẽ có kết quả khác với kết quả đã xác định trước theo đơn giá tiền lương được phê chuẩn).
 - Chọn một số nhân viên có liên quan đến công việc tính lương, trong đó có cả Lân, để kiểm tra việc tính lương.
- 6.15.** Nếu kết luận đơn vị không có bất kỳ kế hoạch hay thủ tục phục hồi dữ liệu nào thích hợp khi ổ cứng gặp sự cố, kiểm toán viên cần thông báo cho Ban giám đốc. Kiểm toán viên cần phải đánh giá khả năng tiếp tục hoạt động của đơn vị trong trường hợp trung tâm dữ liệu chính bị phá hủy toàn bộ. Nếu khách hàng hoạt động trong các ngành mà dữ liệu rất quan trọng (Ví dụ: Trung tâm Visa card, master card hay bảo hiểm ...), vấn đề này cần công bố trên thuyết minh báo cáo tài chính vì tính hiện hữu của một số tài sản (như các khoản phải thu, phải trả ...) phụ thuộc vào tính liên tục của tiến trình xử lý số liệu.
- Nếu Ban Giám Đốc đồng ý công bố vấn đề này trên thuyết minh báo cáo tài chính, kiểm toán viên đưa ra báo cáo kiểm toán chấp nhận toàn phần có đoạn nhấn mạnh.
 - Nếu Ban Giám đốc không có bất kỳ kế hoạch xử lý nào và cũng không đồng ý công bố vấn đề này trong thuyết minh báo cáo tài chính, kiểm toán viên cần đưa ra báo cáo kiểm toán với ý kiến ngoại trừ hoặc không chấp nhận tùy thuộc vào tính trọng yếu của nội dung phù hợp cần công bố trên thuyết minh báo cáo tài chính.

BÀI GIẢI CHƯƠNG VII

HOÀN THÀNH KIỂM TOÁN

7.1. (c)

7.2. (d)

7.3. (b)

7.4. (b)

7.5. (d)

7.6. (c)

7.7. Việc sử dụng mẫu báo cáo kiểm toán chuẩn được quy định trong các chuẩn mực kiểm toán có những ưu điểm sau:

- Làm cho người đọc dễ hiểu và lưu ý các trường hợp đặc biệt, hay ngoại lệ.
- Tránh sự diễn giải theo ý kiến chủ quan của người viết báo cáo, hay do họ sử dụng từ ngữ mơ hồ, không rõ ràng.
- Hạn chế các tranh chấp do việc sử dụng từ ngữ không thống nhất.

Tuy nhiên nó có nhược điểm là làm giảm khả năng diễn đạt ý kiến của kiểm toán viên trong từng trường hợp cụ thể.

7.8. Theo đoạn 07 VAS 01 “Chuẩn mực chung”, doanh nghiệp phải áp dụng thống nhất phương pháp kế toán ít nhất trong một kỳ kế toán năm.

Theo đoạn 6 VAS 29 “Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót”, doanh nghiệp chỉ được thay đổi chính sách kế toán khi:

- a) Có sự thay đổi theo quy định của pháp luật hoặc của chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán, hoặc
- b) Sự thay đổi sẽ dẫn đến báo cáo tài chính cung cấp thông tin tin cậy và thích hợp hơn về ảnh hưởng của các giao dịch và sự kiện

đối với tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của doanh nghiệp

Như vậy nếu sự thay đổi trên đúng theo yêu cầu của chuẩn mực thì chấp nhận được. Tuy nhiên, kiểm toán viên cần lưu ý đơn vị điều chỉnh số dư đầu kỳ và công bố trong thuyết minh báo cáo tài chính đúng theo VAS 29 để đảm bảo yêu cầu có thể so sánh.

Ngoài ra, đoạn 28, VAS 02 “Hàng tồn kho” quy định như sau: “Trường hợp doanh nghiệp tính giá trị hàng tồn kho theo phương pháp nhập sau, xuất trước thì báo cáo tài chính phải phản ánh số chênh lệch giữa giá trị hàng tồn kho trình bày trong bảng cân đối kế toán với:

- a) Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước (nếu giá trị hàng tồn kho cuối kỳ tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước nhỏ hơn giá trị hàng tồn kho cuối kỳ tính theo phương pháp bình quân gia quyền và giá trị thuần có thể thực hiện được); hoặc

Với giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo phương pháp bình quân gia quyền (nếu giá trị hàng tồn kho cuối kỳ tính theo phương pháp bình quân gia quyền nhỏ hơn giá trị hàng tồn kho cuối kỳ tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và giá trị thuần có thể thực hiện được); hoặc

Với giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được (nếu giá trị hàng tồn kho cuối kỳ tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá trị hàng tồn kho tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và phương pháp bình quân gia quyền); hoặc

- b) Giá trị hiện hành của hàng tồn kho cuối kỳ tại ngày lập bảng cân đối kế toán (nếu giá trị hiện hành của hàng tồn kho tại ngày lập bảng cân đối kế toán nhỏ hơn giá trị thuần có thể thực hiện được); hoặc với giá trị thuần có thể thực hiện được (nếu giá trị hàng tồn kho cuối kỳ tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá trị hàng tồn kho cuối kỳ tính theo giá trị hiện hành tại ngày lập bảng cân đối kế toán).”

Tóm lại, nếu báo cáo tài chính đã trình bày trung thực và hợp lý về tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của doanh

nghiệp và đã tuân thủ quy định của chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, kiểm toán viên vẫn phát hành báo cáo kiểm toán loại Chấp nhận toàn phần.

7.9.

- a) Bị giới hạn phạm vi kiểm toán do khách hàng áp đặt: xảy ra khi khách hàng không cho phép kiểm toán viên thực hiện đầy đủ những thủ tục kiểm toán cần thiết, như gửi thư xác nhận đến khách hàng, chứng kiến kiểm kê...

Nếu sự hạn chế này nghiêm trọng và nếu kiểm toán viên không áp dụng được thủ tục thay thế để xác định liệu báo cáo tài chính có trung thực và hợp lý hay không, kiểm toán viên sẽ phát hành báo cáo kiểm toán loại Từ chối cho ý kiến. Ngoài ra, kiểm toán viên cần xem xét liệu sự giới hạn này có xuất phát từ hành vi gian lận hay không tuân thủ của khách hàng hay không.

Nếu sự hạn chế này không nghiêm trọng và kiểm toán viên có thể sử dụng thủ tục kiểm toán thay thế, kiểm toán viên có thể phát hành báo cáo kiểm toán loại Chấp nhận toàn phần hay Chấp nhận từng phần dạng ngoại trừ tùy theo mức độ trọng yếu của vấn đề.

Cần lưu ý rằng theo VSA 700, nếu giới hạn này bị áp đặt ngay từ khi thỏa thuận hợp đồng và kiểm toán viên cho rằng giới hạn này lớn đến mức có thể dẫn đến ý kiến từ chối, thì hợp đồng bị giới hạn này sẽ không được coi là hợp đồng kiểm toán, trừ khi kiểm toán viên bị bắt buộc về mặt pháp luật.

- b) Bị giới hạn phạm vi kiểm toán do lý do khách quan (chẳng hạn như vì ký kết hợp đồng kiểm toán sau ngày kết thúc niên độ nên kiểm toán viên không thể chứng kiến kiểm kê...,) và kiểm toán viên không thể tiến hành đầy đủ các thủ tục kiểm toán cần thiết. Khi đó, kiểm toán viên thường sử dụng các thủ tục kiểm toán thay thế.

Tùy theo mức độ thỏa mãn đối với các bằng chứng kiểm toán thu thập được từ những thủ tục thay thế, kiểm toán viên có thể phát hành báo cáo kiểm toán loại Chấp nhận toàn phần hay Chấp nhận từng phần dạng ngoại trừ. Trong trường hợp các thủ tục thay thế không cung cấp sự thỏa mãn cho kiểm toán viên và nếu xét thấy sự giới hạn ảnh hưởng đến tổng thể của

sự giới hạn ảnh hưởng đến tổng thể của báo cáo tài chính, kiểm toán viên sẽ phát hành báo cáo kiểm toán loại ý kiến từ chối.

7.10. Khi khách hàng yêu cầu kiểm toán viên phát hành báo cáo kiểm toán một thời gian ngắn sau ngày kết thúc niên độ để họ có thể công bố báo cáo tài chính theo đúng kỳ hạn hàng năm: có thể đưa đến việc kiểm toán viên không thể thực hiện đầy đủ các thử nghiệm kiểm toán, hay sẽ không phát hiện được các sai phạm có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính, ví dụ:

- Không đủ thời gian để có được bằng chứng, đặc biệt là về các khoản nợ tiềm tàng.
- Không đủ thời gian phát hiện các sai phạm trong lập và trình bày báo cáo tài chính.
- Phần lớn thời gian làm việc, kiểm toán viên phải kiểm tra các sổ sách kế toán chưa hoàn tất.
- Các biện pháp mà kiểm toán viên có thể áp dụng để hạn chế rủi ro kiểm toán là:
- Yêu cầu khách hàng dời kỳ hạn cuối cùng của ngày phát hành báo cáo kiểm toán.
- Thực hiện một số thử nghiệm kiểm toán trước ngày kết thúc niên độ.

7.12.

1. Do hàng đã được bốc lên tàu vào tháng 11/200X và hàng mua theo phương thức FOB cảng đi, nên quyền sở hữu và rủi ro đối với nguyên vật liệu đã chuyển sang người mua khi bốc hàng lên tàu vào tháng 11/200X. kiểm toán viên nên kiểm tra sổ sách hàng tồn kho xem số hàng này đã được ghi nhận chưa. Nếu công ty chưa ghi nhận, kiểm toán viên yêu cầu họ lập bút toán ghi tăng hàng đang đi đường cho năm 200X.
2. Tuy đến cuối năm 200X công ty chưa trả tiền bồi thường nhưng khoản tiền này phát sinh do tai nạn xảy ra trong năm 200X, vì thế phải được ghi nhận như là một khoản chi phí và nợ phải trả của năm 200X.
3. Sự kiện này hoàn toàn thuộc niên độ 200X+1 và không ảnh hưởng đến báo cáo tài chính của năm 200X.

4. Cơn lũ xảy ra trong năm $200X+1$ và không thể có nguồn gốc từ niên độ $200X$. Vào thời điểm 31/12/200X, lượng hàng tồn kho trên có thật do đó không cần thực hiện bút toán điều chỉnh. Tuy nhiên, sự kiện này cần phải được khai báo trên thuyết minh báo cáo tài chính nếu ảnh hưởng đến người đọc báo cáo tài chính.
5. Sự kiện này xảy ra sau ngày kết thúc niên độ nên không ảnh hưởng đến báo cáo tài chính năm $200X+1$. Tuy nhiên, nếu số tiền huy động từ trái phiếu có giá trị lớn so với nợ phải trả thì việc phát hành này có thể sẽ ảnh hưởng trọng yếu đến các chỉ tiêu tài chính như tỷ số nợ, khả năng thanh toán... Do đó, lúc này cần khai báo việc phát hành trái phiếu trên thuyết minh báo cáo tài chính.

7.13. Kiểm toán viên Quang nên thực hiện các công việc sau:

- Xem xét lại công việc và kết quả mà các trợ lý kiểm toán đã thực hiện nhằm xem liệu có thiếu sót trong việc thực hiện các thủ tục kiểm toán không và cơ sở để đưa ra kết luận của các trợ lý kiểm toán.
- Xem xét khoản dự phòng giảm giá cho hàng tồn kho có bị lập thiếu hay không?
- Xem xét tại thời điểm kiểm toán, số hàng tồn kho cuối năm có được tiêu thụ hết chưa? Nếu chưa, cần phỏng vấn nhà quản lý về khả năng tiêu thụ và nghiên cứu về khả năng tiêu thụ dựa trên hiểu biết và những thông tin mà kiểm toán viên thu thập được.

Tổng hợp kết quả các công việc trên sẽ giúp kiểm toán viên Quang đưa ra nhận xét thích hợp về khoản mục hàng tồn kho.

7.14.

1. Nếu Ban giám đốc không công bố thông tin thích hợp, đây là trường hợp không nhất trí với giám đốc, kiểm toán viên sẽ phát hành báo cáo Chấp nhận từng phần (dạng ngoại trừ) hay Không chấp nhận tùy theo mức độ ảnh hưởng đến tổng thể của báo cáo tài chính.
2. Công ty không tuân thủ chuẩn mực và chế độ kế toán và không điều chỉnh theo đề nghị của kiểm toán viên, đây là trường hợp

không nhất trí với giám đốc. Kiểm toán viên cần lập báo cáo Chấp nhận từng phần dạng ngoại trừ hay Không chấp nhận tùy theo mức độ trọng yếu của khoản dự phòng so với tổng thể báo cáo tài chính.

3. Kiểm toán viên bị giới hạn phạm vi kiểm toán nên có thể phát hành báo cáo Chấp nhận từng phần hoặc Từ chối cho ý kiến tùy theo mức độ ảnh hưởng.
4. Công ty không tuân thủ chuẩn mực và chế độ kế toán, kiểm toán viên cần lập báo cáo Chấp nhận từng phần hay Không chấp nhận tùy theo mức độ trọng yếu.
5. Nhờ đã thu thập được bằng chứng từ các thủ tục kiểm toán thay thế, kiểm toán viên sẽ phát hành báo cáo Chấp nhận toàn phần.
6. Mức 20% lợi nhuận trước thuế là trọng yếu, khiến kiểm toán viên có thể đưa ra ý kiến Không chấp nhận. Tuy nhiên nó còn tùy thuộc xét đoán của kiểm toán viên về ảnh hưởng của vấn đề đến tổng thể của báo cáo tài chính, nếu chưa quá trọng yếu, kiểm toán viên có thể phát hành báo cáo kiểm toán Chấp nhận từng phần dạng ngoại trừ.
7. Do mức độ trọng yếu của vấn đề, thông tin này phải lược công bố trong thuyết minh báo cáo tài chính. Nếu Ban giám đốc không công bố, kiểm toán viên có thể phát hành báo cáo kiểm toán Chấp nhận từng phần dạng ngoại trừ hay Không chấp nhận tùy theo mức độ ảnh hưởng.
8. Công ty không tuân thủ yêu cầu của VSA 04 - Tài sản cố định vô hình - là chi phí nghiên cứu không được vốn hóa, chỉ có chi phí triển khai thỏa mãn các điều kiện quy định mới được xem là tài sản cố định vô hình. Đây là trường hợp không nhất trí với giám đốc, kiểm toán viên có thể phát hành báo cáo kiểm toán Chấp nhận từng phần dạng ngoại trừ hay Không chấp nhận tùy theo mức độ ảnh hưởng.

7.15. Gamma đang gặp khó khăn về tài chính và có thể vi phạm nguyên tắc hoạt động liên tục vì những lý do sau:

- Lỗ kinh doanh trong 3 năm lên đến 700 triệu đồng.

- Có thể không thanh toán được khoản vay 500 triệu đồng sắp đến hạn.

Những thông tin cần tìm hiểu thêm: Phương pháp giải quyết của Ban Giám đốc liên quan đến phương án kinh doanh mới và kế hoạch bán nhà xưởng, ý định của Ban Giám đốc (như thanh lý, giải thể...).

Ý kiến của kiểm toán viên:

- a) Nếu phương án kinh doanh mới và kế hoạch bán bớt nhà xưởng khả thi và có thể giúp công ty vẫn tiếp tục duy trì hoạt động của mình trong tương lai:
 - Nếu công ty trình bày đầy đủ thông tin trên báo cáo tài chính, kiểm toán viên có thể phát hành báo cáo Chấp nhận toàn phần có đoạn nhấn mạnh.
 - Ngược lại, kiểm toán viên sẽ phát hành báo cáo Chấp nhận từng phần hay Không chấp nhận.
- b) Nếu phương án kinh doanh mới và kế hoạch bán bớt nhà xưởng của đơn vị không có cơ sở và kiểm toán viên xét thấy đơn vị chắc chắn không thể tiếp tục hoạt động được, kiểm toán viên sẽ đưa ra ý kiến Không chấp nhận vì báo cáo tài chính vẫn được lập trên giả định hoạt động liên tục.

Trong thuyết minh báo cáo tài chính, công ty cần trình bày thông tin sau:

1. Mô tả về các loại trái phiếu, giá trị, ngày đáo hạn.
2. Mô tả sự kiện trái phiếu không được gia hạn.
3. Thông tin phụ: Ban Giám đốc cố gắng tìm nguồn tài trợ nhưng vẫn chưa có giải pháp. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đưa ra phương án kinh doanh mới và hy vọng giảm khoản lỗ nhờ phương án này, đồng thời có kế hoạch bán đi các nhà xưởng không cần dùng.

7.16. Các khiếm khuyết của báo cáo kiểm toán trên bao gồm:

1. Báo cáo kiểm toán phải gửi cho đối tượng theo yêu cầu của hợp đồng (ngoại trừ trường hợp hợp đồng ghi là gửi cho Ban Kiểm soát).

2. Đoạn mở đầu phải dùng từ kiểm toán chứ không nên dùng từ kiểm tra.
3. Không nên ghi đoạn chúng tôi tham chiếu đến công việc kiểm toán viên khác vì theo đoạn 10 của VSA 600: Kiểm toán viên chính cần phải thực hiện các thủ tục cần thiết để thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp chứng minh rằng các công việc do kiểm toán viên khác thực hiện là phù hợp với công việc kiểm toán và mục đích của kiểm toán viên chính trong từng cuộc kiểm toán cụ thể.
4. Không nên ghi tên các chuyên gia và tham chiếu công việc chuyên gia vì theo đoạn 16 của VSA 620: Khi phát hành báo cáo kiểm toán Chấp nhận toàn phần, kiểm toán viên không được đề cập đến công việc của chuyên gia vì sẽ làm cho người sử dụng hiểu lầm là kiểm toán viên muốn chia sẻ trách nhiệm hoặc là ý kiến ngoại trừ.
5. Trong đoạn 2 (đoạn: Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán...), cần phải nêu cơ sở cho ý kiến.
6. Thiếu thuật ngữ về phương diện trọng yếu trong đoạn ý kiến.
7. Thiếu đoạn giải thích về lý do và ảnh hưởng của việc thay đổi phương pháp tính giá hàng tồn kho. Nếu công ty không tuân thủ VAS 02 và VAS 29, kiểm toán viên cần đưa ra ý kiến Chấp nhận từng phần hay Không chấp nhận.
8. Thiếu ngày lập báo cáo kiểm toán.

7.18.

a) Ảnh hưởng của từng sai sót đến báo cáo tài chính:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Sai sót	Tổng tài sản	Nợ phải trả	Vốn chủ sở hữu	Doanh thu	Lợi nhuận sau thuế
1	(12.000)	(3.360)	(8.640)		(8.640)
2	260.000	116.000	144.000	600.000	144.000

b) Loại báo cáo kiểm toán nên phát hành:

Khi đơn vị không đồng ý điều chỉnh các sai sót trên, kiểm toán viên đã gặp tình huống không nhất trí với Giám đốc. Kiểm toán

viên cần đánh giá tổng hợp ảnh hưởng của các sai sót chưa điều chỉnh đến báo cáo tài chính để quyết định ý kiến của mình:

- Nếu sai sót chưa điều chỉnh nhỏ hơn mức trọng yếu, kiểm toán viên sẽ đưa ra báo cáo chấp nhận toàn phần
- Nếu sai sót chưa điều chỉnh xấp xỉ hoặc lớn hơn mức trọng yếu, kiểm toán viên sẽ phát hành báo cáo không chấp nhận
- Nếu xét trên tổng thể sai sót chưa điều chỉnh nhỏ hơn mức trọng yếu, thế nhưng trong một số khoản mục, sai sót chưa điều chỉnh có ảnh hưởng trọng yếu, kiểm toán viên sẽ sử dụng báo cáo chấp nhận từng phần dạng ngoại trừ.

7.19.

Các yếu tố làm nghi vấn việc nguyên tắc hoạt động liên tục bị vi phạm	Các tình huống làm giảm nhẹ
Hoạt động sản xuất kinh doanh	
- Doanh thu sản phẩm đặc biệt bị sụt giảm. - Chất lượng sản phẩm ngày càng thấp. - Chưa có mặt hàng rõ ràng để thay thế cho các sản phẩm đặc biệt. - Ban giám đốc có ý định nhượng bán tài sản trong năm tới.	- Doanh thu các sản phẩm khác tăng đều đặn. - Ban Giám đốc tin rằng trong năm 2005 doanh thu các sản phẩm khác sẽ tăng. - Ban Giám đốc tin rằng các sản phẩm hóa học trong giai đoạn nghiên cứu sẽ được đưa vào sản xuất và sẽ chiếm lĩnh thị trường.
Khách hàng	
- Số lượng khách hàng ngày càng giảm do chuyển sang mua các sản phẩm đặc biệt nhập khẩu. - Phụ thuộc một phần vào ba khách hàng chính.	- Không hoàn toàn phụ thuộc vào các khách hàng chính (ngoài ba khách hàng chính, các khách hàng còn lại chiếm 2/3 doanh số).

Tình hình tài chính	
- Các khoản vay rất trọng yếu. - Các khoản nợ và chi phí cao trong vòng ba năm tới. - Hầu hết các tài sản đều đã mang thế chấp, do đó khó thể có thêm nguồn tài trợ khác.	- Công ty có thể thu được lợi nhuận từ việc nhượng bán tài sản.

BÀI GIẢI CHƯƠNG VIII

KIỂM TOÁN TIỀN

8.1. (b)

8.2. (d)

8.3. (c)

8.4. (b)

8.5. (c)

8.6. Các đặc điểm của thư xác nhận ngân hàng:

- Về thông tin: Ngoài yêu cầu xác nhận về số dư, kiểm toán viên còn yêu cầu ngân hàng xác nhận những thông tin khác như:
 - Các giới hạn trong việc sử dụng tiền.
 - Lãi suất của các khoản tiền gửi có lãi.
 - Các khoản vay ngân hàng.
 - Các khoản cầm cố thế chấp.
- Về mẫu chọn: kiểm toán viên không chọn mẫu ngân hàng để gửi thư xác nhận mà sẽ gửi thư xác nhận cho toàn bộ ngân hàng mà đơn vị có mở tài khoản, kể cả những ngân hàng có số dư bằng không.
- Nếu ngân hàng không trả lời, kiểm toán viên tìm cách thu thập được thông tin bằng mọi cách, kể cả tiếp xúc trực tiếp với ngân hàng.

8.11.

- Các khiếm khuyết của hệ thống kiểm soát nội bộ:
 1. Sử dụng nhân viên không liên chính.
 2. Không tuân thủ nguyên tắc phân chia trách nhiệm đầy đủ:
Nhân viên Phát kiêm nhiệm các chức năng: phát hành séc, lập sổ đăng ký séc đã phát hành, lập bảng chỉnh hợp ngân hàng và giữ sổ séc.

3. Nguyên tắc ủy quyền và xét duyệt không được tuân thủ: ký khống vào cuốn séc.
- Những thủ tục kiểm soát cần áp dụng:
 1. Tuân thủ đầy đủ nguyên tắc bất kiêm nhiệm;
 2. Không ký trước vào séc, chỉ ký vào séc khi nào chứng từ thanh toán đã được xét duyệt.
 3. Xét duyệt chứng từ thanh toán trước khi ký duyệt ; đánh dấu vào hóa đơn ngay khi xét duyệt.

8.14.

Nghệp vụ	Số dư tài khoản Tiền gửi ngân hàng sẽ ... so với số dư trên sổ sách	
1	Lớn hơn	
2	Lớn hơn	
3	Bằng	
4	Bằng	
5	Bằng	Kiting
6	Lớn hơn	
7	Nhỏ hơn	

Nghệp vụ 5 là thủ thuật kiting vì lợi dụng việc chuyển tiền giữa hai tài khoản vào thời điểm khóa sổ (ngân hàng nhận ghi tăng trong niên độ trước, còn ngân hàng chuyển đi ghi giảm vào niên độ sau) và xử lý trên sổ sách kế toán giống như của ngân hàng để thổi phồng tạm thời số dư Tiền gửi ngân hàng của đơn vị.

8.17.

- a) Doanh nghiệp có khả năng kê khai cao tiền vào cuối thời khóa (các khoản thu tiền của tháng 1 được ghi nhận vào tháng 12).
- b) Động cơ của sai phạm trên là nhằm cải thiện khả năng thanh toán của doanh nghiệp.
- c) Kiểm toán viên cần kiểm tra các chứng từ có liên quan đến séc số 345. Nếu phát hiện việc ghi nhận sai niên độ, cần đề nghị các bút toán điều chỉnh.

BÀI GIẢI CHƯƠNG IX

KIỂM TOÁN NỢ PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ NGHIỆP VỤ BÁN HÀNG

9.1. (d)

9.2. (d)

9.3. (b)

9.4. (d)

9.5. (b)

9.7. Kỹ thuật walk-through có thể được thực hiện trong việc xem xét nghiệp vụ bán hàng theo trình tự: Từ đơn đặt hàng → phê chuẩn việc bán chịu → xuất kho, gửi hàng → lập hóa đơn → ghi chép vào sổ sách → nhận tiền.

9.9. Xem xét việc phân chia trách nhiệm giữa việc thu tiền và ghi sổ công nợ, đối chiếu các phiếu thu với sổ chi tiết các khoản phải thu. Ngoài ra kiểm toán viên cần gửi thư xác nhận nợ cho khách hàng.

9.11.

Mục tiêu kiểm soát	Sai sót tiềm tàng	Thủ tục kiểm soát	Thử nghiệm kiểm soát
Phát sinh	Doanh thu không có thật	- Phân chia trách nhiệm giữa các chức năng nhận đặt hàng, gửi hàng và ghi hóa đơn.	- Quan sát và phỏng vấn việc phân nhiệm.

Phát sinh	Doanh thu không có thật	- Kế toán chỉ ghi nhận doanh thu khi có chữ ký khách hàng chấp nhận đơn đặt hàng và phiếu giao hàng đính kèm hóa đơn bán hàng.	- Kiểm tra sự phù hợp giữa phiếu giao hàng và hóa đơn bán hàng. - Kiểm tra chữ ký khách hàng trên phiếu giao hàng.
Đầy đủ	Hàng hóa đã giao nhưng doanh thu chưa được ghi nhận	- Đánh số liên tục phiếu giao hàng và hóa đơn bán hàng	- Kiểm tra tính liên tục của việc ghi nhận hóa đơn bán hàng trên sổ và trên báo cáo bán hàng hàng ngày
Đánh giá	Doanh thu ghi nhận không đúng số tiền	- Xây dựng bảng giá - Đối chiếu đơn giá trên hóa đơn với bảng giá được duyệt, đối chiếu số lượng hàng hóa với Phiếu giao hàng, kiểm tra việc tính toán số học trước khi gửi hóa đơn.	- Yêu cầu cung cấp bảng giá được phê duyệt - Chọn mẫu thực hiện lại thì tục kiểm soát.

9.14.

- Việc lựa chọn khách hàng có giao dịch thường xuyên để ửi thư xác nhận không phải là biện pháp hữu hiệu nhất vì sẽ không giúp phát hiện việc khai khống hay các khách hàng không có thực nhưng có số dư lớn. Khi chọn lựa khách hàng để ửi thư xác nhận, kiểm toán viên nên:

- Lựa chọn các khách hàng có số dư lớn.
- Các khách hàng không gửi bảng đối chiếu công nợ.

- Các khách hàng mà khoản nợ còn tồn đọng qua nhiều năm nhưng không được thanh toán.

Đối với khách hàng không trả lời, ngoài việc kiểm tra hóa đơn, kiểm toán viên còn cần phải kiểm tra các tài liệu khác như hợp đồng, phiếu gửi hàng ...

2. Nguyên nhân có thể đưa đến sự khác biệt:

a) Khách hàng An Phước:

- Khách hàng thanh toán nhầm.
- Vào ngày kết thúc niên độ tiền đang được chuyển từ tài khoản người mua sang tài khoản người bán.

b) Khách hàng Tây An: Khác biệt về thời điểm ghi nhận doanh thu giữa bên bán và thời điểm ghi nhận tài sản hay chi phí của bên mua.

c) Khách hàng Biệt Lệ: Khác biệt về thời điểm ghi nhận doanh thu của bên bán và thời điểm ghi nhận tài sản hay chi phí của bên mua.

d) Khách hàng Bình Tây: Khác biệt về thời điểm ghi nhận hàng bán bị trả lại giữa hai bên hay do ghi sổ kế toán sai.

Các thủ tục kiểm toán bổ sung:

- a) Khách hàng An Phước: Kiểm tra phiếu giao hàng, sổ phụ ngân hàng trước và sau ngày kết thúc niên độ để xem ngày ghi nhận trên sổ phụ về ủy nhiệm chi mà khách hàng đã phát hành vào 29/12/200X.
- b) Khách hàng Tây An: Kiểm tra phiếu giao hàng để xem ngày nhận hàng của khách hàng có hợp lý không và thời điểm ghi nhận doanh thu của đơn vị có đúng không?
- c) Khách hàng Biệt Lệ: Kiểm tra phiếu giao hàng để xem ngày nhận hàng của khách hàng có hợp lý không và thời điểm ghi nhận doanh thu của đơn vị có đúng không?
- d) Khách hàng Bình Tây: Kiểm tra hợp đồng, điều kiện giao hàng, chứng từ gửi hàng xem trên hợp đồng có cho phép

trả lại hàng. Xem xét sổ kế toán năm sau để xem có ghi nhận lô hàng bị trả lại không?

3. Không có bút toán điều chỉnh nếu các nghiệp vụ trên xảy ra sau ngày kết thúc niên độ đúng theo các giải thích của khách hàng và đơn vị đã ghi nhận doanh thu đúng niên độ.

BÀI GIẢI CHƯƠNG X

KIỂM TOÁN HÀNG TỒN KHO VÀ GIÁ VỐN HÀNG BÁN

10.1. (a)

10.2. (c)

10.3. (c)

10.4. (d)

10.5. (b)

10.7.

a) Các nguyên nhân làm giá gốc cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được:

- Hàng tồn kho chậm luân chuyển.
- Hàng tồn kho bị lỗi thời.
- Hàng bị hư hỏng.
- Hàng bán bị giảm giá
- Hàng không còn chế tạo nữa v.v...

b) Một số thủ tục kiểm toán cần thực hiện:

1. So sánh doanh thu bán hàng của từng mặt hàng với năm trước. Liệt kê các mặt hàng có doanh số giảm bất thường và kiểm tra sổ chi tiết của các mặt hàng này. Những mặt hàng tồn kho lâu ngày (thường là trên 6 tháng) không bán được sẽ bị giảm giá làm giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc.
2. Phỏng vấn nhân viên bán hàng, thủ kho, nhân viên kỹ thuật để phát hiện hàng tồn kho chậm luân chuyển hoặc hàng bán bị trả lại để sửa chữa và xem xét hiện tượng này có phổ biến không. Phỏng vấn nhà quản lý về phương pháp xử lý, như là giảm giá bán hay ngưng kinh doanh...

3. Khi chứng kiến kiểm kê, kiểm toán viên cần chú ý những mặt hàng có thể đã bị giảm giá trị, như bị bụi bám (có tồn trữ lâu ngày không bán được), hàng hư hỏng, hàng bán bị trả lại do không kém phẩm chất, hàng gần hết hạn sử dụng... kiểm toán viên cần ghi chú cẩn thận và điều tra xem liệu chúng có thể bán được không và giá bán ước tính của các mặt hàng này.
4. Xem hồ sơ kiểm toán năm trước để xem có mặt hàng nào mà giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hay không? Bởi lẽ nếu các mặt hàng này vẫn còn tồn kho đến cuối năm nay, giá trị của chúng tất nhiên sẽ giảm đi rất nhiều.
5. Đọc biên bản họp của Hội đồng quản trị, báo cáo doanh thu xem có các sự phê chuẩn liên quan, như cho phép giảm giá bán, khuyến mãi, xử lý hàng chậm luân chuyển ...

10.8. Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho = Giá bán ước tính – (Chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và Chi phí ước tính để tiêu thụ sản phẩm).

Các thủ tục kiểm toán có thể sử dụng để xác định:

1. Giá bán ước tính: kiểm toán viên có thể tìm giá bán của hàng tồn kho trên hóa đơn bán hàng vào những ngày gần cuối niên độ hoặc những ngày đầu niên độ kế tiếp. Đối với hàng chậm luân chuyển, hư hỏng, lỗi thời ... cần thảo luận với nhà quản lý về giá có thể bán được.
2. Chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và để tiêu thụ sản phẩm: kiểm toán viên có thể sử dụng số liệu chi phí của năm trước cho cùng loại hàng có điều chỉnh theo số liệu kế toán của năm hiện hành...

10.9.

- a) Kiểm toán viên thường quan tâm xem công ty có hoạt động theo công suất bình thường hay không vì khi kiểm tra việc phân bổ chi phí sản xuất chung vào giá thành sản phẩm, VAS 02 - Hàng tồn kho, đoạn 08 yêu cầu:

Chi phí sản xuất chung cố định phân bổ vào chi phí chế biến cho mỗi đơn vị sản phẩm được dựa trên công suất bình thường của máy móc sản xuất.

- Trường hợp mức sản phẩm thực tế sản xuất ra cao hơn công suất bình thường thì chi phí sản xuất chung cố định được phân bổ cho mỗi đơn vị sản phẩm theo chi phí thực tế phát sinh.
- Trường hợp mức sản phẩm thực tế sản xuất ra thấp hơn công suất bình thường của máy móc thì chi phí sản xuất chung cố định được phân bổ vào chi phí chế biến cho mỗi đơn vị sản phẩm theo mức công suất bình thường. Khoản chi phí sản xuất chung không được phân bổ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

b) Các thủ tục kiểm toán chính có thể sử dụng là:

1. So sánh mức sản xuất của năm nay với năm trước.
2. So sánh mức sản xuất thực tế / Số bán thực tế với số kế hoạch, dự toán.
3. Điều tra thời gian làm ngoài giờ của nhân viên, so với năm trước.
4. Phỏng vấn Ban giám đốc về việc thay đổi mức sản xuất trong năm.
5. Điều tra xem công ty có mua sắm các thiết bị mới cho sản xuất không? Chẳng hạn phỏng vấn nhân viên kỹ thuật, đọc biên bản họp Hội đồng quản trị, ban giám đốc ...

10.11.

1. Theo giá gốc:

Ngày	Số lượng (đơn vị)	Đơn giá (1.000đ)	Tổng giá trị (1.000đ)
17/9 đến 30/9	70	506	35.420
3/9 đến 16/9	60	503	30.180
2/9	20	500	10.000
Tổng	150		75.600

2. Tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được:

- 150 đơn vị hàng cuối kỳ sẽ được bán đầu tiên trong năm sau.

- Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho cuối kỳ là: $100\% - 3\% - 2\% = 95\%$ giá bán sau ngày khóa sổ

Ngày	Số lượng (đv)	Đơn giá bán (1.000đ)	Giá trị thuần có thể thực hiện được/đv (1.000đ)	Tổng giá trị thuần có thể thực hiện được (1.000đ)
(1)	(2)	(3)	(4) = (3) x 95%	(5) = (2) x (4)
1 đến 14/10	70	524	497,8	34.846
15 đến 28/10	50	522	495,9	24.795
29 đến 11/11	30	520	494,0	14.820
Cộng	150			74.461

Như vậy, giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là 74.461.000 đ.

3. Theo VAS 02- Hàng tồn kho: giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được trình bày trên báo cáo tài chính là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Vậy giá trị của hàng tồn kho trên báo cáo tài chính trong trường hợp này phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được là 74.461.000 đồng.

10.12. Nhận xét về phương pháp xử lý của công ty đối với các trường hợp mà kiểm toán viên Hồ phát hiện và các bút toán điều chỉnh đề nghị:

- *Nghiệp vụ 1:* Kế toán không ghi sổ nghiệp vụ mua hàng là sai. Cần phải ghi sổ nhật ký mua hàng đối với số hàng mua đã nhập kho nhưng thất lạc hóa đơn với bút toán điều chỉnh như sau:

Nợ Mua hàng / Có Nợ phải trả người bán: 2.183.000 đồng

- *Nghiệp vụ 2:* Số hàng không được đếm khi kiểm kê là đúng vì quyền sở hữu đã được chuyển giao.
- *Nghiệp vụ 3a:* Công ty đã lập phiếu nhập kho số 1.063 và ghi vào nhật ký mua hàng nhưng số hàng này không được kiểm kê để tính vào số tồn kho thực tế là sai. Cần phải điều chỉnh tăng số liệu kiểm kê.

- *Nghiệp vụ 3b*: Số hàng này không được tính khi kiểm kê là đúng vì quyền sở hữu đã được chuyển giao. Tuy nhiên đơn vị không ghi vào nhật ký bán hàng là thiếu, vì vậy cần ghi nghiệp vụ này vào nhật ký bán hàng với bút toán điều chỉnh:

Nợ Phải thu Khách hàng / Có Doanh thu: 12.700.000 đồng

- *Nghiệp vụ 3c*: Do bán hàng theo phương thức Hàng giao tại kho người mua, vì vậy khi chưa giao hàng (chưa chuyển quyền sở hữu hàng hóa cho bên mua), doanh nghiệp chưa được phép ghi nhận doanh thu bán hàng.

Cần điều chỉnh giảm doanh thu trong sổ nhật ký bán hàng như sau:

Nợ Doanh thu / Có Phải thu khách hàng: 19.270.000 đồng

Ngoài ra cần cộng số hàng này vào số hàng tồn kho khi kiểm kê (tính theo giá vốn hàng bán). Giá vốn hàng bán của lô hàng là:

$(19.270.000 \text{ đồng} \times 100\%): 125\% = 15.416.000 \text{ đồng}$

- *Nghiệp vụ 3d*: Kế toán đã ghi nhận đúng nên không cần điều chỉnh.
- *Nghiệp vụ 4*: Cần lập dự phòng giảm giá cho số hàng không bán được là 1.250.000 đồng.

Các bút toán điều chỉnh khác:

- Do áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ trong việc hạch toán hàng tồn kho, công ty đã dựa vào số liệu trên biên bản kiểm kê để phản ánh giá trị hàng tồn kho cuối kỳ. Vì vậy, đối với hàng tồn kho cuối kỳ, kiểm toán viên sẽ đề nghị số tiền cần điều chỉnh ở nghiệp vụ 3a và nghiệp vụ 3c là:

$8.120.000 + 15.416.000 = 22.286.000 \text{ đồng}$

Bút toán điều chỉnh:

Nợ Hàng tồn kho / Có Giá vốn hàng bán: 22.286.000 đồng

- Hóa đơn bán hàng cuối cùng của niên độ mang số 968. Khi kiểm kê số hàng của các hóa đơn 969, 970, 971 vẫn còn trong kho. Do vậy, cần lập bút toán điều chỉnh giảm doanh thu bán hàng của các hóa đơn này. Giá trị của 3 hóa đơn là:

$$(5.841.000 + 7.922.000 + 2.010.000) = 15.733.000 \text{ đồng}$$

Bút toán điều chỉnh:

Nợ Doanh thu / Có Phải thu khách hàng: 15.733.000 đồng

10.15.

1. Tỷ suất lãi gộp giảm có thể là do:

a. Doanh số bán thấp: Có thể do các nguyên nhân:

- Giá bán thấp do áp lực cạnh tranh hoặc chính sách giảm giá.
- Cơ cấu mặt hàng thay đổi (tỷ trọng mặt hàng có lợi nhuận cao giảm, tỷ trọng mặt hàng có lợi nhuận thấp tăng hoặc thay đổi cơ cấu mặt hàng kinh doanh).
- Do số hàng bị trả lại nhiều. Công ty không thể bán số hàng này với giá bình thường mà phải bán với giá thấp hơn.
- Các sai sót, gian lận như hàng bán gửi đi không lập hóa đơn, bỏ sót nghiệp vụ bán hàng, khóa sổ không đúng hoặc cố tình ghi thiếu doanh thu.

b. Hàng tồn kho ghi nhận sai:

- Do kiểm kê thiếu dẫn đến hàng tồn kho cuối kỳ giảm so với thực tế và làm cho giá vốn hàng bán (Hàng tồn kho đầu kỳ + mua vào – hàng tồn kho cuối kỳ) tăng lên so với thực tế.
- Giá bị ghi nhận sai.
- Ghi sai niên độ (hàng tồn kho của năm này nhưng ghi vào năm sau).

c. Khai khống, ghi trùng hàng trong kỳ.

d. Phân loại sai hàng tồn kho.

e. Hàng tồn kho đã bị mất cắp.

f. Hàng bị hư hỏng hay lỗi thời ...

2. Với các sai sót có thể xảy ra nêu trên, các thủ tục kiểm toán có thể thực hiện để phát hiện là:

a. Thủ tục phân tích:

- Để xác định tỷ suất lãi gộp thực tế: kiểm toán viên chọn mẫu những hóa đơn bán hàng có giá trị cao, số lượng lớn trong năm và những hóa đơn mua hàng tương ứng, từ đó tính tỷ suất lãi gộp thực tế. Nếu tỷ suất này xấp xỉ 16,6% thì tỷ lệ lãi gộp trên báo cáo tài chính là đúng, tức có thể không xảy ra những sai sót trên.
- Nếu tỷ suất lãi gộp ước tính từ mẫu cao hơn 16,6% một cách đáng kể, kiểm toán viên phải tìm hiểu nguyên nhân đưa đến tỷ suất lãi gộp bị khai thấp.

b. Thử nghiệm về tính đầy đủ:

- Đối với doanh thu, để phát hiện hàng bán không lập hóa đơn hoặc bỏ sót doanh thu: cần chọn mẫu phiếu gửi hàng đối chiếu hóa đơn bán hàng về loại hàng, số lượng. Ngoài ra, cần xem tính liên tục của số thứ tự phiếu gửi hàng xem phiếu gửi hàng có lập cho tất cả hàng gửi đi bán hay không?

Đối với hàng tồn kho, do công ty áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ để hạch toán hàng tồn kho nên cơ sở duy nhất để xác định số dư hàng tồn kho cuối kỳ là kết quả kiểm kê hàng tồn kho. Vì vậy, kiểm toán viên phải chứng kiến kiểm kê và kiểm tra việc cân, đo, đóng, đếm của nhân viên kiểm kê.

- Để phát hiện sự khai thiếu số lượng hàng tồn kho cuối kỳ, kiểm toán viên phải thực hiện một số thử nghiệm sau:
 - Đối chiếu số lượng kiểm kê với số lượng trên bảng kê hàng tồn kho cuối kỳ để đảm bảo số lượng hàng tồn kho cuối kỳ trên sổ sách đúng với thực tế.
 - Kiểm tra việc chia cắt niên độ.

c. Thử nghiệm về đánh giá:

- Kiểm tra việc tính giá của các mặt hàng tồn kho cuối kỳ: kiểm toán viên chọn những mặt hàng có giá trị cao và có số dư lớn để kiểm tra việc tính toán giá gốc theo phương pháp mà công ty đã chọn.
- Kiểm tra việc lập dự phòng của đơn vị để đảm bảo khoản dự phòng đã lập là hợp lý.

BÀI GIẢI CHƯƠNG XI

KIỂM TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ CHI PHÍ KHẤU HAO

11.1. (d)

11.2. (d)

11.3. (b)

11.4. (b)

11.5. (d)

11.9. Kiểm toán viên thường kết hợp kiểm toán Tài sản cố định với kiểm toán Chi phí sửa chữa và bảo trì vì hai khoản này có liên hệ mật thiết với nhau. Bởi vì khi có một khoản chi tiêu phát sinh liên quan đến một tài sản cố định thì khoản này có thể được hạch toán làm tăng giá trị của tài sản cố định đó (vốn hóa), hoặc có thể được hạch toán vào chi phí sửa chữa và bảo trì trong kỳ tùy theo tính chất của chi phí và theo yêu cầu của chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành.

Do đó, sai phạm có thể xảy ra liên quan đến hai khoản mục này là: thay vì hạch toán vào tài khoản tài sản cố định, đơn vị lại hạch toán vào tài khoản Chi phí sửa chữa và bảo trì, hoặc ngược lại. Ngoài ra, khi chi phí sửa chữa và bảo trì tăng lên, có thể là do máy móc hư hỏng nhiều hoặc là do trong năm mua nhiều máy mới.

Thủ tục kiểm toán: kiểm toán viên sẽ phân tích và kiểm tra tài khoản Chi phí sửa chữa và bảo trì nhằm phát hiện các chi phí mua sắm tài sản cố định nhưng lại hạch toán vào tài khoản Chi phí sửa chữa và bảo trì để giấu bớt lãi. Tương tự, kiểm toán viên cũng kiểm tra các khoản ghi tăng tài sản cố định trong kỳ xem chúng có đủ tiêu chuẩn để ghi nhận là tài sản cố định hay không, hay phải được ghi vào chi phí sửa chữa và bảo trì.

11.10. Khi số dư đầu năm của tài sản cố định đã được kiểm toán trong năm trước, nên để xác định tính trung thực và hợp lý của số dư cuối kỳ, kiểm toán viên chỉ cần kiểm toán các nghiệp vụ mua và

bán tài sản cố định trong năm, nghĩa là giảm phạm vi cần kiểm tra.

Kiểm toán viên chú trọng kiểm tra số dư đầu kỳ khi kiểm toán năm đầu tiên hay khi có nghi ngờ là có sai phạm do kiểm soát nội bộ đối với tài sản cố định yếu kém.

- 11.12.** Công ty Thiên Tân đã ghi nhận sai nguyên giá tài sản cố định mua ngày 5/5/200X-1. Nguyên giá đúng phải là 30.000.000đ (không phải 10.500.000 đ như đã ghi), nên chi phí khấu hao đã bị tính sai.

Bút toán điều chỉnh: điều chỉnh dựa trên số dư.

1. Điều chỉnh nguyên giá tài sản cố định và nợ phải trả:

Nợ Tài sản cố định	19.500.000
Nợ Thuế GTGT được khấu trừ	1.500.000
Nợ Chi phí tài chính	1.400.000
Có Phải trả cho nhà cung cấp:	22.400.000.

2. Điều chỉnh chi phí khấu hao:

Chi phí khấu hao phải trích: $30.000.000 \times 12\% \times 10/12 = 3.000.000$ (a)

Mức khấu hao đã trích: $10.500.000 \times 12\% \times 10/12 = 1.050.000$ (b)

Mức khấu hao cần phải trích thêm $(a - b) = 1.950.000$

Nợ Chi phí bán hàng / Có Hao mòn tài sản cố định: 1.950.000.

11.13.

- a) Sai sót của năm đầu tiên khi không ghi nhận các tài sản cố định mà đưa thẳng vào chi phí sẽ ảnh hưởng đến báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31.12.200X nếu các tài sản cố định này có thời gian hữu dụng trên 3 năm. Cụ thể là:

- Tài sản cố định bị giảm xuống với số tiền bằng với giá trị còn lại của các tài sản cố định không được hạch toán.
- Lợi nhuận chưa phân phối sẽ giảm tương ứng với số tiền trên.

- Chi phí sản xuất kinh doanh năm 200X sẽ bị thiếu chi phí khấu hao của các tài sản cố định không được hạch toán.
- b) Nếu kiểm toán viên Hùng không kiểm tra số dư đầu kỳ, phạm vi kiểm toán sẽ bị giới hạn. kiểm toán viên Hùng chỉ có thể đồng ý với ông Toàn khi:
- Các tài sản cố định không được hạch toán có thời gian hữu dụng từ 3 năm trở xuống hoặc giá trị còn lại của các tài sản cố định này không trọng yếu. Lúc này, dù phạm vi kiểm toán bị giới hạn nhưng không ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính nên kiểm toán viên Hùng vẫn có thể kiểm toán như bình thường.
 - Giới hạn về phạm vi kiểm toán tuy trọng yếu nhưng chưa đủ dẫn đến ý kiến từ chối, kiểm toán viên Hùng vẫn có thể nhận lời, tuy nhiên nên lưu ý ông Toàn về khả năng dẫn đến một báo cáo chấp nhận từng phần dạng ngoại trừ.
- c) Các thủ tục kiểm toán cần thiết:
- Trường hợp này số dư đầu kỳ tài sản cố định có khả năng không đầy đủ. Do đó, kiểm toán viên Hùng cần rà soát lại các chi phí của các niên độ trước để phát hiện các chi phí cần được ghi nhận vào tài sản; xem xét tình trạng hiện tại của tài sản để lựa chọn phương pháp khấu hao phù hợp, qua đó xác định đúng giá trị còn lại.
 - Kiểm kê tài sản cố định, trong đó kiểm toán viên cần chú ý chọn những tài sản có giá trị lớn đang sử dụng trong thực tế để lần đến sổ sách kế toán để xem có được ghi nhận là tài sản cố định hay không. Nếu phát hiện những tài sản giá trị lớn đang sử dụng nhưng chưa có trong sổ đăng ký tài sản cố định, kiểm toán viên cần xác định bản chất của nghiệp vụ mua các tài sản này và có những điều chỉnh thích hợp.
 - Ngoài ra, kiểm toán viên Hùng cũng cần xem lại giá trị tài sản cố định trên sổ sách đầu kỳ xem có được ghi nhận đúng vào các niên độ trước và xác định một mức khấu hao phù hợp trong các năm trước không?

11.16.

Bút toán đề nghị điều chỉnh số 1

Chi phí quản lý doanh nghiệp	15.000.000
Tài sản cố định	15.000.000

Đưa ra khỏi tài sản cố định những chi phí không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định, bao gồm:

<i>Trang trí nội thất</i>	<i>10.400.000 đồng</i>
<i>Trang bị bàn ghế</i>	<i>4.600.000 đồng</i>

Bút toán đề nghị điều chỉnh số 2

Hao mòn tài sản cố định	450.000
Chi phí quản lý doanh nghiệp	450.000

Loại bỏ chi phí khấu hao các tài sản không đủ tiêu chuẩn tính vào tài sản cố định

$$[(15.000.000 \times 4\%): 12] \times 9 = 450.000$$

Bút toán đề nghị điều chỉnh số 3

Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.040.000
Hao mòn tài sản cố định	2.040.000

Điều chỉnh chi phí khấu hao của máy lạnh từ 4% lên 20% (phù hợp chính sách kế toán của đơn vị):

$$\text{Khấu hao theo tỷ lệ 20\%: } [(17.000.000 \times 20\%): 12] \times 9 = 2.550.000$$

$$\text{Khấu hao theo tỷ lệ 4\%: } [(17.000.000 \times 4\%): 12] \times 9 = 510.000$$

$$\text{Chênh lệch: } 2.040.000$$

Ngoài ra, do đơn vị ghi máy lạnh vào nhóm văn phòng trong tài sản cố định, kiểm toán viên cần đề nghị hai bút toán sắp xếp lại khoản mục:

(a) Tài sản cố định (dụng cụ quản lý)	17.000.000
Tài sản cố định (văn phòng)	17.000.000

Điều chỉnh nguyên giá máy lạnh vào nhóm dụng cụ quản lý thay vì ở nhóm văn phòng.

(b) Hao mòn tài sản cố định (văn phòng)	2.550.000
---	-----------

Hao mòn tài sản cố định (dụng cụ quản lý)	2.550.000
---	-----------

Điều chỉnh lại hao mòn lũy kế của máy lạnh vào nhóm dụng cụ quản lý thay vì ở nhóm văn phòng.

Bút toán đề nghị điều chỉnh số 4

Nợ dài hạn	92.600.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	3.400.000
Tài sản cố định	96.000.000

Giảm tài sản cố định vì trường hợp này không phải là thuê tài chính mà chỉ là thuê hoạt động (hợp đồng có quyền hủy ngang).

Bút toán đề nghị điều chỉnh số 5

Nợ dài hạn đến hạn trả	8.600.000
Chi phí tài chính	8.600.000

Giảm chi phí lãi do trả chậm, vì đây không phải là hợp đồng thuê tài chính.

Bút toán đề nghị điều chỉnh số 6

Hao mòn tài sản cố định	8.800.000
Chi phí bán hàng	8.800.000

Xóa bỏ chi phí khấu hao của xe tải đi thuê:

$$[(96.000.000 \times 10\%):12] \times 11 = 8.800.000$$

Bút toán đề nghị điều chỉnh số 7

Chi phí bán hàng	12.000.000
Phải trả người bán	12.000.000

Ghi nhận lại khoản phải trả người bán về tiền thuê hoạt động

Bút toán đề nghị điều chỉnh số 8

Tài sản cố định	26.700.000
Thu nhập khác	26.700.000

Ghi nhận thu nhập khác từ nghiệp vụ nhượng bán tài sản cố định.

Bút toán đề nghị điều chỉnh số 9

Hao mòn tài sản cố định	85.250.000
Chi phí khác	24.750.000
Tài sản cố định	110.000.000

Ghi giảm tài sản cố định nhượng bán có giá trị hao mòn là:

$$\text{Khấu hao tính đến 31.12.200X-1} \quad 82.500.000$$

$$\text{Khấu hao tính thêm đến 31.3.200X} \quad 2.750.000$$

$$/[(110.000.000 \times 10\%): 12] \times 3\}$$

$$\text{Cộng} \quad 85.250.000$$

Bút toán đề nghị điều chỉnh số 10

Tài sản cố định	560.000
Thuế Giá trị gia tăng được khấu trừ	560.000

Tăng nguyên giá tài sản cố định phần thuế Giá trị gia tăng 10% vì đây là tài sản cố định phúc lợi nên không được khấu trừ thuế Giá trị gia tăng.

Bút toán đề nghị điều chỉnh số 11

Quỹ phúc lợi đã hình thành tài sản	308.000
Hao mòn tài sản cố định	308.000

Bổ sung hao mòn của hệ thống âm thanh (tài sản cố định phúc lợi vẫn tính hao mòn và ghi giảm quỹ phúc lợi):

$$/[(5.600.000 + 560.000) \times 20\%]: 12\} \times 3 = 308.000 \text{ đ.}$$

Công ty Thịnh Phú
Tài sản cố định và hao mòn tài sản cố định
Biểu chỉ đạo
31.12.200X

Đơn vị tính: 1.000 đồng

	Số dư 31.12. 200X-1	Số cái 31.12.200X	Điều chỉnh		Số dư đã điều chỉnh	Xếp lại khoản mục		Số kiểm toán 31.12.200X
			Nợ	Có		Nợ	Có	
<u>Tài sản cố định</u>								
Văn phòng	325.100	461.100		(1) 15.000	446.100		(a) 17.000	429.100
Phương tiện vận tải	408.200	477.500	(8) 26.700	(4) 96.000 (9) 110.000	298.200			298.200
Dụng cụ quản lý	145.300	163.300	(10) 560		163.860	(a) 17.000		180.860
Cộng	878.600	1.101.900	27.260	221.000	908.160	17.000	17.000	908.160
<u>Hao mòn tài sản cố định</u>								
Văn phòng	142.620	158.664	(2) 450	(3) 2.040	160.254	(b) 2.550		157.704
Phương tiện vận tải	124.620	165.990	(6) 8.800 (9) 85.250		71.940			71.940
Dụng cụ quản lý	65.100	95.400		(11) 308	95.708		(b) 2.550	98.258
Cộng	332.340	420.054	94.500	2.348	327.902	2.550	2.550	327.902

BÀI GIẢI CHƯƠNG XII

KIỂM TOÁN NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU

12.1. (b)

12.2. (a)

12.3. (d)

12.4. (c)

12.5. (b)

12.7. Lợi nhuận bị ảnh hưởng bởi hai nhân tố là doanh thu và chi phí. Lợi nhuận bị khai khống có thể là do:

- Doanh thu bị khai khống thường dẫn đến khoản phải thu hay tiền cũng bị khai khống. Do đó sai phạm này thường không liên quan đến nợ phải trả. Tuy nhiên, trong một số trường hợp, doanh thu có thể bị khai khống do việc ghi nhận những khoản doanh thu chưa thực hiện của kỳ sau; đồng thời doanh thu chưa thực hiện – là một khoản phải trả – sẽ bị ghi thiếu.
- Chi phí khai thiếu: chi phí chủ yếu trong doanh nghiệp sản xuất, thương mại là giá vốn hàng bán. Giá vốn hàng bán bị khai thiếu có thể do hàng mua vào bị khai thiếu, điều này làm cho Nợ phải trả cho nhà cung cấp cũng bị khai thiếu. Ngoài ra, những chi phí khác như tiền lương nhân viên, tiền điện thoại, nước ... nếu bị giấu bớt cũng có thể làm cho nợ phải trả bị khai thiếu.

12.9. Kiểm toán viên Lân nên gửi thư xác nhận nợ phải trả đến công ty Phúc Thiện vì lượng hàng mua trong kỳ từ công ty này lớn. Nếu có sai phạm khi ghi chép hàng mua trong kỳ có thể ảnh hưởng trọng yếu đến số dư của tài khoản Nợ phải trả, Giá vốn hàng bán trong kỳ và Lãi lỗ.

- Nếu công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ và nếu hàng tồn kho cuối kỳ được kiểm kê đúng, việc ghi thiếu một khoản nợ phải trả làm giá trị hàng mua vào bị khai thiếu, do đó giá vốn hàng bán bị khai thiếu và lợi nhuận bị khai khống (hay lỗ bị giấu bớt). Tuy nhiên sai phạm này không làm sai lệch số dư hàng tồn kho trên Bảng cân đối kế toán.

- Nếu công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, việc ghi thiếu một khoản nợ phải trả ầm cho hàng mua vào bị khai thiếu và số dư hàng tồn kho cuối kỳ bị khai thiếu, nhưng giá vốn hàng bán không bị ảnh hưởng. Nếu công ty không điều chỉnh sổ sách kế toán về số liệu chính lệch giữa sổ sách và kiểm kê, do hàng tồn kho bị khai thiếu nên tổng tài sản và nợ phải trả sẽ bị khai thiếu.

12.11.

a) Việc lựa chọn nhà cung cấp để gửi thư xác nhận dựa trên số dư lớn của các khoản nợ phải trả không phải luôn là biện pháp hữu hiệu và hiệu quả nhất vì:

- Chỉ thỏa mãn mục tiêu hiện hữu của những khoản nợ phải trả được gửi thư xác nhận.
- Có thể tồn tại những khoản nợ phải trả lớn nhưng không được ghi chép, nên nếu chỉ gửi thư xác nhận dựa trên số dư lớn của nợ phải trả đã được ghi chép, kiểm toán viên không thể phát hiện ra những khoản khai thiếu.
- Việc lựa chọn nhà cung cấp có số dư lớn để gửi thư xác nhận có thể dẫn đến việc bỏ sót những khoản nợ phải trả có số dư nhỏ nhưng số phát sinh trong kỳ lại lớn. Số phát sinh trong kỳ này có thể có ảnh hưởng lớn đến các khoản mục khác trên Bảng cân đối kế toán hay Báo cáo kết quả kinh doanh. Nếu có sai phạm xảy ra sẽ ảnh hưởng đến số phát sinh nợ phải trả trong kỳ, từ đó có thể ảnh hưởng đến các khoản mục khác trên Bảng cân đối kế toán hay Báo cáo kết quả kinh doanh.

Khi chọn lựa nhà cung cấp để gửi thư xác nhận, kiểm toán viên nên:

- Chọn các nhà cung cấp chính và gửi thư xác nhận, dù số dư cuối kỳ có thể không lớn.
 - Gửi thư xác nhận đến những nhà cung cấp mới.
 - Gửi thư xác nhận cho khoản nợ phải trả bất thường, ví dụ nợ phải trả cho những mặt hàng tồn kho cuối kỳ lại hơn so với năng lực sản xuất bình thường, các mặt hàng không phù hợp với mục đích kinh doanh của công ty nhằm xác định xem đơn vị có khai báo đầy đủ các khoản phải trả, hay có thổi phồng hàng tồn kho và nợ phải trả hay không?
- b) Kiểm toán viên nên mở rộng cỡ mẫu thư xác nhận trong những trường hợp:

- Kiểm soát nội bộ đối với khoản nợ phải trả yếu kém.
- Khi nhà cung cấp không gửi bảng kê các hóa đơn hàng tháng và cũng không thực hiện việc đối chiếu công nợ vào cuối tháng.
- Tính đến thời điểm kiểm toán, công ty chưa thanh toán khoản nợ phải trả còn tồn trên báo cáo tài chính đối với những nhà cung cấp chủ yếu.
- Một số nhà cung cấp có số dư cuối kỳ nhỏ trong khi số phát sinh trong kỳ rất lớn.

12.12. Dù kiểm toán viên nội bộ đã kiểm tra nhật ký chi tiền và các chứng từ có liên quan trước và sau ngày 31/12/200X, nhưng điều đó chỉ đảm bảo việc ghi nhận đúng những khoản chi cho năm 200X+1 và không có nghĩa là mọi khoản phải trả vào ngày 31/12/200X đều đã được ghi nhận đầy đủ vào sổ sách kế toán cũng như trên báo cáo tài chính. Mặt khác, nếu muốn sử dụng công việc của kiểm toán viên nội bộ, kiểm toán viên độc lập cần phải thu thập bằng chứng về sự thích hợp của công việc này đối với mục tiêu kiểm toán của mình.

Tuy kế toán trưởng của công ty xác nhận rằng không có khoản nợ phải trả nào chưa được ghi nhận, nhưng điều này cũng không thể làm giảm khối lượng công việc của kiểm toán viên bởi vì:

- Đối với kiểm toán viên, độ tin cậy đối với thư xác nhận của kế toán trưởng doanh nghiệp là thấp, và
- Kiểm toán viên phải luôn có thái độ hoài nghi nghề nghiệp.

Do đó, kiểm toán viên Tú không nên giảm bớt các thủ tục kiểm toán liên quan đến khoản mục Nợ phải trả.

12.17. Những thử nghiệm chi tiết được thực hiện đối với khoản mục Nợ phải trả:

- Đối với tiền lương lũy kế phải trả công nhân viên, kiểm toán viên cần thực hiện các thủ tục sau:
 - Kiểm tra bảng lương (bao gồm việc kiểm tra các chứng từ liên quan như hợp đồng lao động, thẻ chấm công ...) để đảm bảo tiền lương được tính đúng và đối chiếu với số dư của tiền lương phải trả được ghi nhận trên báo cáo tài chính vào ngày 30/6/200X nhằm xác định xem nó có được phản ánh đúng trên báo cáo tài chính không. Công việc kiểm tra này có thể kết hợp thực hiện khi kiểm toán chi phí tiền lương.

- Kiểm tra việc chi trả các khoản tiền lương này cho nhân viên sau ngày kết thúc niên độ.
- Đối với khoản phải trả cho nhà cung cấp về số hàng mua đã nhận nhưng chưa nhận hóa đơn vào ngày 30/6/200X, kiểm toán viên thực hiện các thủ tục sau:
 - Xem hợp đồng mua bán (nếu có).
 - Xem đơn đặt hàng của những mặt hàng này.
 - Phiếu báo giá của nhà cung cấp.
 - Xem báo cáo nhận hàng hoặc phiếu nhập kho của số hàng này.
 - Đối chiếu số lượng hàng với biên bản kiểm kê hàng tồn kho cuối năm.
 - Kiểm tra xem công ty đã nhận được các hóa đơn cho những lô hàng này chưa bởi vì đến thời điểm kiểm toán chúng có thể đã về đến công ty.

12.18. Để xem xét những nguyên nhân dẫn đến sự thay đổi theo đề bài, đặc biệt là số dư Nợ phải trả nhà cung cấp, ta có:

Lãi gộp = Doanh thu – Giá vốn hàng bán.

Lãi thuần = Lãi gộp - (Chi phí quản lý doanh nghiệp + Chi phí bán hàng).

Nếu doanh thu không đổi, giá bán không đổi tức là số lượng hàng bán không đổi. Do giá mua vào trong kỳ không đổi và số lượng hàng bán không đổi nên giá vốn hàng bán phải không đổi. Thế nhưng công ty lại ghi nhận giá vốn hàng bán nhỏ hơn nhiều so với năm trước, nghĩa là có thể công ty đã ghi nhận sai giá vốn hàng bán.

Công ty áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ nên giá vốn hàng bán được tính như sau:

$\text{Giá vốn hàng bán} = \text{Số dư hàng tồn kho đầu kỳ} + \text{Giá trị hàng mua vào trong kỳ} - \text{Số dư hàng tồn kho cuối kỳ}$

Công thức trên cho thấy nếu số dư hàng tồn kho đầu kỳ và cuối kỳ là đúng, giá vốn hàng bán bị ảnh hưởng bởi lượng (và giá trị) hàng mua trong kỳ.

Như vậy sai phạm có thể là do công ty đã ghi thiếu nghiệp vụ mua hàng trong kỳ (Nợ Mua hàng / Có Nợ phải trả) làm cho hàng mua vào trong kỳ thiếu, nên giá vốn hàng bán và Nợ phải trả bị khai thiếu, đồng thời làm cho lãi lỗ bị xuyên tạc

BÀI GIẢI CHƯƠNG XIII

KIỂM TOÁN THU NHẬP VÀ CHI PHÍ

13.1. (d)

13.2. (d)

13.3. (b)

13.4. (d)

13.5. (a)

13.6. Do phần lớn khoản mục trên Báo cáo kết quả kinh doanh có liên quan chặt chẽ với các khoản mục trên Bảng cân đối kế toán nên kiểm toán viên thường kết hợp kiểm tra đồng thời các khoản mục có liên quan. Ví dụ kiểm toán viên sử dụng mối liên hệ giữa số dư của hàng tồn kho với giá vốn hàng bán như sau:

Giả sử kiểm tra tại một doanh nghiệp thương mại hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ, ta có:

$$\text{Giá vốn hàng bán} = \text{Số dư hàng tồn kho đầu kỳ} + \text{Giá trị hàng mua trong kỳ} - \text{Số dư hàng tồn kho cuối kỳ}$$

Để kiểm tra số dư cuối kỳ của hàng tồn kho, ngoài thủ tục chứng kiến kiểm kê, kiểm toán viên cần kết hợp kiểm tra hàng mua trong kỳ. Lúc này, nếu số dư hàng tồn kho đầu kỳ đã được kiểm toán ở năm trước tức giá vốn hàng bán cũng đã được kiểm tra.

13.7. Mục đích của dự toán chi phí là để kiểm soát chi phí nhằm tránh lãng phí và đạt được lợi ích cao nhất với chi phí thấp nhất. Dự toán thông thường được các nhà quản trị hoạch định cho từng bộ phận vào đầu năm để ước tính chi phí phát sinh trong năm kế hoạch. Hàng tháng, từng bộ phận tiến hành đối chiếu giữa chi phí thực tế với chi phí dự toán, nhằm xác định các chênh lệch (nếu có), lập báo cáo gửi cho nhà quản trị cấp cao và giải thích các chênh lệch.

Tính hiệu quả của thủ tục này phụ thuộc vào việc sử dụng các báo cáo và xử lý những chênh lệch giữa chi phí thực tế và dự toán. Vì

thế, dự toán cần được phổ biến rộng rãi cho các nhân viên trong doanh nghiệp nhằm tạo điều kiện cho các nhân viên thực thi.

Tóm lại, do bị bảo mật nên việc lập và sử dụng dự toán ở công ty Thanh Danh không đúng nguyên tắc nêu trên. Bởi lẽ cấp dưới do không biết nên sẽ không thể thực hiện đối chiếu hàng tháng, không thể lập báo cáo về các khoản chênh lệch ... cho nên dự toán sẽ không thể phát huy tác dụng kiểm soát chi phí vì các bộ phận và nhân viên trực tiếp thực hiện công việc sẽ không biết khung giới hạn của chi phí, các hình thức xử lý nếu vi phạm (Ví dụ nếu sử dụng nguyên vật liệu vượt định mức, công nhân có thể bị phạt).

13.8. Để kiểm tra tính trung thực và hợp lý của chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp, kiểm toán viên cần thực hiện các bước: thực hiện thủ tục phân tích, kiểm tra các chi phí đặc biệt và các khoản giảm phí.

1. Thực hiện thủ tục phân tích, bao gồm ba bước:

- a) Ước tính tổng chi phí của năm hiện hành dựa trên những hiểu biết về tình hình kinh doanh của khách hàng, dựa vào định mức, số liệu năm trước hay số liệu bình quân ngành, các dữ liệu tài chính hay phi tài chính khác.
- b) So sánh số liệu của đơn vị với số liệu ước tính.
- c) Tiến hành điều tra những khác biệt giữa số liệu ước tính với số liệu của đơn vị.

Nếu khác biệt không trọng yếu, kiểm toán viên có thể không điều tra thêm và chấp nhận số liệu của đơn vị. Ngược lại, kiểm toán viên phải tìm hiểu nguyên nhân của sự khác biệt, nguyên nhân có thể là:

- Do kiểm toán viên chưa xem xét hết các khía cạnh khi ước tính chi phí.
- Do đơn vị sai sót hay gian lận.

Để hiểu nguyên nhân, trước tiên kiểm toán viên tiến hành phỏng vấn nhà quản lý về sự khác biệt này. Sau đó, kiểm toán viên cần kiểm tra chi tiết những giải trình của nhà quản lý về sự khác biệt. Kiểm toán viên có thể kiểm tra chứng từ gốc, hợp đồng hay những sổ sách có liên quan ...

2. **Kiểm tra một số chi phí đặc biệt**, như chi phí có số tiền lớn, các chi phí dễ xảy ra sai phạm như những khoản hoa hồng, quảng cáo, tiếp khách ..., những chi phí có nội dung không rõ ràng, các chi phí có liên hệ với các bên liên quan, chi phí ở những tháng có lãi lỗ tăng giảm bất thường. Kiểm toán viên cần kiểm tra chứng từ gốc để xem các chi phí này có thực sự xảy ra không?
3. **Kiểm tra các khoản giảm phí** xem chúng có thật sự xảy ra và có được ghi nhận đúng theo chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành không?

13.9.

1. Mục đích của thủ tục kiểm soát trên là nhằm tránh việc biến thủ tiền bằng cách phê chuẩn và ghi chép số tiền chi trả lương lớn hơn thực tế. Ví dụ như khai khống nhân viên và phê chuẩn chi lương cho chính các nhân viên này.
2. Thủ nghiệm kiểm soát:
 - Phỏng vấn nhà quản lý về sự phân nhiệm này nhằm mục đích xem có sự phân nhiệm thực sự hay không?
 - Phỏng vấn người phê chuẩn và người ghi chép về chức năng của họ.
 - Kiểm tra chữ ký của người phê chuẩn.
 - Chọn mẫu một số tháng trong năm, đối chiếu số chi phí tiền lương của nhân viên với bảng lương đã được phê chuẩn xem chi phí tiền lương có được ghi chép đúng đắn dựa trên số liệu đã được phê chuẩn không?
3. Thủ nghiệm cơ bản: Chọn mẫu một số nhân viên ở những bộ phận có thu nhập cao (chiếm tỷ trọng lớn trong tổng tiền lương), những nhân viên đã nghỉ việc trong năm và chọn ngẫu nhiên một số nhân viên ở các bộ phận khác nhau trong đơn vị và thực hiện các thủ tục sau:
 - Kiểm tra việc tính toán bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, kinh phí công đoàn, thuế thu nhập cá nhân và các khoản khác trên bảng lương: xem đơn vị có tính toán chính xác không và có tuân thủ đúng các quy định về tiền lương và thuế thu nhập cá nhân hay không?
 - Đối chiếu tên, mức lương cơ bản, phúc lợi, phụ cấp ... trên bảng lương với hợp đồng lao động, xem chữ ký của người

lao động, người sử dụng lao động và các điều khoản trong hợp đồng để xác định xem đơn vị có tuân thủ đúng các quy định này không?

- Đối chiếu số giờ công, ngày công trên bảng lương với bảng chấm công của bộ phận sử dụng lao động.
- So sánh tổng tiền lương trên bảng lương với số liệu trên phiếu chi hoặc séc trả lương.
- Kiểm tra chữ ký của các nhân viên này trên bảng lương.
- Kiểm tra việc phân bổ tiền lương vào chi phí kinh doanh trong kỳ.
- Kiểm tra khoản lương phải trả cho nhân viên vào cuối năm (hay những khoản lương mà nhân viên chưa nhận).

13.12. Doanh thu chỉ được ghi nhận khi giao hàng nhưng những thông tin của đề bài cho thấy:

- Phiếu xuất kho số 749: giao hàng ngày 01/01/200X+1 nhưng đã ghi nhận doanh thu cho năm 200X. Nên phải điều chỉnh giảm doanh thu và nợ phải thu vào ngày 31/12/200X.
- Phiếu xuất kho số 753: giao hàng ngày 29/12/200X nhưng ghi nhận doanh thu vào năm 200X+1. Do đó cần điều chỉnh tăng doanh thu và nợ phải thu vào ngày 31/12/200X.

Bút toán điều chỉnh đề nghị đối với doanh thu và nợ phải thu

Đơn vị tính: 1.000 đ

Định khoản	Bảng cân đối kế toán		Báo cáo kết quả kinh doanh	
	Nợ	Có	Nợ	Có
1a- Nợ Doanh thu			300.000	
Có Khoản phải thu		300.000		
Đồng thời ghi				
1b. Nợ Hàng tồn kho	225.000			
Có Giá vốn hàng bán			225.000	
<i>Điều chỉnh do khóa sổ sai</i>				
2a- Nợ Khoản phải thu	400.000			
Có Doanh thu				400.000
<i>Điều chỉnh do khóa sổ sai</i>				
2b. Nợ Giá vốn hàng bán	300.000			
Có Hàng tồn kho			300.000	
<i>Điều chỉnh do khóa sổ sai</i>				

BÀI GIẢI CHƯƠNG XIV

CÁC DỊCH VỤ CỦA DOANH NGHIỆP KIỂM TOÁN

14.1. (c)

14.2. (d)

14.3. (d)

14.4. (d)

14.5. (a)

14.6. (d)

14.7. (b)

14.8. (b)

14.9. Hợp đồng kiểm toán cho những mục đích đặc biệt là những hợp đồng nhằm đáp ứng nhu cầu đặc biệt của khách hàng, hoặc để công nhận những tính chất đặc biệt của dữ liệu được kiểm tra.

Các dạng hợp đồng kiểm toán cho mục đích đặc biệt:

- Kiểm toán báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán khác.
- Kiểm toán một số khoản mục của báo cáo tài chính.
- Kiểm toán tính tuân thủ các điều khoản của hợp đồng.
- Kiểm toán cho báo cáo tài chính tóm tắt.

14.10. Hợp đồng tổng hợp thông tin tài chính là hợp đồng cung cấp dịch vụ kế toán, bao gồm việc lập một phần hoặc toàn bộ báo cáo tài chính, báo cáo tài chính tổng hợp, báo cáo tài chính hợp nhất hoặc việc thu thập, phân loại và tổng hợp các thông tin tài chính

khác. Khi thực hiện công việc này, doanh nghiệp kiểm toán căn cứ theo tài liệu kế toán và những giải trình của khách hàng, sử dụng các năng lực kế toán chứ không phải năng lực kiểm toán nên họ không cung cấp bất kỳ sự đảm bảo nào về các thông tin tài chính được tổng hợp.

Trong khi đó hợp đồng soát xét báo cáo tài chính là loại dịch vụ xác nhận được thực hiện dựa trên các báo cáo tài chính của những đơn vị không có yêu cầu kiểm toán, với độ tin cậy chỉ cần đảm bảo ở mức độ vừa phải nhưng vẫn đủ để đáp ứng nhu cầu của những người sử dụng báo cáo tài chính. Lúc này, kiểm toán viên chỉ đưa ra sự đảm bảo dưới dạng không khẳng định, tức mức độ đảm bảo thấp hơn so với ý kiến khẳng định được đưa ra trong kiểm toán báo cáo tài chính.

14.11. Khi kiểm toán viên phát hiện đơn vị không chấp hành đúng chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, dẫn đến báo cáo tài chính không trung thực và hợp lý, tùy theo mức độ ảnh hưởng, báo cáo kiểm toán cần mô tả sự kiện này và định lượng ảnh hưởng (nếu có thể) và tùy theo mức độ trọng yếu, kiểm toán viên có thể đưa ra ý kiến ngoại trừ hay không chấp nhận.

14.12.

- a) Nếu nhà quản lý cho rằng giá phí hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính quá cao và nếu các đối tượng sử dụng thông tin không cần sự đảm bảo ở mức độ cao, nhà quản lý có thể chọn dịch vụ soát xét báo cáo tài chính. Tuy nhiên, dịch vụ soát xét chỉ cung cấp mức độ đảm bảo vừa phải.
- b) Nhà quản lý thường cân nhắc giữa nhu cầu của đối tượng sử dụng thông tin với giá phí của từng loại dịch vụ do công ty kiểm toán cung cấp để lựa chọn dịch vụ cần thực hiện.
 - Nếu người sử dụng báo cáo tài chính yêu cầu mức độ đảm bảo cao: Công ty nên ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính.
 - Nếu người sử dụng chỉ yêu cầu mức độ đảm bảo vừa phải: Công ty có thể ký hợp đồng soát xét báo cáo tài chính.

- Nếu người sử dụng chỉ yêu cầu được cung cấp một số thông tin: Công ty có thể chọn hợp đồng kiểm tra theo thủ tục thỏa thuận. Tuy nhiên, lúc này cần lưu ý là báo cáo kết quả kiểm tra chỉ được cung cấp cho những người đã cùng tham gia thỏa thuận và hiểu về các thủ tục được thực hiện.

14.13. Câu trên phát biểu sai vì dịch vụ kế toán bao gồm nhiều loại dịch vụ cụ thể khác nhau như giữ sổ kế toán, soạn thảo báo cáo tài chính, tổ chức hệ thống kế toán... Đối với dịch vụ tổng hợp thông tin tài chính, kiểm toán viên căn cứ vào tài liệu kế toán và giải trình của người quản lý để tổng hợp thông tin tài chính và không đưa ra bất kỳ sự đảm bảo nào về các thông tin tài chính được tổng hợp.

Trong khi đó báo cáo kiểm toán cho những mục đích đặc biệt được cung cấp căn cứ theo các nhu cầu đặc thù của khách hàng, ví dụ kiểm toán báo cáo tài chính được lập theo những cơ sở kế toán khác... Theo VSA 800, chỉ có bốn trường hợp được xếp vào loại hình này bao gồm:

- a) Báo cáo tài chính được lập theo một cơ sở kế toán khác với các chuẩn mực kế toán Việt Nam hoặc các chuẩn mực kế toán khác được Việt Nam chấp nhận;
- b) Các tài khoản hay chi tiết tài khoản, hoặc một số khoản mục trong báo cáo tài chính (được gọi dưới đây là bộ phận của báo cáo tài chính);
- c) Tính tuân thủ các điều khoản hợp đồng; và
- d) Báo cáo tài chính tóm tắt.

Những cuộc kiểm toán này đều phải tuân theo những quy định của VSA 800 nhằm cung cấp một sự bảo đảm hợp lý.

14.15.

- Báo cáo của kiểm toán viên phụ thiếu các nội dung:
 - Nêu về trách nhiệm của nhà quản lý đối với báo cáo tài chính.

- Nêu trách nhiệm của kiểm toán viên là đưa ra báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính.
- Nêu công việc lập kế hoạch và thực hiện soát xét dựa trên chuẩn mực kiểm toán trong nội dung soát xét.
- Nêu kiểm toán viên có soát xét báo cáo lưu chuyển tiền tệ.
- Nêu kiểm toán viên áp dụng thủ tục phân tích.
- Trong phần cho ý kiến, thiếu cụm từ “trung thực và hợp lý”.
- Không cần đưa vào báo cáo nội dung “Việc soát xét của chúng tôi bao gồm việc chỉ kiểm tra các sổ sách kế toán nếu thấy cần thiết”.
- Không cần so sánh với dịch vụ tổng hợp thông tin tài chính.
- Đoạn cuối: “Trên cơ sở công việc soát xét ... được áp dụng nhất quán” nên viết như sau: “Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam (hoặc chuẩn mực kế toán khác được Việt Nam chấp nhận) và các quy định pháp lý có liên quan”.

14.16.

Thiếu sót hoặc không đúng	Những nội dung cần điều chỉnh
- Không cần nêu công việc tổng hợp thông tin tài chính là dịch vụ kế toán.	- Bỏ đoạn “Công việc tổng hợp thông tin tài chính là một dịch vụ của kế toán”
- Không cần nêu thủ tục phân tích áp dụng để tổng hợp thông tin tài chính.	- Bỏ đoạn “nhưng chúng tôi cũng đã áp dụng một chút thủ tục phân tích đối với các dữ liệu tài chính.”

Thiếu sót hoặc không đúng	Những nội dung cần điều chỉnh
- Không cần tạo sự chú ý của người đọc về sự thay đổi nguyên tắc kế toán trong phần chú thích hay thuyết minh báo cáo tài chính.	- Bỏ đoạn “Như đã giải thích trong phần chú thích 3, công ty có thay đổi nguyên tắc kế toán để hạch toán hàng tồn kho”.
- Không cần nêu nhận xét.	- Bỏ đoạn “nhưng điều đó không làm chúng tôi phải chú ý là chúng có sai sót”.
- Thiếu cơ sở mà kiểm toán viên dựa vào đó để tổng hợp thông tin tài chính.	- Thêm vào: “Căn cứ vào các thông tin do nhà quản lý cung cấp”
- Thiếu các báo cáo tài chính cụ thể mà kiểm toán viên đã soạn thảo cũng như ngày tháng năm lập và tên công ty.	- Thêm vào: “chúng tôi đã lập Bảng cân đối kế toán của công ty Tây Ninh vào ngày 31/12/0X, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và bản Thuyết minh báo cáo tài chính của niên độ kết thúc vào ngày trên (báo cáo tài chính kèm theo từ trang ... đến trang ...)”.
- Thiếu đoạn nêu cơ sở để thực hiện hợp đồng dịch vụ soạn thảo.	- Thêm vào: “Việc lập báo cáo tài chính này được thực hiện theo chuẩn mực kế toán và Chuẩn mực kiểm toán số 930 “Dịch vụ tổng hợp thông tin tài chính”.
- Thiếu đoạn nói về trách nhiệm của nhà quản lý.	- Thêm đoạn: “Ban Giám đốc Công ty Tây Ninh là người chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày các báo cáo tài chính này”.

Thiếu sót hoặc không đúng	Những nội dung cần điều chỉnh
- Thiếu đoạn nói về trách nhiệm của kiểm toán viên và mức độ đảm bảo.	- Thêm đoạn: “ Trách nhiệm của chúng tôi là giúp Ban Giám đốc thực hiện trách nhiệm của mình. Báo cáo tài chính này là báo cáo chưa được kiểm toán, cũng chưa được soát xét. Do đó, chúng tôi không đưa ra bất kỳ ý kiến đảm bảo nào về các báo cáo này”.

BÀI GIẢI CHƯƠNG XV

KIỂM TOÁN NỘI BỘ VÀ KIỂM TOÁN CỦA NHÀ NƯỚC

15.1. (d)

15.2. (c)

15.3. (c)

15.4. (d)

15.5. (b)

15.6. Quy chế kiểm toán nội bộ của Việt Nam quy định một trong ba chức năng của kiểm toán viên nội bộ đó là chức năng xác nhận. Chức năng này được hiểu là sự xác nhận chất lượng, độ tin cậy của thông tin kinh tế, tài chính của báo cáo tài chính, báo cáo kế toán quản trị trước khi trình ký duyệt.

Sự xác nhận này nhằm phục vụ cho nhà quản lý của đơn vị (tức người tổ chức và chỉ đạo kiểm toán nội bộ) chứ không phải cho tất cả các đối tượng sử dụng báo cáo của đơn vị. Người quản lý của đơn vị là người chịu trách nhiệm trước những người sử dụng về các thông tin trên báo cáo tài chính, còn kiểm toán viên nội bộ chỉ chịu trách nhiệm trước nhà quản lý.

Điểm khác giữa chức năng xác nhận của kiểm toán viên nội bộ và kiểm toán viên độc lập là ở phạm vi trách nhiệm này, vì khi thực hiện chức năng xác nhận, kiểm toán viên độc lập sẽ cung cấp sự đảm bảo hợp lý đối với báo cáo tài chính được kiểm toán.

15.8. Một số nhiệm vụ của kiểm toán viên nội bộ khi tiến hành kiểm toán hoạt động, kiểm toán tuân thủ, kiểm toán báo cáo tài chính và báo cáo kế toán quản trị là:

a. Kiểm toán hoạt động.

- Kiểm tra tính hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh trong đơn vị.

- Kiểm tra và đánh giá sự hữu hiệu của các bộ phận chức năng và của cả đơn vị trong việc hoàn thành các mục tiêu kinh doanh.
- Đề xuất các biện pháp cải tiến để nâng cao sự hữu hiệu và tính hiệu quả trong hoạt động của đơn vị.

b. Kiểm toán tuân thủ.

- Kiểm tra sự tuân thủ luật pháp, chính sách chế độ quản lý của Nhà nước.
- Kiểm tra việc chấp hành các quyết định, quy chế của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc.
- Kiểm tra việc chấp hành các nguyên tắc, chính sách và chuẩn mực kế toán từ khâu lập chứng từ, xử lý nghiệp vụ, ghi chép đến việc trình bày báo cáo và lưu trữ dữ liệu kế toán.
- Kiểm tra việc tuân thủ các quy trình nghiệp vụ của từng bộ phận và của hệ thống kiểm soát nội bộ trong đơn vị.

c. Kiểm toán báo cáo tài chính và báo cáo kế toán quản trị

- Kiểm tra và xác nhận tính đầy đủ và tin cậy của báo cáo tài chính, báo cáo kế toán quản trị trước khi trình Ban giám đốc ký duyệt.
- Kiểm tra và đánh giá các báo cáo tài chính, báo cáo kế toán quản trị, đưa ra các kiến nghị cần thiết để đảm bảo tính hợp lý và hiệu quả cho hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị.

15.9. Vai trò và nhiệm vụ của các đối tượng (bao gồm: Ban giám đốc, Ban kiểm soát, kiểm toán viên nội bộ, kiểm toán viên độc lập, các nhân viên khác trong đơn vị và các đối tượng bên ngoài) đối với hệ thống kiểm soát nội bộ trong đơn vị như sau:

a. Ban giám đốc:

- Chịu trách nhiệm thiết lập và duy trì một hệ thống kiểm soát nội bộ hữu hiệu cho đơn vị.
- Tạo ra sắc thái chung của đơn vị, chi phối đến ý thức kiểm soát của mọi người trong đơn vị.

- Là một bộ phận quan trọng của hệ thống quản lý và chịu trách nhiệm chung về việc thiết lập và duy trì hoạt động kiểm soát trong đơn vị. Ví dụ Giám đốc phụ trách tài chính kế toán đóng vai trò trọng tâm trong việc thiết kế, thực hiện và giám sát việc lập báo cáo tài chính của đơn vị, xây dựng kế hoạch ngân sách, ngăn ngừa và phát hiện các gian lận, sai sót trong việc lập các báo cáo.
- b. Ban kiểm soát:
- Phát hiện sự lạm quyền của các thành viên Ban giám đốc nhằm vô hiệu hóa hoạt động kiểm soát trong đơn vị; phát hiện các gian lận trong báo cáo tài chính và đưa ra các biện pháp thích hợp để khắc phục, xử lý.
- c. Kiểm toán viên nội bộ:
- Tiến hành kiểm toán theo kế hoạch đã được Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc phê duyệt.
 - Định kỳ đánh giá sự đầy đủ và tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị.
 - Đưa ra đề nghị để cải tiến và nâng cao hiệu quả của việc kiểm soát.
- d. Các nhân viên khác trong đơn vị:
- Mỗi nhân viên trong đơn vị phải nhận thức rõ trách nhiệm của mình trong hệ thống kiểm soát nội bộ. Họ phải báo cáo cho cấp quản lý cao hơn về những hành vi không tuân thủ quy định trong đơn vị hoặc những hành vi vi phạm pháp luật mà họ biết được.
- e. Kiểm toán viên độc lập:
- Trong quá trình kiểm toán báo cáo tài chính của đơn vị, thông qua các thủ tục kiểm toán, kiểm toán viên độc lập có thể phát hiện ra những điểm yếu kém quan trọng trong hệ thống kiểm soát nội bộ và thông báo những phát hiện này dưới hình thức thư quản lý cho cấp quản lý phù hợp trong đơn vị.
- Tuy nhiên, việc kiểm toán viên độc lập tìm hiểu hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị là nhằm phục vụ cho mục đích kiểm toán báo cáo tài chính, do đó kiểm toán viên độc lập không có trách

nhệm phải đưa ra ý kiến về sự hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ trong đơn vị, cũng như không thể dựa vào sự tìm hiểu của kiểm toán viên độc lập để phát hiện ra tất cả hay đa số những điểm yếu kém của hệ thống kiểm soát nội bộ.

f. Các đối tượng bên ngoài có liên quan:

Các đối tượng bên ngoài đơn vị như ngân hàng, chủ nợ hay công ty bảo hiểm có thể đặt ra những yêu cầu cần thiết cho việc thiết lập các thủ tục kiểm soát trong nội bộ đơn vị. Tuy nhiên vai trò của các đối tượng bên ngoài này chỉ là giám sát và không mang tính quyết định trong cho việc thiết lập và duy trì một hệ thống kiểm soát nội bộ trong đơn vị (trách nhiệm chính vẫn thuộc về những người trong đơn vị).

15.10. Những điểm giống và khác nhau giữa cơ quan Kiểm toán Nhà nước và kiểm toán nội bộ:

a. Những điểm giống nhau:

- Ngoài kiểm toán báo cáo tài chính, cơ quan kiểm toán nhà nước và kiểm toán nội bộ còn thực hiện kiểm toán tuân thủ và kiểm toán hoạt động.
- Ra đời nhằm thỏa mãn yêu cầu của chủ thể quản lý như nhà quản lý doanh nghiệp hay Nhà nước.
- Thông qua công tác kiểm toán, nghiên cứu đề xuất các kiến nghị nhằm ngăn ngừa hành vi vi phạm pháp luật, gian lận hay sử dụng kém hiệu quả các nguồn lực, lãng phí vốn và tài sản của Nhà nước (đối với cơ quan Kiểm toán nhà nước) hoặc của đơn vị (đối với kiểm toán nội bộ).
- Tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm toán hàng năm và thực hiện nhiệm vụ kiểm toán theo yêu cầu của Quốc Hội, Ủy ban thường vụ quốc hội, chính phủ, Thủ tướng chính phủ (đối với cơ quan Kiểm toán nhà nước) hoặc theo yêu cầu của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc phê duyệt (đối với kiểm toán nội bộ).
- Quy trình kiểm toán luôn gồm bốn bước: Lập kế hoạch kiểm toán, Thực hiện kiểm toán, Báo cáo kiểm toán và Theo dõi sau kiểm toán. Trong đó bước Theo dõi sau kiểm toán có vai trò quan trọng.

- Có mối tương đồng lớn giữa hệ thống chuẩn mực kiểm toán Nhà nước của Việt Nam và chuẩn mực thực hành nghề nghiệp của kiểm toán nội bộ về tính độc lập, khả năng chuyên môn, sự thận trọng đúng mức

b. Những điểm khác nhau:

- Điểm khác biệt lớn nhất giữa cơ quan Kiểm toán nhà nước và kiểm toán nội bộ là kiểm toán nhà nước được quy định chặt chẽ bởi luật pháp của quốc gia (Luật Ngân sách, Luật Kiểm toán Nhà nước...) còn kiểm toán nội bộ thường là không.
- Phạm vi hoạt động của kiểm toán nhà nước thường rộng hơn nhiều so với kiểm toán nội bộ.

15.11.

Công việc	Mục đích kiểm toán	Chủ thể kiểm toán
a	Kiểm toán BCTC	Kiểm toán nhà nước
b	Kiểm toán tuân thủ	Kiểm toán nội bộ
c	Kiểm toán hoạt động	Kiểm toán nội bộ
d	Kiểm toán tuân thủ	Thanh tra ngân hàng
e	Kiểm toán hoạt động Kiểm toán tuân thủ	Kiểm toán nhà nước
f	Kiểm toán hoạt động	Kiểm toán nhà nước
g	Kiểm toán tuân thủ	Kiểm toán nội bộ

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Kiểm toán, Bộ môn Kiểm toán, Khoa Kế toán-Kiểm toán, Đại học Kinh tế TP.HCM, NXB Lao Động Xã Hội, 2006.
2. Kiểm toán nội bộ – Khái niệm và Quy trình, Vũ Hữu Đức, Nguyễn Phan Quang và Diệp Quốc Huy, NXB Thống kê, 1999.
3. John Wiley & Sons, Modern Auditing in Australia, Fourth Edition, Jacaranda Wiley Ltd, 1996.
4. Principles of Auditing, Whittington & Pany, 13th ed, McGrawHill, 2001
5. Auditing and assurance services, William F.Messier, Jr, 2nd ed, McGrawHill, 2000.
6. Assurance & Auditing, Peter Schelluch, 2nd ed, Thomson, 2004.
7. Auditing and Assurance Services, Jack C. Robertson & Timothy J. Louwers, 10th Edition, 2002.
8. Modern Auditing in Australia, Gurdarshan Singh Gill & Graham W. P. Conserrat, 4th Edition, 1996.
9. Theory and Practice of Australian Auditing, F.A.Gul, H.Y.Teoh & B.H.Andrew, second edition, 1992.
10. Student's manual of auditing, Chapman & Hall, 2-6 Boudary row, 1997.
11. La vérification, une approche intégrée, Abbyab, Chalala, Martel, Rousseau, Lemon, 2003.

